

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## LỊCH-SỬ VÀ HỌC-THUYẾT CỦA VOLTAIRE (1)

(Phúc-lộc-dặc-nhi)

### II

Khi đến ở *Ferney* thì VOLTAIRE đã 66 tuổi. Bấy giờ thật là ông lão rồi, vậy mà vẫn còn hăng-hái như người thiếu-niên. Cái sức hoạt - động của ông thường tìm nghĩ những cách mới lạ để mà tiêu-dùng ra ; trí hiểu-học, trí hoạt-bát, lòng cảm-dộng, tài văn-chương lại sắc-xảo thâm-trầm hơn xưa ; tuổi già mà sự-nghiệp lại phong-phú hơn lúc tráng-niên, cũng là một sự lạ, cổ-kim ít có. Khác nào như một tay diễn-kịch có tài, đóng trò đã khéo lắm, mà những ngón tuyệt-xảo lại để đến cuối trò mới trở ra một lúc. Người đời thường đến tuần sáu bảy mươi là hồi tinh-thần hôn-quyện dần đi, mà ông thời đến độ ấy lại càng sắc-xảo mặn-mà hơn xưa.

Tinh-thần ông hoạt-bát dồi-dào cho đến nỗi làm một việc tư-tướng trước-tác cũng chưa lấy làm thỏa. Còn dùng ra nhiều việc ngoài khác nữa, tưởng giá người thường thì đến mấy đời người cũng đủ bận. Ông ở *Ferney* nghiêm-nhiên như một bậc công-hầu ở trong thái-ấp, mà lại là một bậc công-hầu có văn học, rất phong-lưu, thường đãi tiệc tiếp khách một cách lịch-sự vô-cùng, hay bày diễn-kịch, có khi tự mình đóng trò bi-kịch hoặc hí-kịch. Lại bận về công-việc ruộng đất châu nuôi ; thường phải đi thăm đồng, coi

gặt, trông nom những việc nuôi ngựa nuôi bò, nuôi gà, nuôi thỏ. Công việc đã bề-bộn như thế, lại mưu tính những việc kinh-doanh mới nữa. Đặt hẳn một cái xưởng dệt lụa ở *Ferney*, một cái xưởng chế đồng-hồ, rồi tìm đường tiêu-thụ các đồ hàng ấy sang tận Phi-châu, tận nước Nga cùng nước Thổ-nhĩ-kỳ.

Việc gì ông cũng săn-sóc đến như thế, là có ý muốn giúp cho kẻ khác nữa, chứ không phải chỉ mưu lợi cho mình ; có khi săn-sóc quá cũng hơi phiền cho người ta, nhưng bụng dạ thì thực tốt. Ngoài các việc giao-thiệp cùng việc doanh-nghiệp đó, ông vẫn chăm về triết-học, văn-học. Cái trí ông lanh-lợi, bao nhiêu những đường lối cũ, như diễn-kịch, tiểu-thuyết, thi-ca, sử-học, cách-tri, triết-học, v. v., ông sành-sỏi đã đành, ông lại còn len-lỏi vào những đường lối mới xưa nay chưa quen thuộc bao giờ, như thần-học, kinh-học, luật-học, kế-học. Cứ thực mà nói thì không có một bộ-phận nào trong cõi học-vấn tư-tướng đời bấy giờ mà ông không từng thiệp-liệp đến. Ông thường nói rằng : « Phải cho tâm-hồn mình biến-hóa ra đủ các hình-trạng... Phải mở rộng tâm-tư thần-tri cho dung-nạp được hết các thể các cách, cho cai-quát được hết các lối học-vấn

cùng lối cảm-linh ; miễn là thâu- nạp cho khéo, đừng hỗn-độn, còn thời gì mà chẳng dung được. » Thật cồ-kim không có mấy người biết mở rộng trí khôn mà thâu-nạp được nhiều các tư-tưởng như ông vậy.

Những sách-vở ông trước-tác hồi bấy giờ nhiều quá, không thể kể cho hết được, lối gì cũng có, sách thật hay lẫn với sách tầm-thường. Trước hết là lối cồ-kịch, như những bài sau này: *Tancrede* (1760), *Olympie* (1762), *Jules César* (1764), *les Scythes* (1767), *les Guèbres* (1769), v.v.; rồi đến những thơ trào-phúng, lời lẽ li-kỳ, như bài *Le Pauvre Diable* (1760), bài *Le Russe à Paris*; những thơ « gửi thư » (*épîtres*), lời lẽ bóng-bẩy, như bài *À M<sup>me</sup> Denis* (1761), *À Boileau* (1769), *À Horace* (1772); những thơ đoán-thiên, những bài ngâm-khúc, những truyện đoán-thiên bằng vận-vấn; những sách sử-ký, như « Truyện nước Nga về đời vua Đại-Bí-đắc » (*Histoire de l'Empire de Russie sous Pierre le Grand*, 1759), « Lược-sử đời vua Louis thứ 15 » (*Précis du siècle de Louis XV*, 1769); những triết-lý tiền-thuyết, lời lẽ không có giọng chua cay lắm như bộ *Candide* trước: « Người Thật-thà » (*l'Ingéru*, 1767), « Người có bốn mươi đồng tiền vàng » (*l'homme aux quarante écus*, 1768), « Bà công-chúa thành Babylone » (*la Princesse de Babylone*, 1768), « Truyện Jeannot và Colin » (1764), « Truyện Jenni » (1775); những sách phê-bình văn-học, như sách « Bình-phẩm về CORNEILLE » (*Commentaire sur Corneille*, 1764); những sách thảo-luận về tôn-giáo, như: « Bài thuyết-pháp năm chục người » (*Sermon des Cinquante*), « Truyện-ký và lời tự-tình của MESLIER (*Vie et extrait des sentiments de J. Meslier*, 1762), « Nhà Triết-học dốt » (*Le Philosophe ignorant*, 1766), « Bữa tiệc Bá-tước BOULAINVILLIERS » (*Le Dîner du Comte de Boulainvilliers*,

1767), « Truyện thành-lập đạo Cơ-đốc » (*Histoire de l'établissement du christianisme*, 1777); ngoại-giá lại còn vô-số những bài cồ-động, bài công-kịch nhỏ, tự bốn trang đến hai mươi trang, ở *Ferney* ông truyền-phát ra khắp thiên-hạ; những sách triết-lý, có mấy bộ có giá-trị lắm, như bộ « Tự-điền Triết-lý » (*Dictionnaire philosophique*, 1764), bộ A, B, C (1769), bộ « Phải quyết-định bề nào, luận về phép hành-động » (*Il faut prendre un parti ou le principe d'action*, 1772), bộ sau này ông CONDORCET phê-bình có nói rằng: « Sách này chứng-giải về lẽ có một đấng chúa-tể vạn-vật, cách hiện-chứng đích-đáng, để từ xưa đến nay chưa ai bàn được võ-vạc bằng»; những sách truyền-bá về nhân-đạo công-lý, như « Truyện ELISABETH CANNING và họ CALAS » (1762), « Luận về lòng khoan-dung » (*Traité sur la Tolérance*, 1763), « Thuật về việc võ-sĩ DE LA BARRE bị hại » (*Relation de la Mort du Chevalier de la Barre*, 1765), « Bàn về sách hình-tội » (*Commentaire sur le livre des délits et des peines*, 1766), « Lời cụ đạo » (*La Voix du Curé*), « Tiếng kẻ chết oan » (*Le Cri du sang innocent*, 1775), « Tập-ký về Ấn-độ » (*Fragments sur l'Inde*, 1773), v.v. — Đó là những sách-vở ông soạn-thuật; lại còn những thư-trát ông viết cho mọi người, họp lại cũng thành mấy mươi pho sách. Có ngày ông gửi đến ba mươi cái thư, hoặc tự tay ông viết, hoặc ông đọc cho thư-ký viết, Hiện nay còn được đến hơn một vạn cái thư của ông, mà kể mới là một phần những thư ông viết: tư-tưởng biến-báo, cảm-giác lạnh-lợi, lời văn tự nhiên, đời cho những bức-thư ấy chính là lối văn-chương tuyệt-tác của ông vậy,

Nay tưởng cũng không cần phải đem những bộ sách trên kia mà nói riêng về từng quyển. Vì rút lại trong

hai-mươi năm cuối đời ông, tuy ông trước-tác có nhiều mà cái chủ-ý cũng là một, chẳng qua là đem một cái đầu bài mà « nát » ra thành nhiều sách đó mà thôi. Ông là một tay văn-sĩ, lại là một nhà triết-học nữa, mà nhà triết-học thường vẫn lẫn nhà văn-sĩ. Ông lấy việc truyền-bá triết-học làm cái phận-sự lớn một đời, cho nên bao nhiêu sách-vở, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp, đều chuyên-chủ về một việc ấy. Diễn-kịch, tiểu-thuyết, nghị-luận, vấn-dáp, cho đến thơ văn du-hí, chẳng qua là cái áo mặc bề ngoài có khác, mà cái cốt-cách ở trong cũng một, cốt-cách ấy là đem một cái chủ-nghĩa duy-lý thực-dụng, một cái luân-lý sùng trọng thiên-nhiên, mà phản-đối với cái chế-độ chuyên-quyền độc-doán của quân-chủ cùng của giáo-hội. Triết-học của VOLTAIRE khi ở *Ferney* đã phát-siễn ra rõ-ràng mạnh-mẽ, tôn-chỉ đã phân-minh mà phương-tiện cũng đặc-lực, bấy giờ cái tinh hiếp-chiến của ông lại càng hăng-hái lắm nữa : ông công-kích hết thấy, không kiêng-nể gì ai cả. Cũng là vì bấy giờ ông không mong-mỏi gì ở ai và không còn phải sợ-hãi gì người nào nữa. *Genève* với *Paris* không có thể và cũng không dám phạm đến ông nữa. Còn *Berlin* và *Petersbourg* thời ông cũng không hứng đến làm gì. Lại cũng vì hồi bấy giờ tuy ông không thiết đến bọn vua chúa nữa, chứ sự vinh-hiền, cái danh-giá đối với công-chúng thì ông vẫn ham lắm. Nay muốn giữ cái danh-giá làm ông tôn-sư đối với đời thời phải tỏ ra mạnh-bạo hơn bọn tân-tiến mới được. Bởi thế nên ông quyết đứng chủ-trương cái « phong-trào bác-học » (*mouvement encyclopédiste*) đời bấy giờ. Ông viết bài cho sách « Bách-khoa Tự-diễn », đem tiền-tài, đem thế-lực mà phụ-trợ cho bọn làm sách ấy, kẻ nào phản-đối thì ông công-kích, như LE FRANC DE POMPIGNAN trong bài diễn-thuyết vào Hội Hàn-lâm năm 1760 có

nói xúc-phạm đến phái triết-học, như PALISSOT đã bày trò diễn-kịch mà giễu-cợt bọn ấy, như FRÉRON thường hằng ngày bài-bác và nói xấu. Khi chính-phủ rút phép lại, không cho xuất-bản sách ấy nữa, thời ông vẫn đứng công-kích một mình, một mình ông gồm cả cái phong-trào phê-bình triết-lý đời bấy giờ, thật là điều-biêu cho cái « tinh-thần mới » đời ấy, ai ai cũng công-nhận cho là một tay hướng-đạo cho người đương-thời.

Cái gốc triết-học của VOLTAIRE, là sự không tin đạo. Không có một bài văn cuốn sách nào của ông hồi bấy giờ là không báng-bổ bọn thầy tu, không chế-nhạo sự lễ-bái, không giễu-cợt những điều nghĩa-lý về thần-quyền, về tôn-giáo, hoặc dùng lời khích-bác, hoặc lấy giọng mỉa-mai mà tố-cáo những cái tội-ác của bọn chuyên-chế tinh-thần. Thật xưa nay không có nhà văn nào mạt-sát tôn-giáo bằng ông. Ông cho cái đại-khuyết-diêm của tôn-giáo là trái với lẽ phải thông-thường. Đạo nào cũng là trái lẽ phải cả. Nhưng trong các tôn-giáo, đạo Gia-lô ông cho là có thương-hại đến chính-lý nhiều hơn cả. Bởi thế nên ông công-kích dữ nhất. Cách thảo-luận của ông căn-cứ ở hai lẽ như sau này : 1<sup>o</sup> Đạo Cơ-đốc cũng là một hiện-tượng tự-nhiên trong nhân-loại, phải nên nghiên-cứ theo lẽ phải thông-thường, theo phương-pháp khoa-học, như các sự-thực khác trong lịch-sử. Các thánh-thư phải lấy con mắt bình-thường mà xét, cho biết giả-thực thế nào, cho rõ niên-đại trước sau, ngõ hầu phân-biệt được phần nào là phần chính-lý, phần nào là phần mê-tin, lẽ phải giữa đời thời theo không hại gì, còn những điều phụ-họa của bọn hiểu-sự thì nhất-thiết bỏ đi cho hết. — 2<sup>o</sup> Đạo Cơ-đốc không phải là một đạo có quyền đặc-biệt gì hơn các đạo khác ; đối với con mắt nhà triết-học thời đạo này chẳng qua cũng

là một loại trong các tôn-giáo khác, một loại có lẽ có sức sinh - hoạt hơn các loại khác, nhưng bản-dĩ cũng không khác gì các loại khác. Muốn nghiên-cứu cho rõ thì phải so-sánh với các đạo khác. Nếu xét cho kỹ thì sẽ thấy các lễ-thức và giáo-lý của đạo Cơ-dốc thực là nguyên-nguyên tự các đạo Ai-cập và Hi-lạp trước. — Kể cách phê-bình nghiên-cứu như thế thì là đích-dáng lắm, các nhà khảo về khoa tôn-giáo-học về thế-kỷ thứ 19 sau này, và chính ngay như RENAN nữa, cũng không ra ngoài phương-pháp đó ; nhưng phải thú thật rằng VOLTAIRE tuy có công đề-xướng ra phương-pháp đó thật, mà tự ông thời dùng một cách hẹp hòi thiên-lệch, không được chính-dáng công-bằng.

VOLTAIRE vừa công-kích các đạo-giáo là không hợp lẽ phải, lại vừa công-kích là trái với nhân-dạo, không biết khoan-dung. Những tội ác do lòng mê-tin đạo mà sinh ra, những sự bách-hại vì tôn-giáo, sự thăm-phán của tòa án tôn-giáo, những cái án như án *Saint Barthélemy*, án vua HENRI thứ tư, v. v., ông cực-lực phản-đối, cực-lực thóa-mạ. Những bậc hiền-triết cổ La-Hi thường bị các nhà biện-thuyết trong phái Gia-tô bài-bác chỉ-trích, ông bèn gia - công bênh-vực đề-báo-thù lại, và thường tưởng-tượng ra một cõi cực-lạc để làm chốn quê hương cho những bậc hiền-nhân quân-tử đã có công soi sáng và an-ủi cho loài người, trong cõi cực-lạc ấy thì ông đặt những bậc như PYTHAGORE, SOCRATE, ANTONIN, MARC-AURÈLE, JULIEN, đề-đổi lại với ông Gia-tô. Ông sinh-trưởng trước ông RENAN (1823-1892) biết bao nhiêu, mà tư-tưởng ông đối với tôn-giáo đã có cái vẻ khoan-dung đại-độ chẳng kém gì RENAN vậy, ông cho rằng phạm sự trí-tuệ, lòng nhân-tử, đều thuộc về đạo nào, đời nào, cũng

là đáng kính-trọng cả. Ông vốn phản-đối đạo Cơ-dốc, mà không phải là không biết phục công-đức của đạo Cơ-dốc. Ông không tin đạo, hay báng-bỏ đạo, vậy mà đối với cái nhân-cách siêu-việt của đức Gia-tô ông thực là thành-tâm kính-trọng, đã từng đem lời cảm-động mà tán-dương cái đạo từ-bi bác-ái của ngài. Không những thế mà thôi : Ông hằng-hái giữ cái chủ-nghĩa duy-lý, không chịu thừa-nhận cái gì là trái với lẽ phải thông-thường, thế mà lại công-nhận cho tôn-giáo là chánh-đáng, duy chỉ công-kích những sự mê-tin trong tôn-giáo mà thôi, muốn phân-biệt cho rõ-ràng lòng tôn-giáo với sự mê-tin, bài-bác sự mê-tin là có ý muốn biểu - dương cho lòng tôn-giáo vậy, Trong một bức thư của ông có câu nói rằng : « Ông nói rằng tôn-giáo đã sinh ra lắm sự bậy-bạ quá ; nói là sự mê-tin thì phải hơn... Sự mê-tin ví như con rắn độc nó cuốn chặt lấy tôn-giáo ; ta phải đánh cho rập đầu con rắn mà chờ động đến cái con rắn nó làm hại. » Lại chỗ khác ông bình-phẩm về một nhà văn nước Anh tên là BOLINGBROKE nói rằng : « Tiếc thay ông này muốn cứu cho cái cây (cây tôn-giáo) mà lại chặt ngay từ rễ ; nếu biết đốn bớt những cành rậm-rạp đi, quét sạch những rêu cùng mốc đi, thì cây còn thể sống được và còn có ích nhiều. » — Song tuy cũng phải lượng cho ông như thế, nhưng không thể bỏ qua cái cách ông công-kích tôn-giáo kịch-liệt quá và cũng hẹp-hòi quá, cái cách báng-bỏ tầm-thường và có khi bí-tiện, và cứ khái-luận mà nói chung thì ông thực là không hiểu gì về cái cảm-tình thần-bí là nguồn gốc lòng tôn-giáo của người ta, thành ra cuộc thảo - luận của ông về đạo Cơ-dốc đối với con mắt bình-tình của chúng ta, giảm giá-trị đi nhiều lắm.

Đổi lại với các đạo giáo thờ thần, mượn tên chúa mà phạm đủ các tội

ác, theo như chính lời ông nói, thì ông xứng ra một cái tôn-giáo thiên-nhiên, một cái đạo tôn-trong thiên - chúa mà không tranh giành với ai, không cảm-đỗ chi ai. Đạo này vừa thuộc về thuần lý, vừa thuộc về đạo đức, tuy không phải là một cái quan-niệm triết-lý mới lạ hoặc sâu xa gì, song người đời thường hay khinh-rẻ coi thường cũng là không đáng vậy. Người ta thường cho cái đạo ấy của VOLTAIRE là không có thống-hệ gì cả. Mà thật ông là một người tri-khôn rất lanh-lợi, rất uyên-chuyên, rất mềm-mại, rất hăng - hái, không bao giờ biết định giới - hạn cho tư-tưởng mình, biết chịu khó sắp-đặt tư - tưởng cho có đầu đuôi, cho thành thống hệ bao giờ. Lại ông cũng không tin các cái học - thuyết đặt thành thống hệ, cho những sự kết-cấu tư-tưởng một cách trang-nghiêm, là chuyện hư-không huyền-hoặc cả, thường nói đùa rằng : « Cái giới-hạn của thần-trí ta là ở ngay đầu lỗ mũi ta đó » ; cho nên thủy-chung ông vẫn chỉ giữ một cái chủ-nghĩa thực - nghiệm triết-trung, đối với những lẽ xa - xói huyền-bí, ông thường cho là thuộc về cái cõi vô-khả tư - nghị, đành để đó không dám xâm-phạm đến. Tuy-nhiên có nhà phê-bình đã bình-phẩm về triết - học ông cho là « tư - tưởng của ông thì sáng-sủa, mà họp lại thì rối-rít như mớ bòng-bong » (*un chaos d'idées claires*), lời phán-đoán ấy cũng là quá-đáng thật. Tuy tư-tưởng của ông hoạt-động luôn thật, không có chung-đúc lại thành định-kiến bao giờ, nhưng xét ra ông cũng có một cái học-thuyết về thuần lý và về luân lý, đủ phân-minh rõ-ràng, cũng dễ nhận thấy được ngay.

Cái thuần-lý-học của ông thì gồm cả trong một câu cho rằng vũ-trụ có một đấng chúa-tể gọi là Thiên - chúa. Xét trong trời đất thấy vạn-vật đều vận-động luôn luôn, hành-động rồi lại

phản-động luôn luôn. Sự vận-động đó xem ra có phép thường nhất-định, vậy thì phải có một đấng toàn-trí toàn-năng đứng chủ - trương muôn vật cho bao giờ cũng không sai phép-tắc nhất - định. Đấng toàn-trí toàn-năng ấy gọi là Thiên-chúa, là đấng khôn-ngoan vô-cùng, tự tay đã sắp-đặt ra cái thế giới có trật-tự chỉnh-nghiêm này. Song cái quan-niệm Thiên-chúa của ông không giống với Thiên-chúa của đạo Cơ-đốc. Về lại cái bản-thể của Thiên-chúa thế nào mà lại làm được như cái động-cơ thứ nhất để chuyển-động được cả các bộ máy trong vũ-trụ, thì ông không hề cứu-xét đến, cho là thuộc về lẽ huyền-bí, tri thiên-cận của người ta không thể xét tới được. Ông cho rằng khởi ra cái quan-niệm về Thiên-chúa thế là đủ rồi, không cần phải nghiên-cứ xa-xôi gì nữa. Mà cái quan-niệm ấy ông cũng tự lấy làm sung-mãn lắm và cũng chủ-tri một cách thiết-tha, chứ không phải là một cái tư-tưởng phảng-phất, tự ông không cho là quan-hệ gì, như người ta thường tưởng làm thế đâu. Cứ đọc kỹ cả các sách-vở của ông thì biết rằng ông giữ cái chủ-nghĩa thực-dụng là có ý cầu-thận chứ không phải có ý lãnh-đạm. Ông thường nói rằng những vấn đề về thiên-chúa, về đạo-đức, về tôn-giáo, là quan-trọng vô-cùng, không gì sánh kịp. Ông lại thường phàn-nàn rằng những điều hệ-trọng như thế mà phần nhiều người ta lấy làm hững-hờ chềnh-mãng thì thật là khờ-dại quá. Lại có thể nói rằng cái quan-niệm Thiên-chúa của ông không những là trí ông quen mà lòng ông cũng mến nữa. Có nhiều đoạn trong sách « Tự điển triết học » và trong « Truyện Jenny » nói về oai-quyền công-đức của Thiên-chúa, thật là lời-lẽ cảm-động vô-cùng. Nói ông là người giàu cái lòng tôn-giáo thì cũng không phải, nhưng cũng phải biết cho ông rằng đối với cái vô-khả tư-nghị ở đời cũng có khi ông biết cảm-

động, lòng cảm-động ấy tức là nguồn của cái tôn-giáo cảm-tinh.

Đời bấy giờ có những nhà triết-học như D'HOLBACH, lại ngay trong phái bác-học làm bộ Bách-khoa-tự-diễn cũng có nhiều người tuyệt-nhiên không tin cái lý-tưởng về Thiên-chúa, vậy mà ông quả-quyết giương cái lý-tưởng ấy lên để đối lại, cho Thiên-chúa không phải là thuần thuộc về lý-tưởng mà thôi, chính là ông hóa-công chủ - trương trong vũ-trụ, lại là một ông trời luân-lý nữa cầm cân công bằng để thưởng phạt cho người đời. Cái tư-tưởng ấy lại chính là một cái tư tưởng ông chủ-trì đã lâu, thường bị bọn DIDEROT, d'HOLBACH, vua FREDERIC thứ nhì bài bác chế-nhạo mà cũng không chịu thôi. Ông cố đề-xương cái thuyết đó, có phải là ông thành-tâm tin-tưởng thật không? Cái đó thì không dám quyết. Tự trong tri-tuệ ông có lẽ ông cũng không tin rằng có một ông trời thưởng phạt cho người ta; về phần riêng ông, tự trong tâm tư ông chắc ông không có sự tín-ngưỡng như thế. Duy ông cho cái lý-tưởng đó là một cái lý-tưởng có ích-lợi cho người đời, nên chủ-trì và nên truyền-bá ra, ông nói rằng: « Sự tin rằng trên loài người có một ông Thiên-chúa thưởng đêù lành phạt điều dữ, tha-thứ cho tội lầm-lỗi, sự tin đó là có ích-lợi cho loài người; kẻ có quyền mạnh cũng vì sợ đó nên không dám làm điều tội-lỗi; kẻ gian-hiêm cũng vì sợ đó nên không dám phạm những tội ngấm. » Coi đó thì biết cái thâm-y của ông VOLTAIRE. Riêng về phần ông thì ông tin rằng có một ông Trời làm chúa-tể vũ-trụ, mà đối với người ngoài thì ông muốn cho người ta tin rằng có một ông Trời thưởng phạt. Ông có một câu thơ rằng: « Nếu Thiên chúa không có thì phải đặt ra cho có » (*Si Dieu n'existait pas, il faudrait l'inventer*), câu ấy thiên-hạ hay truyền-tụng, nhưng

thường hiểu nghĩa lầm, nay phải giải theo cái ý như trên đó mới là đúng.

Người ta thường trách VOLTAIRE rằng quan-niệm về Thiên-chúa như thế, không khác gì như coi Thiên-chúa là một viên cảnh-sát cho loài người. Lại có người cho cái tâm-lý của ông là tâm-lý một nhà phú-hộ muốn bo-bo giữ lấy sự yên-ôn cho mình, sợ những kẻ cùng-dân hạ-hộ vì ghen-ghét mà muốn xâm-phạm đến mình, cho nên đem ông Thiên-chúa thưởng-phạt làm cái bù-nhìn cho chúng phải khiếp-sợ. Song xét ông như thế có lẽ không khỏi oan cho ông. Ông tưởng-tượng ra một ông Thiên-chúa thưởng-phạt và muốn cho người đời tin sợ, há lại chẳng phải là vì lòng thương kẻ bần-cùng khốn-khở, bị oan-uổng vì kẻ cường-quyền kẻ độc-ác dư? há chẳng phải là ông muốn cho những kẻ cường-quyền kẻ độc-ác sợ hình-phạt ở trên đầu mà giảm bớt được cái lòng ác-hại đi dư? Trong sách ông đã có mấy câu thơ rằng: « Hỡi các đấng vua chúa kia, các ngài lạm-dụng cường-quyền mà áp-chế ta, các ngài cậy mình đứng cao xa không thèm đoái nhìn đến giọt nước mắt của kẻ vô-cò kia vì ai mà chảy ra làm-lã, các ngài phải nên biết rằng trên đầu ta còn có thiên-chúa, sẽ ra tay báo thù cho ta, biết thế thì nên sớm liệu kéo mà... »

Tuy-nhiên, như trên kia đã nói, tự ông thì ông không tin rằng có ông Thiên-chúa cầm quyền thưởng-phạt, cứ xem những khi ông lấy triết-lý mà nghị-luận với các nhà triết-học, không hề dả-động đến điều đó bao giờ, thì đủ biết. Ông nói rằng: « Còn có nhiều cách khác nữa để ngăn cái bụng ác của người ta, chứ không phải chỉ có sự tin về thiên-đường địa-ngục mà thôi đâu; còn có lòng danh-dự, còn có luật pháp nhà nước, còn có thần-minh ở

trên đầu khiến cho người ta bao giờ cũng phải giữ lễ công-bằng, dù thiên-đường địa-ngục có hay không có mặt lòng ».

Cái tư-tưởng về Thiên-chúa cầm quyền thưởng-phạt, ông cho là thuộc về thực-dụng mà thôi, cho nên dấu tư-tưởng ấy có trái với cái quan-niệm của ông về linh-hồn, về tâm-tính, cũng chẳng hề gì. Tuy ông không nói quả-quyết, nhưng xem ra ý ông không khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa linh-tính. Thường thường ông phản-đối những học-thuyết cho linh-hồn là biệt-lập đối với thân-thể, tức triết-học gọi là một cái thực-thể tuyệt-đích (*entéléchie*). Theo ý ông thì linh-hồn có lẽ chẳng qua chỉ là một cái phẩm-tính của cơ-thể người ta mà thôi, cơ-thể diệt thì linh-hồn cũng diệt. Ông nói rằng : « Cớ sao người ta lại cứ miễn-cưỡng muốn có một cái linh-hồn đặc-biệt với thân-thể ? Có lẽ là chỉ bởi ở cái lòng tự-cao tự-đại mà thôi. Ví con công nó biết nói tất nó cũng phô rằng nó có một cái linh-hồn, mà linh-hồn của nó là ở bộ đuôi nó vậy ! » Như vậy thì cái quan-niệm về linh-hồn của ông là một cái quan-niệm thuần-độc - vật, thể mà nhất-diện ông lại xưng lên cái tư-tưởng rằng có sự thưởng-phạt vô-hình thuộc về cõi lai-sinh sau này, thì ra hai đường thật là trái ngược nhau quá. Song xét cho kỹ thì cái tư-tưởng chân-chính của ông là cái tư-tưởng duy-vật về linh-hồn, chứ còn cái tư-tưởng thưởng-phạt về lai-sinh thì tự ông chắc chỉ cho là một câu chuyện đối-đãi với người đời mà thôi.

Vì rằng cái tư-tưởng linh-hồn bất-diệt không phải là thiết-yếu gì cho luân-lý. Mà cái chủ-ý của VOLTAIRE là chỉ ở luân-lý mà thôi. Theo ý ông, luân-lý không phải là siêu-hình

thần-bí gì, không phải là có thần-kinh thánh-diễn gì. Luân-lý là thuần ở trong vòng nhân-sự, trong cõi thực-tế, mà căn-bản là ở sự quan-sát về tâm-tính người ta. Nhân quan-sát về tâm-tính và phong-tục người ta, thì nghiệm thấy một điều rằng người ta tuy mỗi xứ mỗi nơi có khác nhau, nhưng sự khác nhau ấy là sự ngẫu-nhiên mà thôi, chứ cái lẽ hằng thì khắp trong loài người ta đời nào xứ nào cũng là một cả, thật là một cái luật thiên-nhiên cồ-kim duy-nhất vậy. Luật thiên-nhiên ấy, người ta hoặc vì ngu-dốt, hoặc vì khờ-dại, không hiểu rõ hay là hiểu lầm, thường làm sai-lạc đi cả, nhưng dù sai thế nào, luật vẫn ở đấy, tức cũng như các tôn-giáo cùng sự lễ-bái của các nước tuy sai-biệt nhau vô-cùng mà cũng là do một lòng tôn-trọng Thiên-chúa cả, sự sai-biệt về tôn-giáo không có trở-ngại gì cho cái lẽ có Thiên-chúa vậy. Ông nói rằng : « Tạo-vật sinh ra loài người đã phú-dữ cho mọi người một cái mầm thiện. Thiện-căn là vốn tự trời, người ta thường làm giả - trá đi, làm sai-lạc đi, nhưng không có thể thay đổi đi được ; trong lòng mình vẫn có ông quan thẩm-phán ở đấy. » Ông lại nói rằng : « Tôi xét người ta, càng thấy khí-hậu, phong-tục, ngôn-ngữ, pháp-luật, lễ-giáo và trình-độ trí-thức khác nhau, lại càng nhận ra cái gốc luân-lý cũng là giống nhau hết cả. » Vậy thì cái luật thiên-nhiên đó làm gốc cho lòng người là gì ? Luật ấy tóm lại một câu rằng : « Cái gì tự mình không muốn, đừng có làm cho người. » Câu đó dường như thuộc về tiêu-cực, giá-dối như thể này thì có ý rộng-rãi hơn : « Cái gì mình tự muốn, nên làm ra cho người. » Nhưng cứ cách giải-thích của ông, thì tư-tưởng ấy cũng rõ-ràng lắm. Luân-lý của ông là gốc ở *nghĩa* mà ngọn ở *nhân*. Người ta trước nhất phải ăn ở cho công-bằng chính-trực :

Cái lý-tưởng công-nghĩa là một điều cốt-yếu, không có pháp-luật nào, điều-ước nào, tôn-giáo nào bắt-buộc, mà hết thấy người ta ai cũng phải công-nhận. Sau nữa lại phải có lòng khoan-dung, vì trời sinh ra người ta không phải để ghen-gét giết-hại lẫn nhau. Người ta ở trong vũ-tru này bất-quá như lũ sâu lũ kiến, có khác nhau cũng là cái may mà thôi, không nên nhân đó đem lòng ghét hại nhau. Đã biết công-bằng chính-trực, đã biết rộng-rãi khoan-dung, lại cốt nhất là phải có lòng nhân-ái với nhau: phải giúp-đỡ lẫn nhau cho nhẹ bớt cái gánh nặng ở đời. Trong cách đối-đãi với kẻ đồng-loại mình phải nên có bụng nhân-từ, có lòng bác-ái; cho đến đối với giống vật cũng phải biết thương xót. *Nhân* là đầu cả các đức, người ta không có bụng nhân thì không xứng-đáng làm người. *Nghĩa*, *thứ* và *nhân*, đó là ba điều cốt-yếu, gồm được cả cái đạo luân-lý của VOLTAIRE. Luân-lý ấy tuy chẳng siêu-việt gì, nhưng người đời đã mấy ai theo được cho đúng, cho nên ta cũng chớ nên coi thường.

VOLTAIRE đã chủ-trương một cái luân-lý thiết-thực như thế, thì tư-tưởng của ông về chính-trị dẫu có thiên về đường quân-chủ, cũng chẳng hề gì. Có người đã trách ông là quá-trọng cái chính-thể quân-chủ, không có cái tư-tưởng về bình-dân. Lời trách ấy kẻ cũng là quá-đáng; phàm xét tư-tưởng ông phải nên phân-biệt cho kỹ thì phán-đoán mới không sai được. Kỳ-thực ông không cho cái vấn-đề chính-thể làm quan-hệ gì cho lắm, ông chỉ thiết-tha đến sự hạnh-phúc chung của xã-hội mà thôi, mà cái tư-tưởng xã-hội của ông là gồm trong hai chữ nhân-nghĩa như trên kia đã nói. Bất-cứ cái chế-độ nào mà áp-ức người ta, bất-cứ cái thể-thống gì mà thiên-vị kẻ quyền-quí, làm hại người bình-dân, ông cũng hết sức

công-kích cả, cho nên chức tư-pháp có thể mua bán được, pháp-luật trong nước mà mỗi địa-phương một khác nhau, hình-phạt mà dùng những cách tra-tấn dã-man, thủ-tục việc án mà làm bí-mật không cho người ta biết, việc thuế-khoá mà để đặc-quyền cho bọn qui-phái, v. v., những điều đó trước sau ông vẫn bài-bác, không có đung bao giờ.

Mà không phải ông chỉ lý-thuyết mà thôi đâu, ông lại thực-hành trong 20 năm cuối đời ông, ông thật là một nhà hành-động, chứ không phải là một nhà lý-tưởng mà thôi đâu; tư-tưởng triết-lý của ông, ông quả-quyết đem ra thực-hành. Hoặc có người phàn-nàn rằng ông làm thế khí muộn, và trong cách hành-động của ông phần nhiều là bởi trí-tuệ sai khiến hơn là bởi cái sức mạnh của cảm-tình. Song dù là tình hay là trí, cái công ông truyền-bá nhân-đạo há lại không đáng phục dư? Tuổi đã cao, giàu-có, vinh-hiến, không còn thiếu cái gì, không còn phải lụy ai, đáng đã đến lúc nghỉ-ngơi dưỡng-lão, thế mà trông thấy sự bất-bình, thấy kẻ yếu-hèn bị oan-uổng khổ-nạn, còn động lòng thương mà ra tay tế-độ. Biết đem cái thế-lực của mình đối với dư-luận, đem sự giao-thiệp rộng, đem của-cải ra mà vận-động giúp đỡ cho những kẻ khổ-cùng, đi đến đâu cũng khiến cho chung quanh mình có cái vẻ sầm-uất thịnh-vượng. Thôn *Ferney* trước khi ông đến ở chẳng qua là một cái xóm nhỏ tồi-tàn, lèo-tèo không được 50 người ở. Từ khi ông đến đây thì dựng ra nhà cửa cao ráo, lập ra một sở chế-tạo, những xưởng thợ, những vườn trại để làm mẫu cho người dân, dụ-tập những thợ-thuyền đến ở đông; cái xóm nhỏ thành ra một làng lớn, đông-đúc phong-quang. Khi ông chết thì trong làng được 1.200 người dân. — Bọn nông-dân ở gần đây thuộc về nhà dòng *Saint-*

*Claude*, các thầy nhà dòng lấy thuế hoa-lợi của dân nặng quá, người dân ta than lắm. Ông giúp cho dân kiện thầy cả trong nhà dòng, và yêu-cầu xin bãi cái tục nông-nô; việc rồi sau không xong, nhưng thừa được ông TURGOT vào làm Thượng-thư trong bộ, ông xin được cho dân miền *Gex* khỏi phải cái lệ nặng-nề làm điền-tốt cho mấy người chủ ruộng lớn. Năm 1776 ông TURGOT tâu với vua ban chỉ-dụ bãi các sưu-dịch, cho việc buôn bán thóc lúa được tự-do, thì ông VOLTAIRE lấy làm hoan-nghênh lắm, đem hết thế-lực riêng mà giúp cho quan Thượng-thư đề chống lại với đảng phản-đối. — Ông được tin có một người cháu gái họ của CORNEILLE hiện ở *Paris* nghèo-ngặt khổ-sở lắm. Ông liền cho đi tìm đem về *Ferney* nuôi làm con nuôi, mướn thầy cho dạy học, lấy tiền bán sách « *Bình-giải về CORNEILLE* » để cho làm vốn, sau gả cho một viên quan kỵ-binh, rồi cho hai vợ chồng cứ ở cùng nhà đấy.

Song đó là những cách làm ơn những việc nho-nhỏ mà thôi; thực ông còn làm được nhiều việc to-tát hơn nữa. Năm 1762 có một người buôn-bán to ở thành *Toulouse* tên là CALAS, vốn theo về dòng đạo mới, nhưng có con trai lại mới qui về cựu-giáo, người con trai này không biết vì cớ gì thất cớ chết, thiên-hạ đồn rằng ông lão ấy giết con vì ghét con đã đổi đạo. Quan tòa cũng có bụng thiên với giáo-hội, thấy công-chúng nổi lên tố-cáo như thế cho đòi bắt ông ta, rồi làm án xử-tử. Án thi-hành rồi, vợ con còn sợ-hãi chạy trốn mất cả. VOLTAIRE nghe thấy việc đó, cho đi tìm vợ con CALAS nuôi ở nhà, hỏi-han dần dần thì biết rõ rằng CARAS đã bị xử oan và chết oan. Ông đem tố-cáo cái án oan ấy ra, năm 1762 xuất-bản tập sách đề là « *Sưu-tập nhưng bản chính các giấy-má về án CALAS* », năm sau lại xuất-bản một tập sách nữa đề là « *Luận về lòng khoan-dung về tôn-*

giáo », mấy tập sách đó truyền-bá ra làm cho kích-dộng cả dư-luận, khiến cho tòa án phải phúc lại cái án ấy và khởi-phục cho CALAS.

Năm 1765 lại một việc nữa cũng giống như thế. Ở *Castres* có một người con gái cuồng vì đạo tự-vẫn chết; cha tên là SIRVEN vốn theo về đạo mới, thiên-hạ cũng tố-cáo là giết con cho khỏi qui về đạo cũ. Ông lão này may hơn CALAS, chạy trốn kịp. Liền sang Thụy-sĩ, đến cầu-cứu ở VOLTAIRE. Ông liền đảm-đang việc đó, cùng với một người trang-sư tên là ELIE DE BEAUMONT, biện-bạch cho rõ là vô-tội, khiến cho tòa án cũng phải tha. — Năm 1766 có một người thiếu-niên 18 tuổi, tên là võ-sĩ DE LA BARRE, bị trảm-quyết ở *Arras*, chỉ vì tội đi trước một đám rước nhà thờ mà không chịu ngả mũ. VOLTAIRE được biết chuyện đó lấy làm tức giận cái cách độc-ác dã-man như thế, bèn đứng lên phản-đối, xuất-bản mấy tập sách (như sách « *Tiếng kẻ chết oan* », sách « *Thuật về việc võ-sĩ DE LA BARRE bị chết* »), cũng làm cho dư-luận kích-dộng, thiên-hạ một lòng công-phần đòi bãi tội trảm-quyết đi. — Năm 1766, ông xuất-bản sách « *Chú-giải sách hình-phạt* » (*Commentaire du traité des délits et des peines*), tức là mở đường cho sự sửa đổi bộ Luật Hình. Ông lại công-kích các viện thẩm-phán một cách rất kịch-liệt, khiến cho thủ-trưởng MAUPEOU năm 1771 phải ra tay cải-cách. Ông lại can-thiệp vào việc MARTIN, việc MONTBAILLI (năm 1770), việc MORANGIÈS (năm 1773). Năm 80 tuổi, ông còn gia-công khôi-phục danh-giá cho linh-hồn LALLY-TOLLENDAL bị xử oan về tội-lỗi của người trước ở Ấn-độ. Cái khoái-lạc cuối cùng của ông là được trông thấy sự khôi-phục ấy đã thành-công. Ông thường nói rằng: « *Có nhiều điều làm cho tôi thương-tâm vô-cùng. Tôi cũng hơi giống như một bác DON QUICHOTTE của kẻ khốn-khở.* »

Ấy ông thường có những cái cử-dộng nghĩa-hiệp như thế; hoặc-giả cho những sự cử-dộng ấy là chỉ bởi cái tính hiếu-sự, cái bụng hiếu-danh của ông mà thôi. Nếu quả thế thì cũng nên ước rằng thiên-hạ được lắm kẻ hiếu-sự, lắm kẻ hiếu-danh như ông. Người nào bình-phẩm một cách nghiêm-khắc như thế, thì cũng là thiên-lệch và cũng là tệ-bạc thật. Thà công-nhận ngay cho ông như thế này lại có lẽ phải hơn : là về cuối đời ông, ông hay làm những việc nghĩa-cử, chính là bởi cái bụng dạ tốt của ông, bởi chí-nguyện ông muốn giúp-dỡ cho người đời bớt nỗi oan-khổ, chứ không phải có cái ý tự-kỷ gì vậy. Mà đó tức là kết-quả của cái triết-học của ông, quả như thế kẻ cũng là tốt-tươi lắm, tưởng không nên phụ cái cây đã sinh ra quả đó. Pháp-luật nước Pháp ngày nay mà được công-bằng hơn trước, phong-tục mà được khoan-dung hơn xưa, nhân-tâm được hòa-thuận, một phần nhiều cũng là nhờ học-thuyết, tư-trưởng và hành-vi của VOLTAIRE vậy.

Nước Pháp đời bấy giờ cũng biết công cho ông lắm. Người đời sẵn lòng quên những sự khuyết-diêm của ông mà chỉ nhớ đến công-nghiệp vĩ-đại của ông mà thôi. Không những các bậc trí-thức ở nước Pháp và ở Âu-châu đời ấy tôn ông như Thái-sơn Bắc-dầu, thường rủ nhau đến *Ferney* như đến nơi chốn tổ của triết-học; đến chững kẻ bình-dân ti-tiện cũng khuynh-hướng về cái nơi thôn-lạc xa-xôi đó, là chỗ thường vắng nghe thấy tiếng của công-ly nhân-đạo dóng-dả cất lên để bênh-vực cho kẻ oan-khổ yếu-hèn vậy. VOLTAIRE bấy giờ thật là được cả nước tôn-sùng, ông muốn về ngay kinh-đô *Paris* để mà hưởng cái thú quang-vinh đó. Chỉ ông muốn về kinh đã lâu, nhân vua Louis XV mất mới đạt được cái lòng sở-nguyện đó. Bấy giờ tuổi đã

già lắm, sức đã yếu lắm, ông cũng quyết dời đất *Ferney*, ngày 10 tháng 2 năm 1778 đến *Paris*, trọ ở nhà ông DE VILLETTE, trên bờ sông *Seine*, ở đường nay gọi là *Quai Voltaire*.

Thiên-hạ hoan-ngênh ông vô-cùng. Các hội giáo-tế, hội Hàn-lâm, nhà Đại-Pháp kịch-viện, đều cồ-võ mà đón tiếp ông. Nhà chi-sĩ FRANKLIN là người đã có công khôi-phục độc-lập cho nước Mĩ, thân-hành đem cháu trai sang để xin ông « ban phép lành » (*bénédiction*) cho. Ông nói rằng : « Cháu cụ FRANKLIN thì ta chỉ ban cho một câu này : Thờ Thiên-chúa và thờ Tự-do. » Thiên-hạ dưng-dược cồ-võ cho đến nỗi kéo nhau lũ-lượt đến trước cửa sổ nhà ông, đứng đấy từng giờ lâu để đợi trông thấy mặt ông; mỗi khi ông đi xe ra ngoài, xe phải đi bước một, vì công-chúng kéo đông cả chung quanh để chúc thọ cho ông và ca-tụng sách-vở của ông. Đi đến đâu chúng cũng đi theo, gọi ông là người ân-nhân đã có công cứu cho bọn CALAS.

Ngày 30 tháng 3 năm 1778, ông đi xem diễn bài tuồng *Irene* lần thứ sáu, cả rạp hát đứng lên vỗ tay mừng ông, vui-vẻ vô-cùng. Có người thuật lại nói rằng : « Người ta đem bức tượng bán-thân của ông bày ra giữa sân khấu, lấy vòng hoa đặt lên đầu, cử-tọa đều reo-hò vui-vẻ, vỗ tay râm-ran cả lên, có kẻ mừng quá đến cảm-dộng chảy nước mắt khóc. Khi ông đi ra, người đứng đông quá phải rẽ tay mà đi : ông yếu, bước chập-chững, phải có người đi theo để đỡ tay, nhưng cũng không phải đỡ nữa, vì ai trông thấy ông đi đến cũng giẹp ra và cúi đầu một cách kính-trọng. Ông đi trên thang xuống, mỗi bậc có mỗi người đón lấy tay ông, ai được đỡ ông một bước lấy làm danh-dự lắm, mà thiên-hạ tranh nhau mà đỡ, không ai đỡ được đến hai ba bậc luôn ».

Bảy giờ đã già yếu lắm, thường cảm vui quá như thế cũng nhọc cho ông lắm. Vậy mà ông còn mưu tính nhiều việc nữa. Ông định bàn với hội Hàn-lâm một cái chương-trình Tự-diễn mới, lại tự nhận soạn hai chữ A và T. Nhưng thần-kinh vận-dộng luôn, đêm thường không ngủ được. Muốn cho ngủ được, mấy lần ông phải dùng a-phiện, nhưng dùng làm liều nhiều quá thành ra trúng độc, mà thân-thể đã yếu không thể chống lại được. Ngày 30 tháng 5 năm 1778, ông mất.

Ông chết rồi mà kẻ thù ông vẫn còn căm chưa thôi. Bọn nhà tu ở Paris không chịu làm lễ mồ cho ông. Ông có người cháu là thầy giòng MIGNOT phải nhận lấy đem xác ông về nhà giòng Scellières để chôn ở đấy. Ngày 11 tháng 7 năm 1791, chính-phủ Lập-hiến cải-táng đem di-hài ông về điện Panthéon, hôm rước về thiên-hạ hoan-hô cổ-vũ vô-cùng.

T. - C. biên dịch

## GIA - ĐÌNH GIÁO-DỤC KỶ

Đêm hạ-nguyên năm binh-dần (19-11-1926) nhà « Khai-tri tiên-đức học-xá » ở bờ Đông-hồ có thiết tiệc trà họp-lập các học-sinh trong làng đến nghe diễn-thuyết Học-xá có mời cả các phụ-huynh học-sinh đến chứng-kiến. Trước mấy hôm, thì ký-giả đã được giấy của Nguyễn - quân mời bảo cho biết đến hôm ấy về phần ký-giả diễn-thuyết để soạn bài cho kịp ngày. Hay hèn thế nào, cảm người tri-kỹ đã có bụng yêu thì sao cũng phải nhận lời, cho nên tự hôm ấy ký-giả được cái hân-hạnh vào trường vỡ lòng « học diễn-thuyết » vậy.

Học-xá vừa một gian rộng, ngó mắt ra Đông-hồ. Trước đặt một cái bàn mây tròn; trên có một bình hoa nhỏ, một bộ kỹ trà, đốt đôi đèn nện, là chỗ phụ-huynh học-sinh ngồi. Sau thì đặt bàn theo gian nhà, bắc ghế dài hai bên. Trên bàn trải thảm trắng viền hồng, đặt hai bình hoa lớn, đốt hai ngọn đèn dầu, là chỗ các học-sinh ngồi nghe. Ghế diễn-giả thì đặt ở giữa.

Trên vách bên tả treo câu cách-ngôn cổ của ông Chu Hi đời Tống :

« Ba điều đáng tiếc »

« Ở đời có ba điều đáng tiếc : một là hôm nay bỏ qua, hai là đời này chẳng học, ba là thân này lỡ hư. »

Trên vách bên hữu treo câu cách-ngôn kim của ông Phạm Quỳnh chủ-bút Nam-Phong tạp-chi.

« Quốc-ngữ, Quốc-gia »

« Tiếng là nước : tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, ... Truyện Kiều còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn ... »

Vừa chấp tối thì tề-tự đủ mặt. Khăn áo chỉnh-tề, bóng hoa rực-rỡ, đèn đuốc sáng choang, biểu được cái linh-thần Đông-phương, cái phong-vị cổ-thời. Trông vào học-xá có vẻ nghiêm-trang mà tươi-sinh.

Đầu đó an-vị, Nguyễn-quân đứng lên nói vài chuyện dẫn học-trò và giới-thiệu ký-giả trong cuộc diễn-thuyết. Kế ký-giả ngồi vào nói :

— Các anh em học-sinh,

Lời nói đầu — Hôm nay họp anh em lại đây là muốn cùng anh em nói một

vài câu chuyện. Tôi nói « nói chuyện », vì không phải là một cuộc diễn-thuyết, hay một hội giảng sách chi, bởi tôi chưa đủ tư-cách một nhà diễn-thuyết mà anh em tưởng cũng chưa đủ tư-cách người nghe diễn-thuyết. Cuộc nói chuyện hôm nay có cái linh-cách như người anh kể chuyện hàng ngày với các em cháu trong gia-đình cho được giản-di và thân-mật hơn. Muốn cuộc nói chuyện được giản-di và thân-mật nên tôi không lựa những chuyện cao-xa, rộng-rãi ở đâu đâu, tôi nói những chuyện gần đây là chuyện « hôm nay » và chuyện xung quanh mình anh em đây.

### Rằm tháng mười.

Hôm nay là rằm tháng mười, tôi xin bắt đầu nói chuyện hôm nay. Trước khi nói chuyện hôm nay, tôi lại phải nói trở lại một vài điều để giảng cái tinh-cách ngày hôm nay, vì hôm nay cũng như nhiều ngày khác trong năm. Ta nên tưởng-tượng ra một năm như một con đường dài. Nếu con đường dài mà từ đầu đến cuối phải đi một lần, không có chỗ nghỉ chân, thì người ta tất phải mỏi-mệ chán-ngán ; nên trung-gian người ta phải đặt ra có từng độ đường, để chia bớt cái con đường dài ấy ra ; ta đi một độ, qua một độ, lần lần cho ta quên con đường ấy là dài, cho khỏi nửa chừng bỏ dở. Trong một năm mà có những ngày lễ ngày tết là những « độ đường » ấy vậy. Nay ta thử tính coi một năm có bao nhiêu độ đường ấy.

Thượng-nguyên, lễ chơi đèn hay lễ hái hoa, rằm tháng giêng ; tiết Thanh-minh, lễ tảo-mộ, hội đập-thanh, tháng ba ; tiết xương-bò, tết Đoan-ngọ, mừng năm tháng năm ; đêm Thất-lich, tết xin khéo, mừng bảy tháng bảy ; Trung-nguyên, rằm tháng bảy « xá tội vong-nhân » ; Trung-thu tết trẻ con, rằm tháng tám ; ngày Trùng-cửu, lễ dâng-cao, mừng chín tháng chín ; rồi đến Hạ-

nguyên rằm tháng mười đây là cái độ đường cuối cùng trong năm. Ta đi hết một độ đường, mỗi khi qua một độ đường mới là ta phải hết lòng bền chí, nỗ-lực mà đi, không một chút nào do-dự dưng-dảng. Bắt đầu từ ngày mai đây, ta đã lên một độ đường mới, mà lại là một độ đường sau rồi, vậy ta càng nên phải hết lòng bền chí nỗ-lực mà đi, đi cho đến cuối con đường dài mà ta đương đi đây tức là hết năm nay, rồi sẽ giờ sỏ ta tính lại coi năm nay ta đã làm được việc gì, nên được công gì, . . . việc ấy là về sau.

Anh em chắc ai cũng biết câu ngạn-ngữ ở cửa miệng ta thường nói : « Tháng năm chưa năm thì sáng, tháng mười chưa cười thì tối » ; tháng năm là độ đường giữa mà tháng mười là độ đường trót. Ngạn-ngữ nói thế là than tiếc vì đêm ngày qua mau. Độ đường giữa vừa qua, thì độ đường trót đã đến và biết đâu độ đường trót đây lại chẳng « chưa cười thì tối » như ở độ đường giữa « chưa năm đã sáng » vậy. Câu ngạn-ngữ ấy có khác nào một tiếng còi hay một nhịp kèn để thúc-giục lòng ta phải đảo bước mau chân cho theo đuổi kịp thời-gian, là ta phải cố công cùng sức mà làm việc cho sau này ta khỏi phải ân-hận vì ta, khỏi phải « ba điều đáng tiếc » như lời ông Chu Hi là một nhà hiền-triết đời Tống đã nói. Câu ấy thì anh em đã thuộc lòng cả rồi. Ấy câu chuyện « rằm tháng mười » hôm nay là thế.

### Khai-tri tiến-đức

Từ hôm hai mươi bốn tháng chín (30 - 10 - 1926) rồi là ngày nhà học-xá này khai-giảng đến nay, anh em vô ra đã thấy luôn chữ « Khai-tri tiến-đức học-xá ». Anh em cũng định được đó là cái danh-hiệu của nhà học-xá này, nhưng anh em chắc cũng có người chưa được rõ hết ý-nghĩa. Vậy tôi xin để tôi giảng cho được tường-tận hơn

thêm. Bốn chữ « khai-trí tiến-đức » đó là cái danh-hiệu của học-xá mà đó cũng là cái mục-đích tôn-chỉ của học-xá muốn gây dựng cho anh em, và muốn cho anh em theo đời bốn chữ ấy. Khai-trí là mở-mang trí-thức, tiến-đức là tăng-tiến đạo-đức. Anh em nên biết rằng : trí và đức trong mình ta là hai bộ-phận khác nhau. Người có trí chưa hẳn là có đức ; mà người có đức chưa hẳn là có trí. Người có trí-thức là người sáng-sủa thông-suốt mọi sự-vật ở đời, dạy mau biết, học mau nhớ ; còn người có đạo-đức là những người hiền-lành tử-lễ, ăn ở hợp lẽ trời mà không trái đạo người ; ở trong gia-đình là người cha từ, người con hiếu, người anh thuận, người em nhường ; ra ngoài xã-hội là người dân hiền người bạn tốt. Ấy trí-thức và đạo-đức khác nhau là thế ; mà người ta ở đời cần phải có cả hai mới sẽ đủ tư-cách làm người. Người có trí-thức mà không có đạo-đức là một người đã chẳng những là người vô-dụng cho đời mà lại là một người có hại cho đời nữa. Vì những cái trí-thức của họ đem mưu những việc ác, họ càng trí-thức bao nhiêu, họ lại càng tổn-hại thiên-hạ bấy nhiêu. Người có đạo-đức mà không có trí-thức, tuy không làm có ích gì cho ai được nhiều (nói không được nhiều vì không phải là không có hẳn), chớ không bao giờ làm hại ai ; hạng người ấy ở đời còn có phần khá hơn hạng người có trí-thức mà không có đạo-đức vừa kể trên kia.

Nhưng đứng về phương-diện triết-lý, bàn cho thấu-dáo chỗ căn-nguyên thì ra thấy trí và đức không phải là hai bộ-phận xa cách nhau lắm. Tuy về phần hình-thức thì coi như gián-đoạn nhau, chớ vẫn có một mối vô-hình buộc lẫn nhau mà làm nhân-quả cho nhau. Trí-thức là nguyên-nhân mà đạo-đức là kết-quả ; có trí-thức rồi mới sinh ra đạo-đức ; mà có đạo-đức rồi mới kể là có trí-thức. Tôi nói như thế thì tôi phải

giải nhiều nữa để anh em hiểu rõ vì sao mà muốn có đạo-đức, trước phải có trí-thức mới được. Không có trí-thức mà có đạo-đức, phần ấy là phần ít ; chớ có trí-thức rồi mới sinh lòng đạo-đức, phần ấy là phần nhiều ; bởi cái nguồn đạo-đức là những cái phải cái quấy, cái hay cái dở ở đời, là từ các bậc tiên-tri tiên-giác nhiều đời bàn nói làm sách chép truyện để dạy người đời, thì nếu không có trí-thức để học hỏi những truyện sách, không có trí-thức để lĩnh-hội những cái phải cái hay mà học, cái quấy cái dở mà răn, thì làm sao mà sinh lòng đạo-đức được. Bởi lẽ ấy mà chữ « khai-trí » sắp trên chữ « tiến-đức », là ta nên học tập cho trí-thức ta ngày một khai-thông, rồi ta mới sẽ tu-tĩnh cho đạo-đức ta ngày một tăng-tiến được.

Ấy, bốn chữ « khai-trí tiến-đức » đã giảng-giải rõ-ràng, và như trên đã nói, người ở đời phải có đủ trí-thức và đạo-đức mới sẽ phải là con người có tư-cách. Vậy anh em chắc ai nấy cũng muốn sau này làm được một người có đủ tư-cách, thì chắc ai nấy cũng muốn lấy bốn chữ ấy làm mục-đích cho đời mình, mà cố sức theo đời. Hiện bây giờ đây, anh em ở học-đường, là một người học-trò khá, anh em làm bài hay, học bài thuộc, nghĩ được một bài luận, giải được một bài toán, hiểu được những mẹo luật làm văn, như thế thì anh em mới bắt đầu khai-trí đấy. Trí-thức anh em đã bắt đầu khai, thì đạo-đức anh em cũng phải nên bắt đầu tiến mới được. Vậy thì cái phận-sự khai-trí của anh em ở học-đường đã xong, đến cái phận-sự « tiến-đức » trong gia-đình, ngoài xã-hội, anh em cũng phải lo cho xong nữa mới được. Vậy trong gia-đình, anh em phải là một người con hiếu, một người anh thuận, một người em nhường ; ngoài xã-hội, anh em phải là một người dân hiền, một người bạn tốt.

Nói thì dễ-dàng như thế, chớ làm thì thiệt là khó-khăn. Người ta không phải ai cũng vụt chốc mà làm được ông thánh ông hiền cả; nhưng ai cũng phải lập-chí ở đời, lấy một cái gì làm mục-đích cho cuộc đời mình, rồi tuần-tuần tự-tự, dần-dần dà-dà, cố công cùng sức mà theo đuổi cho kỳ đến nơi đến chốn. Như học-xá này đã kỳ-vọng cho anh em, đã đặt mục-đích cho anh em là bốn chữ « khai-tri tiến-đức » đó. Đến ngày nào trong anh em ai là người biết rằng mình tri-thức đã thiệt sáng-suốt, đạo-đức đã thiệt thuần-lương rồi, chừng ấy mới sẽ phải là một người có tư-cách hoàn-toàn vậy. Ấy câu chuyện « khai-tri tiến-đức » là thế.

### Học Quốc-ngữ

Từ đây tôi muốn mỗi tuần chỉ cho anh em vài ba giờ chữ quốc-ngữ, mà mới đây thì bắt đầu khai-giảng. Vậy nhân hôm nay, ngày lành tháng tốt, tôi xin nói trước mấy lời vì sao tôi muốn cho anh em học quốc-ngữ; học quốc-ngữ có ích-lợi gì và vì lẽ gì mà ta lại phải thiết-tha lo-lắng về sự học quốc-ngữ như vậy. Câu hỏi thứ nhất thì tôi khỏi nói, vì để tôi nói xong hai câu hỏi dưới thì tự-khắc anh em cũng biết.

Phàm một dân-tộc nào đều có riêng một tiếng nói, đã có riêng một tiếng nói tất phải có riêng một thứ chữ. Chữ của nước nào là quốc-ngữ của nước ấy. Người trong một nước mà không thông chữ của một nước, là không đủ tư-cách làm người dân trong nước ấy, đối với người đời trước thì mơ-màng lạt-lẽo, đối với người một thời thì lơ-lãng thờ-ơ, trên không chẳng dưới không rề. Người như thế thì anh em thử nghĩ còn ra vẻ gì nữa. Chẳng những không đủ tư-cách làm người mà làm người như thế lại mất cả lợi-quyền, vì chữ là cái lợi-khí tối-yếu của người ở đời, mà chữ nước mình lại là

cần-yếu hơn lắm nữa. Trong khi giao-thiệp với người đồng-bang, các thơ-từ giấy-má là nguồn gốc của mọi việc khác, nhờ chữ mà tổ được tình-ý cho nhau, nhờ chữ mà mưu được những sự-nghiệp kinh-thiên vi-địa. Chẳng nhờ chữ thì chẳng nên được việc gì cả. Bởi đó mà ta nên học chữ quốc-ngữ. Nói thế tất anh em cũng có người hỏi rằng; chữ thì chữ nào cũng là chữ, ta học thứ chữ nào cũng là học, hà-tất phải học chữ quốc-ngữ? — Đã nói rằng: Phàm dân-tộc nào đều có riêng một thứ tiếng, có riêng một thứ chữ, thì mỗi thứ chữ đều có một cái tinh-thần riêng, không bao giờ lẫn-lộn nhau được; đã không bao giờ lẫn-lộn nhau được thì không bao giờ người một nước mà học được hết, hiểu được rõ chữ của một nước khác. Cái tinh-thần ấy là cái tinh thần của giang-sau nòi giống, từ mấy muôn đời chung-đức mà thành, thì chữ và người bao giờ cũng có một mối vô-hình ràng-buộc lẫn nhau, không thể rời bỏ nhau được. Nền người một nước, bỏ chữ nước mình mà lấy chữ một nước khác làm quốc-ngữ, là một lẽ nghịch với đạo tự-nhiên của trời đất, không bao giờ có. Nếu dân nào làm trái với lẽ đó là dân ấy đã đến ngày tự-buộc mình vào vòng vô-tri-thức để tiêu-diệt lấy mình, vì « tiếng là nước; tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn, không sao văn-hồi được nữa » (lời ông Phạm Quỳnh).

Bởi thế nên không giống dân nào dám coi việc ấy làm thường, đều thuận theo đạo tự-nhiên, gìn-giữ học-lập quốc-ngữ cả thảy. Người Tàu học chữ Tàu, người Ấn-độ học chữ Ấn-độ, người Nhật học chữ Nhật, người Đức học chữ Đức, v. v. , nước nào cũng vậy; dầu không bắt học cũng học, dầu không khuyên học cũng học, không còn giống dân nào mà không hiểu hết lẽ ấy nữa.

Nói như thế, thì dân Việt-Nam nào có phải là một giống người vô-trí-thức, mà không hiểu biết lẽ ấy, còn phải có người ép-buộc khuyên - bảo, thiết-tha bàn nói như thế này. Anh em nên biết rằng ấy là cái nỗi khổ-tâm nhất của các nhà trí-thức ta vẫn băn-khoăn lo-nghĩ đó.

Phàm những cái gì được bình - an, giữ nguyên tính-chất là khi nào ở vào cảnh-ngộ bình-thường; chớ ở vào cảnh-ngộ biến-cách thì tính-chất ấy thay đổi ngay. Cái biến ấy là những cái phong-trào, những cái thế-lực khác ở chung quanh nó kích-thích xô-giục đê-nén mà làm cho tiêu-diệt mất cái nguyên-chất đi. Như các nước mà biết lo gìn-giữ quốc-ngữ, học-tập quốc-ngữ của họ là những nước ấy ở vào cảnh-ngộ bình-thường. Nếu nước Việt-Nam ta nay mà cũng ở trong cảnh-ngộ bình-thường, thì người Việt-Nam cũng không tránh đâu được cái công-lệ tự-nhiên mà không biết lo giữ-gìn quốc-ngữ, học-tập quốc-ngữ. Nhưng than ôi ! nước Nam ngày nay đã ở vào cảnh-ngộ biến, đã phải nhiều cái phong-trào thế-lực khác ở ngoài đang kích-thích xô-giục đê-nén làm cho tiêu-diệt mất cái nguyên-chất bản-tính đi. Các nhà trí-thức ta ngày nay ái - ngại cho vận - mệnh nước nhà, mà lo - lắng cho tương - lai nước Việt-Nam này, đều có một cái mục - đích như nhau, là mục - đích ngăn-rào cái phong-trào ở ngoài kia, mà bảo-tồn cho nước Việt-Nam này còn giữ được cái nguyên - chất bản-tính cũ. Sở-dĩ phải bênh-vực cho chữ quốc-ngữ, lo-lắng cho chữ quốc-ngữ là vì thế. Mọi cái vấn-đề khác đều do cái vấn-đề quốc ngữ mà ra, hễ vấn đề quốc-ngữ mà giải-quyết được là bao nhiêu cái vấn-đề khác sớm trưa rồi tất cũng giải-quyết. Nên vấn-đề quốc-ngữ là vấn-đề quan-trọng nhất.

Nay tôi mới giải cho anh em biết coi những cái phong-trào thế-lực gì mà

đang kích-thích xô-giục đê - nén, mà làm cho chữ quốc-ngữ ta tiêu-diệt đây. Phong-trào ấy là phong-trào « học chữ Pháp ». Tự năm sáu chục năm nay, nước Nam ở dưới quyền bảo-hộ thuộc-địa nước Pháp; người Pháp đem quốc-ngữ của họ sang truyền dạy cho ta thì mỗi mỗi cái gì thuộc về giấy-má thư-từ, đơn-trang tờ-khế, tự việc quan làng đến việc dân-dã đều nhất-nhất dùng chữ Pháp cả. Người Pháp đem chữ Pháp mà truyền dạy cho ta là muốn đào-tạo cho ta thành một hạng người thông-ngôn để làm việc với họ ở các ti các sở; nên mới đặt ra có từng hạng văn-bằng cao thấp khác nhau. Người Pháp đem văn-bằng mà đặt mục-đích học cho ta. Ai là người cấp sách đến trường cũng chỉ lăm-le cái học để thi, thi để đỗ, để lấy được bằng nợ bằng kia, để được bỏ đi làm việc ở sở này sở nọ. Được như thế là mãn-nguyên. Hạng thông-ngôn này qua, hạng thông-ngôn khác đến, đời này qua đời khác tiếp; sự học của người mình chỉ có bấy nhiêu đó mà thôi. Anh em nên biết rằng: kẻ học-giả học là vì một cái mục-đích cao-xa rộng-rãi hơn nhiều, là đem cái trí-thức của mình mà thu-quát cả vũ-trụ cổ-kim, đem cái học-thức của mình mà linh-hội những cái huyền-bí ẩn-vi của tạo-hóa, đem cái lịch-duyet của mình mà xem xét thế-thái nhân-tình, rồi làm sách chép truyện truyền dạy lại người ít trí-thức hơn mình, truyền dạy lại người đời sau. Ấy cái mục-đích cao-thượng, cái sự-nghiệp bất-hủ của học-giả là thế. Chớ có đâu hẹp-hòi nhỏ-nhen như phần nhiều người mình vẫn làm tưởng lâu nay, mục-đích không ngoài mỗi tháng mấy trăm bạc lương trở xuống, sự-nghiệp học chỉ đến ông thông ông phán là cùng. Người Pháp gây-dựng cho ta như thế là muốn lợi-dụng ta, ta cũng chẳng trách chi. Chỉ trách người mình vô-trí-thức, không chịu suy nghĩ hơn thêm một chút,

cứ đặt đầu gối dậy, bảo sao hay vậy, nức lòng gắng sức mà đêm đêm gào chữ như cuốc kêu, ngày ngày dùi sách như một đục, nhằm ngày nhằm tháng để vào thí, đếm bài đếm câu để chực hỏi, còn biết đâu là đâu nữa, bần học mên-mông, coi không bằng cái vũng nước trâu vậy. Than ôi! nền sĩ-phong truy-lạc mất!

Nói cho phải, thì cũng có người có chí-hướng cao, mục-dịch rộng, sang du-học tận bên Pháp. Hạng người này cũng đã lĩnh-hội được ít nhiều cái tinh-hoa của chữ nước người; lại có chí gây-dựng cho nước Nam, muốn đem chữ Pháp về làm quốc-ngữ cho nước Nam. Nhưng than ôi! đó mới là cái mộng-tưởng mà thôi, chờ việc ấy là một việc trái với lẽ tự-nhiên của tạo-hóa, không bao giờ có được. Nếu việc ấy là một việc dễ-dàng, trong một thời gian ngắn-ngủi đem hai-mươi-lăm triệu người Nam đổi thành hai-mươi-lăm triệu người Pháp được, thì còn ai ngại gì mà không muốn, Song chẳng phải người Nam ai ai cũng đều có đủ sức để sang Pháp du-học mà học được đến chỗ cốt-tủy tinh-hoà của chữ Pháp được như thế cả. Trong một ngàn người, họa chăng mới được một người, Chẳng lẽng thấy gương trước đấy. Người mình đeo đuổi học chữ Tàu là một nước có thể-lực với nước ta, ở bên cạnh nách ta đây, đem văn-hóa mà truyền-bá cho ta trong mấy ngàn năm, mà hai-mươi-lăm triệu người Nam chưa đổi thành hai-mươi-lăm triệu người Tàu được, nữa là mới bập be-chữ Pháp trong năm sáu chục năm gần đây, mà chữ Pháp lại là một thứ chữ ở từ một bên phương cầu khác đem sang thì đã thăm gì. Chỉ bằng gần đây, sẵn đây, ta có tiếng của ta; tiếng ta biết bập be từ khi mới chập-chững đi tiếng ta từng nghe từ khi còn trên tay mẹ ẵm-bồng. Tiếng ấy là một thứ tiếng qui-

báu màu-nhiệm của tạo-hóa đã ban-bổ cho ta, của khí thiêng non sông Hồng-Lạc đã chung-đúc ra cho ta. Tiếng ấy là của hương-hỏa từ mấy mươi ngàn đời tổ-tiên ta để lại. Ta nay nên trân-trọng giữ-gìn và bồi-đắp dùm-mài cho thứ tiếng ấy ngày một thêm tốt đẹp phong-phú hơn lên, rồi sau này của hương-hỏa qui-báu ấy ta sẽ để lại cho con cháu ta cho đến thiên-vạn-cổ về sau. Trách-nhiệm ta nặng-nề lớn-lao như thế, nếu ta thờ-ơ chềnh-mãng để cho thứ tiếng nói ấy mà phải tiêu-diệt là ta phải tội với trời đất, với tổ-tiên ta lắm vậy. Ta học quốc-ngữ dễ, dạy mau biết, học mau thông, vì tiếng là chữ mà chữ là tiếng, miệng ta nói, tay ta viết; cố-ý chăm-chỉ suy-nghi một chút là lĩnh-hội được đến chỗ lý-thủ thâm-trầm ngay, không phải có cái học khó-khăn như cái học nhờ viết mượn chữ nước người, phải san đi dịch lại mấy phen, kêu gào hò-hét mấy bận mà vi-ết đã thấu biết được đến chỗ cao-thâm tinh-tủy. Nhà mình sẵn có cái học tiện-lợi dễ-dàng như thế thì ai nỡ nào cam lòng rẻ-rúng, đang tay ruộng-bỏ cho đánh. Phật nhà không cầu, đi cầu Thích-Ca ngoài đường. Đối với ông Thích-Ca ngoài đường ấy ta còn lạ-lùng bỡ-ngỡ, chưa biết được bụng dạ thế nào thì ta chắc gì là ông Thích-Ca ấy phù-hộ ta được, chỉ bằng nhà ta sẵn Phật, ông Phật ấy đối với ta có tình thân-mật đậm-dà hơn, ta nên vững bụng yên lòng, hình-hương sùng-bái ông Phật nhà ấy, thì dù ít dù nhiều thế nào, ông cũng phù-hộ giữ-gìn ta mà ban-giáng phúc-đức cho ta nhờ được.

Ta về ta tầm ao ta,  
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Tôi nói thế, có phải là lời khuyên anh em bỏ mà không nên học chữ Pháp không? Không, không phải thế. Chẳng những là chữ Pháp, dù chữ nào cũng là chữ hay cả, mà chữ nào cũng là chữ

nên học cả, học được càng nhiều càng tốt, nhưng muốn học chữ nước người, thì trước phải thông-thuộc được chữ nước mình đã. Học chữ mình là để giữ lấy căn-bản vững-vàng, để cho có đủ tư-cách làm người dân trong nước, rồi sẽ học-tập cái của người. Chớ đối với cái của mình, thì mờ-mịt tối-tăm, lại đeo đòi muốn lấy cái của người làm cái của mình; chẳng may ra, học chưa được cái của người, mà đã bỏ mất cái của mình; tình-cảnh dở-dang ấy có khác nào cái tình-cảnh « đánh trống mất dùi » không? Đánh trống mà mất dùi, thì đáng thảm-thương ái-ngại biết chừng nào!

Ấy câu chuyện học quốc-ngữ là thế.

Tôi nói từ nãy đến giờ, chắc anh em cũng đã lĩnh-hội được ít nhiều. Vậy xin mời anh em chén nước, cùng nhau chung cuộc xum-hạp vui-vẻ này để ghi lấy đêm nay mà ghi nhớ lấy câu chuyện hôm nay.

\* \* \*

Ký-giả nói ngó lơ đồng-hồ, các học-sinh ngồi nghe cũng có ý chăm-chỉ lắm. Bấy giờ đầu đó lặng-lẽ, ai nấy cũng đều tưởng cuộc nói chuyện đến đây là cáo-chung, mà cáo-chung một cách lạt-lẻo êm-lặng như thế thì tưởng không gì vô-vị bằng. Thiệt không ai dự-tưởng được trong lúc đó đột-khởi lên một việc có ý-vị vô-cùng, có nghĩa-lý vô-cùng, khiến cho cuộc nói chuyện hôm nay được bội-phần sinh-sắc. Là có một cô nữ-sinh người gầy như mai, trắng như tuyết, còn thiếu hai tuổi nữa mới đến tuần cập-kê, mềm-mại sinh-sắc đứng lên chững-chạc thay lời anh em chị em học-sinh đọc một bài cảm tạ. Đọc tươi-tĩnh tự-nhiên, nhẹ-nhàng gãy-gọn.

Thưa các Ngài (là trở vào các phụ-huynh học-sinh),

Thưa hai thầy (trở vào Nguyễn-quân và ký-giả),

Tôi xin mạn phép thay mặt anh em trân-trọng tỏ lời cảm ơn các ngài đã có lòng hạ-cố đến chúng cho cuộc nói chuyện hôm nay được thêm long-trọng. Tôi lại mạn phép thay mặt anh em chị em trân-trọng tỏ lời cảm ơn hai thầy đã thương đến anh em chị em chúng tôi chẳng ngại công-lao dạy-bảo cho, kỳ-vọng cho, mà mong gây-dụng cho chúng tôi sau này được có đủ tư-cách làm người để làm vẻ vang cho nhà họ, cho xóm làng. Ôn ấy chúng tôi minh-tâm khắc-cốt, Muốn tỏ lòng cảm ơn ấy cho đích-đáng, chúng tôi xin hết lòng gắng sức, vâng và làm theo lời thầy dạy bảo, là chúng tôi cố học-tập cho tri-thức chúng tôi được mở-mang và trau-dồi cho đạo-đức chúng tôi được tấn-tới, như lời thầy đã kỳ-vọng cho chúng tôi và chúng tôi đã được biết rằng chữ quốc-ngữ là chữ gốc cội của chúng tôi, chúng tôi xin cố sức tập luyện học-hành thứ chữ thần-thánh ấy.

Chúng tôi thiệt hết lòng vui-mừng thấy cuộc xum-hạp hôm nay, xin ghi nhớ lấy ngày hôm nay để làm một cái kỷ-niệm vẻ-vang cho cuộc đời chúng tôi vậy. Học-trò cần thưa.

Đọc xong, ai nấy đều vỗ tay mừng khen ra vẻ vừa ý bằng lòng lắm.

Kế trà bánh dọn ra cùng nhau vui-vẻ vô-ngần. Tiệc mãn, dắt nhau ra trước học-xá, cùng nhau lững-thững dưới ánh « cây lồng bóng sân » mà thưởng hững cái cảnh « vàng gieo ngăn nước », và lặng ngắm cái cảnh « vầng trăng vạc vạc giữa trời », thì tiếng ngám-nga ca-tụng vừa rồi hình như còn vơ-vẩn phảng phất trên không-gian vô-tận.

Thế mà từ hôm ấy rồi, cứ mỗi tuần một đêm ký-giả là ông giáo quốc-văn dạy quốc-ngữ cho các học-sinh ở nhà học-xá « Khai-tri tiến-đức » vậy.

ĐÔNG HỒ (Hà tiên).

## TƯ-TƯỚNG CỦA CHARLES MAURRAS

Ông CHARLES MAURRAS là một nhà văn-học triết-học có tiếng ở nước Pháp ngày nay. Nước Pháp là một nước dân-chủ, mà ông đứng làm lãnh-tụ một đảng quân-chủ, mưu khôi-phục quyền vua, thật là phản trái lại cả cái phong-trào trong nước. Cho nên về đường chính-trị ông bị công-kích nhiều lắm, mà chính ông cũng công-kích thiên-hạ nhiều lắm. Ông cùng với ông LÉON DAUDET — cũng là một tay văn-sĩ giỏi — làm chủ báo Action Française là báo cơ-quan của đảng Quân-chủ, mỗi ngày ông viết một bài xã-thuyết kể xấu về chính-thể dân-chủ và thóa-mạ những người đương-dạo trong chính-phủ, cùng các đảng phản-đối khác, tư-tướng không khỏi có thiên-lệch, nhưng nghị-luận sâu-sắc và lời văn sáng-sủa vô-cùng. Sự hoạt-động về chính-trị ấy cũng có phương-hại đến sự-nghiệp văn-chương của ông, vì nhiều người vì phản-đối chính-trị ông mà không biết đến cái tài văn-học triết-học của ông. Năm ngoái ông không được bầu vào Hội Hàn-lâm cũng là vì lẽ chính-trị. Song người tri-thức, ai cũng kính-phục ông, có kẻ cho ông là nhà văn nhất nhì trong thế-giới đời nay. Ông có cái học cổ-diễn rất yêm-bác, cái tài triết-lý thật sâu-xa, mà lời văn của ông thời sáng-sủa như cái gương, cứng sắc như thanh kiếm. Ông rất phản-đối những cái tư-tướng loạn-lạ đời nay, mà muốn khôi-phục lại cái trật-tự như cổ-thời. Ông giữ cái quốc-gia-chủ-nghĩa cực-doan. Xem mấy đoạn tư-tướng của ông trích-dịch như sau này thì đủ biết. Mấy đoạn này là trích ở sách L'Avenir de l'Intelligence (Trong-lai của tri-thức)

Quiconque dit : « moi d'abord », « moi seul », « moi-Roi », et « moi-Dieu » pent prolonger pendant quelque temps sa jactance ; il finit par être obligé, s'il est homme, à teater de se faire une existence humaine, ce qui comporte le pourtour d'une cité et le murmure concordant d'une société.

La liberté heureuse est celle qui marie à l'entrain du héros une sagesse, une science, qui, en le limitant, le conduise et le serve.

La notion d'un certain jeu supérieur de l'esprit est perdue complètement. Les livres, les vrais livres sont complètement délaissés, et voilà un bien

Kẻ nào tự-cao tự-đại cho bản thân mình là hơn hết cả, cho là « thiên thượng thiên-hạ, duy ngã độc tôn », có thể ngang-nhiên như thế trong ít lâu được ; nhưng nếu là người, tất phải tìm cách sống ở đời cho hết cái bồn-phận làm người, như vậy thời tất phải biết đến xã-hội ở quanh mình, tất phải lắng tai nghe cái tiếng ồn-ào mà có tiết-tấu của công-chúng ở chung quanh.

Cái tự-do chánh-đáng là hăng-hái mà mãnh-tiến, nhưng lại phải sáng-suốt mà khôn-ngoan, đề hạn-chế và cũng đề hướng-dạo cho cái sự hăng-hái ấy.

Có một cái cách dùng tinh-thần cao-thượng, ngày nay mất hẳn. Những sách hay, sách chân-chính, người đời nay không biết đọc nữa ; đó thật là

**mauvais signe !** Je ne fais tort ni aux arts ni à la science. Il est cependant vrai que ces puissantes disciplines ont besoin des lettres humaines. Exactement, elles en ont besoin pour se penser. Elles attendent de l'expression littéraire un charme lumineux et une influence sublime qui paraissent tenir à la dignité du langage plus encore qu'à la beauté magnifique du style. Les échecs, les reculs du livre intéressent au plus vif et au plus sensible, notre civilisation : le goût, les mœurs, la pensée même ...

On dit que la culture passe de droite à gauche, et qu'un monde neuf s'est constitué. Cela est bien possible. Mais ces nouveaux promus sont aussi des nouveaux venus, à moins qu'ils ne soient leurs clients ou leurs valets, et ces étrangers enrichis manquent terriblement, les uns de gravité, de réflexion, sous leur apparence pesante, et les autres, sous leur détestable faux vernis parisien, de légèreté, de vraie grâce. Je trouve superficiel leur esprit si brutal ! Si pratiques, si souples, ils laissent échapper le cœur, la moelle de tout. Comment ces gens-là auraient-ils un goût sincère pour nos humanités ? Qu'est-ce qu'ils peuvent en comprendre ?

Jecomprends qu'un être isolé, n'ayant qu'un cerveau et qu'un cœur, qui s'épuisent avec une misérable vitesse, se décourage, et, tôt ou tard, désespère du lendemain. Mais une race, une nation sont des substances sensiblement immortelles ! Elles disposent

một cái triệu xấu ! Tôi không trách chi kỹ-nghệ cùng khoa-học. Tuy-nhiên, kỹ-nghệ cùng khoa-học, đâu có giá-trị cao-qui thật, cũng phải cần đến văn-học của loài người. Thật ra phải cần đến văn-học mới có thể tự-tư-nghị được. Phải nhờ có lời văn diễn-đạt ra thời mới có cái thú-vị quang-minh, cái ảnh-hưởng siêu-việt, bởi lời nói của người ta là qui, chứ không phải bởi cái giọng văn-chương hùng-hồn mà thôi. Cho nên sách hay mà không dốt, văn-học mà suy đi, là quan-hệ đến cốt-tủy của văn-minh ta : đến mỹ-thuật, đến phong-tục, đến tư-tưởng nữa...

Người ta nói văn - hóa ngày nay dựng chuyên-dịch tự bên hữu sang bên tả, và hiện đã gây ra một cái thế-giới mới. Cũng có lẽ thế thật. Nhưng những người mới chiếm địa-vị cao-qui ngày nay, tức cũng là những người ở đâu mới đến cả, không thời cũng là đồ-dạng bọn đó hay là nô-lệ của họ, mà hạng khách lạ đột-khởi này, kể thời ngoài mặt trịnh-trọng đó mà thật không có trầm-lĩnh kiên-nghị một chút nào, kể thời cũng bắt-chước lối lịch-sự dóm đó mà thật không có hào-hoa phong-nhã gì. Trí họ thô-bạo mà thiên-cận. Họ biết vụ-thực, họ khéo mềm-mại như thế, mà nhất-thiết không biết cái trung-tâm, phần cốt-tủy là ở đâu. Những kẻ đó thời thế sao mà thành-tâm thường-thức được cái cổ-học của ta ? Họ hiểu làm sao được !

Kẻ đơ-độc một mình, chỉ có một quả tim một khối óc, đem dùng ra thời hao mòn kiệt-lực ngay, không được mấy nả, hoặc có thể sinh ra chán-nản, và sớm trưa có ngày đối với tiền-đồ mà thất-vọng. Nhưng một dân-tộc, một quốc-gia, tưởng cũng có một cái kho tư-tưởng

d'une réserve inépuisable de pensées, de cœurs et de corps. Une espérance collective ne peut dorénavant pas être domptée. Chaque touffe tranchée reverdit plus forte et plus belle. Tout désespoir en politique est une sottise absolue.

La dignité des esprits est de penser, de penser bien, et ceux qui n'ont point réfléchi au véritable caractère de cette dignité sont seuls flattés de la beauté d'un rêve de domination.

La presse était devenue force industrielle, machine à gagner de l'argent et à en dévorer, mécanisme sans moralité, sans cœur et sans patrie. Les hommes engagés dans un tel mécanisme sont des salariés, c'est-à-dire des serfs, ou des financiers, c'est-à-dire des cosmopolites.

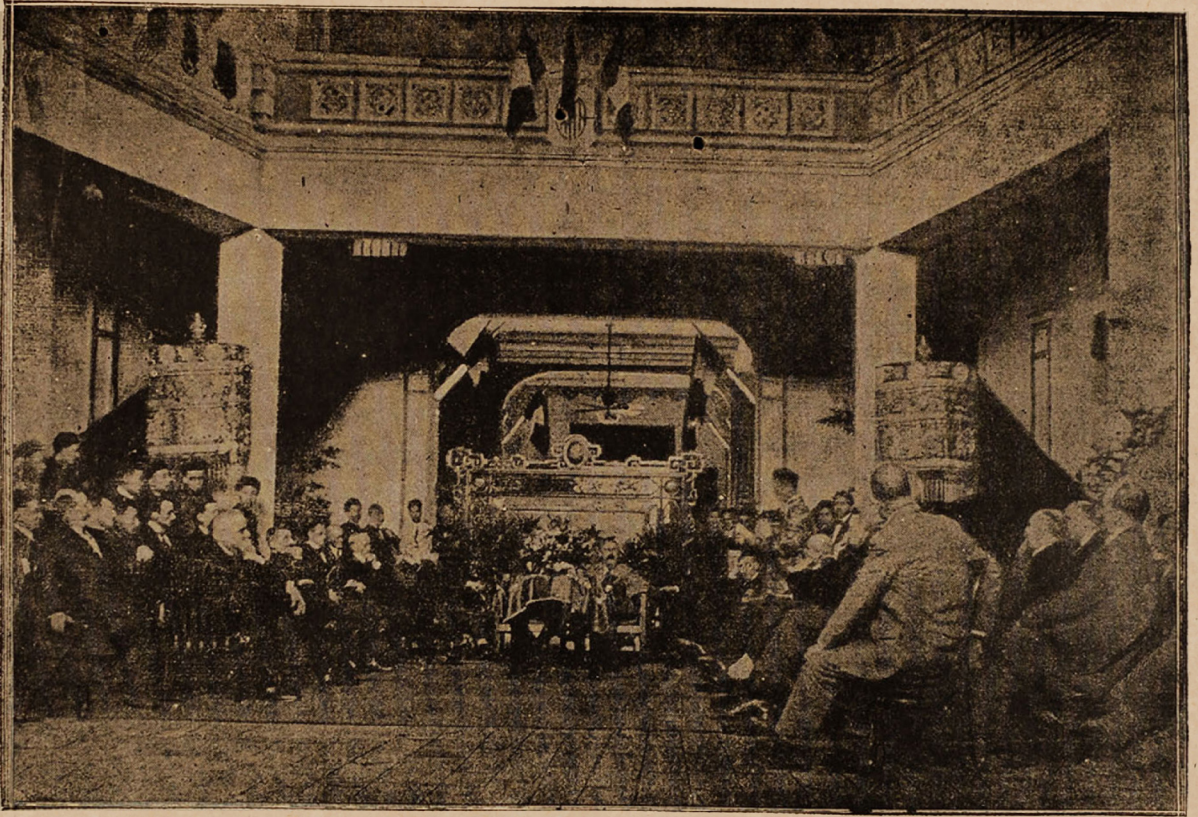
Nous dépendons de nos contemporains. Nous dépendons bien plus de nos prédécesseurs. Ce qui pense en nous, avant nous, c'est le langage humain, qui est, non notre œuvre personnelle, mais l'œuvre de l'humanité ; c'est aussi la raison humaine, qui nous a précédés, qui nous entoure et nous devance ; c'est la civilisation humaine, dans laquelle un apport personnel, si puissant qu'il soit, n'est jamais qu'une molécule d'une énergie infime dans la goutte d'eau ajoutée par nos contemporains au courant de ce vaste fleuve. Actions, pensées ou sentiments, ce sont produits de l'âme humaine ; notre âme personnelle n'y est presque pour rien.

tâm-thần và thân-thể không bao giờ cùng vậy. Vậy thời phạm lòng bi-vọng chung không sức gì đoạt được. Như đám cỏ xanh, càng cắt đi lại càng mọc lên xanh rì. Cho nên về chính-trị mà thất-vọng là một sự tối-ngu,

Cái giá-trị cao-quí của kẻ trí-thức là ở sự tư-tưởng, tư-tưởng thế nào cho hay ; người nào còn có cái mơ-mộng công-danh ở đời là người ấy chưa biết nghĩ tới cái giá-trị chân -chính đó.

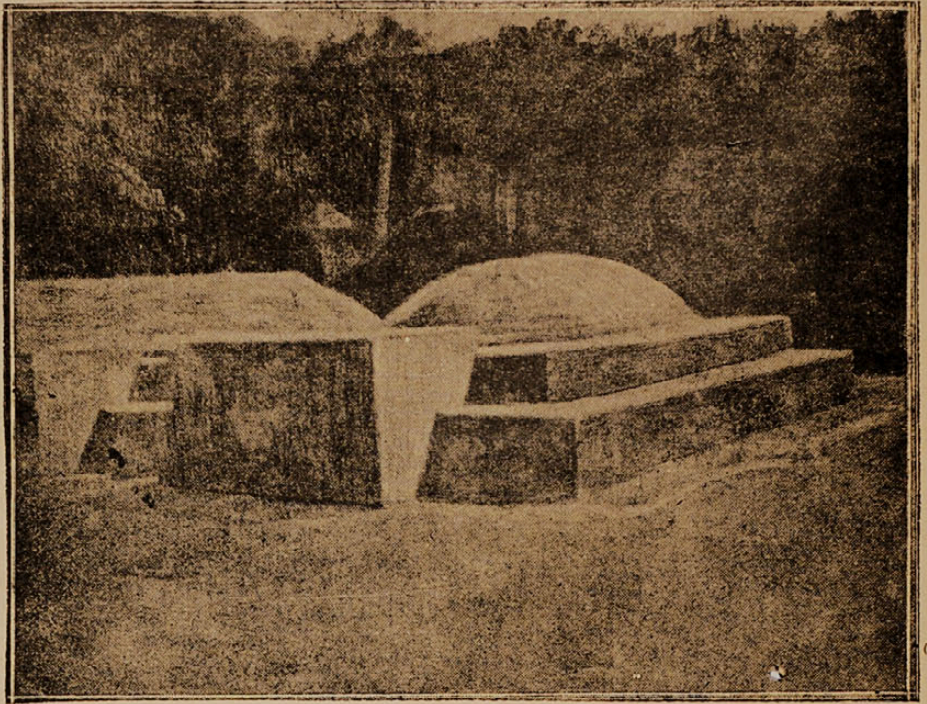
Nhà báo ngày nay đã thành như một cái máy công-nghệ dùng để kiếm tiền và để tiêu tiền, cái máy vô-đạo-dức, vô-liêm-sĩ, vô-quốc-gia. Những người mắc vào trong cái máy đó thời hoặc là kẻ làm công, nghĩa là kẻ nô-lệ cho người, hoặc là kẻ lý-tài, nghĩa là kẻ "tứ-chiêng", không biết tôn-bang tổ-quốc là gì.

Ta có quan-hệ với người đồng-thời ta. Ta lại có quan-hệ với kẻ trước ta nhiều hơn nữa. Trong người ta có một cái phần tiên-thiên, nó biết tư-tưởng từ trước khi có ta, đó là tiếng nói của loài người, là công-nghiệp chung cả nhân-loại, không phải công-phu riêng của một ta ; đó lại là lẽ phải của loài người, trước ta đã có, và hiện nay vẫn bao-bọc quanh ta, hướng-đạo cho ta ; đó lại là văn-minh của loài người, ví như một con sông lớn, mỗi đời thêm vào một chút, như giọt nước vào sông, mà về phần riêng ta thời dẫu giúp được vào dấy nhiều hết sức đi nữa rút lại cũng chỉ bằng một mảy-may trong giọt nước mà thôi. Phạm hành-vi, tư-tưởng, cảm-tình, toàn là sản-xuất tự cái hỗn chung của nhân-loại cả ; cái hỗn riêng của ta có gì đâu.



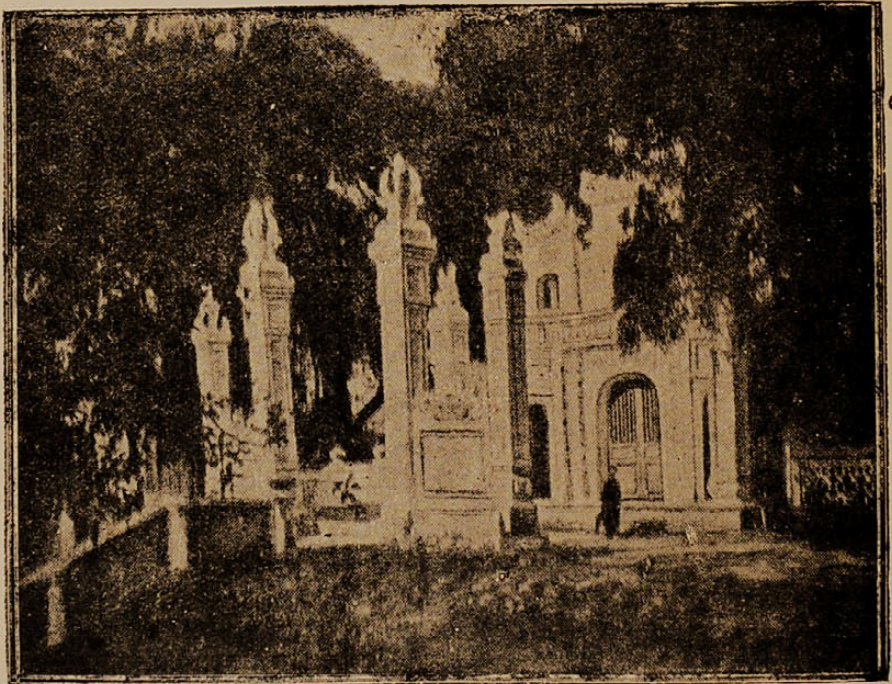
Nhà diễn-đường Hội Khai-Trí Tiến-Đức Hà-nội mới khánh-thành ngày 10 Avril 1927

*Kính ảnh T.-C. Khuyến*



Mộ Tả-quân Lê Văn-Duyệt ở Sài-gòn

*Kinh ảnh N.-Đ. Thấu*



Đền Trấn-vũ Hà-nội

*Kinh ảnh T.-C. Khuyến*

# VIỆT-NAM LỊCH-SỬ NGŨ-NGÔN THI

## 越南歷史五言詩

Còì trống tiếng Nam      Biên cờ văn Việt

11

### THIÊN THỨ MƯỜI BẢY Lý cứu quân tương-kế.

Nam-quốc mong hiền-chúa,  
Bắc-giang hiện thánh-minh ;  
Lý-công hứ Diên-Uần,  
Gặp vận ứng-kỳ sinh.  
Hoa sen diềm kiêu dất,  
Quả mận nở hương trời ;  
Khoan-hòa ra dáng kẻ,  
Nhân-thứ được lòng người.  
Nguyên xưa thờ Ngọa-triều,  
Làm chức Chi-huy-sứ ;  
Vận Lê gặp buổi suy,  
Họ Đào bèn suy-cử.  
Gây nền nơi Cồ-pháp,  
Định vạc đất Thăng-long ;  
Chia hai-mươi-bốn lộ,  
Phong-cương hết hỗn-đồng.  
Xiêm Lạp phục hoàng-uy,  
Cử-long theo đế-hóa ;  
Vua Tống thưởng quan-bào,  
Huy-chương càng rực-rỡ.  
Tiếc thay say đạo Phật,  
Lưu-liên chốn cảnh chùa ;  
Tự mình mê-nịch quá,  
Dân-tục cũng tranh đua.  
Dựng chín ngôi hoàng-hậu,  
Sông yên nổi sóng tinh ;  
Tự mình thiên-ái quá,  
Con cái nổi cùng tranh.  
Thái-tôn lên nổi nghiệp,  
Anh em lại huých-tương ;

Nghiêm-cần nơi cung-cấm,  
Xôn-xao hóa chiến-trường.  
Nhờ tay Lê Phụng-Hiểu,  
Gắng sức tuốt grom vàng ;  
Đuổi Đông-chinh, Dực-thánh,  
Chém được Vũ-đức-vương.  
Đầu tiên cây tịch-diên,  
Thứ phát sách hình-luật ;  
Khuyên dân quý thóc vàng,  
Dạy dân biết án sắt.  
Mở nền đồ nhất-thống,  
Cầm giữ quyền tứ-chinh ;  
Xiêm triều và Man cố,  
Phiên phục với Nùng bình,  
Rực-rỡ vẻ huy-hiệu,  
Biểu-tiên chép rành-rành ;  
Hách-dịch việc vũ-bị,  
Thanh-sứ chép công-danh.  
Tiếc thay khi dân-nhật,  
Hát múa nhạc Chiêm-tuần ;  
Ngắn dài là thiên-số,  
Can gì phải tụng kinh ?  
Tháo-tôn lên nổi mối,  
Tài cũng đủ kinh-luân ;  
Luyện binh gìn-giữ nước,  
Khuyến nông cần việc dân.  
Tôn-tượng đứng thánh-hiền,  
Xây nền nhà văn-miếu ;  
Lễ-phạc với y-quan,  
Tôn-sùng về Khổng-đạo.  
Đúc chuông chùa Diên-hựu,  
Xây cột tháp Báo-thiên ;

Hương-dăng và hoa-quả,  
Thú vui chốn cảnh thiền.

Chính-giáo rất văn-hoa,  
Có thể hơn tiền-cổ.  
Còn nhiều chính-sự hay,  
Nghe ra càng lý-thú.

Đặt khoa thi bác-sĩ,  
Trong-đãi quan đại-thần ;  
Tiền thóc ban liêm-lại,  
Chấn chiếu phát tù-nhân .

Đắp nên đê Cơ-xá,  
Đề hộ việc canh-nông ;  
Chế ra xe dẫn-thủy,  
Đề tiện sự nông-công.

Kê còn nhiều thiện-chính,  
Vặc-vặc đề gương trông ;  
Muôn thừa trăm hiền-chúa,  
Nghìn thu một Thánh-tôn.

Nhân-tôn còn ít tuổi,  
Chính-sự chữa tinh-minh ;  
Sinh-mẫu là Y-lau,  
Ngồi rủ bức màn-mảnh .

Trong dùng Lý Đạo-Thành,  
Ngoài dùng Lý Thường-Kiệt ;  
Văn-đức rất minh-minh,  
Vũ-công càng liệt-liệt .

Câu thơ lui giặc Tống,  
Tiếng hát phá quân Chiêm ;  
Giang-sơn dường ủng-hộ,  
Địch-quốc sợ uy-nghiêm .

Người đem dâng cõi đất,  
Kể khiếp phục quân trời ;  
Sự giỏi tuy nhiều đó,  
Vi-tì cũng lắm đây.

Dương-hậu nguyên vô-tội,  
Sao lại nở bạc tình ?  
Lê Văn-Thịnh mưu nghịch,  
Mà sao lại khoan hình ?

Phật-từ như chứng-minh,  
Quả chuông phúc đã thành ;  
Cớ sao chi thứ nổi,  
Bởi kẻ hóa duyên sinh ?

Thần-tôn lên nổi nghiệp,  
Sinh tự cửa Sùng-hiền ;  
Dấu hang thầy giải-thoát,  
Cờn ngấn ở Sài-son,

Thông-minh sẵn tinh trời,  
Học-vấn thêm kinh thánh ;  
Phàm mọi việc thi-vi,  
Kê cũng nhiều thiện-chính.

Đầu năm vừa tức-vị,  
Trước mở chiếu kinh-diên ;  
Tuyển linh cây nông-mẫu,  
Cho dân cấy quan-diên.

Cũng nhiều điều lạ quá,  
Chưa toàn được lệnh-danh ;  
Tiến lộc gia phong tước,  
Bình-hồ giảng tụng kinh .

Hướng đưng bồi trao truyền,  
Làm công ngồi bút sử ;  
Quá nghe bà phước-nhân,  
Thay đổi hai hoàng-tử .

Anh-tôn còn ít tuổi,  
Chính-sự chữa tương-minh ;  
Đồ Anh-Vũ riêng ý,  
Lê-Thái-hậu chung tình .

Thói dơ xông ngoài cấm,  
Đức xấu khắp trong cung ;  
Nguyên Dương mưu vác giáo,  
Vũ Đới chỉ giờ đồng

Gian-hùng tuy chữa chết,  
Nghĩ lại vẫn còn kinh ;  
Trung-nghĩa tuy rằng hóa,  
Chính-khi vẫn còn linh .

Gian-hùng sau vắng mặt,  
Trung-trình có Hiến-Thành ;  
Danh-nghĩa lòng thường trọng,  
Hóa-tài bụng vẫn khinh .

Trong giúp việc vương-gia,  
Ngoài đối với lân-quốc ;  
Tống nguyên cũng bình-tinh,  
Chiêm Lào đều phục đức .

Vàng chịu lời di-chiếu,  
Kính giữ mệnh tiền-vương ;

Mặc ai đem lễ bạc,  
Đâu há dám tham vàng.

Ra ngăn ngọn cuồng-lan,  
Vững xây nền chỉ-trụ ;  
Giúp đỡ đấng trùng-quân,  
Nâng-niu ngôi ấu-chúa.

Sánh với Thương A-hành,  
So cùng Châu Chứng-tê ;  
Đứng trong tứ-phụ-đồ,  
Trăng sao soi rõ vẻ.

Dựng chông ngôi nhà đồ,  
Dừng thành một cột to ;  
Đề yên nền tảng nước,  
Đề vững mối-giường vua.

Vì cùng Gia-Cát Lượng,  
Đọ với Địch Lương-công ;  
Ghi trên thiên-cổ-sử,  
Mảnh gương cùng sáng trong.

Cao-tôn còn tuổi trẻ,  
Chẳng biết dụng Trần-Trung ;  
Đại-hung nghề thổ-mộc,  
Du-quan khắp núi sông.

Tai-biến đầy trên đất,  
Oán-ta khắp dưới trời ;  
Chẳng biết chi chi cả,  
Chỉ ngày hám vui chơi.

Phạm Du là phản-ngịch,  
Lại vởi về chốn kinh ;  
Bình-Di là trung-thần,  
Lại nữa đem gia-hình.

Gây nên loạn Quách Bốc,  
Sấn lên chốn bệ vàng ;  
Xe loan xiêu giạt chạy ;  
Ai là kẻ cần-vương.

Họ Trần đương cá lưới,  
Vận Lý gặp rồng bay ;  
Trừ-quân đi đến đó,  
Anh em đón rước ngay.

Ông tơ sao khéo dắt,  
Bà nguyệt lại tài xe ;  
Hay dáu thuyền cá cụp,  
Lại có tán rồng che.

Họ Trần từ dấy khởi,  
Đóng bè để giúp vua ;  
Kéo quân từ hải-ấp,  
Lên tới chốn hoàng-đô,

Huệ-tôn bước gập-ghềnh,  
Quốc-sự lưỡng buồn tênh ;  
Thờ mẹ nhẹ đường nghĩa,  
Yêu vợ nặng bên tinh.

Chinh-quyền về ngoại-thích,  
Thành phát bệnh cuồng điên ;  
Lúc mùa nơi cung-khuyết,  
Khi giông chốn cửa thiên.

Ngán thay cảnh mạn côi,  
Trao lại đóa đào tơ ;  
Bát nước vàng trăng chiếu,  
Trên non bóng nhật mờ.

Chiêu-hoàng ngôi tổn-vị,  
Lên ngự chốn kiên-cung,  
Cơ trời xoay-chuyển lại,  
Trần Cảnh hiện hầu trong.

Hoa đào vừa tới nở,  
Nguyệt-lão khéo xe dây ;  
Vua tôi đều phận đẹp,  
Vợ chồng cùng duyên may.

Chiều rồng năm mây xuống,  
Mừng vua đã có chồng ;  
Mạn già nay đã côi,  
Sen nở thể vừa xong.

Tóm kể đời nhà Lý,  
Trước sau tám đời truyền ;  
Nói về phần lịch-số,  
Hai trăm mười sáu niên.

Nhân-hậu cùng một mạch,  
Hùng-uy dậy tứ-lân.  
Tiếng ca đào Lý-tử,  
Còn vang cả muôn dân.

#### THIÊN THỨ MƯỜI TÂM

Trần thập tứ đế tương thừa

Đông-a tổ vãng hồng,  
Vua đầu là Thái-tông ;  
Nhân-sắc được thiên-hạ,  
Kỷ-nguyên gọi Kiến-trung.

Nguyên xưa chức nội-thần,  
 Nay tỏ mặt đông-quân ;  
 Cả nước nhờ duyên Lý,  
 Rõng mây khởi-nghiệp Trần.

Khi còn đương bé nhỏ,  
 Chính-sự chưa tường rõ ;  
 Có cha là Trần Thừa,  
 Có chú là Thủ-Độ.

Kẻ thay quyền trị ước,  
 Người giữ chức cầm quân ;  
 Định thuế đinh điền thổ,  
 Soạn thông chế lễ văn.

Tướng-quốc đặt binh-chương,  
 Trị dân dụng khoa-trường.  
 Ba quân danh hiệu rõ,  
 Trăm quan áo mũ tường.

Bạ-đầu thi kẻ lại,  
 Hà-phòng sức đắp đê ;  
 Sơ-chính như trắng tổ,  
 Thượng-hoàng phút mây che.

Thái-tôn vừa cả lớn ,  
 Thông-minh sẵn tinh trời ;  
 Lại thêm Trần Thủ-Độ,  
 Khôn-ngoaan khéo vẽ-vời.

Tô tượng thờ Khổng Nhan,  
 Gây nên nhà quốc-học ;  
 Dạy dỗ các anh-tài,  
 Đặt ra quan Giám-dốc.

Định thi khoa bác-sĩ,  
 Ba năm mở một khoa ;  
 Phân ra có Trạng nguyên,  
 Bảng-nhữn và Thám-hoa.

Lại thi-thông tam-giáo,  
 Và thi thái-học-sinh ;  
 Anh-tài đua náo-nức,  
 Đạo gót bước mây xanh.

Văn-dức đã hiển-hách,  
 Vũ-công lại liệt-oanh ;  
 Chiêm nam và Nguyên bắc,  
 Đều sợ phục uy-thanh.

Tiểu vậy bỏ duyên xưa !  
 Ngán thay quên nghĩa cũ,

Đã hạ giá Chiêu-hoàng,  
 Lại gia oan cố-chủ.

Buồng the không ngay ngẩn,  
 Nỡ nào lấy vợ anh ;  
 Phép nhà sinh bại-lý,  
 Trong họ lại chung-tinh.

Tin lời nhà phong-thủy,  
 Xẻ đào cũng nhọc thay ;  
 Tiệc yến mê say quá,  
 Đồi mo rót rượu cười.

Cuộc đời trông nghĩ chán,  
 Truyền con giữ giống thân ;  
 Lánh dấu di Yên-tử,  
 Niệm phật dễ tàng thân.

Thánh-tôn lòng hiếu-hữu,  
 Đốc-hậu với anh em ;  
 Gối nệm đều dài rộng,  
 Xum-hạp buổi bạn đêm.

Sân trong khi yến-lạc,  
 Cõi ngoài buổi ẩm-phong ;  
 Ngạc-hoa vui-vẻ chuyện,  
 Chẳng kém Đường Huyền-tôn.

Hồng-qui theo phép sẵn,  
 Yến-dục dễ mưu truyền ;  
 Văn sai tu sử-ký,  
 Vũ sai tập chiến-thuyền.

Nhân-tôn theo nối phép,  
 Lâm-sự thực anh-hùng ;  
 Giận Nguyên sang cướp đất,  
 Nam-hải nổi hùng-phong.

Hội-dồng các phụ-lão,  
 Hỏi bàn cách chiến hòa ;  
 Trên dưới đều một miệng,  
 Cùng quyết đánh không tha.

Bèn sai Hưng-đạo-vương,  
 Thống-chế các đạo binh ;  
 Cùng khiển Trần Quang-Khải,  
 Hội họp các quân dinh.

Chương-dương oai cướp giáo,  
 Nhanh-nhẹn dáng quân dung ;  
 Hàm-quan tài bắt giặc,  
 Lừng-lẫy tiếng binh-nhung.

Quân Nguyên thua nghĩ tức,  
 Binh thuyền lại kéo sang ;  
 Bạch-đăng nơi tỉnh-địa,  
 Lại sinh cuộc chiến-trường.

Trên ngàn sương trắng xóa,  
 Dưới sông máu đỏ ngòn ;  
 Nào ai ra sức sắt,  
 Cùng nhau bết lòng son.

Thánh, Nhân thân xuất-gia,  
 Mặc sớm với ăn trưa ;  
 Sát Thát vừa rung trống,  
 Phá Nguyên lại nổi cờ.

Thân-vương Trần Hưng-đạo,  
 Chông sắt cắm Đàng-giang ;  
 Tôn-thần Trần Nhật-Duật,  
 Cái mặc Tống nhung-trang.

Khánh-Dư tuổi già cả,  
 Cần-vương vút gánh than ;  
 Đem mình để áo chiến,  
 Thề kéo lại giang-san.

Hoài-văn người bé nhỏ,  
 Kháng-khải việc can-qua ;  
 Tay bẻ nát hàm thiết,  
 Kéo cờ phá giặc ra.

Yết-Kiên và Dã-Trượng,  
 Hai dấng cũng anh-hùng ;  
 Ván-tiên trên vạn-lý,  
 Tay cao sáu cánh hồng.

Phạm Ngũ-Lão Phù-ủng,  
 Cũng giỏi việc hành-nhung ;  
 Giang-sơn ngăn một giáo,  
 Tài chẳng kém nhân-long.

Khen thay Trần Bình-Trọng,  
 Cũng là bậc can-trường ;  
 Đánh phạt làm Nam-qui,  
 Không lòng nhận Bắc-vương.

Bỉ thay Trần Ích-Bắc,  
 Là người tính phản-trắc ;  
 Vốn là dòng con vua,  
 Có sao đi hàng giặc.

Nhân khi đời biến cố,  
 Ngay gian mới tỏ tường ;

Sứ xanh theo chép lược,  
 Bia miệng để làm gương,

Quân Nguyên khi đã bại,  
 Tinh-thế hết tan-tánh ;  
 Thoát-Hoan kinh mất vía,  
 Mã-Nhi phải trầu mình.

Trùng-hung danh khét vàng,  
 Bốn bề tiếng vang âm ;  
 Đã hay trời giúp thuận,  
 Cũng bởi nước đồng-tâm.

Câu chuyện bình xong giặc,  
 Đến nay vẫn vang truyền ;  
 Âu vàng kia chẳng sắt,  
 Ngựa đá nọ còn nguyên.

Câu thơ lui được giặc,  
 Truyền tụng vẫn còn ran ;  
 Thái-bình nên nổ sức,  
 Muôn thuở vẫn giang-san.

Bắc-sơn con vượn tán,  
 Nam-hải bóng trắng thanh ;  
 Thánh, Nhân hồi cung-khuyết,  
 Huy Khâm nghĩ giặt mình.

Cơ-dồ quang vẽ bùa,  
 Vũ-trụ hiện màu xuân ;  
 Chiếu truyền ngôi thái-tử,  
 Lánh mình tới Ngọa-vân.

Anh-tôn lên nổi nghiệp,  
 Văn nổi dấn anh-phong ;  
 Trong sửa điều văn-đức,  
 Ngoài cần việc vũ-công.

Một khi uống bồ-tử,  
 Say quá ngủ liên-miên ;  
 Thượng-hoàng về quả phạt,  
 Dâng biểu tuyệt ma-men.

Có trăm dạy thái-tử,  
 Có tập họa thủy-vân ;  
 Tuy rằng say Phật-đạo,  
 Cũng là bậc hiền-quân.

Xuất-gia tu Yên-tử,  
 Truyền nước cho Minh-tông ;  
 Minh-tông khi tức-vị,  
 Cũng khéo nối tiền-công.

Tiểu không biết nịnh-thần,  
 Cũng dùng cho trọng-lộc ;  
 Mắt cá lộn chân-châu,  
 Vũ-phu lẫn mỹ-ngọc.

Ninh-thần Trần Khắc-Chung,  
 Thêu dệt thêm lời gian ;  
 Thượng-tể Trần Quốc-Diến,  
 Lại mắc phải mưu oan.

Hiển-tôn còn ít tuổi,  
 Quyền-cơ ở thượng-hoàng ;  
 Ông ngọc dòm thiên-thượng,  
 Đè đá đắp đường trường.

Thừa-bình sinh việc vũ,  
 Thỏa lòng muốn lớn-lao ;  
 Trước lên giúp sông Bờ,  
 Sau sang đánh nước Lào.

Chiêu-nghĩa Đoàn Nhữ-Hải,  
 Đều tới dòng nước xuôi ;  
 Kiểm-châu công chép đá,  
 Sâu đong ngắn rêu dây.

Dụ-tôn là em út,  
 Lên giữ mối triều-cương ;  
 Ngồi thay các anh cả,  
 Quyền theo đấng thượng-hoàng.

Thượng-thư đặt tỉnh-đường,  
 Cấm-quân giao khu-mật ;  
 Hình án có đề-hình,  
 Lương-xương đặt Chuyền-vận.

Khuyến-nông đặt đồn-diên,  
 Sát thương mệnh chấn-thủ ;  
 Giúp giặc kén phong-đoàn,  
 Đều là có cơ-ngũ.

Oai-thanh nổi động lên,  
 Từ-di đều phục sợ ;  
 Xứ dăng giống kiến ong,  
 Nơi hiển loài voi ngựa.

Thượng-hoàng còn diện mệnh,  
 Chính-dồn kẻ dưng bao,  
 Thượng-hoàng khi vắng mặt,  
 Phóng-túng biết chừng nào !

Sửa cung đèn vườn ao,  
 Chơi chim muông hoa cỏ ;

Vui cờ bạc chơi bời,  
 Thích rượu chè hát múa.

Hỗn-dâm cùng chị gái,  
 Làm loạn bề đại-luân ;  
 Hi-hước cùng con hát,  
 Làm di mất giống thần.

Đề cho Dương Nhật-Lễ,  
 Tiếm Trần dựng nổi lên ;  
 Thói nhà quen bài-hước,  
 Dịp phách chen cung đàn.

Hiển-từ hoàng-thái-hậu,  
 Thân già phải mắc oan ;  
 Đại-thần Trần Nguyên-Trác,  
 Mưu lộ đề thân tàn.

Nghệ-tôn dòng ngân-phái,  
 Lánh dấu ở Đà-giang ;  
 Tiến-thoái đã quen lối,  
 Khuất-thần cũng biết đường.

Tiền-mưu với đại-thần,  
 Chỉ giết loài Dương-tặc ;  
 Kéo lại nếp sơn-hà,  
 Xoay hồi nền xã-tắc.

Trừ tan được yêu-khí,  
 Lại chuyên chuộng từ-ba ;  
 Không phòng quân địch-quốc,  
 Chú-trọng bề ngoại-gia.

Giặc Chiêm giống ruồi đến,  
 Xôn-xao chốn đế-đình ;  
 Quý-Ly gian-giảo quá,  
 Dòm nom giống bấu thiêng.

Duyệt-tôn nghe kẻ gian,  
 Sang Chiêm cứ đánh tràn ;  
 Mây mù che tán phượng,  
 Sương tuyết ám xe loan.

Phế-đế hôn-ngu quá,  
 Chôn tiền giống trẻ-ranh ;  
 Lựa đào một lăm thất,  
 Kết oan phải thiệt mình.

Thuận-tôn lên làm vị,  
 Chính quyền để mặc ai ;  
 Mưu người tuy bởi vậy,  
 Cơ trời cũng lạ thay.

Thượng-hoàng khi ứng-mộng,  
Ngâm lại nghĩ mà ghê ;  
Rõ-ràng hầu Xích-chủ,  
Tới lên lầu Bạch-kê.

Câu thơ diễm đã ứng,  
Triệu trâm hiện kia rồi ;  
Kìa bức đồ tứ-phụ,  
Gia ban nghĩ cũng hoài.

Quý-Ly ngày gặp-nghe,  
Mong đến buổi hôn-hoàng ;  
Định dặt lấy ngựa đá,  
Và xách cả âu vàng.

Mưu di chốn đô-thành,  
Về đóng trong Thanh-hóa ;  
Giàu sang về quê làng,  
Tâm-sự nghĩ mới thỏa,

Lại còn gian-quyệt nữa,  
Xui vua truyền cho con ;  
Rước vua ra quán Ngọc,  
Thắt buộc dây oan-hồn.

Thiếu-đế đã thơ ngây,  
Lão-thần càng vắng-vẻ ;  
Trần-gia gặp buổi suy,  
Quý-Ly càng đặc-chí.

Khen thay Trần Khát-Chân,  
Thực là bậc trung-thần ;  
Không lòng thờ ngụy-chúa,  
Có bụng phụng chân-quân.

Hội-minh ba trăm họ,  
Đeo kiếm kéo lên lâu ;  
Muốn giết quân nghịch-tặc,  
Chực đem đề bêu đầu.

Không ngờ lộ sự-cơ,  
Mài gươm về dưới đất ;  
Quân gian chưa chết kia,  
Cũng thường ghê vỡ mặt.

Tệ thay Trần Nguyên-Đán,  
Cũng là bậc tôn-thần ;  
Kê trong hàng đế-trụ,  
Nên tỏ nghĩa thiên-luân.

Xã-tắc gánh mình lo,  
Nỡ giao mặc họ Hồ ;

Chẳng doái nhìn tôn-miếu,  
Lại vui về thảo-lư.

Chim con gửi qua già,  
Đã chắc được gì a ?  
Quán Ngọc kia đục thẽ,  
Hồ Bằng dễ trong à ?

Quý-Ly tự đặc-chí,  
Cải xưng gọi họ Hồ ;  
Đặt riêng tên hiệu nước,  
Gọi là nước Đại-ngu.

Truyền con cả Hán-Xương,  
Tự-xưng thái-thượng-hoàng ;  
Dâng biểu man Minh-đế,  
Nói dòng thay quốc-vương.

Nguyễn Khang giả tiếng Trần,  
Sang Minh cầu viện quân ;  
Lý Bân, Mộc Thạnh lại,  
Kèn trống rộn muôn dân.

Quân Minh nhân thế đuổi,  
Hai Hồ phải chạy xa ;  
Khi lên núi Cao-vọng,  
Lúc xuống biển Kỳ-la.

Đường cùng nên phải bắt,  
Cũng bởi tự trời xui ;  
Tôn-vinh đã mấy ngập,  
Phú-quí được bao hơi.

Sáu năm lên tiếm-vị,  
Muôn đời đề ô-danh ;  
Từ đây dân Bách-Việt,  
Mắc phải nậu người Minh.

Chia vạch các phủ huyện,  
Bỏ dặt mọi quân-quan ;  
Cổ cây thì buổi ấy,  
Cùng mắc phải làm-than.

Trần-gia gặp buổi suy,  
Nào ai xoay lại thịnh ;  
May có Trần Triệu-Ky,  
Tức là vua Giản-định.

Với Cảnh-Chân, Đặng Tất,  
Vua tôi cùng hợp-tình ;  
Nhân ngọn cờ sát Thát,  
Nổi tiếng trống bình Minh.

Phá tan đồn Cồ-lộng,  
Đốt cháy thành Bô-cô ;  
Thừa-thắng nhân dài rudi,  
Mưu phục lại cơ-đồ.

Tiệc nổi nên chưa vững,  
Bông dân giết tướng-tại ;  
Vây nên hào-kiệt đở,  
Không còn có cánh vây.

Tướng-môn có con dòng,  
Cảnh Di và Đặng Dong ;  
Tôn-quân đều một dạ,  
Địch-khái cũng cùng lòng.

Rudi vào đất Chi-la,  
Tìm được đức Trần-vương ;  
Tôn-danh là Quý-Khoảng,  
Ký-hiệu làm Trùng-quang.

Lại tới phủ Thiên-trường,  
Đón rước đức Thượng-hoàng ;  
Nguyên là vua Giản-định,  
Quân-khi lại thêm cường.

Vua tôi cùng hết sức,  
Gánh vác việc gian-nan ;  
Tể ngựa châu Hạ-hồng,  
Đò thuyền bến Bình-than.

Quân Minh còn cố-thủ,  
Trương Phụ tiếp binh sang ;  
Ngán thay vua Giản-định,  
Quan ngọc tới lãng vàng.

Quân Minh chiến miền bắc,  
Vua Trần lánh cõi nam ;  
Di, Dong dù có giỏi,  
Gấp khúc dạ đành căm.

Câu thơ từng cảm-khái,  
Thở than cuộc nước đời ;  
Khi may làm dễ ngọt,  
Vận rủi nghĩ càng cay.

Hết lòng xoay trục đất,  
Cố sức kéo sông trời ;  
Bạc đầu lo nợ nước,  
Đổi nguyệt vác gươm mài.

Thực là lời cảm-khái,  
Ảnh-hưởng đến ngày nay ;

Ngâm-nga đi lại lại,  
Tráng-chí dăng còn đây.

Tóm kể đời nhà Trần,  
Trước sau mười bốn vua ;  
Ghi về phần lịch-số,  
Trăm tám chục xuân-thu.

Bởi ai gây mối loạn,  
Nguyên khởi từ Quý-Ly ;  
Cũng bởi trời xoay đò,  
Thịnh rồi tất có suy.

Tang-hải cũng thiên-di,  
Cổ lãng còn biển-chuyên ;  
Giận riêng vận-hội này,  
Thuộc về Minh quận-huyện.

Nhớ lại thuở Trần xưa,  
Có một bậc nho-thuần ;  
Không lòng mong xuất-sĩ,  
Có bụng phụng tộn-quân.

Nơn Nam khoi đạo mạch,  
Bề Quế nổi văn-lan ;  
Ươm hỏi là ai nhỉ ?  
Là cụ Chu Văn-An.

Sông Tô vàng nguyệt tỏ,  
Núi Phụng về hoa chào ;  
Nho-thư lừng nước Việt,  
Đạo-thống cũng thầy Chu.

Giáo-dục nhiều anh-tài,  
Hành-khiển đều khuất-tất ;  
Tờ sớ thất-trăm dăng,  
Gián-thần ghê võ mặt.

Giá được vua tin-dụng,  
Chinh-trị dăng Đường Ngu ;  
Can chi phải treo mũ,  
Tranh với bọn Sào Do.

Tiệc thay vua Dụ-tôn,  
Là người rất tru-nhu ;  
Không dụng loài chim phượng,  
Lại dụng giống diều-hâu.

Thôi thôi cách dụng xả,  
Cũng là mệnh vậy du ;  
Không dụng ở một lúc,  
Nhưng dụng mãi nghìn thu.

Tòng-tự nơi Văn-miếu,  
 Theo chân đấng thánh-hiền ;  
 Cồn-ba trên vạn-cỏ,  
 Hương-hỏa dưới thiên-niên.

Đến nay cách nghìn năm,  
 Sử trọng bậc nho-thần ;  
 Ngâm xem số thất-trảm,  
 Tư-vấn động quý-thần.

Nhớ lại khi Trần-mạt,  
 Có một nhà nghĩa-sĩ ;  
 Gặp trời buổi gian-nan,  
 Thương nước hồi suy-bĩ.

Trống còi lời nghĩa-khi,  
 Chuông khánh giọng hùng-văn ;  
 Ướm hỏi là ai nhỉ ?  
 Là cụ Lê Cảnh Tuân.

Chi sang trời Bắc-quốc,  
 Xoay lại đất Đông-a ;  
 Ta chúc mưu thâm-thúy,  
 Muôn lời nói thiết-tha.

Thượng-sách lập được Trần,  
 Chi làm liều thuốc viên ;  
 Trung-sách Trần có miếu,  
 Chi bưng chén đậu-biên.

Còn về phần hạ-sách,  
 Há có tham quyền-vị ;  
 Cuộc-gió để vui linh,  
 Cây mây cho thỏa chí.

Tiết thay Bùi Bá-Kỳ,  
 Là người không tài thao ;  
 Đã không dụng thư hồng,  
 Lại viện quân Ngô-cầu.

Thôi thôi sự hưng-phế,  
 Cũng không đủ phẩm-bình ;  
 Tang-gia là rất trọng,  
 Thân mình tự phải khinh.

Từ Nam trời chiếu bụng,  
 Tới Bắc nguyệt soi lòng ;  
 Cha trung và con hiếu,  
 Muôn thuở nổi anh-phong.

Đến nay cách nghìn năm,  
 Sử còn ghi tiết-liệt ;

Độc đến thư Vạn-ngôn,  
 Trung-trinh treo nhật-nguyệt.

Lại còn nhiều sự hay,  
 Xem ra coi cũng lạ ;  
 Trung-Ngan bẻ sứ Nguyên,  
 Cầu Tây phải hạ-mã.

Hoàng-hậu đức Nhân-tôn,  
 Lòng nhân cảm hồ-tượng ;  
 Hai gái đức Hưng-đạo,  
 Phong-tư đáng đôi phượng.

Tài-sứ Mạc Đĩnh-Chi  
 Trạng-nguyên cả đôi nước ;  
 Tài thuốc Châu Công-Canh,  
 Muôn đời khen thánh-được.

Đó là ghi qua qua,  
 Kể ra còn nhiều nữa ;  
 Kỳ-quái vẫn di-truyền,  
 U-linh cũng chan-chứa.

Khuyên người xem tiểu-thuyết,  
 Muốn biết cùng nguyên-ủy ;  
 Xem truyện ký Trần-triều,  
 Chép ghi thì mới kỹ.

## THIÊN THƯ MUỜI CHÍN

### Minh-nhân đô-hộ

Miếng ngon còn nhớ lâu,  
 Điều đau còn nhớ đời ;  
 Nhớ khi Minh đô-hộ,  
 Kể nhiều điều đắng cay.

Mộc Thạnh và Liễu Thăng,  
 Lý Tân với Trương Phụ ;  
 Lệnh rậm tựa lông trâu,  
 Chính nanh hơn miệng hổ.

Vải tơ tre thóc gạo,  
 Các thuế hết tham-cầu ;  
 Vàng bạc đồng sắt kẽm,  
 Các mỏ hết chung thâu.

Thánh-quân chưa xuất-hiện,  
 Sinh-linh càng áu-sầu ;  
 Vào rừng săn bạch-tượng,  
 Lặn bể mò trân-châu.

Hồ-tiêu vờ vét sạch,  
Thuế muối rất nặng-nề ;  
Vận đời trông cũng gớm,  
Nạn nước nghĩ mà ghê.

Bao nhiêu bạc tài danh,  
Cũng những tay trí-thức,  
Kẻ đi ăn Nam-son,  
Người phải giam Bắc-quốc.

Nhân-dân ta oán nhiều,  
Như sa vào nước lửa ;  
Nào ai cứu vớt lên  
Nào ai ra sức chữa.

Máy cô năm hào-kiệt,  
Cùng nổi khởi nghĩa-bình ;  
Đặng Chứng ở Hạ-hồng,  
Nguyễn Thiện ở Tân-minh.

Hoàng-giang có Nguyễn Cấu,  
Khoái-châu có Nguyễn Đặc ;

Lê Ngã ở Thủy-dương,  
Cùng khởi đánh Minh-tặc.

Đất còn dương lúc bĩ,  
Trời cũng chữa chiều lòng ;  
Anh-hùng tuy có giỏi,  
Công việc cũng không xong.

Rồi ra trời chuyển-vận,  
Bĩ-cực tất thái-lai ;  
Non xanh cùng nước biếc,  
Kinh-luân cũng có người.

Tóm kể Minh quận-huyện,  
Cộng được mười bốn năm ;  
Quan Bắc lại về Bắc,  
Vua Nam chủ nước Nam.

(Còn nữa)

NGUYỄN TẶNG-XƯƠNG

## CÁI TAI-NẠN NƯỚC LỤT Ở XỨ BẮC-KỲ NĂM 1926-1927

Nói đến cái nạn nước lụt Bắc-kỳ mà không nói rõ năm 1926 thì e duyệt-giả vô-tình mà không để ý đến . . .

Tôi nói thế, là có ý yêu - cầu với những bậc có thế-lực, có phương-lực mà không tìm đường cứu vớt cho dân Bắc-kỳ thoát khỏi cái nạn nước lụt về lâu dài, chứ như các nhà từ-thiện mỗi khi bị lụt lại đem bao nhiêu hăng-tâm hăng-sản để cứu-cấp cho kẻ cùng-dân, kẻ cũng đã nhiều và đáng cảm-tạ biết bao.

Cái nạn nước lụt Bắc-kỳ năm 1926 là một số cộng những thảm-trạng của các năm về trước, mà chưa có ngày

nào trừ-diệt cái nạn này đi được, thì nó còn là một số cộng trong bài tổng-cộng lâu đời, chứ chưa phải là kết-toán vậy.

Nghĩ như thế, tôi lấy làm rùng mình kinh sợ cho cái vận-mệnh của người dân Bắc-kỳ về thế-kỷ thứ 20 này, cái cơ tiên-diệt có thể lấy đấy mà suy biết được.

Tôi là một người ở nơi bị lụt, chung một số-phận, một danh-hiệu, một thân-thuộc giống-má với những người ngu hèn yếu đuối không đem được cái sức nhân-trị kiên-cường mà chiến-đấu với cái vạ thiên-hành khốc-liệt nọ, cam

chịu bó tay ngồi rên-rỉ với nhau trong cái thì - giờ bi-thảm quần-bách này. May còn được hơn bà con một điều, là còn có thì-giờ ngồi mà viết lách, chưa phải đến nỗi bôn-tầu ngoài đường để đi kiếm ăn mà cứu-cấp lấy cái sinh-mệnh ngặt nghèo đang đói rét. Tôi đã không có kế-sách gì cứu-trợ lẫn nhau, thì cái nghĩa-vụ của tôi bây giờ chỉ còn có một cách là cất bút chép những nỗi thống khổ của người đồng-bào đồng-bệnh mà để lại. Tôi đã ngàn-ngừ hai ba lần toan không viết, mà rồi lại viết. Tôi viết để mà làm gì? tôi tự hỏi mà tôi không trả lời được. Có người ngờ rằng tôi có ý khiêu-tố cho dân đồng lụt, nhưng mà tôi thú thực rằng tôi không dám có cái hi-vọng ấy. Tôi kêu cầu với ai, tôi kêu với người đời để mong cứu-giúp cho chẳng? thì người đời ở xung-quanh đây cũng như tôi làm gì mà không rõ. Tôi kêu cầu với những người đang bị nạn để tỉnh lại mà tự cứu chẳng? thì chính thân người ta đang chìm đắm trong vòng đói khổ khổ-nhục đây, còn phải ai mách mới biết. Và cái câu «bần-tiện hoạn-nạn là trời rên lập cái hay cho», đó là nói về những hạng anh-hùng hào-kiệt, chí-sĩ hiền-nhân có biết cảm kia, chứ như con xâu con bọ, u-mê xuân-dộng, chết mất thì thôi, còn có biết khổ biết đau gì mà tự-hối!

Thế thì tôi kêu cầu với ông trời họa-phúc của người đời vẫn tin-ngưỡng kia chẳng? Thì xem ra ông cũng không hơn gì bọn vũ-đoán ở thế-gian này. Chuyến tàu Đồng-lợi bị đắm năm ngoái, giết người lấy của rất dữ mà đều ồng mạng. Lão Thành-cat-ti-hãn ngày trước giết người lấy của biết bao thì cai-trị cả hai châu Âu-Á. Cái câu «Trời xanh độc-địa» thường nghe người ta oán trách ông biết bao. Thế thì tôi viết để kêu cầu với ai, bất-quá là lương-tâm tôi bắt tôi phải viết thì tôi cứ viết.

Trong thế-giới từ mười lăm năm trở lại đây, xảy ra biết bao nhiêu cuộc thế-biến gồm ghê. Cái họa thiên-hành độc-ác hoặc bởi sức tạo-hóa tự-nhiên, hoặc bởi tay người nghịch-ngợm, như trận đại-chiến ở Tây-Âu, nạn cộng-sản ở Nga, tai động đất ở Nhật, loạn nội-chiến ở Tàu, dẫu dấy đều tổn người tổn của biết bao, thế-kỷ 20 này thực là cái kiếp-vận của cả nhân-loại.

Tuy thế nhưng mà người ta thấy sủng nô, khôi phun, lửa bốc, người ngã xuống hay trôi đi như ngã rạ mà không kịp biết thì người ta lấy làm thất-kinh rưng-rờ, kể thì đau cũng thấm cả thật, song không có gì là cái cơ tiêu-diệt mòn-mỏi đi như cái nạn nước lụt liên-niên ở Việt-Nam này.

Các nước trên kia, cái sức tai-nạn nó chỉ tới được từng thành từng ấp một, ngoài nơi binh-lửa tai-ương, nhân-dân cảnh-vật vẫn yên-ôn như thường. Cái thời-kỳ của sự tai-nạn, bất-quá một hai ngày, dăm ba tháng, năm mười năm là cùng, trong khi khổng-tổng, sức nhân-trị vẫn có quyền. Đành rằng cái kế sinh-tồn không gian-nan sao có ngày sung-sướng, cho nên mai một mây quang gió tạnh, non sông lại có vẻ rực-rỡ hội-phần.

... Vậy thử đem cái tình-trạng từ năm 1926 sang năm 1927 chia ra làm ba thời-kỳ mà tìm cách đối-phó ra thế nào.

Thời-kỳ thứ nhất từ tháng sáu An-Nam cho đến tháng mười-một năm 1926 là thời-kỳ bị lụt. Thời-kỳ thứ hai từ tháng chạp An-Nam cho đến tháng tư năm 1927 là thời-kỳ bị đói. Thời-kỳ thứ ba từ tháng năm An-Nam trở đi là thời-kỳ cứu chữa. Nay giải bàn ra sau này.

I — Thời-kỳ bị lụt — Kể từ trung-tuần tháng sáu mưa lũ xuống, nước

sông Cái lên cao quá, tràn các đồng thấp, rồi vỡ đê Gia-lâm, vỡ đê Thái-bình, thế là ngập lụt khắp các hạt Bắc-giang, Bắc-ninh, Hải-duong, Hưng-yên và Thái-bình, đến đầu tháng tám, các hạt hạ-lưu mới bắt đầu cạn, đến cuối tháng mười một, các hạt chỗ vỡ đê mới rút hết. Trong gần sáu tháng trời ấy thì dân-tình năm tỉnh, vô-luận giàu nghèo đều rất là cơ-cực. Về tài-sản lúa mạ đều ngập thối hết; mọi năm lụt ra sớm cấy tái-giá cũng kịp thời-tiết mà vớt-vát lại ít nhiều, năm nay lụt lâu, tái-giá muộn quá, lại bị bão bị nước dâng lên tái-tam tái-tứ mãi, tái-giá mất hai ba lần nữa; thậm-chí đến mạ gieo tháng chín để cấy chiêm về vùng Bình-giang Mỹ-hào cũng lại ngập mất. Cái số mạ tái-giá ấy mua ở các hạt không lụt, giá đắt hơn thường đến gấp mười, thường thì một su một bó mạ nay phải một hào; trừ những nhà giàu súc-tích có của cho vay ra, — số ấy ít lắm, trong một tổng chỉ được hai ba nhà là nhiều, — còn từ mười-lăm mẫu trở xuống, không lụt thì đủ ăn đủ tiêu, nay lụt, ngoài đồng mất cả lúa mạ, trong nhà ngồi ăn hại với nhau, khi thấy nước ra còn đồng tiền hột thóc nào đổ cả ra mua mạ để tái-giá mà gỡ lấy lương để ăn làm chiêm, thiếu thì đi vay, cùng quá thì bán đồ, bán cửa nhà đi mà mua mạ, thế mà lại mất đến hai ba lần nữa thì còn gì! Vả cũng biết rằng tái-giá muộn quá thì lỗ vốn to, mà cũng phải cấy để lấy cái rơm cái rạ cho con trâu nó ăn.

Vườn-tược cảnh-sắc thì bao nhiêu cây không chịu nước chết hết. Cây to bị nước vỡ vào gốc cũng đổ nhiều. Trong vườn những cây ăn quả như cam, chanh, cau, bông, nhãn, mít, vãn-vãn, không chết thì cũng bủng, bông trái không ra gì nữa. Nước ra rồi còn cây

tre nào chặt cho tiết đem bán gỡ gạo, thế là xơ-xác cho hết. Coi đó thì biết cái sản-nghiệp của người dân bị lụt là thế nào. Mấy lần lụt liền dây đã tiêu-diệu lắm, lần này lại bị tàn-phá hơn. Sở-dĩ người đi đường mà không trông thấy cái hiện-trạng đáng ghê rợn thảm-thương ấy là vì các làng ở đâu cũng có dặng tre nó che đi đó.

Sản-nghiệp đã như vậy, còn tinh-mạnh thì sao? Đương lúc vỡ đê, lúc nước lớn, nào chết trôi, chết đuối, chết dẫm, dẫm đồ dẫm tàu biết bao nhiêu. Còn kể sống, nhà có hay có thể vay được thì ngồi xó trên bực mà ăn; nghèo quá thì đưa nhau đến các mỏ, các cửa rừng, các nơi không lụt, các con đường Thái-bình-Hải-duong, Hải-duong-Đông-triều, Hải-duong-Bắc-ninh, Thái-nguyên-Bắc-giang, cùng các đường thủy bộ khác, lũ lần lũ lượt, đông như kiến cỏ. Thường thấy người chồng gánh hai đứa con ngồi hai cái thùng, người vợ bế đứa nữa đi theo. Có một nhà kia hai vợ chồng gánh bốn đứa con bé lên rừng, đi đến Hàm-giang (Hải-duong). . .

Người đi quanh trong xứ thì năm chợ năm đình, ăn bữa uống thiu, còn biết vệ-sinh là gì. Bệnh dịch-tả phát ra chết vô số, lây ra từ-tung, nhà quê kể chợ, tự tháng bảy đến tháng chạp mới hết dịch.

II — Thời-kỳ bị đói. — Từ tháng mười đến tháng chạp An-Nam còn nhờ vào hột thóc tái-giá mà làm chiêm, thật đói thì từ tháng giêng đến hết tháng tư là kỳ gặt chiêm này. Cứ cái ngày tôi viết bài này là giữa tháng hai An-Nam, giá thóc mỗi thùng bằng một hòm trè tàu Xương-mậu thì một đồng rưỡi, so với giá bình-thường thì đắt lên năm hào, giá bắp cũng ngang với giá gạo, nhưng người ta nói ăn bắp nó chắc dạ hơn gạo nên ăn bắp nhiều. Khoai cũng đắt gấp rưỡi. Thóc với bắp ở các xứ

khôn, lụt chỏ lại, còn bắp với khoai mới thì ở Hải-dương xấu lắm, năm phần chỉ được một. Nghe nói ở Thái-bình thì bắp với khoai tốt, nhưng đến tháng ba này mới được ăn. Tôm cá rẻ, củi-rác thì đắt lắm, vì những nhà làm ruộng vẫn đun bằng rơm rạ, nay rơm rạ không có phải đun bằng củi cả. Rơm rạ mua cho trâu ăn, rơm năm hào rạ ba hào một gánh nặng, đắt gấp năm lần mọi khi.

Ở các phố chợ dễ lần hồi còn khá, đến các làng nhà quê thì xem ra đang đói nhao cả lên. Chợ-búa tiêu-diêu sớ-sạc, chỉ có kẻ nghèo nắm cơm bán các xó chợ mỗi năm một «trình» là đắt. Ít nhà được hai bữa cơm, trung-thường thì một bữa cháo với một bữa cơm độn bắp hay khoai, túng quá thì ngày một bữa bắp rang hay bữa cháo cũng khó ! . . . Cứ hiện-tình chia ra ba hạng như sau này :

a) Hạng không phải vay, hạng này bất-kỳ cấy nhiều cấy ít, hoặc cấy nhiều, làm nghề cho vay, bà góa, hoặc cấy ít mà chịu hèn ăn tiêu tàn-tiện, song cũng ít lắm, mỗi làng được một hai nhà mà thôi.

b) Hạng phải đi vay. Tất cả những nhà có làm có ăn tức là có cấy từ một hai mẫu trở lên đến vài chục mẫu cũng có, đó là hạng số nhiều, của các làng thì đều phải đi vay cả. Vay lãi thì mỗi thúng thóc đến tháng năm thành hai thúng rưỡi. Một thúng gạo thành năm thúng thóc. Bạc thì mỗi đồng một tháng hai hào lãi, vay tiền thóc đều phải khấu tiền quà hai phần trăm, phải viết ruộng đất có lý-trưởng đóng triệu mới được. Song đó là ruộng đất có giá-trị, còn ruộng đất xấu hoặc ở hẻo-lánh thì cũng không ai cho vay. Kể đi « bán thóc non » thì bây giờ mỗi thúng là bốn năm hào, đến mùa chiêm này trả một thúng

thóc, kể số lãi vay như thế thì cũng nặng quá, nhưng không được cũng khổ ngay bây giờ, nhà nào sợ lãi có đồ chơi, nhà gỗ, nhà ngói, trâu bò cũng bán đi nhiều.

c) Hạng không vay được, kẻ nào có sức khỏe thì đi làm các mỏ các nơi không bị lụt, đi phu mộ vào Nam-kỳ ; năm chờ tàu ngồn-ngang ở các tỉnh-ly, . . . tuy có phát-chấn cũng không chu hết được.

Tôi vừa thảo bài này đến đây thì tiếp được hai câu chuyện để chứng thêm vào hai thời-kỳ vừa nói đây. Bấy giờ đã quá trưa, một ông lão vào xin, nhà thổi cơm rồi chưa ăn, tôi bảo người nhà sôi một bát cơm và đồ ăn đem cho ông lão, lại đem điếu và nước uống ra cho nữa. Lão ăn uống rồi, tôi hỏi chuyện. Lão nói : « Tôi kém một tuổi đây bảy-mươi, trước đã làm Lý-trưởng, quê ở Thái-bình, chính chỗ vỡ đê. Tỉnh tôi vỡ hai chỗ, một chỗ về huyện Duyên-hà phạm làng An-xá, hại nhất mất hai làng là An-xá và Đăn-tràng nhà gạch nhà ngói cái xiêu cái đổ, nhà gianh thì trôi, người chết đuối vô-kể. Vườn ruộng vỡ lở toang-hoang, phố huyện Duyên-hà cũng cửa nhà đổ nát cả. Một chỗ nữa về huyện Hưng-nhân, hại nhất bốn làng là Nhật-tảo, Mĩ-dại, Lư-xá và An-lão, cũng toang-hoang như bên Duyên-hà . . . Quan có phát gạo chẩn về, mà chao ôi ! thầy còn lạ gì, tên Lý-trưởng huyện tôi đang bị xét về việc ăn bớt gạo chẩn . . .

III — Thời-kỳ cứu chữa. — Thời-kỳ này kể từ khi có lúa chiêm trở đi, việc khẩn-yếu nhất là lý-nghi sau khi lui ra phải quyết-định cái phương-lược thế nào cho tiết hết hay tiết dần cái tai-nạn nước lụt này đi thì dân mới mong có cơ sinh-tồn hưng-khởi được. Song dân thì có làm thế nào được, cái

thân-phận, cái nghĩa-vụ của dân chỉ biết nai lưng ra mà làm ăn để đóng góp lương-thuế cho đủ, còn phương-lược trừ-liệu đã nhờ ở người cầm quyền.

Tuy vậy mà người dân Bắc-kỳ ta ngày nay ai đã dám chắc rằng cái công-trình trị-thủy kia đến ngày nào năm nào thì thành-công, cái nạn nước lụt này đến ngày nào tháng nào thì giảm được mấy phần, rồi đến ngày nào tháng nào thì kiệt hết. Đã không dám chắc như thế, thế mà lại không biết thiết thân tìm lấy cái kế tự-cứu để phòng tai-nạn sắp tới sau này dư?

Nếu người dân Bắc-kỳ, không cứ là chỗ bị lụt năm nay, vì chẳng đây thì đó, chẳng nay thì mai, thế nào thì rồi cũng không thoát, không thì lụt một chỗ cũng hại lây khắp cả, khôn mà biết nghĩ ra, có trí ra, mưu còn được xum-vầy với nhau ở cái cánh đồng bằng rộng-rãi phong-quang này, không phải hóa theo nước lụt ra Nam-minh mà làm cá cả, hay là đến phải bỏ cái chỗ quê cha đất tổ này mà dắt-díu nhau đi đâu, thì mỗi bữa cơm không quên cái nạn nước lụt này nó đã làm cho ta sống đầy thác họa là thế nào, sau này còn chán vạ ra đây chứ đã hết đâu, thì phải cùng nhau mà tính lấy cái kế tự tồn tự-cứu thế nào.

Cái kế mà tôi xin kể ra sau đây, không phải li-kỳ gì, viễn-đại hay gian-lao gì, cũng chẳng phải cấp-tiến, mạo-hiêm, phá-hoại, kiến-thiết, tối-tàn, quá-kích gì sót cả mà không làm được. Chỉ là cái kế chịu, kể lùi, kể thủ-thế, kể xuống bò để đợi tai-nạn đến đó mà thôi. Mà tôi chắc rằng thế-tất không làm như thế cũng không được. Kế ấy có hai phần, một là cải địa-lợi đi, hai là trữ lấy lương ăn, cũng là cái kế cũ của mấy hạt đồng lụt mà nay làm rộng ra đó thôi.

10 Nói về cải địa-lợi — Cái co-quan sinh-sản ra thóc gạo trong một năm, ngày xưa lấy vụ mùa làm chính, vụ chiêm làm phụ, nay thì lấy vụ chiêm làm chính, vì được Chính-phủ hạ-lệnh cưỡng-bách cho thì hay, không thì cũng phải rủ nhau mà khai cho nhiều cừ nhiều rãnh để tiện nước mà chỗ nào cũng cấy chiêm được cho hết. Vì lại mua được nhiều máy nước hay là nhờ Chính-phủ đảm-bảo mua cho, rồi trả tiền dần làm vài kỳ như cách mua máy khâu, thì việc tát nước chiêm lại càng tỉnh-phi lắm. Việc đó thực lưỡng-lợi mà sao các nhà Tây-thương không biết làm. — Những hoa-màu gì không cần sự đởng-sinh lắm như cà, bầu, dưa rau, thì bỏ bớt đi cho nhiều ruộng cấy chiêm ra, chọn lọc mãi lấy giống thóc chiêm cho tốt, năm nay tôi thấy người ta đã đem cả giống nếp giống tẻ mùa ra cấy chiêm mà cũng tốt lắm đấy. Phải thêm phân bón cho được nhiều quả.

Phải lập lấy hội canh-nông khắp các khu các hạt mà liên-hợp tiểu-nông lại làm đoàn-thể đại-nông. Ngày nay đã có các hương-hội thì việc tổ-chức cũng dễ, đề hợp sức mà hưng-lợi trừ-hại cho việc canh-nông.

Trong nhà những chỗ đóng thóc, buộc trâu, đánh đồng rơm, đồng ra, thế nào cũng phải đổ cho thật cao hơn mực lụt năm 1926. Trong vườn chỗ nào không vượt cao được thì cây gì không ưa nước đừng trồng nữa.

Vụ mùa đã lấy làm phụ thì sự cấy mùa chỉ coi như đánh bạc mà thôi, một là cấy rõ thật sớm, có lụt nhỏ thì cây lúa đã cao, hai là cấy rõ thật muộn, chờ cho hết mùa mưa.

Phải di-dân vào các chân rừng mà khai-hoang; ra vịnh Bắc-kỳ mà đánh cá, về chân rừng như Đông-triều thì bọn nông-dân Trung-quốc vẫn đang

sang khai-khẩn, về bề thì bọn chài lưới chỉ kiếm ăn loanh-quanh trong chỗ bờ bề, như Đờ sơn, Cát - hải, còn trên mặt bề từ Núi Râu ra Cát-bà thuần là một thứ tàu-ô của dân Trung-quốc sang đánh cá, buồm trắng sát liền nhau, đứng xa trông như một cái thành. Họ đánh được cá lại muốn đem vào bán cho ta gọi là « cá tàu ». Cái lợi trong nước còn bỏ ngổn-ngang ra đấy, đã « nhân-mẫn » gì mà tìm đi đâu cho khổ.

20— Nói về trữ lấy lương ăn. — Cái tai-nạn nước lụt Bắc-kỳ này chưa có ngày nào trừ đi được, . . . thì chỉ có một kế là đề phòng lấy lương ăn mà đợi lụt. Đời cổ-sơ mười năm lụt mà dân không khổ là người ta cũng sức tích đề-phòng trước mà thôi.

Cái tài-năng của ta chỉ làm ra được có hạt thóc, cái tính-mệnh của ta cũng chỉ trông vào có hạt thóc. Thế mà không biết đề-giữ thì làm thế nào. Phải nhờ cái nạn nước lụt năm nay, phải lo cái nạn nước lụt sau này, thì sống chết thế nào cũng phải bấp chắt giữ lấy một số lương ăn lại. Nhà thường thì hề thấy thóc mùa sau đã kể mới được tiền hết số thóc mùa trước đi. Nhà khá hơn thì đề được một đôi mùa cày hay. Ngày trước quý vàng, quý bạc, quý xe quý ngựa, quý áo đẹp ngôi cao, ngày nay ta chỉ quý thóc. Vàng bạc xe ngựa, áo đẹp, ngôi cao, không cứu được ai, chứ thóc thì cứu sống được thân ta nhà ta, làng ta nước ta đó. Muốn như thế thì phải thực-hành ba điều, là phải chừa thói lêu-lồng, phải bỏ thói hư phi và phải giúp lẫn nhau.

a) Chừa thói lêu-lồng. — Xứ Bắc-kỳ đồng màu đất tốt, dễ kiếm thức ăn, nên nhân-dân sinh ra luòi biếng đã lâu rồi. Phạm việc lao-động, việc trị-sinh nhờ cả ở bọn hạ-tiện với bọn đàn bà. Nhất là người đàn bà, phải mang cái gánh

cho xã-hội rất nặng-nề. Việc nông việc thương, cái gì nặng nhọc đề-hèn thì đến người đàn bà, trừ ra những kẻ bỏ cu mẹ dī, vợ chồng cùng làm cùng ăn với nhau, với một số ít đàn ông biết làm cái nghề nhàn mà được nhiều tiền mới nuôi được vợ con, còn thì người đàn bà phải nuôi chồng nuôi con, cầm cả cái quyền kinh-tế trong gia-dình, ngoài xã-hội. Vì cái thế nó khu-bách thành ra người đàn bà Bắc-kỳ có tiếng dảm. Đàn bà dảm bao nhiêu thì đàn ông lêu-lồng bấy nhiêu, mẹ với vợ dảm bao nhiêu thì chồng với con lêu-lồng bấy nhiêu. Ở đời đói bụng đầu gối phải bò, nay không làm cũng đã có người nuôi thì còn tội gì mà vất-vả. Nào mượn mầu kinh-sử mà lêu-lồng, mượn tiếng việc vua việc làng, ông Lý ông Tồng mà lêu-lồng. Lại kể thì chẳng phải mượn tiếng gì, chỉ nhờ vào cái ác-tục « nam-tôn nữ-ti » mà lêu-lồng. Họ đã không biết kiếm tiền, tất không biết tiêu tiền. Không những lêu-lồng mà ăn hại lại lêu-lồng mà phá hại nữa. Phạm kẻ nào có thì giờ đi nhung-nhăng ngoài đường mà đua tranh cái hãnh-diện về danh mệnh, cờ-bạc, thuốc saï, dảm xá, áo đẹp và chơi sang, là kẻ phá hại mẹ hay phá hại vợ cả. Trước còn phá hại của nhà sau thừa-thế phá hại đến của xã-hội, mà gia-dình xã-hội đều phải tan-hoang.

Đến nay thời-thế đổi thay, đồng màu hóa làm đồng lụt, bọn nông-phu khỏe mạnh làm không đủ ăn thì họ bỏ mà đi làm thợ làm phu, đi mộ ra ngoài-dương, mùa tháng 10 năm 1925 với mùa tháng năm năm 1926, công người làm đã cao gấp hai trước mà khó mượn rồi, còn những kẻ hèn yếu mới chịu ở nhà, tìm được người cầm nổi cái cây như xưa hiếm lắm. Thiên-thời thì lật-lua phảo-chắc như thế, làm được hạt thóc khó quá. Nữa là lại đang lúc người đói xô đẩy nhau trong tràng kinh-

tế, mà người mình thua kém mọi đàng, lỗ hà lỗ máng, hao-hụt đi biết bao. Vậy thời bọn hạ-tiện vô-học với bọn đàn bà yếu đuối kia kham sao cho nổi mọi việc trị-sinh mà không phải dối khó!

Có người nói đùa rằng: « Xem sự sinh-hoạt của đàn ông, ông chúa thì làm việc sản-dục ra loài giống ra thống-ngự cả trong đàn, ông quan thì làm việc gây mật xây tổ, còn một số ông đực thì chỉ ăn chơi với làm việc truyền giống mà thôi. Khi trong đàn xem chừng giống đã vừa đủ rồi thì ông quan cắn chết ông đực đi cho khỏi ăn hại. Đời nay người ta hay thủ-lệ ở loài động-vật, mà xã-hội ta dối khó thế này, bọn lêu-lồng cứ càng ngày càng nhiều, các bà các cô ta vì cái kế giống nòi có lẽ rồi phải dùng đến cái luật của đàn ông mới xong». Tôi cười mà rằng: « Người ta hơn vạn-vật, bọn đàn ông phổ-thông ta có đâu lại chịu đến cái số-phận như ông đực. Bọn đàn ông ăn chơi thấy cái tình dối khó này không cam chịu cái số-phận làm ông đực thì phải bỏ hết thói lêu-lồng đi, quay về thừa-duyên lấy cái việc trị-sinh cho gia-đình xã-hội là cái thiên-chức của mình mà thay cho người đàn bà, trong gia-đình xã-hội đã thêm người làm người lo [thì lương ăn tất có sung-túc] ».

b) — Bỏ thói hư-phi — Xứ Bắc-kỳ ngày nay tuy có mở-mang nghề thương, nhưng cũng chưa lợi được là mấy. Cái lợi-nguyên ăn tiêu trong xứ vẫn còn phải toàn-ý vào nghề nông. Thế mà từ năm 1911 về trước, giá mỗi thúng thóc chỉ có bốn năm hào, đến năm 1911 thì cao lên 1 p.00. Đến nay thì 1 p.60 hay 1 p.70, được mùa cũng phải 1 p.20 hay 1 p.30. Mà dân-tình, không những chỗ bị lụt, dẫu chỗ không lụt, nhà quê kẻ chợ đều thấy túng thiếu hơn lúc thóc rẻ là vì người ta thấy giá hạt thóc cao lên thì lấy làm đặc-ý đua nhau mà hư-phi.

Kể cái trình-độ « sang-trọng » thì năm 1911 là năm bắt đầu thóc cao đến nay người dân đã bước được một quãng dài, phường-phố làm đầu-nêu, thôn-đô theo bắt-chước, khách đú-mỡ đã ngựa của thì chủ lũng-đoạn càng tìm hết cách chiều. Cái giá mua « danh-mệnh » cao đến hàng nghìn, số thuốc-sái nhiều ra, tiếng đánh bạc to lên, đình đám ăn chơi cái gì cũng theo hình-thức văn-minh cho thực « cũ » thật « mới », đám giỗ cũng kết hoa treo đèn, mời khách đánh bạc, miễn sao cho khỏi hủ-lậu, cho được văn-minh ! Có hạt thóc nào róc ra cho hết, thiếu thì đi vay, bán ruộng ăn bầu-củ, cầm vườn ăn khoai, hạ-đẳng thì lấy thóc non may áo « cát-sơ-mi », thượng-đẳng thì vay lãi tháng mà mua « ô-tô ». Cầm đến bắt nợ cũng không cần, tây-đen gọi bỏ tù nợ cũng không xấu. Bề ngoài tốt hơn dễ-cùi, bề trong bản hơn tổ-địa. Không ngờ lụt đến, tiền hết gạo không, dối nhân thấy ra với nhau, thế là hết ngôn sang với trọng.

Có một điều mới đây mà chúng ta phải lấy làm quái-gở là cái nạn nước lụt ở năm tỉnh Bắc-kỳ này thật là một cái quốc-nạn, một cái tru-hoạn chung cho cả xứ cả nước, dù chỗ được mùa nơi không lụt, thấy cái tình-cảnh này, chẳng thương cũng nên lấy làm khúm-núm, ngày xưa hễ dân bị tai-nạn thì tôn-qui đến như ông vua mà cũng phải bớt đồ ăn, triệt hẳn ca-vũ để tỏ ý chia buồn. Thế mà tết Nguyên-đán năm nay các báo kêu rằng : ở thành-thị mặc nhiều thứ áo gấm đẹp lạ, đàn ông đàn bà mặc xan-xát gấp mấy mươi phần mọi năm. Ôi, mặc nhiều áo gấm hơn mọi năm như thế để tỏ cho thiên-hạ biết mình sung-sướng hơn bọn đồng lụt chẳng ? hay là thấy họ tai-nạn mà mừng ?

Ôi ! Cái tội lỗi hư-phi làm cho nước nghèo dân dối đến như thế, tôi đây

chẳng nhiều thì ít, không dám chắc đã không phạm một điều nào trong các điều tội lỗi ấy, nhưng mà thôi, nay ta cùng nên sám-hối, ta cố bỏ cho hết cái đại-hư-phí đi. Phạm việc gì không thiết đến sự mưu-sinh ta đừng tiêu bậy nữa. Có dư ra thì mua máy móc mà mở-mang các việc nông công thương, dành-dụm lấy đồng tiền hột thóc để chờ kỳ lụt đến.

c) — Giúp nhau. — Công việc đối-phó với cái tai-nạn nước lụt này đã đành phải cải địa-lợi, phòng lương ăn, song ai biết thân ấy, nhà nào biết nhà ấy, hạt nào biết hạt ấy cũng không đủ. Còn phải thương nhau cứu giúp nhau, đề mà nhờ lẫn nhau nữa. Cho nên cùng trong một chỗ hoạn-nạn với nhau, sự thương nhau giúp đỡ lẫn nhau không những là cái lòng bác-ái của kẻ nhân-nhân mà chính là cái kế tự-vệ của kẻ trí-giả đó.

Cứ nghiệm ngay hiện-tình bị lụt bị đói năm 1926 sang năm 1927 này, nhà nghèo bị đói thì nhà giàu cũng mất cả công nợ, trộm cướp quấy-nhiều, dân đói thì quan cũng ít lễ-lạc, nhà nông đói thì nhà công nhà thương cũng đều ế-ảm. Hạt bị lụt đói thì hạt không lụt cũng ăn kém láy. Suy ra một nước, xứ Bắc-kỳ đã quẫn-bách tai-nạn thì hai xứ Trung Nam lẽ nào không phải chịu cái ảnh-hưởng thịnh-suy tiến-thoái với nhau dư ? Cho nên không giúp nhau không được, giúp nhau bằng cái kế lâu dài chứ không những bằng cái ơn cô-túc. Muốn mình có lợi nên làm lợi cho người trước. Muốn người ta theo

minh, mình phải làm gương trước, làm những việc cải địa-lợi, trữ lương ăn, muốn cải địa-lợi phải mở mang thực-nghiệp, muốn phòng lương ăn phải chừa lâu-lông, bỏ hư-phí, người trên làm cho người dưới theo, kẻ khôn làm cho kẻ ngu học, thành-thị làm cho thôn-quê bắt-chước. Tùy sức mà làm, nói sao có vậy, sao cho lương ăn hằng đủ để mà chi-độ với nhau về những khi cái tai-nạn nước lụt khốc-hại sắp tới kia. Không thì một cái ao đã khô cạn, tôm tép chết trước, thì chằm chép cũng chẳng còn.

Những cái thảm-trạng của dân bị lụt hiện-tình bây giờ như trên ấy đã nói là tôi tóm lấy cái đại-lược giải bày ra đó mà thôi. . . . Chứ ví dù tháng sáu này lại lụt thì nông nổi chưa biết sẽ ra thế nào !

Tuy vậy, tôi chính ở giữa nơi bị cái tai nạn nước lụt, nói hết cái thảm-tình của cái tai nạn nước lụt, mà lòng tôi vẫn không dám nguội lạnh. Đối với tiền-đồ Tổ-quốc của dân-tộc ta, tôi vẫn vui-mừng cảm-kích có cái hi-vọng lớn-lao, mong rằng những chỗ không bị lụt, những xứ ở xa, trông thấy đó, nghe mà biết đó, lại càng phải bền lòng cố sức hơn lên, lấy cái học kinh-tế làm trọng, lấy cái sự-nghiệp trị-sinh làm căn-cứ, ngõ hầu giắt gấu vá tràng, lá lành đùm lá rách, mà cái tiền-đồ của Tổ-quốc, của dân-tộc không đến như một số ít bị đói khổ mà phải thiệt thòi.

Đ.-N.



# DỊCH THƠ ĐỜI LÝ VÀ TRẦN

## 李陳詩選譯義

LVI

窗外梅花舊相識。不知身在銀江驛。  
 破甃寒薄不成眠。獨背寒燈據槁梧。  
 鯉書雁帛無消息。函關未聽鳴雞客。  
 故人別後睽南北。易水休聞擊筑聲。  
 玉蟾西墜天無色。微躬苦被虛名役。  
 北風颼颼凍雲黑。天涯浩蕩迷雁迹。

雲州銀江驛

阮忠彥

Tới trạm Ngân-giang châu Vân

Gió bắc hiu-hiu mây đen nổi,  
 Thỏ lặn non đoài sắc trời tối;  
 Bàn cũ bắc nam chia rẽ suốt,  
 Thư cá tin nhận thừa biếng hỏi;  
 Mảnh chiến mỏng-mảnh giấc khôn yên,  
 Bóng mai quen mặt ngoài song dải.  
 Vô-võ phương trời nhận chẳng thấy,  
 Danh-lợi trong vòng mình buộc lấy;  
 Tiếng xa sông Dịch chúc thừa nghe,  
 Khách đợi cửa Tần gà biếng gáy;  
 Ngọn đèn chiếc bóng tựa cảnh ngộ,  
 Quên mình ở trạm sông Ngân ấy.

LVII

忙異二八  
 中國十千  
 強逢四餘  
 倚佳樓里  
 樓景秋客

登楊州城樓

Lên lầu thành châu Dương

Khách tám ngàn thừa dăm,  
 Thu hai chục bốn lâu;  
 Nước người trông cảnh đẹp,  
 Vui gương cũng xuống lâu.

LVIII

江南雖樂不如歸。  
 見說在家貧亦好。  
 早稻花香正肥。  
 老桑葉落蠶方盡。

歸興

Hưng muốn về

Tầm tàn vừa độ dâu còi lá,  
 Cua béo đương mùa nếp nức hương;  
 Nghe nói về quê nghèo cũng thú,  
 Giang-nam dâu thú cũng tha-hương.

LIX

不堪重聽夜猿聲。  
 正是客中愁斷處。  
 野戍無人月自明。  
 竹籬有菊秋垂晚。  
 四圍山色碧縱橫。  
 幾簇蠻家黃蝶落。  
 又趁黃昏到武盈。  
 容身小轎任欹傾。

武盈洞

Động Vũ-doanh

Nghiêng ngửa mình trong chiếc kiệu  
 Vũ-doanh đã tới lúc hoàng hôn;  
 Vàng rây rắc bóng đôi nhà mọi,  
 Biếc dọc ngang màu bốn phía non;

Giữa trúc hoa đàm hờn tiếu muộn,  
 Lầu canh người vắng bóng trăng tròn;  
 Cảnh sầu đất khách nào ai tả,  
 Tiếng vượn thâu đêm khéo chấp-chồn.

LX

自負平生耐得牢。	早知世路多艱險。	蕭蕭胡馬毛弓刀。	獵獵漢旗凌草莽。	漢北關山過嶺高。	斗南宮闕膽天近。	曉風吹露潑征袍。	王事多忙敢憚勞。
----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

永平寨初發

Mới ở trại Vinh-bình ra

Việc nước gian-lao dám gạn-gùng,  
 Mù sa áo chiến gió may lồng;  
 Trời Nam cửa khuyết chùng gang tác,  
 Cối Bắc tòa non biết mấy trùng;  
 Cờ Hán phát-phơ che nội cỏ,  
 Ngựa Hồ găm thét dứt dây cung;  
 Trên đời đã trải mùi cay đắng,  
 Gang sắt từ xưa vẫn một lòng.

LXI

飄零空憶賈生才。	極目長沙獨雁來。	天近衡陽獨雁來。	雲藏岳麓疎鍾臺。	半江風雨簇樓臺。	十里橋南通舸艦。	一到湖帆通眼開。	十一世役南俗趁風埃。
----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	------------

湖南

Hồ-nam

Ngán nỗi lao-đao giữa bụi hồng,  
 Hồ-nam thử mở mắt trần trông;  
 Buồm đưa thuyền tới chùng mười dặm,  
 Mưa vượt lâu qua độ nửa sông;  
 Nhạc-lộc tầng mây chuông cửa phật,  
 Hành-dương chiếc bóng nhan trên [không];  
 Tràng-sa quanh cõi trông càng nhớ,  
 Tiếc Giả-sinh xưa gặp vận cùng.

LXII

遊人空打李邕碑。	虎叫龍吟渾寂寞。	杖履重來幾時。	鍾山信美非吾土。	香聲不忽動鶴眠遲。	上界樓臺瞰水湄。	曲欄杆外白雲飛。
----------	----------	---------	----------	-----------	----------	----------

遊岳麓寺

Chơi chùa Nhạc-lộc

Mây trắng ngoài cầu bồng nhất thừa,  
 Cảnh chùa gần bến ngắm càng ưa;  
 Hương tàn trước án hồn sư tỉnh,  
 Chuông lặng bên tai giấc hạc trưa;  
 Cảnh khách khó mà vui dạ khách,  
 Bảy giờ rồi lại biết bao giờ;  
 Hồ long dấu cũ rày đâu tá?  
 Bia Lý Ung nhìn kẻ ngẩn-ngơ.

LXIII

獨抱先憂後樂心。	江湖滿目孤舟在。	人生能得幾千登臨。	景物莫窮堆幾海深。	山水接龍背蓬宮沓。	淒然感古又懷今。	猛拍欄杆又一吟。
----------	----------	-----------	-----------	-----------	----------	----------

岳陽樓

Lầu Nhạc-dương

Nương cầu cảm cảnh một vài câu,  
 Ngâm cuộc xưa nay nẩy mối sầu;  
 Núi nổi cung tiên khôn biết nẻo,  
 Nước cao lượng bề khó dò sâu;  
 Cuộc đời chóng đổi nhiều phen đã,  
 Lầu cổ từng lên mấy kẻ đầu;  
 Mỏi mắt giang-hồ thuyền một lá,  
 Tấm lòng lo trước sẽ vui sau.

LXIV

忽疑身在爛銀宮。	獨泛關頭觀浩蕩。	鯨噴潮頭起風霧。	龍歸洞口到晴生。	羣山青白從天落。	一無限漁家散照中。	波搖日脚散霞紅。
----------	----------	----------	----------	----------	-----------	----------

神投港口晚泊

**Đỗ thuyền bến Thần-dầu ban hôm**

Sóng lay bóng ác rắng lung-linh,  
 Mây xóm thuyền chài bóng bọc quanh;  
 Nước dậu lưng trời rơi diêm trắng,  
 Non trèo mặt bể lạt mùi xanh;  
 Rỗng mai về động mù che nắng,  
 Cá tổi ra khơi gió chuyền ghềnh;  
 Cười sóng thử buông thuyền một lá,  
 Thân này e đứng cỏi Bồng - doanh.

LXV

孤不病夢馬壘晚雨  
 負堪中裏首頭風後  
 時對無有涼綠吹千  
 華景泪魂蟾蟻老林  
 又成到隨四三艷起  
 一惆啼化度分陽瘴  
 年悵鵲蝶圓熟天烟。

**邊城春晚簡諸同志**

**Gửi cho bạn đồng-chí**

Rừng mưa phút tạnh núi mù hun,  
 Dưới ánh tàn-xuân gió thổi dồn;  
 Dờ-dần ba phân vô rượu chín,  
 Ruỗi-giong bốn đò bóng trắng tròn;  
 Bước quanh gối giặc hồn mé tỉnh,  
 Cước gáy dường đau tiếng nỉ-non;  
 Ngâm cảnh lại càng ngao - ngán nổi,  
 Tháng năm như cũ luống hao mòn.

LXVI

江今年時題童昔  
 山年人竊詩顏年  
 如重竊比嘯嘯丫會  
 故作浮眉詠詠石髻作  
 人浮石三壁下親浮石遊  
 白頭遊蘇下娛石遊  
 天外悠悠塵勝煙追  
 客身重遊遊波歡歲  
 帆倚世來遊遊千月  
 歸倚何那近遊遊里已  
 烏欄何那可遊遊生閒  
 疾中。日。必。愁。再。

**遊浮石岩先祖修行之地舟中作**

范遇號遼溪道之弟  
 尚書左司郎中

**Chơi đồng Phù-thạch (Phạm Ngộ)**

Phù-thạch năm xưa từng dạo qua,  
 Đầu xanh châu chực bên mình cha;  
 Mấy câu đê-vịnh dưới sườn đá,  
 Người lấy Tám Tó trộm vì ta;  
 Phù thạch năm nay lại dạo qua,  
 Non nước in xưa người đã già;  
 Ngày tháng thoi đưa nhà xuân vắng,  
 Sóng nổi cơn sâu nghìn dặm xa;  
 Gặp-gỡ đê đầu người với cảnh,  
 Cái duyên trùng-phủng thường trở  
 [ngạnh;  
 Cuộc đời dằng-dặc lúc nương cầu,  
 Buồm khách ngoài trời chìm thẳng  
 [cánh,

LXVII

時聽庭梧曉  
 羈懷怯冷無  
 月分夜氣入窗  
 風送秋聲隨樹  
 黃卷論心一炷  
 青燈對影雙蓬  
 蕭蕭四壁遠寒  
 破屋看星夜未  
 秋夜即事

**Đêm thu**

Nhà nát sao mai dãi cột giòng,  
 Đé kêu rầu-rỉ bốn bên tường;  
 Òn khuya soi bóng đèn thừa tóc,  
 Sách cũ vui lòng án đốt hương;  
 Gió thổi cây thu hiu hắt tiếng,  
 Trăng vào song vắng lạnh-lùng gương;  
 Thán còn dất khách lòng không bán,  
 Buổi sớm cảnh ngô nặng giọt sương.

LXVIII

蒼若浴玉  
 生使罷花  
 安愛牽夜  
 得有愛來  
 瘡如人近  
 痍馬愛赤  
 癢。馬。癡。奇。

**題唐明皇浴馬圖**  
 朱唐英號遼水官  
 轉運使

Đề tranh tấm ngựa của Đường Minh-hoàng (Chu Đường-Anh)

Ngựa Ngọc-hoa sao khéo lạ lùng,  
Tấm rồi đem tiến dưới sân rồng ;  
Nếu lòng yêu mến người hơn ngựa,  
Lo phải lo dân nổi khốn-cùng.

LXIX

一年莫霜雨  
忙道後餘  
處幽近闕  
是入人籬圃  
深渾滴移  
秋散葉根  
收種。

菊花百詠

張漢超

字升甫  
安寧人  
知政事

Vịnh hoa cúc (Trương Hán-Siêu)

Mưa tạnh dạo vườn dòi khóm cỏ,  
Sương tan quảnh giậu hái cành bông ;  
Chớ rằng khách biếng qua ngày tháng,  
Thu tới mười phân rất bận-bùng.

故應豈  
留是意  
卷秋天  
蕊工花  
伴憐尙  
衰冷滿  
翁落。窳。風。

Trời thu gió táp lại mưa sa,  
Ai ngỡ rừng thu vẫn lấm hoa ;  
Trời cũng xối thấm cơn vắng tẻ,  
Hoa tươi dành đề tặng người già.

幾却故重  
回憶國陽  
搔琴黃時  
首樽花節  
賦前開今  
歸日未朝  
來。雅。開。是。

Ngày tết trùng-đương nay đã tới,  
Hỏi thăm vườn cúc đã chưa hoa ;  
Rượu đàn thú cũ rày dẫu tá,  
Độc phú qui-lai tóc bỏ xòa.

今世對去  
朝舉客年  
有相愁今  
酒達無日  
却每酒有  
無如可花  
花。此。賒。多。

Năm ngoài hoa nhiều chính bữa nay,  
Buồn vì khách đó rượu dẫu đầy ;  
Trên đời lắm việc so-le nhỉ,  
Có rượu không hoa buổi sớm này,

LXX

好五閒浮上中遊山  
訪湖身世界流人色  
釣天悟如啓光胡正  
魚地昨今岩塔不依  
磯。關。非。別。屏。影。歸。依。

浴翠山刻石

Đề núi Dục-thú y

Non biếc chưa phai màu,  
Người xa sao ở lâu ?  
Giữa dòng soi bóng tháp,  
Trên cõi cuốn rèm châu ;  
Danh lợi mè rời lĩnh,  
Mang nhàn trước khác sau ;  
Năm hồ trời đất rộng,  
Uôm hởi đá ngồi cầu.

LXXI

山翠斜萬  
鵲蘿陽壘  
啼徑倒青  
煙裏掛山  
時無半簇  
一人溪畫  
聲。到。明。屏。

朱安清潭人號樵隱文貞公

靈山雜興

Núi Linh-sơn (Chu An)

Chất trước bình-phong bóng núi êm,  
Nửa khe bóng ngả nổi chen chìm ;  
Lối hoa vắng-vẻ người khôn tới,  
Thỉnh thoảng non mù một tiếng chim.

## LXXII

寒 獨 兩 山  
風 立 兩 腰  
颯 清 漁 一  
颯 涼 舟 抹  
嫩 江 伴 夕  
潮 上 岸 陽  
生。望。行。橫。

## 清涼江

## Sông Thanh-lương

Ngang giữa rừng non vách bóng chiều,  
Đánh đôi thuyền giã dọc bờ chèo ;  
Thanh-lương sông quanh người thơ-  
thần,  
Gió lạnh xa đưa ngọn thủy-triều.

## LXXIII

篋 笛 寒 宿 天 潮 孤 緩  
寂 吹 魚 鳥 淵 回 村 緩  
故 何 躍 翻 樹 江 淡 步  
山 處 碧 清 雲 笛 靄 松  
西。去。溪。露。低。迥。迷。堤。

日夕步  
遊山松徑Qua dãy thông núi Tiên-du  
ban chiều

Nhẹ bước dạo bờ rừng,  
Ngoài thôn bóng sáng lồng ;  
Sáo kêu đưa ngọn nước,  
Mây thấp nổi trên không ;  
Móc trắng chim bay liệng,  
Khe xanh cá lạnh-lùng ;  
Tiếng sênh dẫu đã vắng,  
Hùi hắt núi doài trông.

## LXXIV

滄 自 湖 功 暮 斜 風 江  
波 去 海 名 天 日 急 亭  
萬 自 聊 已 望 吟 灘 獨  
頃 來 爲 落 斷 殘 前 立  
羨 渾 汗 荒 碧 紅 一 數  
飛 不 漫 唐 悠 淡 笛 歸  
鷗。管。遊。夢。悠。淡。秋。舟。

## 江亭作

## Giang đình

Thuyền về nhiều ít trước giang-đình,  
Tiếng gió đưa mau dịch thổi ghềnh ;  
Bóng ác đã chênk trông sáng đỏ,  
Da trời gần tối nhuộm thêm xanh ;  
Dở duyên vẩn-vit cùng danh-lợi,  
Mượn cảnh khuấy-khoa với tính-tình ;  
Dù lại dù đi thôi xá quản,  
Chim âu cắt cánh sóng mông-mênh

## LXXV

聞 寸 嫩 老 雲 魚 荷 水  
說 心 苔 桂 滿 遊 花 月  
先 殊 著 隨 空 古 荷 橋  
皇 未 水 風 山 沼 葉 邊  
淚 如 沒 香 鶴 龍 靜 弄  
暗 灰 松 石 不 何 相 夕  
揮。土。扉。路。歸。在。依。暉。

## 鼈池

## Ao Ba-ba

Bên cầu thủy-nguyệt bóng chiều lồng,  
Chông-chập cây sen lá lẫn bông ;  
Ao cũ cá bơi rờng khó thấy,  
Non không mây bủa hạc khôn trông ;  
Quế già trước gió thơm ghềnh đá,  
Rêu biếc đầu khe lấp cánh song ;  
Lòng chứa thành vôi còn tấm-tức,  
Nhớ tiên-hoàng trước lệ đôi dòng.

## LXXVI

案 據 出 點 蟬 燕 嫩 山  
上 梧 籬 水 咽 尋 涼 宇  
殘 靜 竹 溪 新 故 一 寥  
書 極 筭 蓮 聲 壘 線 寥  
風 遠 不 無 陸 相 起 蚤  
自 成 凡 俗 續 將 庭 夢  
開。懶。才。態。來。去。槐。回。

## 初夏

## Đầu mùa hè

Trại non chợt tỉnh giấc mùa hè,  
Hơi mát đưa qua chiếc bóng hòe ;  
Tìm lối lữ hoang xao-xác yển,  
Đầy đường tiếng mới nã-nùng ve ;

Nhấp-nho sen nước xa mùi tục,  
Ngay thẳng mặng đồng át giầu tre ;  
Lặng dựa cảnh ngó người tựa biển,  
Gió dàu giở sách ỹ khôn dè.

LXXVII

溪 柏 心 身 紅 碧 竹 寂  
鳥 薰 同 與 濕 連 扉 寞  
一 半 古 孤 花 草 斜 山  
聲 冷 井 雲 梢 色 擁 家  
春 茶 不 常 露 天 護 鎮  
夢 烟 生 戀 未 如 輕 日  
殘。歇。瀾。蚰。乾。醉。寒。閒。

春旦

Mông một tết

Trại non vắng-vẻ bóng dương trưa,  
Khí lạnh trèo ngang bức sáo ngựa ;  
Cổ nhiễm màu xanh trời chénh-choáng,  
Hoa phơi giọt đỏ mớc lơ-thơ ;  
Mây đơn theo khách non quên nẻo,  
Giếng cũ in lòng sóng lững tờ ;  
Hương bách khói chè hơi lạnh ngắt,  
Tiếng chim bèn suốt giấc xuân vừa.

LXXVIII

君 兩 海 驛  
得 朝 門 路  
功 使 十 三  
名 者 二 千  
我 天 我 君  
得 邊 還 據  
閒。客。山。鞍。

黎括

送范公師  
孟北使

Tiền ông Phạm Sư-Mạnh đi sứ Tàu  
(Lê Quát)

Người tựa trên yên trải dặm ngàn,  
Kể về cửa bể cách quan-san ;  
Sứ-thần dật khách nào hơn kém,  
Hai chữ công danh một chữ nhàn.

LXXIX

無 雙 乾 事  
數 梅 坤 務  
黃 橋 萬 如  
花 畔 變 毛  
映 秋 靜 病  
藥 圃 中 復  
曝。老。看。閒。

〔其一〕

書懷二首

Tả tình

1

Việc rối như vô bệnh cũng khuấy,  
Biết bao cảnh tạo mắt nhìn say ;  
Cầu mai gió thổi trời thu muộn,  
Rực rỡ bông vàng trước giầu xay.

木 水 日 年  
蘭 國 望 來  
花 天 豕 世  
老 寒 山 事  
雨 驚 賦 與  
霏 嶽 式 心  
霏。暮。微。違。

〔其二〕

2

Mấy đờ lòng ghé việc thế-gian,  
Non quê mỗi mắt nôi gian-nan ;  
Lạnh-lùng mặt nước ở năm cuối,  
Gió thổi thêm già nhị mọc-lan.

LXXX

紅 帝 簫 湘  
日 妃 簫 水  
下 一 楓 北  
山 去 葉 連  
啼 殿 映 青  
鷗 門 菰 草  
鵠。閉。蒲。湖。

過瀟湘  
范師

孟夾山人  
字義夫  
號畏齋  
別號峽石

Qua sông Tiêu-tương

Bên hồ thanh thảo giáp dòng Tương,  
Cỏ mọc chen cây bóng rờ ràng ;  
Gỗ cửa nạng phi đầu vắng tẻ,  
Tiếng chim như giục bóng tà dương.

LXXXI

猶 至 松 池  
道 人 竹 園  
太 白 一 古  
師 髮 山 寺  
平 村 苑 瓊  
賊 前 雨 瑤  
回。叟。來。砌。

東山寺湖上樓

## Chùa Đông-sơn

Trên ao chùa cũ quanh thềm ngọc,  
Tùng trúc đầy non đón gió mưa ;  
Có kẻ trước thôn đầu đã bạc,  
Bình-nhung kể chuyện Thái-sư xưa.

## LXXXII

重雪僧曉  
讀侵房躡  
巖雨佛雲  
陵鬢舍烟  
題風俯叩  
寺吹漣石  
詩。淚。漪。屏。

## 題甘露寺

## Đề chùa Cam-lộ

Vạch đám mây mù gõ trước rèm,  
Buồng lũng nhà Phật nước quanh thềm;  
Gió lay giọt lệ sưng pha tóc,  
Thơ Mực-lãng xưa thử đọc xem.

## LXXXIII

惆夢蒼仕  
悵香頭宦  
烟坐白三  
溪對髮朝  
峽珥未備  
石河還省  
間。月。山。官。

## 舟中卽事

## Ngồi thuyền tức sự

Ba triều dài-lĩnh lạm ngôi quan,  
Đầu bạc chưa mua được chữ nhân ;  
Hương đốt ngồi trông trăng bến Nhị,  
Khe mù ghềnh đá dạ bàn-hoàn.

## LXXXIV

蒼山無蕭  
茫聖限蕭  
下昔傷千  
馬時心畝  
正攜安竹  
斜洒撫如  
曠地墳雲。

## 過安撫阮士固墳

## Qua mộ Nguyễn Sĩ-Cổ

Mây giăng nghìn dặm trúc xanh-xanh,  
An-phủ phần trông vương môi tình ;  
Này trại ngày xưa vui-vẻ chén,  
Vội-vàng dưới ngựa bóng chành-chành.

## LXXXV

四行瀛蓬鯨停扈  
度年洲島背波舟蹕  
訪六正連海天水鴉  
伽十客僧東上上頭  
藍。六。帆。舍。南。下。島。浦。

## 登浴翠山

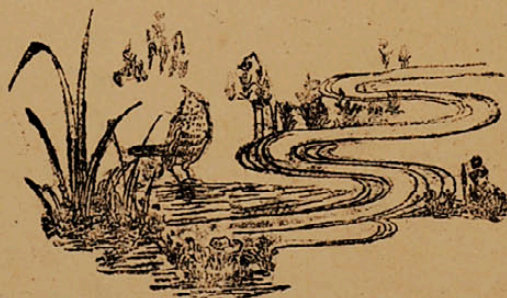
## 留題

## Đề núi Dục-thúy

Đầu bến khi hầu ngư,  
Chân non lúc cảm sào ;  
Ngất trời soi sóng ngọc,  
Giữa bể nổi lưng ngao ;  
Cửa Phật liền cung hán,  
Buồm tiên chỉ nẻo cao ;  
Sáu mươi thêm sáu tuổi,  
Nhà lĩnh bốn phen vào.

(Còn nữa)

ĐINH VĂN-CUỐP dịch



## KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU (1)

## V

## CHƯƠNG THỨ II. — XÉT VỀ ĐỜI ĐƯỜNG.

10 *Khái-luận.* — Thời-dại khoa-cử thì khởi-thủy tự đời Đường, vậy nên phong-tục đời Đường có thể lấy khoa-cử làm đại-biểu hết cả được. Nhân-tâm trong nước bấy giờ đều chú-xạ cả vào đường khoa-cử, mà khoa-cử đời Đường thì đại-biểu toàn là văn-từ cả, chứ không có thực-học. Nên đến lúc cuối không có một người nào là trung-thần nghĩa-sĩ, cái tệ đã rõ ra đó rồi, cho nên xét đến phong-tục đời Đường lại càng biết cái hại về khoa-cử tệ lắm.

20 *Ăn uống.* — Những thứ thực-phẩm về đời Đường thì có canh thịt, gỏi trần, giò nem, bánh nhân thịt, bánh bao sữa, bánh hấp, bánh mì, miến sào, bánh nếp. Những thứ thịt ăn thì ngoài loài lục-súc ra, có kiêm-dùng cả những thịt hươu, gấu, lừa, cáo, thỏ, ngỗng, vịt, chim, ba-ba, cua, tôm, chai, hến, ếch. Cách nấu nướng thì rất tinh khéo, như thịt gà thì có cách nấu gà hấp rượu, gà tần sữa, gà xé nhỏ; thịt ngỗng thì có cách nấu hầm cháo ngỗng gọi là bàn-hoa bát-tiên; thịt vịt thì có cách nấu tần mỡ vịt, thang bánh vịt; cá thì có cách nấu bóng cá, trứng cá; cá muối, cá gỏi; ba-ba thì có cách làm gỏi kim-hoàn, ngọc-diệp; cua thì có cách cua gỏi, cua sào; chả thì có thứ chả chim cút, chả tôm bẻ, chả thịt bò non, chả thịt bọc lá ngải; miến mì thì có thứ miến thả, miến thang, miến sào, miến hấp. Lại còn cách nấu hợp và thứ thịt làm một thứ, như là thức nấu

thịt hươu thịt gà chung làm một gọi là thức tiểu-thiên-tô 小天酥, thức nấu thái nhỏ các thứ thịt dê, lợn, bò, hươu, gấu chung làm một gọi là thức ngũ-sinh; 五生; cách nấu thịt dê và cá lạng mỏng gọi là Truân-tuần-tương 逡巡醬; cách ăn đúng thịt cá thái mỏng mà đúng vào nước dầu sôi gọi là quá-môn-hương 過門香. Các thức pha nấu thì ngon nhất là dấm đào-hoa, tương hồ-lô, dầu chiếu-thủy, thề-tục lấy làm qui-trọng lắm. Đến như những nhà Nghiên-cứu về thức ăn có tiếng thì ở Trường-an nhất nhà cao-lâu Trương Thủ-Mĩ 張手美, rồi thứ hai đến nhà Hoa-cao viên-ngoại 花糕員外. Nhà Trương Thủ-Mĩ thì mỗi một tiết, dỗi một món ăn, như về ngày tết nguyên-dương thì làm một món thịt gọi là Nguyên-dương luyến 元陽戀, ngày nhân-nhật thì làm một thức rau gọi là Lục-nhất-thái 六一菜, ngày thượng-nguyên thì có thức Du-họa minh-châu 油畫明珠, ngày rằm tháng hai thì có thức Nát-bàn-dầu 湮槃兜, ngày thượng-tị thì có thức Thủ-lý hành-trù 手裏行廚, tiết hàn-thực thì có cháo Đông-lăng-chúc 冬凌粥, mồng tám tháng tư thì có thứ bánh Chỉ-thiên tuấn-hãm 指天餛飩, đều là những thức ăn ngon, thực là khoái-chá nhân-khâu. Nhà hàng Hoa-cao-viên-ngoại thì có năm sáu thứ ngon, như là thứ nấu bóng Đại-tiểu hồng-kiều 大小虹橋, thứ nấu mì Kim-mao 金毛, v.v.. Ngoài ra còn các nhà sĩ-phu ở Kim-lăng thì nhiều nhà nghiên-cứu về cách pha nấu cũng rất tinh khéo, đã có tiếng là Kiến-khang thất-diệu 建康七妙. Lại còn như thứ nấu tủy voi

(1) Lược-dịch theo sách « Trung-quốc phong-tục sử » của Trương Lượng-Thái 張亮采 Xem N.-P. từ số 111. 112. 113. 114.

đỏ, môi vượn trắng, khi bảy giờ lấy làm thức dị-vị, mà cái cách nấu thịt dè của nhà Hùng-Phiên cũng rất cầu-kỹ, thế mà thời ấy cũng nhiều nơi bắt-chước. Các thức uống thì chẳng qua có thứ chè, thứ rượu, mà cách nghiên-cứu về vị chè có phần tinh hơn đời Lục-triều, xem như trong Trà-kinh đã nói kỹ thì biết.

30 Áo mặc. — Đầu đời Đường những người học-trò lấy mặc thứ áo đơn liền với xiêm làm thứ mặc lịch-sự quý nhất, là ý quý-trọng nghề nữ-công mới may thứ áo ấy trước tiên. Khi được nhất-mệnh thì mặc áo vàng, tái-mệnh thì mặc áo đen, tam-mệnh thì mặc áo lụa đỏ, tứ-mệnh thì mặc áo mùi lục, ngũ-mệnh thì mặc thứ mùi tía. Người học trò thường mặc áo ngắn mùi nâu, kẻ thứ-dân thì mặc áo trắng, đời vua Đường Thái-tôn mới chế ra thứ áo bào, lúc ấy lấy thứ áo bào làm một hạng áo đi cung-phụng tâm-thường, tự Trương-Tôn Vô-Ky mới tâu xin nối thêm một miếng xiêm vào dưới áo bào, vua cũng nghe theo. Mã Châu có nói rằng cứ như trong lễ thì không có mặc áo đơn, đời Tam-dại có thứ áo thâm xin nối thêm cửa tay áo và một miếng xiêm để làm áo mặc cho học trò. Còn thứ-dân thì mặc thứ áo xẻ sau lưng. Cách áo ngắn nửa cánh tay là thứ áo khinh - khiêu, nên gia - pháp nhà Phòng Đại-úy cấm không cho mặc thứ áo nửa cánh tay. Nhưng đầu đời Đường Mã Châu đã dâng sớ định cách mặc cho kẻ sĩ-thứ thì lại lấy thứ áo nửa cánh tay phủ lên trên áo đơn là phải lễ. Xem thế thì cách ăn mặc mỗi lúc một khác. Dây lưng thì vẫn dùng thứ thắt lưng da đời cổ, tự đời Tần Hán trở về sau, kẻ thứ-dân vẫn thắt lưng da, mà không cứ kẻ sang người hèn điều lấy thứ da thuộc làm dây lưng, mà dùng khóa bằng đồng. Song về sau thì từ lục-phẩm trở lên dùng

khóa bằng bạc, cửu-phẩm trở lên và kẻ thứ-dân thì dùng khóa sắt. Năm Trinh-quán thứ hai lại có lệnh từ tam-phẩm trở lên được dùng khóa bằng vàng, mà mặc áo lục, kẻ thứ-dân thì dùng khóa bằng sắt mà mặc áo trắng. Vua Thái-tôn thường khi tết Đoan-ngọ có ban cho các văn-quan thứ dây lưng bằng đồi-mồi đen, võ-quan thứ dây lưng bằng bạc. Vua Thiên-tử thì dùng đai lưng chín vòng, trăm quan và các sĩ-thứ đều dùng khăn phủ đầu gọi là thứ thượng-cân, thì lấy ba thước lụa đen để quấn tóc lại, đó là cách thường-phục của kẻ thứ-dân. Đến đời vua Võ-đế nhà Hậu-Châu đòi ra thứ khăn tứ-cước 四脚, Mã Châu lại xin đòi thứ khăn lụa làm khăn là, buộc hai dải ra đằng sau để tượng nhị-nghi, hai bên đều quấn làm ba nút để tượng tam-tài, từ trăm quan cho đến sĩ-thứ đều lấy làm thường-phục cả. Thứ mũ ó-xa 烏紗 thì từ thiên-tử cho đến thứ-dân đều đội cả. Trong năm Võ-đức Trinh-quán kẻ cung-nhân thường cưỡi ngựa nên có dùng thứ khăn phủ để che mình. Đến cuối năm Thần-long thì không dùng thứ khăn phủ nữa. Đầu năm Khai-nguyên kẻ cung-nhân cưỡi ngựa thường đội hồ-mạo 胡帽 để lộ đằng mặt trước, nên các sĩ-thứ đều bắt-chước. Trong năm Thiên-bảo vợ người học trò thường đội mũ sam-mạo 衫帽, mà những con gái thì hay khoác khăn lụa cũng mới tự đời Khai-nguyên.

40 Cái quan-niệm về khoa-cử và đường-sĩ-hoạn. — A. Thói chuộng văn-tử. — Nhà Đường nhân cái thói đời Lục-triều để lại, kén dùng người hiền đều xét ở văn-ngệ, vậy nên lúc ấy những người tập điền-cổ, làm sổ-sách thì gọi là kẻ tục, những người chuộng căn-bản bỏ rườm-rà thì cho là vu-khoát. Đời bà Vũ-hậu, Lưu Nghiêu có dâng sớ nói rằng đời xưa làm văn

thì tất phải hòa với phong - nhã, kẻ **mat-học** ngày nay thì không hợp với **điền-mô**, chỉ lao-tám tả những **cánh cỏ cây**, **cực-lực** vẽ những **lời mây khói**, vì thế thành tục, thì **thực** là **lầm to**. Xem thế thì biết **sĩ-tập** đời ấy **phù-hoa** lắm. Tự đời Khai-nguyên trở về sau, không cứ gì kẻ **sĩ** **hiền** hay **bất-tiểu**, đều lấy sự không **hiền-đạt** được **văn-chương** làm **xấu-hỗ**, cho nên **Dương Quán**, **Lý Đức-Dụ** cũng **bảo** rằng đời ấy **chuộng** **phù-hoa** quá **chứ** không **thực**.

*B. Tôn chuộng các nhà môn-phiệt.*— Năm **Thùy-củng**, **Nạp Ngôn**, **Nguy Nguyên** cùng dâng sớ **bảo** rằng những **kẻ** con em họ **quí-thích** cứ **lệ** còn ít tuổi đã đi làm **quan**, vậy nên những **kẻ** tuổi còn non nớt mà đã **lung** **đeo** **ấn** **bạc**, những **kẻ** tuổi còn **ngầy** **thơ** mà đã **minh** **mặc** **áo** **tía**, tuy rằng tài **nghề** **thiền-bạt**, mà chỉ cậy nhờ về **môn-phiệt** được **lên** **chức** **cao-trọng**. **Trương Văn-Thành** cũng **bảo** rằng tòa **tuyên-cử** **kén** **chọn** **đều** là những **kẻ** **mạo-danh** **làm** **gà**, hoặc các **nhà** **thần-thế** **thỉnh-thác**, những **kẻ** **tay** **không** **cầm** **bút** mà đã **dưa** **đến** **tòa** **dông-ty**, **mắt** **không** **biết** **chữ** mà đã **được** **cử** **vào** **nam-quán**. Xem thế thì biết những **kẻ** con em **nhà** **thế-gia** **bấy** **giờ** mà **được** **hãnh-tiến**, là **đều** **nhờ** **về** **cái** **thói** **sùng-trọng** **môn-phiệt** **cả**.

*C. Trọng-đãi bậc tiến-sĩ.*— **Thiên Công-cử** có **nói** rằng: **Đời** **Đường** **lấy** **đỗ** **tiến-sĩ** **coi** **như** **là** **đăng** **long** - **môn**, **học** **trò** **mà** **đã** **đỗ** **lên** **bậc** **ấy** **thì** **được** **làm** **chức** **quan** **thanh-yến**, chỉ **trong** **mười** **năm** **là** **lên** **đến** **ngôi** **cao** **ở** **miếu** **đường**. **Đời** **ấy** **đã** **có** **câu**; « **Ai** **mà** **được** **cấp** **đệ** **tiến-sĩ** **thì** **coi** **khinh** **chức** **hoàng-lang**, **ai** **mà** **phải** **lạc** **đệ** **tiến-sĩ** **thì** **còn** **phải** **làm** **chức** **lệnh-trưởng**. » **Vương** **Định** - **Bảo** **nói** **dời** **Đường** **khi** **xưa** **có** **khoa** **minh-kinh** **khoa** **tiến-sĩ** **đều** **trọng** **cả**, **đến** **sau** **chỉ** **chuyên**

**trọng** **khoa** **tiến-sĩ**, **kẻ** **tấn-thân** **dầu** **làm** **đến** **ngôi** **cao** **nhất** **bậc** **nhân-thần**, **mà** **không** **phải** **là** **do** **tiến-sĩ** **xuất-thân**, **cũng** **không** **được** **là** **quí**. *Tây Đường giai-thoại* có **chép** **truyện** **khi** **các** **tiến-sĩ** **hội-yến** **ở** **Khúc-giang**, **nhà** **vua** **có** **ngự** **trên** **lầu** **Tử-vân** **rủ** **rèm** **trông** **xuống**. **Các** **nhà** **quan** **Công** **Khanh** **cứ** **thường** **lấy** **hôm** **ấy** **đề** **kén** **rẻ**, **xe** **ngựa** **tấp-nập**, **hình** **như** **trong** **mắt** **coi** **ông** **tiến-sĩ** **như** **thần-tiên**, **không** **biết** **tu** **mấy** **kiếp** **mới** **đỗ** **lên** **được** **thế**.

*D. Cái thói đút lót cầu-cạnh không nghĩ gì liêm-sĩ.*— *Sách* *Triều-dã-thiên* **tái** **rằng**: **Trương** **Xương-Nghi** **khi** **làm** **quan** **Lĩnh** **Lạc** **đương**, **ý** **có** **quyền** **thế** **Trương** **Dịch-Chi**, **phàm** **các** **chức** **thuộc** **quan** **ai** **thỉnh-thác** **đều** **cho** **cả**, **phong** **thanh** **dã** **động** **ra** **đến** **ngoài**. **Khi** **ấy** **có** **một** **người** **họ** **Tiết** **dem** **năm** **mười** **lạng** **vàng**, **đón** **đường** **mà** **đút** **lót** **cho** **Nghi**. **Nghi** **nhận** **lấy** **vàng** **và** **nhận** **cả** **tờ** **trạng**, **vào** **đến** **triều** **đường** **Nghi** **đưa** **tờ** **trạng** **cho** **quan** **Thị-lang** **Trương** **Tích** **đề** **vào** **sổ** **bỏ** **quan**. **Thế** **nào** **hôm** **sau** **Tích** **đánh** **mất** **tờ** **trạng**, **hỏi** **lại** **Nghi**, **Nghi** **bảo** **rằng** **ta** **cũng** **không** **nhớ** **được** **tên** **là** **gì**, **cứ** **bảo** **Tích** **kiểm** **xem** **trong** **sổ** **có** **người** **nào** **họ** **Tiết** **thì** **cho**. **Sau** **cho** **đến** **hơn** **sáu** **mười** **người** **họ** **Tiết** **ra** **làm** **quan**, **ấy** **chính** **sự** **một** **nát** **như** **thế**. **Trịnh** **Am** **làm** **quan** **thị-lang** **bộ** **Lại** **giữ** **về** **việc** **tuyên-cử**, **tham-ó** **bừa** **bãi** **ai** **cũng** **biết** **tiếng**. **Có** **người** **đi** **vào** **ứng-tuyển**, **dưới** **gót** **giày** **buộc** **đeo** **một** **trăm** **bạc**. **Am** **hỏi** **cớ** **sao**, **người** **ấy** **thưa** **rằng**: « **Đời** **nay** **đi** **ứng-tuyển** **không** **có** **tiền** **không** **chạy** **đi** **được** ». **Am** **nín** **lặng**. *Sách* *Nam-sở tân-văn* **rằng**: **Ở** **đất** **Giăng-lăng** **có** **con** **người** **giàu** **là** **Quách** **Thất-Lang** **dem** **thâu-nộp** **vào** **và** **trăm** **vạn** **đề** **mua** **quan** **trước**, **sau** **quả** **lấy** **chân** **bạc** **đinh** **mua** **được** **làm** **chức** **Thứ-sử** **Hoành-châu**, **ấy** **cái** **thói** **mua** **bán** **quan** **trước** **đến** **như** **thế**. **Lại** **như** **Cừ**

Sĩ-Lương thông quan-tiết mà cho Bùi Tư-Khiêm đỗ đến trạng-nguyên. Còn quan tướng-quốc Bùi Viên vi thân với người sư thường đi lại trong nhà, mà nhận làm cùng họ cho làm đồng-hương, mà rồi dứt lót cho ông Ngan-Khu được đỗ. Nguyên Tái thì cứ thụ-danh vào những tờ sắc không, đem đến Hà-bắc cho bố vợ phát đi mà được đến hàng nghìn tấm lụa. Thôi Nguyên-Thâu nhờ Dương Viên tiến-cử lên muốn cầu-cạnh đỗ tiến-sĩ thì lại dứt lót cầu lấy đề-mục trước đề làm sẵn. Ấy cái thói hối-lộ công-hành biển-trá trăm triệu như thế, chỉ cầu cho thỏa cái bụng tư-tú của mình, thì việc gì mà chẳng dám làm, nhân-tâm phong-tục bại-hoại đến như thế là cùng. Tiết Khiêm-Quang bảo rằng những người đỗ cử-nhân bấy giờ thì thực là đối trá cả, nào là lạy-lục cầu làm ơn, dứt lót xin cho đỗ, hề động có tờ chiếu xướng mở khoa thi, thì vô-số người đến chạy chọt các nơi phủ-viện, vào thỉnh-yết các nhà quyền-quí, dâng bài thơ tâu bài ký, đề mong ơn bổ-thi, lạy rạp trán, chực mơn gót, chỉ mong đề-cử giúp cho. Lại còn như Lý Lâm-Phủ, Dương Quốc-Trung mà được làm tướng là nhờ Cao Lục-Sĩ; Chung Thiệu-Kinh làm tướng là nhờ về bọn hoạn-quan. Cha Dương Tư-Húc là Dương Lịch, khi Lý Quý cầm quyền thì đem cả con cháu vào phụng-sự anh quan Thị là Lý Phụ-Quốc, gọi tôn làm cha nuôi. Trương Ngập thì siểm-nịnh Tiết Sư, Quách Bá thì siểm-nịnh Lai Thuấn-Thần. Tống Chi-Vấn là một người văn-nhân có tiếng mà cũng phải siểm-nịnh Trương Dịch-Chi, cái nết hèn hạ nịnh nọt cầu cạnh nói ra bao nhiêu càng thêm bần. Những kẻ nhân-tài về thời-dại khoa-cử là đều thế cả. Nguyên Thứ-Son đã có câu rằng: «Thà vương-vấn mà làm đũa đầy tớ, chớ không luồn lọt mà làm quan Khanh.» Cũng là câu nói tức đời ghét tục mà phải nói ra như thế vậy.

50 *Trung-nghĩa khuyết-pháp.* — Đời Đường khi An Lộc-Son nổi loạn, mà những bày tôi nhà Đường qui đến như Tề-tướng Trần Hy-Liệt, thân đến như phụ-mã Trương Ky, đều cam-tâm theo giặc, muối mặt đi làm tôi, giá bắt tội đến cực-hình cũng không phải là quá. Thế mà khi Quảng-bình-vương thu-phục được Đông-kinh rồi, bắt lũ Hy-Liệt và trăm người đem giải-áp đến Trường-an. Thôi Khi tâu xin bắt những các quan theo giặc đều phải trần đầu đi chân không, võ ngực cúi đầu đứng trước điện Hàm-quang, để cho bách-quan xem, rồi xin điệu ra chém chết. Lý Nghiễn ngăn lại bảo rằng không phải là điển-pháp duy-tân, vả theo giặc cũng còn nhiều người lắm, nếu đem giết cả, sợ làm cho họ càng kiên-tâm theo giặc, xin nghị phân raluộc-đẳng đề định tội. Lý Miễn tâu vua Túc-tôn cũng giống như ý kiến Lý Nghiễn. Sách *Đường-thư* đều cho lời Nghiễn làm phải mà chê Khi. Đại-khải như thời-thế lúc bấy giờ không tam dùng khinh-diễn không được. Song là quyền-nghi một lúc bắt tội nhẹ, đề cho lia tan đảng giặc ra thì là phải, chứ nếu cho lời tâu của Nghiễn đã là chính-luận thì không phải. Ai lại có đường-dương nhất-thống một triều, mà những các quan ăn lộc nước nhờ ơn vua, đến khi giặc đến thì đều cam-tâm theo giặc cả, thế thì còn quốc-pháp ở đâu? Khi bấy giờ mà khen lời Nghiễn là vì từ đời Lục-triều trở lại, cái nghĩa lớn vua tôi không rõ, nhân-dân không biết có quốc-gia là gì, coi những việc tham-sinh lợi-kỷ, bội-quốc vong-quân làm việc thường cả. Đến đời Đường thống-nhất bờ-cối đã hơn một trăm năm, mà kiến-văn tập-thượng vẫn chưa đời hết được cái thói bợc-bạc ấy. Trung-nghĩa khích-phần được như Nhan Thường-son, Lưu Trung-thừa, Trương Thư-dương chẳng qua chỉ một vài kẻ mà thôi. Vả nên nửa lịch sử đời Đường về sau mới

thành ra cái lịch-sử các nước phiến-trấn chuyên-quyền. Toàn Tể-Vọng bảo rằng xét hết các sách vở đời Đường để lại thì cuối đời Đường chỉ có được hơn mười người trung-nghĩa, như là Tư-Không Đễ, Hàn Ấc, Tôn Cấp, La Ẩn, Vương Cư-Nham Chu Bảo-Quang, Nhan Nghiêu, Lý Đào, Lương Trấn, Hoàng Nhạc, Trương Hồng, và Lương Hiệu mà thôi. Lại trong tập Vương Kinh-công có nói Hứa Nho cũng là người trung nghĩa nữa là hết. Về phần đàn bà trung-nghĩa thì như đời vua Túc-tôn năm Kiên-nguyên nguyên-niên, ở Thanh-châu có người đàn bà là Vương-nương xin mộ quân đi theo đánh giặc. Khi Bộc-Cổ Hoài-Ấn làm phản nhà Đường, người mẹ cầm dao muốn đâm chết con đi để lấy tim tạ ba quân. Nàng Lý Nhật-Nguyệt làm tướng theo giặc Chu-Tỉ bị bắn chết, người mẹ lại nhיע mắng mà không thềm khóc: Lưu Tịch làm loạn ở đất Thục thì người chị dâu tuyệt di. Những người đàn bà trung-nghĩa như thế, kể thần-tử đời Đường chả thẹn chết đi ư !

60 *Tim cách trốn tránh phu-dịch tô-thuế.* — Truyện Lý Đức-Dụ có nói khi ấy ở Từ-châu có qua Tiết-độ-sứ tâu xin cho ở Hoài-lử thiết-dàn để độ người cho làm sư tăng, mỗi người nộp hai tấm lụa thì được cấp một tờ điệp nhận làm tăng. Đức-Dụ khi ấy làm Quan-sát-sứ ở Tích-giang tâu về nói ở Giang Hoài hề nhà nào có ba suất-dinh, thì tất cho một suất-dinh thí phát đi tu; ý là muốn tránh lần đao-dịch và nắp bóng để giấu của cải. Nay ở Toán-sơn mỗi ngày đi qui-tặng đến hơn trăm người, nếu không cấm chỉ đi, thì trong một năm giảm đi mất sáu mươi vạn suất-dinh. Vì khi ấy hề người nào được cấp tờ điệp làm tăng thì khỏi phải nộp thuế dinh, và lại được che chở cho cả nhà cửa, thậm-chí có kẻ lại mượn bóng bao bọc cả.

Vi không có lệnh cấm nên nhiều người xô về theo. Song thiết tưởng những người đã được ăn nhờ về ân-huệ quốc-gia, mà chỉ chực lần trốn nghĩa-vu không phải nộp thuế làm ruộng, thì khá biết cái trình-độ quốc-dân vậy.

70 *Bằng-đẳng.* — Bằng - đẳng đời Đường khác với cái lũ đảng-cổ đời Hán. Lũ đảng-cổ đời Hán khởi-thủy tự hai bộ Cam Lăng ché bai nhau, rồi thành ra là tự bọn thái-học-sinh tăng-bốc nhau. Bằng-đẳng đời Đường là khởi-thủy tự Ngưu Tăng-Nhu, Lý Tôn Mẫn vào thi đối-sách vì thân với Tiền Huy là quan tri cống-cử mà được đỗ, sau lũ Lý Đức-Dụ hặc tâu Tiền Huy tuyền-cử không công, Tiền Huy bị biếm, vì thế sinh ra ghen ghét nhau, phân ra bằng-đẳng mà chực khuynh-loát lẫn nhau. Xem thế thì bọn đảng-cổ đời Hán là vì tiết-nghĩa, là những người quân-tử hợp-quần với nhau chớ không có bè-đảng, nhưng vì cùng một bọn quân-tử mà mắc tiếng là có đảng, cho nên cái phong-thói thanh-cao. Bằng-đẳng đời Đường là chỉ vì thế-lợi, là những bọn tiểu-nhân tư-tú với nhau chớ không công-bằng, vì bọn tiểu-nhân chỉ su về đường thế-lợi, hết thế-lợi thì thôi, cho nên đến lúc cuối Đường đã suy thì học trò không còn tiết-tháo phẩm-hạng gì cả.

80 *Thanh-nghị.* — Đời Đường không trọng những lời nghị-luận ở hương-dã, cho nên hương-luận suy kém dần đi. Xem như năm Thiên-thụ thứ hai đời Vũ-hậu, Tiết Khiêm-Quang có luận cái tệ kén học trò bảo rằng: Lời hương-luận chỉ quyết định ở cái ngòi bút kẻ tiểu-nhân, nét học-hành thì không còn theo gì lời nghị-luận bậc trưởng-giá. Tuyền-cử tuy cũng có hỏi đến hương-thôn, nhưng chỉ chắc bằng ở bác lý chính. Dẫu có kẻ phạm tội danh-giáo mắc phải điển-hình, hoặc

kẻ mạo sô tên trộm tư-cách, dối huân-lao lam giai-cấp, nhưng chỉ lấy của dút lót là xong, là không phạm gì lời thanh-nghị ở hương-đảng cả. Xem như thế thì lại không bằng đời Lục-triều. Song những bậc thi-nhân ái-quốc như Đỗ Tử-mĩ, Hàn Xương-lê, Mạnh Đông-dã, Nguyễn Thứ-sơn, Đỗ Phàn-xuyên, Bạch Hương-sơn, những ông ấy cũng thường làm thơ từ đề qui-phúng thời-sự, cũng còn có cái ý trung-hậu phong-tao. Cổ Đinh-Lâm nói rằng khi trong nước mà chính-sự hay thì thứ-dân không có nghị-luận gì cả, thế thì những lúc mà chính-sự phong-tục dở cũng có cho kẻ thứ-dân được nghị-luận. Thiên *Hàn-canh* có nói rằng : Những lời dư-luận phải nên nghe theo, trong nước có điều gì đại-nghi thì phải hỏi thử ý dân xem theo về đảng nào. Tử-Sản cứ muốn đề nguyên nhà hương-hiệu là chỗ cho dân được họp bàn. Vua Văn-đế nhà Hán thường dừng xe lại để nghe lời dân nói, cũng đều là trọng dư-luận cả. Khoảng giữa đời Đường cũng còn có ý ấy, quan Lĩnh đất Lô-sơn là Nguyên Đức-Tú sai và người nhạc-công dắt vật áo vói nhau hát khúc *Vĩ-vu*, vua Huyền-tôn nghe phải cảm-động. Bạch Cư-Dị khi làm quan úy có làm ra hơn một trăm thiên *Nhạc-phủ* đề qui-phúng thời-sự, truyền vào đến trong cung-cấm. Hiến-tôn triệu Cư-Dị cho vào tòa Hàn-lâm. Ấy cũng gần như cái thời ngày xưa đi quan-phong các nước và nghe lời dư-luận vậy.

90 *Tộc-thị*. — Khi ấy vẫn trọng những họ có danh-vọng, như Lý-Tích là một nhà môn-hộ đệ nhất mà có thanh-danh, nên vẫn cho tước-vị không bằng tộc-vọng, tuy rằng làm quan đến chức Lang-trung thứ-sử, nhưng viết thư cho ai cũng chỉ xưng là « *Lũng-tây Lý-Tích*, 隴西李積 » chứ không thêm xưng quan-tước, ý là chỉ lấy họ có

danh-vọng làm trọng. Song đã vì một cái thói nhiều kẻ xin làm nghĩa-nam, lại vì một cái thói đồng-tình cùng thông-phổ làm cho tộc-thị loạn mất cả đi, không thể phân-biệt được nữa. Phương-chi lại nhiều kẻ đem bán cả tờ cáo-sắc họ nhà mình đi, làm cho các họ lẫn-lộn đi mất cả.

10 *Gia-pháp*. — Đời Đường có nhà quan Tiết-dộ sứ Hà-đông là Liễu Công Sước, kẻ trong hàng công-khanh thì nhà ông ấy có tiếng là có gia-pháp. Về phía đông nhà ông ấy có một cái trai-phòng nhỏ, nếu không phải phiên vào triều-yết, thì cứ mỗi buổi sáng sớm ông tắt đến ngồi cái trai-phòng ấy, rồi các con từ Trọng-Sính trở xuống đều mặc đai mũ tử-tế vào hầu hồi-han ở phía bắc cửa trung-môn. Công-Sước có quyết-định việc riêng gì hoặc tiếp khách, hoặc cùng em là Công-Quyền và các em họp ăn uống, từ sáng đến chiều không ra khỏi ngoài cái trai-phòng ấy. Tối đến lại cắt một người con em đọc các sách kinh sử, đọc rồi lại giảng bàn văn-chương, hoặc gảy đàn, đến đêm khuya mới đi nghỉ, các con lại vào thăm xét chỗ nghỉ-ngơi cho yên tĩnh, hơn hai mươi năm như thế không có biến-đổi chút nào. Nếu gặp năm đói kém thì các con đều phải ăn cơm hầm vói rau rura, ông dạy rằng : « Anh em ta khi xưa hầu đấng tiên-quân còn làm thứ-sử Đan-châu, vì khi ấy anh em ta học nghiệp chưa thành-đạt, nên đấng tiên-quân không cho được ăn thịt, ta đến nay vẫn không dám quên. » Khi Công-Sước làm quan ở ngoài phiên-trấn, các con có khi nào đến trấn thăm hầu, các quan phủ huyện cũng không mấy người được biết. Khi ra vào trong dinh cứ đến ngoài cửa kích-môn là phải xuống ngựa, phải gọi người mặc tân làm bậc trượng mà phải vái chào, chứ không khi nào dám nói cười đùa bỡn. Con Công-Sước là

Trọng-Sinh lấy lễ-phép giữ mình, khi ở nhà vô-sự cũng chấp tay ngồi ngay ngắn, hễ đi ra khỏi ngoài tư-thất thì tất là mặc đa mũi. Ba lần làm quan đại-trấn mà trong chuồng không có nuôi con ngựa nào tốt, áo mặc không có xông hương. Khi xong việc quan lui vào thì tất là xem sách, chứ không khi nào dờn bỏ quyển sách. Gia-pháp đã định khi làm quan không có tâu bày việc tường-thụy, ở nhà không có cầu cúng tin theo bọn sư-tăng, không được làm trái phép-luật mà mắc tiếng tham-tang. Ấy gia - pháp nhà họ Liễu như thế đủ để dạy về đời sau được. Liễu Tử rằng : Khi Vương Nhai làm tướng giữ quyền lợi to, có đứa con gái thấy người bán cái xoa ngọc về nói với cha rằng : « Người thợ ngọc họ bán cái xoa đẹp lạ, khéo lạ, chỉ độ bảy mươi vạn đồng tiền thì họ bán ». Vương bảo rằng : « Bảy mươi vạn đồng tiền thì vừa vào một tháng tiền lương của ta, ta có tiếc gì mà? Nhưng một cái xoa mà đến bảy mươi vạn đồng thì là một của quái, tất là có tai-vạ theo sau ». Con gái không dám đòi mua nữa, Và tháng sau người con gái đi đám cưới về báo Vương rằng : « Cái trâm xoa hôm trước nay thấy vợ quan Phùng ngoài - lang mua để cài đầu rồi. » Vương than rằng : « Phùng mới làm đến chức lang-quan, mà đầu vợ dám trang-sức cái trâm xoa bảy mươi vạn. Ăn mặc ngoa như thế thì có lâu bền được đâu ! » Phùng là môn-khách nhà quan Giả-tướng rất thân. Nhà Giả-tướng có bọn đầy-tớ ý-thể khoa-trương uy-phúc; Phùng triệu lại răn bảo. Chưa được và tuần, một buổi sớm, Phùng vào yết-kiến Giả-tướng, chợt có hai đứa đầy-tớ đem cốc rượu ra mời Phùng uống. Phùng uống xong độ nửa buổi thì chết. Giả thương xót mà vẫn không biết căn do tại sao. Lại cách một năm nữa, họ Vương họ Giả đều mắc nạn. Ôi ! họ Vương cho những đồ trăn-ngoạn lạ

lùng là một vật yêu-quái, thì thực là phải. Song chỉ biết đồ dị-vật là yêu-quái, mà không biết cái lợi - quyền thịnh quá hách quá cũng là yêu-quái, lại tệ hơn yêu-vật. Phùng còn là kẻ quan nhỏ mà đã tham của báu, không chính được nhà mình, hết bụng trung về chức-sự, mà không hay giữ toàn được mình, như Phùng ấy không thêm nói làm chi. Còn như Giả để cho những đứa đầy-tớ giết hại kẻ môn-khách ở trong nhà mình mà không biết. Như thế mà muốn trọn đời phú-quí thì sao được. Một việc này có thể răn được nhiều điều. Ôi ! Xem như họ Liễu sở-dĩ hưng-vượng, họ Vương, họ Giả, họ Phùng sở-dĩ bại-hoại, thì trị-gia phải nên có phép mới được.

11<sup>o</sup> Hôn-thú. — Tục đời Đường về lễ hôn-thú, khi nạp-thái có dẫn chín thứ : Hoa hợp-hoan 合歡, lúa gia-hòa 嘉禾, keo A-giao 阿膠, cỏ bò-cử-tử 九子蒲, cỏ sậy Chu-vĩ 朱葦, đá song-thạch 雙石, bông miên-như 綿絮, dây trường-mệnh 長命縷, sơn can tất 乾漆. Đưa keo sơn là lấy nghĩa bền chặt, bông là lấy nghĩa nhu-mì, cỏ sậy là lấy nghĩa mềm-mại, tùy lúc co ruỗi, lúa là ý chia cho phúc-lộc, đá song-thạch là lấy nghĩa bền chặt cả đôi. Lúc đón nàng dâu mới về thì có tục lấy ba thưng lúa đổ vào cối, lấy một chiếc chiếu phủ lên miệng giếng, lấy ba cán đay lấp các cửa sổ, ba cái tên gài lên trên cửa. Khi nàng dâu lên xe rồi, thì anh rể cưỡi ngựa chạy vòng quanh xe ba lần. Nhà gái gả con gái đi rồi, thì ngày hôm sau làm cháo thịt ăn. Khi con gái lên xe thì lấy vật áo che mặt. Lúc nàng dâu sắp vào đến cửa thì bố mẹ chồng lên ra cửa sau, lại quanh về cửa trước, là ý đi dầy theo gót nàng dâu mới. Lại khi nàng dâu mới về thì trước đến vái vua bếp và chuồng lợn. Lúc hành-lễ thì cả hai vợ chồng cùng bái, hoặc cùng buộc cái nút dây để treo

gương. Cưới về tháng chạp thì nàng-dâu mới kiêng không yết-kiến mẹ chồng vội. Cái thói thông-hôn với nhau chỉ chọn lấy những nhà vọng-tộc cũng y như thói đời Lục-triều. Lý Nhật-Tri đương lúc hiển-quí, các con còn đề chỏm mà đã đính-hôn với các nhà danh-vọng. Lý Hoài-Viễn quen với Lý Lâm-Phủ thường kén những họ có tiếng ở Sơn-dông đề cùng làm hôn-nhân. Trương-Duyệt cũng thông-gia với các họ ở Sơn-dông, những nhà thông-gia với họ Trương đều là nhà vọng-tộc cả. Họ Trịnh ở Huỳnh-dương, họ Lư ở Cương-dầu, họ Lý ở Đàm-đề, họ Thôi ở Thổ-môn, đều là họ hiển-tộc. Đậu Uy thường bảo người Quan-dông mà được thông-hôn với họ Thôi họ Lư thì đã lấy làm khoe-không. Vì cái thói bấy giờ nếu kết-hôn mà lấy được con nhà vọng-tộc thì lấy làm vinh, mà những nhà vọng-tộc như họ Vương ở Thái-nguyên, họ Lư ở Phạm-dương, họ Trịnh ở Huỳnh-dương, hai họ Thôi ở Thanh-hà Bắc-lãng, hai họ Lý ở Lũng-tây Triệu-quận, trong bảy họ ấy vẫn cậy là nhà tộc-vọng, xấu hổ không thèm kết-hôn với các họ hèn. Tự đời vua Cao-tôn cấm không cho trong họ lấy lẫn nhau, từ bấy giờ không dám làm lễ cưới nữa, chỉ sắm sửa cho con gái rồi đưa về nhà chồng mà thôi. Các nhà sĩ-thứ ở Sơn-dông lúc cưới xin hay lấy nhiều của, người ta bảo là tục Mãi-hôn 賣婚. Lúc ấy lại có cái việc Minh-hôn 冥婚, như là Vi-hậu vì em trai là Tuấn mà cưới lấy hồn người con gái là con Tiêu Chí-Trung đã mất rồi. Thói kết-hôn tự-do như là con gái Lý Lâm-Phủ ngồi trên cửa sỏ mà kén lấy chồng, con gái Trương Gia-Trinh đứng trong

màn gấm mà giạt dây tơ tự kén lấy rể. Thói-ly hôn tự-do thì như Nghiêm-Quán-Phu thấy vợ không con mà muốn bỏ, vợ đưa bài thơ tỏ ý mới thôi; vợ Dương Chí-Kiên tự xin ly-hôn, mà Nhan Lỗ-công làm Thứ-sử Phủ-châu không phán-đoán cho nó tái-hợp được.

12<sup>o</sup> Cờ-bạc. — Cái thói đồ-bác ở đời Đường thì trên từ thiên-lử, dưới đến thứ-dân không ai có kiêng-ky gì cả. Bà Võ-hậu tự đặt cuộc bạc cửu-thắng, cho cả văn võ các quan đều phân ra từng bọn mà cùng ngồi đánh bạc. Võ Tam-Tư cùng ngồi đánh song-lục 雙陸 (1) với Vi-hậu, vua Trung-tôn thì ngồi cạnh đếm thẻ. Khi Trương-Giả ra làm quan ở Hành-châu, vua hỏi rằng: « Nghe người tài cuộc bạc trường-hành 長行 (2) phải không? » Giả thưa: « Tôi những lúc rảnh việc công, cũng có cùng tân-khách chơi vui, tưởng cũng không phương-hại gì. » Dương Quốc-Trung cũng chỉ tài cuộc bạc vu-bồ 樗蒲 (3) mà được vào cung-phụng. Vì thói chơi cờ bạc thời ấy rất thịnh, mà nhất là cuộc bạc trường-hành, tự đấng vương-công đại nhân trở xuống ai cũng đam mê, đến nỗi bỏ cả việc khánh việc diều, quên cả lúc ngủ lúc ăn, có khi đánh bạc suốt đêm, có người thua bạc đến phá sản. Cuộc chơi song-lục cũng là một cách chơi nhẽ về đời cận-cổ, khởi-thủy tự Tây-trúc, rồi lưu-truyền đến đời Tào-Ngụy, thịnh lên là từ khoảng đời Lương, Trần, Ngụy, Tề, Tùy, Đường. Trong năm Hàm-hanh đời vua Cao-tôn, có người Phan-Ngạn ở Bối-châu rất là thích chơi song-lục, đi đến đâu là trong mình có giắt một bộ bàn song-lục, đã một khi đi bề gặp gió bão

(1) Cách chơi như gieo quân súc-sắc, hễ được hai quân lục là hơn.

(2) Tên một cuộc bạc, cũng như cuộc đánh cờ, có bàn có quân, chia ra vàng đen mỗi đảng mười lăm quân, lại có hai quân để gieo để phân thắng-phụ.

(3) Tên một cuộc bạc đời cổ. Có ba trăm sáu mươi quân, chia làm ba phần, lại có năm quân đen trắng để gieo, như là gieo quân súc-sắc, để phân thắng-phụ.

dắm thuyền, mà Phan Ngạn cứ bên tay phải cầm cái bàn song-lục, bên tay trái thì ôm cái bộ song-lục, mồm thì ngâm mấy quân song-lục, hai ngày một đêm mới giặt vào đến bờ, khi ấy hai tay giã gieo thấy xương mà vẫn không bỏ rời cái bàn song-lục, mồm vẫn ngâm những quân song-lục, ấy cái bệnh nghiện chơi đến nỗi như thế, người trên mà đã thích cái gì thì kẻ dưới lại có phần tệ hơn. Khi ấy những người làm kiểm soát cuộc vu-bồ thì gọi là công-tử gia 公子, hoặc gọi là lục-sự 錄事 hoặc gọi là nang-gia 囊家, Lý Tường có làm kinh ngũ-mộc 五木 nói về cuộc bạc vu-bồ rất kỹ, tuy là bài văn du-hí, nhưng cũng có ý kỳ thác vậy.

13<sup>o</sup> *Thói chơi chọi gà, đua ngựa nuôi chim.* — Đời Đường cái thói chơi chọi gà, thịnh nhất là ngày tết Thượng-tị. Vua Huyền-tôn khi ở ngoài Phiên đề thích chơi chọi gà, đến khi lên làm vua sai lập kê-phường ở trong khoảng hai cung. Bắt đến hàng và nghìn gà sống ở Trảng-an nuôi ở kê-phường, lại kén lấy năm trăm trẻ con trong sáu quân để làm linh dạy nuôi gà chọi, người trên đã thích chơi nên dân-phong lại càng tệ, các nhà chư-vương và các nhà thế-gia thường đồ của ra để mua gà, có khi đến phá-sản về tiền mua gà, những kẻ trai gái trong kinh-dô thường lấy sự chơi gà làm nghề-nghiệp, kẻ nghèo thì chơi gà giả. Giả-Xương chỉ vì nể nghề chơi gà mà được làm đội-trưởng trong năm trăm trẻ con, năm Khai-nguyên thứ mười bốn, người bố Giả Xương là Trung, vì hầu vua đi tế phong - thiện núi Đông - nhạc mà chết đường, vua bèn ban - chỉ cho các dân làng duyên-đồ phải đi hộ-tống đưa tang về, lúc bấy giờ người ta gọi Giả Xương là thần-kê-dồng 神鷄童, lại có câu ngạn-ngữ rằng: « Sinh con chẳng cần chi biết chữ, chọi gà đua ngựa hơn đọc sách. » Cái thói đua chơi

ấy cũng là bởi Huyền-tôn khai-mào ra trước vậy. Xét cái thói chọi gà là khởi thủy từ Lý Cấu người đời Xuân-thu, đến đời Chiến-quốc thì nước Tề càng thịnh, ngoài sự chơi chọi gà ra lại còn chơi chó săn và đua ngựa đều thịnh hành cả. Đến đời Hán lại còn có cái thói nuôi chim anh-vũ (chim vẹt). Đời Đường trừ thói chọi gà đua ngựa ra lại còn thói nuôi chim ưng (chim cắt). Ở thói đua ngựa cũng đủ khuyến-khích về tinh-thần thượng võ, so với thói chơi gà nuôi chim còn là có ích hơn. Song những kẻ công-tử ngồi rồi ăn không có khi đến lưu-liên quên về, hoặc đến khuynh gia bại-sản, hoặc gây ra tranh đấu luôn-luôn, thì cũng chẳng khác gì những kẻ vô-nghiệp du-dân đi chơi chọi chim, chọi dế, đều là tệ-tục cả.

14<sup>o</sup> *Du yến.* — Sách *Thiên-bảo di-sự* nói rằng: « Những kẻ sĩ-nữ chốn kinh-dô cứ đến mùa xuân thì cưỡi xe nhẩy ngựa đi chơi bày tiệc yến ở trong các vườn hoa, hoặc ngoài cánh đồng gọi là tiệc yến đi thăm xuân. Lại ở Trường-an có xóm bình-khang là nơi các con hát ở, những kẻ thiếu-niên chốn kinh-dô thường ra chơi ở đó. Lại nhân mỗi năm có những ông tân-tiến-sĩ đưa danh-thiếp đồ đến xóm bình-khang để chơi hát, người ta gọi xóm ấy là tụi phong - lưu. Sách *Bắc - lý-chí* bảo rằng: « Mẹ những người con hát ấy đều là mẹ nuôi, người con hát nào đã vào chòng thì không thoát ra được. » Những kẻ phú-hào thường hằng ngày đưa một quan tiền cho người mẹ nuôi, tiền ấy gọi là tiền mua dứt người con hát ấy. Các con hát vì khó ra khỏi được xóm bình-khang, nhân ở chùa Bảo-đường phố Nam-nhai có mở giảng kinh, cứ lệ đến ngày 8 đầu tháng các con hát muốn ra nghe giảng kinh thì phải nộp một quan tiền cho mẹ nuôi thì mới được ra khỏi xóm. Còn những nơi khác hoặc nhân đi

chơi rồi hẹn người đem đi trốn, rồi đem trả của lại cho người mẹ nuôi. Vậy nên những ngày tám ở chùa Bảo-đường thì những kẻ sĩ-tử đến chơi rất nhiều. Song từ năm Đại-trung trở về trước ở xóm Bắc-ly có xảy ra nhiều sự bất-trắc, sinh ra án mạng giết người, Vương Thúc, Linh-Hồ Cao đã từng trông thấy mà xuýt nữa mắc phải. Vì xưa nay những nơi đô-hội kẻ sĩ-nữ chơi-bời cực-kỳ hào-hoa, mà những kẻ sĩ-phu cũng thường du-yến hát xướng, dẫu đời thịnh cũng không cấm hết được. Tạ An bảo rằng : « Không thế thì sao thành ra một nơi kinh-đô ». Từ đời Lục-triều trở lại kẻ sĩ-phu thường hay đem con hát đi chơi uống rượu làm thơ coi là một việc thường. Đời Đường lại trọng những các ông tiến-sĩ mà những chuyện các ông tiến-sĩ đi chơi bời lại truyền làm giai-thoại, cho nên đời Đường các ông tiến-sĩ có thơ tặng cho con hát rất nhiều, mà kẻ sĩ-phu tặng thơ cho con hát cũng chẳng ít. Xem thế thì cảnh mây sớm Dương-châu, cảnh trăng đêm Tần-hoài, thi nhân danh-sĩ thường cuộc phong-lưu, hoặc kẻ có hoài-bảo riêng, hoặc kẻ quen thói khinh-bạc, thức-giả xem đó có thể biết được thế-vận.

15° *Thích-khách nhiệm-hiệp.* — Đời Đường những kẻ thích-khách nhiệm-hiệp thì trong truyện Kiếm-hiệp Đoàn Thành-Thức đã kể ra như người con gái trong xe, kẻ tặng-hiệp, kẻ lão-nhân ở Kinh-tây điếm, kẻ lão-nhân ở Lan-lãng, vợ người lái buôn, ông già râu quăn, cùng là Lư - sinh, Nhiếp An-nương, Kinh thập-tam nương, Điền Bành-lang, Hồng Tuyền. Còn-luân nô, và sách *Giang-hành-tạp-lục* có kể một người nữa là Lý Quý-Thọ, những người ấy hay cứu giúp hoạn-nạn cho người, nhưng không có khinh-dị đem nghề bảo cho người, đem thân bửa cho người là còn có cổ-phong, song xét đến

hung-khâm thì còn kém cổ-nhân xa lắm. Lại đời Đường có hai truyện đâm trộm quan Tề-trưởng : Một là năm Nguyên-hòa thập-niên, có đứa đâm giết Võ Nguyên-Hành và đâm Bùi Độ bị thương mà lại được miễn-tội, những đứa ấy là tự Thừa-Tôn sai nó. Hai là năm Khai-thành tam-niên, có đứa đâm trộm Lý Thạch vì ngựa lồng mà được thoát, đó là bởi Cửu Sĩ-Lương sai nó. Vì khi ấy người phiến-trấn và kẻ hoạn-quan đều dùng cái thủ-đoạn ám-sát để hiếp-chế triều đình, việc đời Đường đã không thể làm thế nào được nữa, mà những kẻ đi làm thích-khách cho Phiến-trấn và hoạn-quan dùng, thì cái nhân-cách có ra gì nữa.

16° *Giới-dầu.* — Sách *Thông-diễn* của Đỗ Hựu bảo rằng ngoài đất Ngũ-lĩnh trở về phía nam, còn nhiều giống người rợ mọi, chưa biết lễ-giáo là gì, chỉ lấy kẻ nào giàu là hùng-trưởng, đúc đồng làm cái trống lớn, rồi đem tỵ ở trước sân, đặt tiệc rượu để mời các người đồng-loại. Nếu có oán thù với ai mà muốn đi đánh nhau, thì nổi một hồi trống ấy lên, người có trống ấy gọi là ông đô-lão 都老. Sách *Hải-sà-dư-lục* chép rằng những người mọi đen tài nghề bắn thích đi đánh nhau, dầu cái thù đến mấy đời cũng tất báo. Mỗi khi tụ-họp thì thân-bằng cùng ngồi quanh cả dưới đất uống rượu, uống say rồi thì trông lên cung tên trên sà nhà mà phẩn-khởi cái chí đi báo thù, chúng đều ùa cả lên. Những cung tên ấy nguyên là tự tổ-tiên để lại, hễ khi xưa bị mấy lần đi đánh thua xấu-hổ, thì đều khắc ghi vào tên, rồi bắn gài lên trên sà nhà để làm ghi. Khi uống rượu say rồi lại khua trống lại uống, rồi cùng kêu gào lên như tiếng chó cắn, họ tự bảo rằng họ là giống chó, kêu lên thế là muốn cho tổ-tiên biết mà giúp cho. Rồi họ lại mổ thịt để đem chia phần cho các chung quanh làng xóm, đầu đầu cũng

dùng-rượu nhận lấy, rồi hẹn ngày khởi-binh. Nhà cừu-gia nghe tin cũng làm như thế mộ binh ra lâm-trận để ứng địch. Nếu gặp có người công-sai phủ-huyện đi đến thì chào mời ở lại thị-chiến. Đàn bà con gái hai bên cũng đều họp cả ở trong trại mình. Lúc nào đôi bên nghỉ ăn cơm, thì đàn bà con gái đều tranh ra ngoài trại để nhặt lấy tên chó không có kiêng-ky gì cả. Theo tục thì cừu con trai cứ nhắm về con trai mà đánh, nếu là con gái thì cừu-thù oán-giận lại càng thâm. Trong khi được thua đuổi nhau đều có trình-độ, chớ không được quá cái giới-hạn. Nếu người nào bị phải đầu tên mũi mác mà chết, thì ở nhà cha mẹ vợ con kiêng không dám khóc-lóc, sợ bên thù-địch biết thì lại cười là hèn nhát. Xem hai thuyết trên ấy thì biết cái tục giới-đấu là tục dã-man có đã lâu, chớ không phải mới có từ đời Đường. Nhưng từ đời Đường đến nay đã trải mấy nghìn năm văn-hóa, mà ở đất Luông-Việt và Giang-tây về xứ Cát-chương Lạc-bình vẫn còn có tục giới-đấu, cái án mạng đánh nhau chết người thường thấy phát ra luôn, cái tục dã-man như thế không thể biến được đi chăng? Ôi! nếu hay đổi bỏ cái tục tr-đấu mà dùng về công-chiến, thì cái thói thượng-võ một người xướng lên nghìn người đua theo, có thể chấn-khởi được cái khí suy nhược của dân-tộc nước Tàu, há lại chẳng thành ra cái tư-cách là một nước quân-quốc ư, chỉ tiếc rằng dân còn ngạch-hóa mà chừa hay tỉnh-ngộ vậy.

170 *Đồng cốt*. — Khi xưa còn về đời chừa khai-hóa, đấng thánh-nhân biết rằng cái sự mê-tin thần-quyền không thể phá ngay đi được, nên mới nhân thần-đạo để thiết-giáo, vì thế cái thói đồng-cốt cũng không cấm, xem như thiên Xuân-quan trong Châu-lễ thì biết. Từ đời Xuân - thu trở xuống, cái thói dâm-tự thịnh dần mãi lên, sinh ra khẩn

vái nguyên rủa, bởi thế mới có những mù bà cốt ở Tang-diên, Ngạnh-dương và mù Phạm-vu ở đất Sở. Đời Hán đã có cái thói vu-cồ, đến đời Lục-triều đồng cốt lại càng thịnh-hành lắm. Nhan-thị gia-huấn đều cho là đồ yêu-vọng cả, nhưng kể tin đồng cốt đến đời Đường lại càng thịnh lắm. Khi vua Huyền-tôn đi tế phong-thiện núi Đông-nhạc, cũng dùng đến kẻ lão-vu là Át-mã-bà để tế nhạc-thần. Vương Du khi làm tướng đời vua Túc-tôn, có sai những kẻ bà cốt đi ra các châu - huyện với và mười đứa ác-thiếu đi theo, đi đến đâu là nó sách-nhiều vàng lụa tẻ lắm. Hai người nhụ-nhân là vợ Lê-vương Diễm tranh nhau sủng-ái, đều đi mật-cầu kẻ bà cốt làm bùa để giấu vào trong giấy Diễm, để mong được sủng-ái. Khi ấy phụng-thờ kẻ đồng-cốt coi như thần-minh, đến tôn gọi kẻ đồng-cốt làm đấng thiên-sư, chớ không những dùng đồng-cốt để cầu mưa cầu phúc và chữa bệnh mà thôi. Thậm-chí đến việc thăng-quan cũng tin ở lời đồng-cốt, như là kẻ bà cốt ở Thạch-châu nói cái việc Thạch Hùng được thiên-thăng đều ứng-nghiệm cả. Song như Vi Cận đương làm quan thái-bộc, khiến người bà cốt đi cầu cúng để mong được chức Tiết-độ-sứ, thế nào lại phải biếm làm chức Tư-mã Phan-châu. Triệu Ngan-Chiều nhờ về sức bà cốt mà được làm Tề-tướng, sau phải Ngự-sử Quách Chấn hặc tâu, Diêu Sùng vào chấp-chiêu bèn biếm Ngan-Chiều làm chức Biệt-giá Giang-châu, như thế thì cái thuật đồng-cốt có ích gì. Lại truyện linh-dị chép rằng sinh-hồn Bạch Hành-Giản vì trúng phải phép thuật bà cốt mà chết. Lại có kẻ bà cốt ở Tô-châu là Triệu thập-tứ có cái thuật hay chiêu được sinh-hồn, đã từng dùng pháp-thuật chiêu được tử-hồn vợ Hứa Chi-Ứng. Đó đều là những thuyết quái-dẫn cả, thế mà thế-tục vẫn tin. Nguyên là xã-hội lúc bấy giờ mê-tin đồng cốt, đã

thành ra một cái bệnh trong thần-kinh không thể chữa được. Tuy rằng có Thôi Đan hủy-bỏ thần-tượng kim-thiên, bắt kẻ thần-vu Đồng-thị đem trượng-trách. Dịch Duy-Khiêm vì đảo-vũ không linh-nghiệm đem trượng sát kẻ nữ-vu là Quách thiên-sur, trừng-trị như thế mà người ta vẫn mê tín. Lý Gia-Hựu, và Vương Kiến có bài thơ trại-thần, cũng là có ý để cảnh-tỉnh thế-tục.

18<sup>o</sup> *Ngôn-ngữ*. — Người đời Đường xưng-hô thường hay dùng theo hàng thứ-đệ mà gọi, như là Cao-tô gọi Bùi Tịch là *Thì-nhị*, Minh-hoàng gọi Tống Tế là *Tống-ngũ*, Đức-tôn gọi Lục Trí là *Lục-cửu*. Vì Hạ-Khanh nhân khi ở triều đi về giữa đường gặp ba người tụng-đệ đều hai mươi bốn tuổi mà đều làm quan lang, nên đều gọi là *Nhị-thập-tứ-lang*. Vương Tảo, Vương Tố trong năm Trịnh-nguyên cùng thi đỗ thứ mười bốn, nên khi đến nhà thông gia đều gọi là *Thập-tứ-lang*, Lý Thân thì gọi là *Lý nhị-thập*, Lộ Nham thì gọi là *Lộ-thập*. Trong sách *Gia-thoại-lục* có tên gọi là *Hàn thập-bát Dũ*, *Lý nhị-thập-lục Trịnh*, đó đều là theo về thứ-tự mà gọi. Trịnh Khải tài lối thơ yết-hậu, người ta gọi là *thê thơ yết-hậu* của Trịnh-ngũ, tức là Trịnh Khải vậy.

### CHƯƠNG THỨ III — XÉT VỀ ĐỜI NGŨ-ĐẠI.

1<sup>o</sup> *Khái-luận*. — La Trọng-Tổ nói rằng: « Giáo-hóa là việc trước của triều-đình, liêm-sĩ là nét tốt của học trò, phong-tục là việc lớn của trong nước. Triều-đình có giáo-hóa thì học-trò mới có liêm-sĩ, học-trò có liêm-sĩ thì trong nước mới có phong-tục. » Lời nói ấy rất phải, ông Âu-Dương có chép các liệt-truyện về sử đời Ngũ-dại, đều bài-bác các thói tuyệt-diệt luân-lý, táng-thất liêm-sĩ lúc bấy giờ, nói ở trong truyện Phùng Đạo rất là khích-thiết, ông nói rằng: « Lẽ, nghĩa, liêm, sĩ, ấy là bốn dây, bốn dây không trướng, nước liền diệt-vương. »

Lời Quán-tử nói thế là rất phải, lẽ nghĩa là cái phép lớn để trị nhân-quần, liêm-sĩ là cái tiết lớn để lập nhân-cách. Nếu làm người mà bất-liêm thì cái gì mà chẳng lấy, bất sĩ thì cái gì mà chẳng làm, thiên-ha lẽ nào mà chẳng loạn, quốc-gia lẽ nào mà chẳng mất. Ta xem như Phùng Đạo làm bài tựa *Trương-lạc-lão* những chỗ tự-thuật lấy làm vinh-hạnh, như thế thực là vô-liêm-sĩ lắm! thiên-hạ quốc-gia còn ra gì nữa. Xét Phùng Đạo làm quan trải thờ bốn họ mười đời vua, chỉ trộm lấy chức-vị mà đứng ở trong triều những kẻ vũ-nhân cướp giết nhau, mà không biết tự quý-sĩ, lại còn lấy làm vẻ-vang, vậy nên Âu-Dương-công mắng cho như thế là phải. Cuối truyện Phùng Đạo lại dẫn truyện vợ Vương Ngưng là Lý-thị để làm gương cho những kẻ *Đất* chước Phùng Đạo mà chỉ *nhân-sĩ* *thâu-sinh*, thực là có thâm-ý lắm. Cao Trung-Hiến đời Minh có nói rằng: « Thế-gian có một *điểm sĩ-tâm*, đến Phùng Đạo là *mất sạch*! » Than ôi! Xưa nay những kẻ vô-sĩ không ai tệ quá như Phùng Đạo, Phùng Đạo có thể đại-biểu cho những kẻ vô-sĩ từ xưa đến nay, mà cái thói vô-sĩ đời Ngũ-dại chỉ kể một Phùng Đạo ra là đủ, Phùng Đạo thực là phường y-quan mà cầm thú! Nhưng đời sau này lại còn nhiều kẻ sùng-bái Phùng Đạo, mô-phỏng Phùng Đạo, lợi-dụng cái cách Phùng Đạo để kiếm mồi phú-quí, nhưng không phải sinh ra ở đời Ngũ-dại, không được cái ngòi bút của Âu-Dương-công chỉ-trích cho, thì *kê sao cho xiết*!

2<sup>o</sup> *Thị-tộc và danh-tự*. — Thị-tộc rối loạn không đời nào tệ hơn đời Ngũ-dại, vì đời ấy còn nhân cái thói đời Đường, còn trọng các nhà *quí tộc* cho được tập-ấm làm quan. Nhưng đương khoảng đời Lương, Đường loạn-lạc, kẻ làm quan phải trốn tránh bỏ đi, mà sỏ tuyên-cử ở *Lại-bộ* thì rách nát cả, nên họ nhân thế đòi chác làm *gian-dối* lấy

lợi, thậm-chi có kẻ tư-túi đem bán tờ cáo sắc đi làm dôi loạn cả hàng chiêu mục trong họ, có khi hàng chú hàng cậu lại lạy lằm cả hàng cháu điệt cháu sanh. Khi ấy cái thói đặt tên hay dùng chữ ngạn 彦 cũng giống như cái thói

mệnh-danh đời Lục-triều, hay dùng chữ tăng 僧, thực là một thói hiếu-thượng vô-vị.

(Còn nữa)

Đ. - C. dịch

## TÙNG - ĐÀM

### PHONG - TỤC XIÊM - LA

#### I

Xiêm-la nguyên trước là hai nước : Nước Xiêm với nước La. về khoảng giữa thế-kỷ thứ 17 mới hợp làm một nước Xiêm-la. Đầu thế-kỷ thứ 18 thì họ Trịnh 鄭 là người Tráo-châu tỉnh Quảng-đông làm vua nước Xiêm, xưng là Trịnh-vương. Nhưng truyền ngôi không được hai đời thì người Xiêm lại lấy lại được, cách nay đã hơn hai trăm năm. Sau khi người Xiêm trung-hưng lên được, truyền đến đời vua bây giờ là năm đời vua, vậy nên làm quốc-sử cũng bắt đầu kể từ đời vua trung-hưng ấy trở xuống, còn cái hồi mà bị phải người Tàu chiếm mất quyền-chính thì kiêng không nói đến nữa. Nhưng di-tích của Trịnh-vương vẫn hãy còn có cái chùa Trịnh-vương. Trong chùa còn có lăng-tăm của vua Trịnh, người Xiêm gọi là « Quật », hình như cái tháp cao bảy tám trượng chót-vót lên mãi trên tầng mây, lợp bằng thứ ngói nhỏ sắc vàng, lần lượt như tầng vẩy cá, đứng xa mà trông thực là rực-rỡ.

Nước Xiêm lấy Phật-giáo làm quốc-giáo, tất cả dân trong nước người nào cũng phải một đồ tiền-phát đi tu, hoặc

ba năm hoặc ba tháng thì lại hoàn-tục quốc-vương tuy tôn cũng phải y-qui phật-pháp thụ-giới làm đệ-tử, rồi mới lại hoàn-tục, đó là quốc-tục đều như thế cả. Nếu người nào tu quá ba năm mà không muốn phá-giới thì suốt đời làm tăng-lữ, xá-thân thờ Phật, Nhưng xét ra thì hoàn-tục là số phần nhiều. Trong nước chỗ nào cũng có chùa-chiền lập ra đã lâu, diện-tích mỗi một chùa chiếm đến vài mẫu đất. Nhưng nay đã phần nhiều đổi ra làm trường học, chứ không để vô-dụng như trước nữa. Áo cà-sa của bọn tăng-lữ là một thứ áo hoàng-bào dài rộng lưng-thụng, đời xưa đã có tên gọi là nước « Hoàng-bào ». Các sư khi xuất-hành thì thường đi chân không, đầu không mũ chân không dây, mỗi một buổi sáng sớm tờ-mờ, ngọn cỏ chưa ráo sương móc, thì các sư đã lóng-nóng bên đường, mình mặc áo hoàng-bào, tay cầm cái cơi lớn, đi cầu các chủ nhà bố-thí cho. Những nhà thổ-nhân giàu có, thì cứ mỗi buổi sáng sớm đủ cơm trắng, quả tươi, trứng muối và các thứ đồ ăn bày đủ cả ở ngoài trước cửa để đợi, lúc các sư qua lại thì các thí-chủ tất na-mô cung-kính, các sư cứ việc thu nhận lấy những đồ

bổ-thi chứ không nói cảm-tạ gì cả. Mỗi một người sư nhận lấy đồ bổ-thi có thể nuôi đủ mười người ăn no, trừ phần mình ăn đi rồi lại còn cho chó, cho những kẻ du-dân ăn những đồ thừa-thãi, vì thế những kẻ dân lều-lồng lười biếng thường nhờ về các sư mà sinh-hoạt ; khắp trên toàn-cầu chỉ nước Xiêm là có nhiều nhất kẻ du-dân.

Mấy mươi năm trước nước Xiêm chữa cấm cờ bạc, thì người Hoa-kiều mở ra cuộc phán-thán, sòng đồ chữ, mỗi năm chừng thuế đến nghìn vạn đồng. Sòng bạc gọi là « bảo - lang », lấy gỗ chống dựng lên làm một dãy nhà hành-lang, trong giải một cái chiếu to dài rộng đến hơn một trượng, anh cái mở sòng, người khách đến đánh bạc đều ngồi quay-quần cả xuống đất đánh bạc, mỗi một tiếng bạc thua được đến hàng nghìn. Bốn bên thì giải la-liệt những chiếu nho-nhỏ, để mở cuộc bạc nhỏ, các con bạc chen vai nhau, trai gái lạp-nhập lẫn-lộn, mà nhất là đàn bà Xiêm lại đánh bạc hăng lắm. Tối đến đèn điện sáng choang, người đi chơi lũ lượt, mà nhiều nhất là người đi mua phiếu đánh đồ chữ, lại có kẻ mê tin lấy mộng-triệu làm bằng-cứ mà đánh, mỗi ngày mở đồ chữ hai lần, người có phiếu trúng có khi được đến vài vạn bạc. Những kẻ Hoa-kiều ham mê cờ bạc đến phá-sản lưu-lạc đến đấy nhiều lắm. Cách đây mười năm trước chính-phủ Xiêm đã hạ lệnh nghiêm-cấm cờ bạc, cái thói mở sòng đồ chữ đã tuyệt-tích đi rồi. Nhưng những kẻ Hoa-kiều bậy-bà nó vẫn ngấm-ngấm chừa thổ đánh bạc, nếu bị bắt được thì cả tang-vật đều bị tịch-một, mà người chừa bạc thì phải giam cầm vĩnh-viễn hoặc bị giải cho đem trả về nước, chung-thần không được đến nước Xiêm nữa.

Nhân-sô toàn-quốc và người ngoài đến ở, cứ như cái biểu thống-kế của

Chính-phủ Xiêm, thì dân-sô Xiêm ước tám trăm vạn, người Hoa-kiều ước một trăm vạn, còn những kiều-dân nước khác cũng ước đến vài mươi vạn. Nhưng nước Tàu tự xưa đến nay vẫn chưa cùng với nước Xiêm đình-lập thương-ước mà đặt ra quan-sứ-thần, cho nên điều-tra số dân Hoa-kiều ở nước Xiêm cũng chưa được đích-xác. Tự-trung còn có những người bổ Tàu mẹ Xiêm đều kể là dân Xiêm cả. Nếu tính gồm cả hạng dân ấy thì có đến hàng trăm vạn người Tàu. Dân Hoa-kiều ước chia làm năm hạng : Quảng, Triều, Trào-châu, Hải-nam, Phúc-kiến, mà người Trào-châu thì đông hơn cả, rồi thứ đến người Hải-nam. Quảng-châu, Triều-châu và Phúc-kiến. Mà người Trào-châu, thì lấy đàn bà Xiêm nhiều lắm, rồi thứ hai thì người Phúc-kiến, người Hải-nam cũng có lấy người Xiêm. Những con đẻ ra thì không khác gì giống người Tàu, không như đặc một giống Xiêm thì da đen mà gầy-gù lắm. Những đứa con mẹ bổ Tàu mẹ Xiêm đẻ ra thì gọi là « Thập nhất-điểm + 一 點 ». Khi nhỏ đã hóa theo thói Xiêm, đọc sách Xiêm, học tiếng Xiêm, dần-dà thấm-thía lâu mãi quên mất cả mình là nòi giống bổ Tàu, thậm-chí lại chế cười người Tàu là giống « vong-quốc nô », thực là nực cười! Nhưng giống người Hoa-kiều lấy là mình ở nước khác, mà cái lòng yêu làng mến nước vẫn không giảm bớt chút nào, đương lúc dân-quốc mới thành-lập cũng có nhiều người về nước ra đăng-linh, hoặc quyên tiền để giúp lương-thực cũng chẳng thiếu gì người, cho đến người Hoa-kiều sinh-trưởng ở đất Xiêm, cũng lấy được nhận làm giống Trung-hoa làm vinh-hạnh. Nhưng tiếc cho những kẻ chấp-chính ở nước Tàu khờ dại, chỉ mặc cho dân chúng mình tự-sinh tự-diệt ở nước người mà không nhìn đến. Hoa-kiều đã hai ba lần nài kêu, mà vẫn không đặt lấy chức-sứ-thần

ở nước Xiêm để bảo hộ lấy Hoa-kiều, thì thực là đáng tiếc.

Phần diện-tích đất nước Xiêm thì cũng xuất-xoát bằng một lĩnh Từ-xuyên nước Tàu, ở vào khoảng giữa một bên là An-nam thuộc Pháp, một bên là Diến-điện thuộc Anh. Từ đời vua trước đi du-lịch các nước trở về mới chấn chỉnh lại các việc nội-chính, nào là chấn-hưng giáo-dục, mở-mang các đường xe ngựa, sửa-sang lại công việc trong các thành-phố, đặt ra lĩnh canh-sát, và luyện-tập các quân thủy quân bộ. Lại còn như những việc bưu-chính, điện báo, thiết-lộ, khoáng-sơn đều chấn-chỉnh mở-mang hết cả, không như là những vua quan nước Tàu khi xưa chỉ ù-li ra không còn có sinh-khi gì cả. Lục-quân thì chuyên đề đối-phó với các nước ngoài, khi Âu-chiến năm xưa cũng hợp với các nước đồng-minh đem quân sang Âu-châu để trợ-chiến, không như nước Tàu chỉ tuyên-cáo suông mà không đem quân trợ-chiến. Lục-quân thì phân ra làm hai : Hồ-bôn-binh và dân-binh, đtch-số là bao nhiêu thì cực giữ bí-mật không ai biết. Hải-quân thì chỉ có một vài cái chiến-hạm gọi là đủ hình-thức mà thôi. Chữ viết thì hợp và mười thứ chữ lại phiên-dịch biệt-thành ra mọi thứ chữ riêng, mà rõ-ràng thiên-nghĩa dễ hiểu ; và lại tiếng nói với chữ viết hợp làm một, cho nên con trai con gái đều biết chữ cả. Trẻ con không cứ trai gái hề đến lên sáu tuổi là phải vào trường môn-học đọc sách, chỉ học độ và thảng thì đã biết đọc thông hiểu cả. Trường môn-học thì khai ở trong các chùa, thầy học và học trò đều giải chiếu xuống đất mà ngồi. Các trường tiểu-học, trung-học thì chỗ nào cũng có. Trường đại-học thì toàn-quốc có năm trường, các con em Hoa-kiều cũng được vào các trường ấy để học, ý là muốn đồng-hóa cả dân Tàu. Nếu muốn giúp tiền cho đi du-học

ngoại-quốc, thì tất phải có cái văn-bằng đại-học tốt-nghiệp, và phải nhập-tích dân Xiêm, lúc học thành rồi trở về nước thì tất phải làm việc báo-hiệu cho nước Xiêm, chứ không để nhân-tài nước mình đi làm giúp cho nước khác. Những người học trở đi du-học trở về tất là đả lấy vị-tri sang trọng tử-tế, chứ không như nước Tàu du-học về lại không có việc làm chỉ bỏ xếp xó một chỗ. Hiện đời vua bây giờ cũng đã lừng đi sang du-học bên nước Anh. Các học-sinh lúc đi học không có hay đi xe, chỉ đi chân không, mặc quần ngắn, áo tây cổ cao ; mỗi buổi sáng mặt trời mọc lên lữ lượt cặp sách đi đến trường học, so với bộ học-sinh Tàu thì áo dài lưng thụng, tóc mượt nhấp-nhoáng, lèn ngọn kính lấp-lòe, chỉ bộ làm dáng cho mi-quan, thực là hơn kém nhau xa lắm. Lĩnh canh-sát thì gọi là « mã-đả » thuê người Anh trông coi cho rất khéo, về đường tri-an trong các phố-phường thì không còn lo ngại gì nữa. Khi ra đi tuần các ngã ba đường cái, thì không mấy khi phải cầm súng để hộ-vệ, những các con đường hẻo-lánh lĩnh canh-sát cũng thời thường đi tuần đến luôn.

Kinh-dô là Man-cốc (Bangkok), có mấy phố người Tàu ở đều mở đường cái rộng-rãi, rộng đến hơn một trăm thước Anh, hai bên đều trồng cây thành hàng mát-mẻ. Xe điện thì chạy ở một bên đường do người nước ngoài thừa-biện. Số xe ô-tô kể đến hơn một nghìn cái. Còn xe ngựa, xe tay, xe vận-tải thì đầy đầy luôn ở ngoài đường. ban ngày người đi lại thì phần nhiều đi xe. con đường mã-lộ ở trong thành thì gọi là đường Tam-tinh, chỗ ấy năm con đường đi bằng hàng, trông xa bát-ngát, người đi trên đường, bóng cây che tròn như tán, dưới đường thì cỏ xanh như đệm giải, chiều đến chạy xe đi giông chơi, như là qua con đường Sơn-âm mát-mẻ, có thể giải cơn phiền-muộn. Cách kiến-trúc con đường ấy là bắt

chước các đường thành-phố Paris, cuối con đường ấy thì có một nơi dựng tượng đồng đời vua trước nguy-nga cao vót, tượng đứng cưỡi ngựa mặc đồ nhung-phục, trông rất linh-hoạt, vì là đời vua trước hay sửa-sang nội-chính, có công-dức cho dân nhờ, nên dân Xiêm mới dựng tượng để kỷ-niệm.

Nước Xiêm ở về nhiệt-đới, độ nóng theo biểu Nhiệt-thị thường đến 80 độ, về khoảng tháng ba tháng tư âm-lịch có khi đến một trăm độ, nhưng đêm đến thì thường có gió bễ thổi vào mát-mẻ, ngủ êm như ru, không đến nổi nóng nực quá không ngủ được. Đến tháng mười một thì độ nóng đã lui, thỉnh-thoảng có cơn gió bắc hơi lạnh, nhưng chỉ mặc áo kép để ngự hàn cũng vừa,

Các thứ xuất-sản thì nhất là gạo và thứ gỗ chửu 柚 木 là đại-tôn, đem bán sang Kim-sơn, Tinh-châu, Hoàng-cảng, Quảng-đông rất nhiều. Các xưởng xay gạo có đến hơn sáu mươi nhà. trừ ra và xưởng của người Anh thiết lập, còn thì toàn là của người Tàu khai ra cả. Xẻ gỗ có độ và mười nhà, già nữa là của người Tàu khai ra. Xay gạo và xẻ gỗ thì toàn làm bằng máy cả. Những xưởng gỗ xưởng gạo tư-bản có đến và mười vạn cho đến một trăm vạn. Nguyên đất Xiêm đã thuộc về nhiệt-đới, và lại màu đất béo tốt, không có phong-tai thủy-hoạn gì cả, cho nên màu lúa quả cây mọc ra tốt lắm, mà nhất là cau và dừa lại càng nhiều lắm. Những thứ quả ngon thì có quả lưu-liên, quả thiên-trúc và quả măng quả chuỗi rất là thơm ngon không kém gì thứ quả vải ở Quảng-đông vậy.

Người Xiêm thì không cứ gì già trẻ trai gái đều húi tóc cả, khi người lạ mới đến đất Xiêm, thấy người Xiêm đi mà ngó trông theo thì mê-ly lẫn lộn không phân-biệt được rõ là đàn ông hay đàn bà. Những người về hạng học hành quan-tư thì trên cổ áo cao mà

may treo một miếng vải trắng, dưới thì lấy nhiều quần vòng quanh, mặc tất thì dài quá gối, đi giày da, tay cầm gậy, đồng hồ bỏ trong túi áo, không cứ gì mùa nực, mùa rét đều đội mũ dạ cả. Còn hạng người trung-lưu trở xuống thì nửa mình trên bỏ trần, toàn-thân chỉ khoác một tấm vải mà thôi. Tất cả đàn trong nước trừ những hạng người về quân-giới, chính-giới, học-giới, nông-giới ra, còn thì toàn là hạng du-dân vô-nghề-nghiệp cả. Về đường công-thương thì họa-hoãn mới có, còn thì tuyệt không có gì cả. Những việc buôn bán nhỏ nhỏ thì chỉ có đàn bà làm mà thôi, vậy nên đàn ông thường có nghề chỉ nhờ vợ để sinh-hoạt. Các hạng đàn bà thượng-lưu về cách phục-sức thì ngoài miếng lụa che vú ở trước ngực ra lại phủ thêm một đoạn lụa mỏng của hàng Nhật nữa, dưới thì quấn một vòng lụa quanh mình, để lộ đùi gối ra ngoài, chân đi dầy, thường đem một hộp cau đi theo, vì là trai gái đều hay ăn hạt cau cho đến khi răng đen nhánh là đẹp, cái thói ấy nay đã bớt đi rồi. Về hạng đàn bà hạ-lưu thì bỏ trần mình nửa trên, chỉ lấy một đoạn vải trắng quấn che bên cạnh vú mà thôi, và cũng thích trang-sức những đồ vàng bạc bảo-thạch. Nhà ở của người Xiêm thì những nhà thượng-lưu cũng nhiều nhà to, kiểu nhà cũng tham-bán theo kiểu tây và kiểu nhà Xiêm. Còn những nhà bình-thường thì chỉ lấy thứ gỗ chửu chống cột làm nhà, dưới đất thì lát một lượt ván, khi thường thì cứ trải chiếu ở trên ván mà nằm ngồi cả ở đấy, song cũng có ghế ngồi. Xống áo thức ăn cũng sạch-sẽ. Đàn bà thì thích chơi ảnh-tượng, trong nhà nào cũng treo ảnh la-liệt. Trò diên-hí của Xiêm gọi là « Lục-khôn hí 六坤戲 » và các nhà chớp ảnh, đều là chỗ vui chơi của người Xiêm. Chỗ thành-phố lớn có đến và mười nhà chớp ảnh, trò Lục-khôn thì hay diễn tích Tam-quốc-chỉ nước Tàu. Các

đồ nhạc-khi thì khác Tàu nhưng cũng dễ nghe. Khi ăn cơm thì không dùng dao đĩa thìa đũa, chỉ dùng tay phải bốc lên mà ăn, lại hay thích ăn những đồ cay chát. Trai gái sinh đẻ rất sớm, thường thường mười ba mười bốn tuổi đã cho kết-hôn với nhau, nòi giống suy yếu cũng là vì thế. Cũng có khi kết-hôn với nhau mà không do cha mẹ và mỗi lái gì cả, chợt hợp chợt ly coi như việc thường, không như thói nước Tàu còn phải có lễ cưới trịnh-trọng, Nhưng được cái dâm-phong cũng không thịnh lắm. Chỉ có lạ một điều là anh em chị em thường lấy lẫn nhau, còn là chữa thoát cái thói dã-man. Loài thú thì voi và cá sấu rất nhiều. Giống voi bắt đem về nuôi dạy cũng tuân-phục được, phải dùng một người thổ-nhân coi về việc chăn nuôi cho ăn uống, gọi là tượng-nô, con voi nào đã nuôi quen thì chỉ tùy ý đưa tượng-nô nó sai khiến. Những cây gỗ to thì thường dùng voi kéo. Giống voi lại có tính-linh hiểu ý người, muốn cưỡi nó thì phải do đưa tượng-nô bảo nó trước mới được. Đàn ông cưỡi nó thì bảo nó quỳ hai chân trước xuống để liên cho người ngồi bực mà lên, đàn bà cưỡi nó thì bảo nó quỳ hai chân sau xuống mà lên. Giống mỗi giống quạ cũng rất nhiều, mặt trời xế chiều quạ kêu như ó, có chỗ nó đậu đến hàng trăm nghìn con quạ, vì luật cảnh-sát cấm người ta không được bắn quạ cho nên nhiều. Chất đất thì phần nhiều đất xốp, đào và thước đã thấy có nước ngay, vậy nên toàn-quốc ít có cái nhà nào cao đến ba tầng. Các nhà giàu và những các sở cơ-quan công-cộng thì cách kiến-trúc cũng có phỏng theo kiểu Tây. Các thành-phố lớn thì hiệu buôn cửa nhà xan-xát, nơi nào-nhiệt nhất là con đường Công-li-lang và phố Tam-tinh theo kiểu phố Tàu, toàn là hiệu buôn của người Tàu cả, qua chơi phố ấy không khác gì như bên nước Tàu vậy. Tất cả trong nước

Xiêm thì cửa hàng buôn của người Xiêm lo-thơ tí lắm, có ra nữa thì chỉ là những hàng buôn bán vặt của người đàn bà Xiêm mà thôi. Trừ ra và mười công-ti buôn bán lớn của người Tây và mười lăm cửa hiệu buôn của người Nhật, còn thì toàn là cửa hàng của người Tàu cả. Buôn bán thì lấy bạc làm tiền bản-vị, tiền kền làm phụ-vị, mỗi một đồng bạc gọi là « Sắt 卍 » nặng bốn đồng, có thể đổi được một trăm đồng tiền đồng, hoặc mười đồng tiền kền. Bạc giấy thì tin-dụng lắm, do nhà nước phát ra tự giấy một sắt cho đến giấy một nghìn sắt đều có cả. Tuy rằng giấy vẽ hoa-văn cũng còn sơ-lược, nhưng cũng ít có giấy giả, mà vẫn giữ được giá-trị thường thường, không có cái tệ giá cao giá hạ quá, xem thể thì biết tin-dụng rộng lắm. Mỗi một năm người Tàu và người Xiêm đều phải nộp tiền thân-thuế sáu sắt, nếu để quá hạn thì phải nộp thêm một sắt nữa. Phiếu chủ thân-thuế của người nào đi đâu phải đem đi đầy, giữa đường gặp người kiểm xét mà không có, thì phải đem về tòa cảnh-sát cứu xét bắt phạt, có tiền thì phải lái-nạp, không thì phải phạt khổ-sai một tháng. Người Tàu lưu ở bên Xiêm kể hàng trăm vạn, mỗi năm nộp tiền thân-thuế cho chính-phủ Xiêm kể hàng sáu trăm vạn sắt. Mười năm trước đã có một độ phong-trào kịch-liệt phản-đối về cách nộp thuế thân, bãi thi mất ba ngày, trong nước ồn lên, nhưng cũng không đạt được mục-dịch gì cả. Trong nước có chùa Tam-bảo và chùa Thụy-phật, tượng Phật chùa Tam-bảo cao đến mười trượng, ngón tay trở dài bằng người ta, mà toàn thân kim-sắc rực rỡ. Tượng Thụy-phật thì nằm ngang ngửa ở trong điện, dài đến mười bốn trượng bốn thước. Ngày hôm lễ tắm Phật, thì người vào lễ bái đầy chật cả trong chùa, khói hương nghi-ngút sắc cả người lên, Vua Xiêm là chí-tôn mà cũng phải đến chùa lễ bái.

Khi vua Xiêm đi ra chơi các phố thì quân hầu rất ít, hay đi xe ô-tô, hoặc xe thường thông-thả đi chơi, để xem xét cảnh-huống tình-hình dân-gian.

Cách giáo-dục của dân Hoa-kiều ít lâu nay phát-đạt dị-thường, dân Trào-châu thì có trường Tân-dân, trường Nam-anh, và dân kiều-cư thì có trường Tiến-đức, dân Quảng-triệu thì có trường Minh-đức, Khôn-đức, dân Phúc - kiến thì có trường Bồi-nguyên, mỗi trường học-sinh có đến hơn một trăm người, tiền học-phi sung-túc, sắp đặt hoàn-bì, những trường ấy đều theo chương-trình giáo-dục của nước Tàu, còn các giáo-viên thì đón tự bên Tàu sang, nhưng chỉ tiếc rằng những học-sinh chia ra đảng-phái không được thống-nhất. Song đồ lên tốt-nghiệp về cao-đẳng tiểu-học cũng đã được hơn trăm người. Hiện Chính-phủ Xiêm chỉ sợ những học trò dân Hoa-kiều khi vào trường học họ lại rủ rê thu lấy những quốc-dân Tàu đã nhập-lich Xiêm, cho nên Chính-phủ Xiêm có hạ lệnh xem xét những trường học dân Tàu, nếu không tuân theo thì bắt phải đóng cửa trường. Xem cái pháp-lệnh nghiêm-khắc như thế là Chính-phủ Xiêm chỉ muốn dân Tàu phải học chữ Xiêm và nhập-lich dân Xiêm, phải cam-tâm mà đồng-khóa mới thôi. Nhưng nay vẫn chưa thật thi-hành cái lệnh ấy, cũng là may phúc cho con em dân Hoa-kiều vậy.

## II

### Cái thói cần-kiệm chất-phác của người Đức

Gần nay những kẻ thanh-niên chốn thôn quê đua nhau kéo ra ở các nơi thành-thị càng ngày càng đông, nên các chốn thôn quê càng ngày càng điêu-làn tiều-tụy, thức-giả lấy làm lo cho cái cảnh-trạng nông-dân nhà quê. Chỉ có nước Đức thì cái cảnh-huống thôn quê

vẫn thịnh-vượng, mà vẫn giữ được cái thói cần-kiệm chất-phác. Bác-sĩ Cát-dã thị có chú-ý về vấn-đề xã-hội mà thuật ra như sau,

Cát-dã-thị có từng đi qua chơi các chốn thôn quê nước Đức xem xét cái cảnh-huống, biết nước Đức tuy ở về cái buổi đời này là cái buổi đời người thừa của hiếm, chính đương lúc cái trình-độ sinh-hoạt lừng cao mãi lên, mà các thôn quê nước Đức vẫn không thấy có suy-đổi điều - tẻ chút nào. Những người nông-dân thì đều yên vui khỏe mạnh thực-thà, cho đến các nhà giàu nhà sang cũng kiệm-ước chất-phác tập quen sự khó nhọc, không có một tí gì là cái thói kiêu-xa dâm-dật cả. Nếu nước ta mà những nhà có độ mười vạn hoặc vài mươi vạn thì đã mặt phệ ra nghiêm - nhiên làm ông chủ, nhà cao cửa rộng, gấm vóc là lượt, rượu thịt tiệc-tùng, vàng hầu vớ lẽ, thằng bếp cạy bồi, hầu hạ tấp-nập, lại còn xe hơi xe ngựa, các đồ ngoạn-hảo không thiếu một thứ gì. Lại có người thì thừa của đem đi dút lót ra làm quan, hoặc chạy chọt lúy cái phẩm-hàm lên mặt quan cách. Con trai con gái thì cho đi học ở ngoài thành-thị hoặc đi du-học nước khác, rồi thành ra phóng-dãng hư cả. Còn những việc ruộng nương cấy cấy, thì chỉ phó mặc cho mấy người thợ cấy chứ không thèm nhìn đến. Ở nước Đức thì những thói ấy tuyệt không có bao giờ. Cát-dã-thị đã từng thấy một nhà giàu nước Đức tư-bản có đến hơn sáu mươi vạn, mà người con gái lớn ngày mai sắp sửa cưới về nhà chồng, mà ngày hôm trước vẫn còn đi đôi dép cỏ, thắt cái khố mũ bò, dắt trâu ra cày ở ngoài đồng. Lại có một nhà người chủ là đàn bà góa có sáu bảy người con, mà chỉ một mình nuôi nấng, có và khu ruộng ba con trâu, mẹ con chỉ hết sức làm lung cấy cấy, an-nhiên tự-đắc. Những nhà nông-

gia chỉ lấy việc canh-nông hết sức làm sự-nghiệp hơn nhất cả. Tuy có nhà thực giàu có, mà cũng không muốn cho con em vào trường Đại-học. Trong làng kia có ông giáo trường tiểu-học khuyên bảo một nhà giàu nên cho người con gái út vào trường sư-phạm. Người mẹ không muốn cho vào, bảo rằng con gái nhà bách-tính tâm-thường, chỉ nên giữ lấy cái nền-nếp con gái nhà tâm-thường mà thôi, chớ vào trường đại-học làm gì. Duy có nơi nào theo về Thiên-chúa-giáo đương lúc hưng-thịnh, thì trong một nhà lấy đồ được một người làm cố cụ là lấy làm vinh-hạnh, cho nên những nơi ấy có cho con em vào trường đại-học để học về khoa thần-học hoặc y-học, vì người Đức lấy y-học làm sự nhân-thuật là một chức - nghiệp mình nên hết sức đề cứu giúp cho xứ mình, cho nên thường cho con em đi học nghề thuốc, chứ không cho đi học nghề khác. Con nhà giàu khi đi học phải nói doan với cha mẹ rằng xin vào học khoa thần-học hoặc khoa y-học thì được. Nếu khi vào trường mà lại cải-nghe học về khoa khác, thì người nhà không cấp học-phi cho nữa. Cái phong-thói ấy cũng hơi thiên quá, nhưng cũng là một thói hay.

Những người học-trò đại-học về phái cựu-giáo thần-học và y-học, khi nghỉ hè về làng vẫn phải hết sức làm lụng, không khác gì người đi cấy ở nhà quê, chứ không có cái thái-độ gì là bộ học trò đại-học cả. Cát-dã-thị có nói thường cùng với bạn là người Đức tự lĩnh thành về chơi làng, người bạn ấy gia-tư cũng thường thường bậc trung. Khi về đến nhà, thì người bạn vào rừng kiếm củi, chặt ngắn ra để từng đống, người em gái thì đến bên đống củi buộc lại từng bó đem về, xong rồi thì vác cây ra đồng cấy ruộng, chớ không phải đợi cha mẹ sai bảo gì cả. Ấy cái thói siêng-năng cố gắng như thế, ai là không phải kính-phục.

Ấy cái phong-thói người Đức phác-dã như thế, cho nên các hương-thôn vẫn giữ được vững vàng không đến nỗi điêu-tàn đồi-lệ. Nhưng đừng tưởng rằng dân Đức ngu-xuẩn què mùa tự-cam hủ-lậu, mà không mong cho nước mình được phát-đạt và thế-giới tiến-bộ đâu. Người Đức dẫu đến kẻ rất nghèo, cũng lấy sự giáo-dục cho con vào nhà trường làm cốt-tử. Giáo-sư các trường và các mục-sư trong giáo-hội đều có học-thức rất cao, các mục-sư đều là tốt-nghiệp ở đại-học ra cả, mà đến học-thức tài-năng của các giáo-sư trường tiểu-học, thì dẫu các giáo-viên trường trung-học Nhật-bản cũng không kịp được, bởi thế nên các con-em được nhờ giác-dục và cái trí-thức của học-trò đều được thêm cao lên.

Vả lại nhân-dân trong các hạt đều có quan-hệ liên-lạc với sản-nghiệp trong hạt mình. Lệ thường bên Âu-châu thì mỗi năm đến mùa tháng năm đương lúc công việc làm ruộng bận bịu, thì các trường học ở nhà quê thường cho nghỉ hè trước là vì bận về việc canh-nông. Nhưng ở nước Đức thì các giáo-sư trường tiểu-học cứ tiền-kỳ thỏa-nghị với các điền-chủ trong làng, lấy một giá tiền công vừa phải thuê các học trò trường tiểu-học làm việc cấy bừa giồng giọt. Đến kỳ nghỉ hè thì do các thầy giáo đem học-trò đi đến các nơi ruộng nương mà làm. Điền-chủ mà thuê học-trò cũng có cái nghĩa-vụ đối với học-trò là phải thân mình trở bảo lấy những cách giồng giọt vun tưới, dẫu đến con em người điền-chủ cũng phải cùng với lũ học-trò cố công mà hợp-lực làm lụng, chứ không phân-biệt gì cả, Cái phong-thói ấy làm cho trẻ con trong nước không đứa nào là không phải con nhà nông, lại hay tập biết sành được việc canh-nông, vả lại những con em nhà đại-điền-chủ cũng phải theo cùng với chúng bạn cùng làm, xem

thế thì biết cái cách nông-nhân là tôn-quí, đến khi lớn lên thì học trò người nào cũng đã tập cần-lao quen đi rồi, nên ở các chốn hương-thôn làm ăn đều hưng-vượng. Tuy rằng thế, nhưng số người thêm mãi ra, thì cái số nông-phu càng nhiều, mà số ruộng nương lại càng ngày càng giảm bớt đi. Song người Đức có cái mẹo san xẻ rất khéo, như ở Ba-uy-lược có cái chế-độ định về sản-nghiệp của người cha, phàm bất-động-sản thì về phần người con trưởng, còn bao nhiêu động-sản thì chia đều cho các con thứ. Con trưởng thừa cái cơ-nghiệp của cha đó đã có sản ruộng nương mà làm, còn các con thứ thì lấy cái tiền của của cha để lại cho mà đem đi nơi khác lại lập ra cơ-nghiệp khác, cái chế-độ ấy rất hay. Vả lại chế-độ nước Đức vẫn ưu-đãi các hàng quân-nhân, người nào đã đi lính được hai ba năm thì đã được kê vào hàng hạ-sĩ. Nếu đi được tám chín năm, thì khi mãn-khóa về có cái đặc-quyền được ra làm quan-lại, như các viên-chức trong tòa buu-chính, thiét-lộ, xam-lâm, nếu không phải là người đã từng trải việc quân lính thì không được làm những chức ấy. Vậy nên các chức quan-lại toàn là những người đã đi lính qua cả, mà đi làm việc thì mỗi tháng có thể được tiền lương bốn năm mươi đồng, cho nên trong nước Đức những người con thứ và con nhà chủ cái cảnh-huống cũng khá, không đến nỗi bị khốn-khở với người bá-huynh, mà người nào cũng có cái tư-cách làm ăn tự độc-lập được cả.

Nước Đức mà sở-di hay dưỡng-thành được cái phong-tục cần-lao, cái tinh-thần cương-kiện, làm cho căn-bản bền vững mà phát-triển mãi ra, là nhờ về các thầy giáo-sư tiểu-học và các ông mục-sư giáo-hội có công dạy bảo nhiều lắm. Các thầy giáo-sư tiểu-học và mục-sư giáo-hội ở các địa-phương đều có

cái uy-quyền rất lớn, không cứ gì trai gái già trẻ, trí ngu nghèo giàu ai cũng phải kính sợ các giáo-sư mục-sư như thần-minh, một lời ăn tiếng nói của các ông ấy đều làm nghi-biểu cho cả làng. Các ông ấy sao lại có cái thế-lực rất to như thế? Nói rút lại là chỉ tại cái nhân-cách của các ông ấy mà thôi. Nguyên các giáo-sư tiểu-học và mục-sư giáo-hội đều có cái nhân-cách đáng làm mô-phạm, nên mới cầm được cái uy-quyền rất lớn về đường giáo-dục, chẳng qua chỉ trông về cái nhân-cách xứng đáng mà thôi. Các mục-sư đối với nhân-dân các địa-phương lại càng nghiêm-khắc lắm, hề thấy người nào hơi nhiễm cái phong khinh-khiêu phù-bạc, thì lập tức thét mắng ở trước mặt công-chúng chứ không dung-thứ. Xem như người thiếu-niên ở làng kia khi trước ở ngoài thành-thị quen lối ăn mặc đài-diêm, nhân kỳ nghỉ hè về ở làng, ăn mặc ra một hoa-hoè vào nơi giáo-hội nghe giảng kinh. Ông mục-sư liếc mắt trông thấy, lập tức đình giảng, giương mắt chòng-chọc trông vào người ấy, rồi liền sai người phù-xuất đuổi ra ngoài, và dạy bảo mắng trách như là đáng nghiêm-phụ trách mắng đũa con, những người ngồi cạnh thấy thế đều sợ sồn ốc cho là một điều lỗi nặng. Bởi vậy nên những hội-viên trong giáo-hội người nào cũng tự khắc-trách sửa mình, để mong cho khỏi trái lời giáo-huấn của đấng mục-sư, mà những người đàn bà con gái có khi nghe lời giáo-huấn phải ứa nước mắt ra mà thành-tâm sám hối, cái sức cảm-hóa mạnh biết chừng nào! Các giáo-sư tiểu-học được người ta tôn-kính cũng không khác gì các mục-sư. Nước Đức đãi các tiểu-học giáo-sư rất hậu, khi ở trường sư-phạm thì ra rồi, thì nam giáo-sư nguyệt-bổng năm mươi đồng, nữ giáo-sư bốn mươi đồng, sau cứ hai năm một lần tăng bổng, độ mười năm hoặc hai mươi năm thì có người lương-bổng đến hai ba trăm bạc,

cho nên có người giáo-sư tại-chức cực lâu, mãi đến khi già thì tất cả nhân-dân trong làng không mấy người là không phải học trò, tự-nhiên là chúng-nhân ai cũng phải tôn-kính. Cát-dã-thị lại nói có một hôm qua một làng kia thấy một lũ thiếu-niên độ hơn mười người đang dàn đùm om-xòm nhầy nhớt, chợt có người nói sẽ lên rằng : « Tiên-sinh lại kia ! » thì bọn hơn mười người ấy liền nín lặng đứng yên phăng-phắc, tỏ ngay ra nét mặt nghiêm-trang cung-kính. Lại một làng kia đang ngày nghỉ, có người làm nghề chóp ảnh muốn đem diễn ở trong làng, đã được thôn-trưởng cho phép rồi, chợt có ông mục-sư ngồi chơi ở hàng rượu, có người đến mách sắp có phường trò chóp ảnh đến. Mục-sư liền bảo rằng trò ấy không nên cho trẻ con xem. Người kia liền đến bảo thôn-trưởng. Thôn-trưởng sợ hãi không biết nghĩ sao, phải lấy tiền cho anh nhà nghề mà bỏ cái tờ cho phép trước đi. Xem thế thì biết người ta sợ hãi tôn-kính mục-sư biết chừng nào ! Bên nước Đức làng nào cũng có cửa hàng rượu, thói quen người Đức vì cả ngày cần-lao, bữa cơm chiều xong rồi

thì ai cũng ra chơi hàng rượu, uống một vài cốc rượu bia. Khi ấy các tiểu-học giáo-sư và giáo-hội mục-sư cùng là kẻ già người trẻ đều họp cả ở đấy, cùng nhau bàn tính về đường tu-thân dưỡng-tính, và nghị-luận về cách địa-phương tự-trị, để cùng khuyên bảo lẫn nhau, tuy gọi là cửa hàng rượu, mà thực là cái cơ-quan về đường xã-hội giáo-duc, chứ không như nhà Xéc của ta chỉ là nơi chè rượu cờ bạc mà thôi. Ấy cái phong đôn-hậu của người Đức như thế, hồ dễ nước nào kịp được.

Phong-tục các địa-phương nước Đức đã thuần-mĩ như thế, vậy nên những việc trộm cướp đánh nhau om xòm rầm rĩ để động đến cảnh-sát hỏi tra thì tuyệt-nhiên không có. Hình-thoảng cũng có việc tranh-chấp về quyền-lợi, nhưng đã có các giáo-sư mục-sư đứng ra phân-giải một câu là xong ngay, người Đức thực là giàu về cái lòng tự-trị lắm vậy.

Đ. - C.

(dịch theo bộ Đông-phương văn-khố



## TÂY-THI ĐIỂM-SỬ (1)

## 西施艷史

(Lịch-sử tiêu-thuyết)

## CHƯƠNG THỨ SÁU

Cửa sông Chiết-giang vua tôi  
tống-biệt

Việt-vương Câu-Tiền nghe lời Văn-Chủng khuyên giải, thôi hẳn nổi bi-thương; tức-khắc ngày hôm ấy làm lễ tế-tự nhà tôn-miếu, cáo với tổ-tiên, thỉnh với Ngô-sứ là Vương Tôn-Hùng đi ngày hôm trước; rồi Câu-Tiền cùng với phu-nhân theo sau sang Ngô. Các quan đi tiễn Việt-vương đến trên sông Chiết-giang, Phạm Lãi thì đã chực sẵn ngay ở đất Cổ-lãng, ra nghênh-tiếp Việt-vương. Các quan làm lễ tiễn-biệt ở bờ sông, Văn-Chủng cầm chén rượu dâng lên mà chúc rằng: «Trời vốn giúp người, trước chìm sau nổi. Họa là nền phúc, dữ là gốc lành. Kẻ thị-uy hồng, người thuận-mệnh hay. Vua nay gian-nan, sau này ắt dấy. Vua tôi ly-biệt, cảm-động trời xanh. Kẻ đưa người tiễn, ai chẳng cảm-thương. Ba chén rượu này, tôi xin chúc vua.» Câu-Tiền nghe lời chúc, ngửa mặt lên trời thở than, cầm chén rượu gạt nước mắt, ngồi nín lặng không nói gì. Phạm Lãi tiến lại nói rằng: «Tôi nghe có câu rằng người chẳng bị nhục-nhẫn thì chí-khí không rộng, thân chẳng bị sâu-khổ, thì nghĩ-ngợi không xa; những bậc thánh-hiền đời xưa, đều gặp cái cảnh-ngộ khổ-ách, mang cái sỉ-nhục phi-thương, chẳng những một mình vua.» Câu-Tiền nói rằng: «Ngày xưa vua Nghiêu dùng vua Thuấn vua Vũ, mà thiên-hạ được trị-an, đâu có cái nạn hồng-thủy, cũng không làm được hại to; quả-nhân

nay sắp sửa lia nước Việt sang nước Ngô, đem nước gửi các đại-phu, các đại-phu có tự mình tin cậy về điều gì để yên cái lòng mong-mỏi của quả-nhân này đây hay không?» Phạm Lãi nghe nói, liền đối với trong hàng các đại-phu mà nói rằng: «Mỗ nghe có câu rằng vua bị phần lo thì tôi gánh phần nhục, vua bị phần nhục thì tôi cam phần chết. Nay vua ta có cái lo dời bỏ nước Việt, có cái nhục làm tôi tờ nước Ngô, đất Việt-dông ta, há lại không có một hai người hào-kiệt, cùng với vua ta chia phần lo, dự phần nạn dấy hay sao?» Các đại-phu đồng-thanh nói rằng: «ai chẳng phải là tôi con, xin vâng mệnh nhà vua sai khiến.» Câu-Tiền nói rằng: «Các đại-phu đã có lòng không nở bỏ quả-nhân, xin đều nói cái chí của mình ra cho quả-nhân nghe; ai là người có thể đi tòng-nạn, ai là người có thể ở thủ-quốc?» Văn-Chủng đáp rằng: «Trị việc trăm họ, yên trong bốn cõi, thì Lãi không bằng tôi, chu toàn với vua, làm-co ứng-biến thì tôi không bằng Lãi.» Phạm-Lãi nói rằng: «Văn-Chủng tự-sử đã là địch-dáng, nhà vua đem quốc-sự giao cho, có thể khiến được việc nông việc chiến đủ ăn đủ dùng, trăm họ thuận-hòa yêu mến. Đến như cái việc phù-nguy nhân-nhục, đi mà tất về, cùng vua tinh sự báo-cứu thì không dám từ chối.» Phạm Lãi nói xong, các quan thứ-đệ tỏ lời tự-thuật. Quan thái-tể là Khô Thành nói rằng: «Phát hiệu-lệnh vua, tuyên đức-tính vua, thống-trị mọi sự phiền-kịch, khiến dân biết phận trên

dưới, ấy là chức phận tôi ». Quan hành-nhân là Tiết Dung nói rằng: « Đi thông-sứ các chư-hầu, phân giải điều khó, biện-bạch điều ngờ, khi ra không để nhục cho nước, khi vào không mang lỗi với vua, ấy là trách-nhiệm tôi. » Quan tư-trực là Hiệu-Tiến nói rằng: « Vua lỗi thì tôi can, cử điều lầm-lỗi, quyết sự nghi-ngờ, cử thẳng mà nói, không a-dua kẻ thân người quý, ấy là chức sự tôi. » Quan tư-mã là Chư Kê-Sinh nói rằng: « Đối giặc bày trận, dương cung phát tên, ham tiến không thoái, máu chảy đầm-đìa, ấy là bản-phận tôi. » Quan tư-nòng là Cao Như nói rằng: « Thân-hành đi võ-về trăm họ, viếng người chết, thăm người đau; ăn chẳng ăn hai thức đồ ăn, thóc cũ thóc mới chăm sự trừ-súc, ấy là phận-sự tôi. » Quan thái-sử là Kế-Nghê nói rằng: « Xem trời xét đất, ghi tượng âm-dương, phúc đến biết diềm cát, gở đến biết diềm hung, ấy là chức-trách tôi. » Các quan người nào người ấy nói xong. Câu-Tiến nói rằng: « Quả-nhân tuy về đất bắc làm một kẻ cùng-lũ nước Ngô; các đại-phu người thì hoài-đức, kẻ thì bảo-thuật, đều hiền sở-tràng, để giữ xã-tắc, quả-nhân có thể lo gì nữa. » Mời lưu các quan ở lại giữ nước, chỉ cùng với Phạm Lãi cùng đi. Vua tôi ở trên bờ sông làm lễ phân-biệt, người nào người ấy đều sa nước mắt. Câu - Tiến ngửa mặt lên trời thở dài mà nói rằng: « Cái chết ai cũng sợ, như quả-nhân này nghe sự chết, thật không sợ hãi một chút nào. » Liền xuống thuyền đi ngay, các quan khóc-bái ở trên bờ sông. Câu-Tiến tuyệt không ngoái lại quyến-luyến chi cả. Người sau có thơ vịnh về sự ấy rằng:

*Cánh buồm đuổi bóng tà-dương,  
Tiếng dàu sóng gió bên xoang hải-hùng;  
Tiền đưa một chén giữa dòng,  
Ngày nào lại thấy qua sông đi về.*

Nàng Việt phu-nhân thì dựa vào mạn thuyền ngồi khóc-lóc, trông thấy đàn sáo đàn quạt mỏ bắt cái tôm cái tép ở ven bờ sông. bay đi bay lại thỏa-thích an-nhàn, bất-giác bật tiếng lên khóc to, nhân làm ra lời ca, ca rằng:

*Chim bay kia giống ô-diên,  
Cái thân trong cõi khung-thiên mặc dầu.  
Giang-hồ quen thú ưu-du,  
Thẳng bay lên chốn vân-cù xở-xang,  
Chim kia được thỏa tình thường,  
Bắt tôm uống nước nên dưng tự-do,  
Thiếp nay tội lỗi vì đâu,  
Thờ trời kính đất trước sau một lòng.  
Non tây giục trận kim-phong,  
Biết ngày đi đó dám mong ngày về,  
Lòng dàu như cắt như chia,  
Lệ dàu như mạch nước khe luôn đầy.*

Câu-Tiến thấy phu-nhân làm ra lời hát, tỏ ý bi-thương, trong lòng khôn xiết đau-đớn miên-cưỡng lấy lời yên-ủi phu-nhân mà nói rằng: « Lòng cánh của quả-nhân đã đủ rồi, bay cao có ngày, phu-nhân bắt - tất phải ưu - thương, » Việt-vương đã đến cõi nước Ngô, bắt đầu sai Phạm Lãi đi đến Ngô-sơn, trình mặt yết-kiến thái-tề Bá-Bĩ đem đồ kim-bạch tử-nữ dâng lên. Bá-Bĩ hỏi rằng: « Quan Văn đại-phu có sao không lại? » Phạm Lãi đáp rằng: « Văn-Chung vì quả-quân tôi ở lại giữ nước, cho nên chẳng được cùng với tôi cùng lại. » Bá-Bĩ liền cùng với Phạm Lãi lại yết-kiến Việt-vương. Câu-Tiến thăm-tạ cái ơn che chở cho. Bá-Bĩ một niềm hết sức thừa-nhận đảm-dang, hứa rằng chẳng bao lâu liền có thể lại trở về nước. Câu-Tiến nghe Bá-Bĩ nói, trong tâm mới yên-ổn một chút, liền cậy Bá-Bĩ ở trước mặt Ngô-vương nói khéo cho một hai lời, để khỏi chịu bề khổ-sở. Bá-Bĩ nhất-nhất nhận lời. Ước định ngày hôm sau, do Bá-Bĩ áp-giải tống Việt - vương đến Ngô-hạ, vào diện - kiến Ngô - vương, Chử biết Câu-Tiến khi vào yết-kiến

Ngô-vương, Ngô-vương xử dãi thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

## CHƯƠNG THỨ BẢY

### Việt-vương nhấn-nhục ở trong thạch-thất

Bá-Bĩ áp-giải Câu-Tiền đến Ngô-hạ, dẫn vào điện kiến Ngô-vương. Câu-Tiền trần tay áo phủ phục ở dưới thềm, phu-nhân theo ở đằng sau. Phạm Lãi đem bảo-vật và mỹ-nữ khai đơn trình hiến. Việt-vương Câu-Tiền hai lấy khẩu đầu tàu rằng: « Kê bộc-thần ở Đông-hải là Câu-Tiền, chẳng lượng sức mình, đắc-tội ở ngoài biên-cảnh; đại-vương xá cho tội lớn, khiến vào giữ việc chổi dơ quét dọn, được toàn cái tinh-mệnh trong phút chốc, vàng đội ơn sâu, khôn xiết cảm-tạ; Câu-Tiền cần khẩu-đầu. Ngô-vương Phù-Sai nói rằng: « Quả-nhân nếu nghĩ đến cái cừ của đảng tiên-quân, thì mây ngày nay tất không thể sống được.» Câu-Tiền lại khẩu đầu tàu rằng: «Tôi thực đáng chết, xin đại-vương thương cho.» Khi ấy tướng-quốc Ngũ-Tử-Tur ở bên cạnh, mắt như lửa sáng, tiếng như sấm vang, tiến lên trước mặt vua Ngô mà nói rằng: « Ôi! con chim bay ở trên mây xanh, còn muốn dương cung mà bắn, hướng chỉ đã đậu ở trong sân đấy ư. Câu-Tiền làm người tính rất khôn-ngoan hiểm-độc, nay là con cá ở trong chậu, tính-mệnh ở trong tay người cầm dao, cho nên làm ra lời siểm-nịnh, ra sức cung-thuận, để cầu khỏi sự binh-tru; nhất-dán mà đắc-chí, như phóng con hổ về núi, đuổi con kinh về bể, không có thể lại chế được đâu.» Phù-Sai nói rằng: « Quả-nhân nghe có lời rằng giết-dóc kẻ hàng-phục, họa cập đến ba đời, quả-nhân không phải là yêu nước Việt mà chẳng giết Câu-Tiền; sợ rằng có tội với trời, trời hoặc trách-phạt.» Bá-Bĩ nói rằng: « Quan tướng-quốc chỉ biết cái kế nhất-thời, không biết cái đạo an-quốc, lời đại-vương nói, thực là cái lời đáng nhân-giả vậy.»

Phù-Sai không nghe lời Tử-Tur can nhận đỡ cống hiến nước Việt. Sai Vương-Tôn Hùng chở đá làm một cái nhà thạch-thất ở ven má Hạp-lu, đem vợ chồng Câu-Tiền giam ở trong ấy; bắt bỏ cả áo mũ, dầu bù mặt xạm, giữ việc chăn ngựa. Nhờ có Bá-Bĩ đem cho riêng đồ ăn, được khỏi đói khát. Hễ gặp Ngô-vương khi ra chơi, thì Câu-Tiền tay cầm roi ngựa, bộ-hành ở đằng trước xe. Người nước Ngô chỉ trở mà nói rằng ấy là Việt-vương, ngày nay làm việc nô-lệ ở nước ta đấy. Câu-Tiền chỉ cúi đầu nhấn-nhục, không dám nói gì. Người đời sau có thơ vịnh về việc Câu-Tiền nhấn-nhục, thơ rằng:

*Anh-hùng gặp bước khâm-kha,  
Binh-sinh chí-khí liêu-ma ít nhiều.*

*Mơ-màng cố-quốc ngại nao,  
Ai đem giọt lệ vì vào nước sông.*

Câu-Tiền ở nơi thạch-thất hai năm, Phạm Lãi sớm chiều châu-chực ở bên cạnh, một bước không rời. Chợt một hôm, Phù-Sai triệu Câu-Tiền vào yết-kiến, Câu-Tiền qui-phục ở đằng trước, Phạm Lãi đứng ở đằng sau. Phù-Sai đối với Phạm Lãi mà nói rằng: « Quả-nhân nghe đâu người triết-phụ không gả về cái nhà phá-vong, kẻ danh-hiến không làm quan cái nước tiết-diệt. Nay Câu-Tiền hư hèn, nước đã sắp mất; vua tôi mây đều làm kẻ nô-lệ, giam buộc một nhà, há lại chẳng xấu. Quả-nhân muốn tha cho tội mây, mây nếu biết cải-quá tự-tân bỏ Việt về Ngô, quả-nhân sẽ tất trọng-dụng, bỏ đường tru-hoạn, mà lên đường phú-quí, ý mây thế nào? » Khi ấy Câu-Tiền phủ-phục sa nước mắt, chỉ sợ Phạm Lãi theo về với Ngô. Chỉ thấy Phạm Lãi khẩu đầu nói rằng: « Tôi nghe rằng người tôi vong-quốc, không dám bàn chính, người tướng bại-quân không dám bàn dũng. Tôi ở nước Việt, là kẻ bất-trung bất-tín, không biết giúp Việt-vương làm điều thiện, để đến nỗi đắc-

tội với đại-vương, may nhờ đại-vương không đem giết ngay, được vua tôi ở với nhau, khi vào làm việc sai-tảo, khi ra giữ việc xu-lầu, chí-nguyện tôi thể là đã đủ, không dám hy-vọng về đường phú-quí.» Phù-Sai nói rằng: «Người đã chẳng rời cái chi người, thì người hãy cứ đi về thạch-thất.» Phạm Lãi thưa rằng: «cần phụng mệnh vua», Phù-Sai đứng dậy đi vào trong cung. Câu-Tiền cùng với Phạm Lãi về đến thạch-thất, Việt-vương thì mặc cái áo da bò, đội cái mũ bẹ chuối, giữ việc chăn ngựa. Phu-nhân thì mặc cái xiêm sỏ gấu, vận cái áo nửa manh, hàng ngày gánh nước hót phân, và việc sai-tảo. Phạm Lãi thì hàng ngày kiểm củi thối cơm, mặt xe máy xém, hình thể khô-khao. Phù-Sai thường sai người trinh-thám, thấy vua tôi nước Việt hết sức lam lụng, tuyệt không có nét mặt oán giận chút nào, suốt đêm cũng không có tiếng gì than thở; cho là vua tôi Câu-Tiền không có chuyện nhớ nhà, ít lâu đã dẽ ra ngoài ý, khỏi hay-náy gì nữa. Một hôm Phù-Sai lên đả Cồ-tô, trông thấy Việt-vương với phu-nhân cung-kính đoan-trang ngồi ở ven đồng phân ngựa, Phạm Lãi cắp cái roi đứng chầu ở bên cạnh, cái lễ-chế vua tôi còn, cái nghi-thức vợ chồng đủ. Phù-Sai ngảnh mặt đoán trông thái-tể Bá-Bĩ mà nói rằng: «Việt-vương chẳng qua là một ông vua nước nhỏ, Phạm Lãi chẳng qua là người sĩ cô-cùng, tuy ở nơi cùng-ách, mà chẳng mất cái lễ quân - thần, quả-nhân nay tâm rất kính.» Bá-Bĩ, đáp rằng: «Không những đáng kính mà cũng đáng thương.» Phù - Sai nói rằng: «Thực như lời thái-tể, quả-nhân mắt không nở trông thấy, vì bằng Việt-vương quả biết hối-quá tự-tân, có thể tha tội cho hắn được không?» Bá-Bĩ nói rằng: «Tôi nghe đức đã cao rộng, gì chẳng che-chở, đại-vương đem cái lòng nhân-thành, thương đến kẻ cố cùng, gia - ân cho nước Việt, nước

Việt há không có lòng hậu - báo, xin đại-vương quyết ý làm đi.» Phù-Sai nói rằng: «Nên sai quan Thái-sử xem ngày chọn lấy ngày tốt, tha cho Câu-Tiền đi về nước.» Bá-Bĩ mặt sai gianh nhân nửa đêm đem hỷ-tin báo cho Câu-Tiền biết. Câu-Tiền cả mừng, báo với Phạm Lãi. Phạm Lãi nói rằng: «Xin vì vua bói xem, ngày nay là ngày mậu-dần, giữa giờ mao nghe tin; ngày mậu là ngày tù, mà giờ mao lại khắc với ngày mậu; lời chiêm trong quẻ nói rằng lưới trời khắp đưng, muôn vật đều thương, diêm hóa ra ương, dầu có tin, chẳng đủ lấy làm mừng.» Câu-Tiền nghe nói, biểu ý mừng làm ý lo. Tương-quốc là Ngũ Tử-Tư nghe Ngô-vương sắp-sửa tha cho Câu-Tiền về nước, kíp kíp vào yết-kiến nói rằng: «Ngày xưa vua Kiệt bắt tù vua Thang mà phóng về, vua Trụ bắt tù vua Văn-vương mà không giết, đạo trời quanh-quần, chuyển họa thành-phúc; cho nên vua Kiệt lại bị Thang đuổi, nhà Thương lại bị nhà Chu diệt, nay đại-vương bắt tù Việt-quân mà chẳng giết, tôi sợ cái lo nhà Hạ nhà Ân lại đến vậy.» Phù-Sai nghe lời Ngũ Tử-Tư, lại manh ra cái ý giết Câu-Tiền, sai người đi triệu Câu-Tiền. Chưa biết tính-mệnh Câu-Tiền thế nào sẽ xem chương dưới phân-giải.

## CHƯƠNG THỨ TÁM

### Việt-vương ném dơ dề mong phục-quốc

Ngô-vương Phù-Sai nghe lời Ngũ Tử-Tư, sai người đi triệu Việt-vương Câu-Tiền ý muốn giết di, dề tuyệt đường hậu-hoạn. Thái-tể Bá-Bĩ sớm đã ngầm đem tin ấy báo cho Câu-Tiền, Câu-Tiền kinh hãi quá chừng, kíp cùng với Phạm Lãi tính bàn. Phạm Lãi nói rằng: «Vua chớ sợ! Ngô-vương bắt tù nhà vua, đã trải ba năm, trong thời-kỳ ba năm chẳng nở giết nhà vua, há nở trong khoảnh-khắc, một ngày mà giết nhà vua ư. Ngô-vương triệu nhà vua, nhà

vua cứ mạnh-bạo đi lên, bắt-tắt phải lo sợ.» Câu-Tiến nói rằng : «Quả-nhân sở dĩ ăn-nhân không chết đó, toàn nhờ đại-phu bày mưu mẹo bảo-toàn cho, đại-phu đã liệu-dịnh là vô-sự, quả-nhân nên cứ đi lên.» Mới vào thành lại yết-kiến Ngô-vương. Ngờ đâu châu chực đến ba ngày, không thấy Ngô-vương ra coi châu, thấy Bá-Bĩ tự trong cung đi ra, phụng-mệnh Ngô-vương truyền cho Câu-Tiến lại trở về thạch-thất. Câu-Tiến trong tâm khôn xiết nghi ngờ, đối với Bá-Bĩ dò hỏi nguyên-do. Bá-Bĩ nói rằng : «Vua nghe Ngũ-Tử-Tư nói, toan đem giết đi, sở dĩ triệu vào ; chợt có sự may rủi tự-nhiên, vua có bệnh cảm-hàn không trở dậy được, tôi vào cung thăm bệnh, nhân nói rằng nhưng-tai nên làm sự phúc. Nay Việt - vương khúm-núm đợi phép hình-tru ở dưới cửa khuyết, đã hơn ba ngày, cái khi oán-khổ, trên phạm đến trời, đại-vương nên trân-trọng giữ-gìn hăng tạt thời phóng cho Câu-Tiến về Thạch-thất, đợi bệnh khỏi rồi sẽ tính sau, cũng chữa vội gì, vua nghe lời tôi sở dĩ truyền mệnh cho qui-quân ra ngoài thành.» Câu-Tiến nghe nói khôn xiết cảm tạ. Câu-Tiến về đến thạch-thất, đã quá ba ngày, nghe Ngô-vương bệnh còn chưa khỏi, sai Phạm Lãi bói xem cát - hung thế nào. Phạm Lãi gieo quẻ bói thành, đối với Câu-Tiến nói rằng : «Ngô - vương không chết, đến ngày kỷ-tị bệnh tất bớt dần, đến ngày nhâm-thân bệnh chắc khỏi cả. Xin đại-vương thỉnh-cầu vào thăm bệnh, nếu được vào tận nơi, nhân cầu lấy những thức dơ bẩn của Ngô-vương mà ném, xem nhan-sắc Ngô-vương, rồi sụp lạy chúc mừng, nhân nói ra cái kỳ bệnh khỏi, chi-kỳ nếu quả-nhiên bệnh khỏi thì tất-nhiên trong lòng cảm-dộng đến đại-vương, có thể mong phần huông tha vậy.» Câu-Tiến sa nước mắt nói rằng : «Quả-nhân tuy bất-tiểu, cũng đã từng tôn-nghiêm nam-diện làm một

ông vua, sao có thể ngậm dơ nuốt nhục vì người ném thức dơ bẩn ấy vậy!» Phạm Lãi kíp kíp nói rằng : «Xưa vua Trụ giam quan Tây-bá ở ngục Dữu-ly, giết con Tây-bá bắt Tây-bá nấu thịt con mà ăn, Tây-bá phải nhịn đau ngậm sót mà ăn thịt con. Ôi! muốn thành cái sự lớn, chẳng giữ cái hạnh nhỏ làm gì. Ngô-vương là người chỉ có cái nét phụ-nhân, không có cái khí trượng-phu, đã toan sả tội cho nước Việt, nửa chừng chợt lại biến đổi. Ta không như thế, không đủ lấy được cái lòng lân-mẫn của Ngô-vương, sự qui-quốc chưa biết đến ngày nào.» Câu-Tiến bất-dắc-dĩ, nghe theo cái mưu Phạm Lãi ; tức-khắc ngày hôm ấy đến phủ thái-tể xin vào yết-kiến Bá-Bĩ mà nói rằng : «Cái đạo làm kẻ bề-tôi, bề trên tật-bệnh thì bề tôi lo; nay nghe bề trên mắc bệnh chưa khỏi, Câu-Tiến này trong lòng thất-vọng, ăn nằm không yên, xin theo quan thái-tể vào thăm bệnh bề trên, đề dãi cái tình thần-tử.» Bá-Bĩ nói rằng : «Qui-quân có ý tốt ấy, tôi dám chẳng chuyên-đạt.» Bá-Bĩ vào yết-kiến Ngô-vương, trần-thuyết cái tình Câu-Tiến nhớ nhà vua, xin vào thăm bệnh. Phù-Sai đương lúc buồn-bã, nhân nghĩ đến cái tình, cho Câu-Tiến vào yết-kiến. Bá-Bĩ dẫn Câu-Tiến vào đến nhà tâm-thất, Phù-Sai giương mắt trông mà nói rằng : «Câu-Tiến cũng lại yết-kiến quả-nhân ư!» Câu-Tiến khấu đầu tâu rằng : «Kẻ tù-thần tởm nghe long-thể bất-hòa, trong gan phôi như vò như đốt, muốn được trông thấy một chút, mà chưa biết làm thế nào.» Câu-Tiến nói chữa xong, Phù-Sai chợt thấy quặn đau bụng, hầy tay vẫy Câu-Tiến đi ra. Câu-Tiến lạy hai lạy nói rằng : «Tôi khi ở Đông-hải, từng học nghề thuốc, xem đại-tiện người, biết được bệnh nặng nhẹ.» Mới lùi ra vài bước, chấp tay đứng ở dưới cửa. Kẻ thị-vệ bưng chậu lại gần giương, nâng vục Phù-Sai đại-tiện xong, đem chậu đi ra ngoài cửa. Câu-Tiến

mở nắp chậu ra, lấy thức dơ bẩn, qui xuống mà ném. Kê hầu ở bên tả bên hữu ai nấy đều bưng mũi. Câu-Tiến lại đi vào trong nhà, khấu-đầu lạy mừng nói rằng: « Kê tù-thần kính mừng đại-vương, bệnh đại-vương đến ngày kỳ-tị thì hơi bớt, đến tháng ba ngày nhâm-thân thì toàn khỏi.» Phù-Sai hỏi rằng có sao biết? Câu-Tiến thưa rằng: « Tôi nghe ông y-sư tôi dạy rằng tiện đó là cái khí vị giống ngũ-cốc, thuận thời-khí thì sống, nghịch thời-khí thì chết; nay tù-thần trộm ném thức tiện-tiết của đại-vương, vị đắng và chua, chính là ứng về cái khí xuân hạ phát-sinh, vì thế cho nên biết.» Phù-Sai cả lấy làm bằng lòng mà khen rằng Câu-Tiến thờ quả-nhân, đã đến nơi vậy! Tự xưa đến nay, kẻ thần-tử thờ bậc quân-phụ, chửa nghe có ai ném dơ bẩn để quyết tật bệnh bao giờ. Khi ấy Bá-Bĩ ở bên cạnh. Phù-Sai hỏi rằng: « Nhà ngươi có thể làm được việc ấy không? » Bá-Bĩ lắc đầu tâu rằng: « Tôi dẫu rất yêu đại-vương, nhưng việc ấy thì tôi không có thể làm được.» Phù-Sai nói rằng: « Chẳng những quan thái-tể, dẫu đến thái-tử ta cũng không làm được.» Tức khắc truyền cho Câu-Tiến dời ngục thạch-thất, được ra ngoài tùy-tiện muốn ở đâu thì ở, đợi quả-nhân bệnh khỏi, sẽ tức-khắc cho về nước. Câu-Tiến lạy hai lạy tạ ơn đi ra. Từ đấy Câu-Tiến đi ra ở chỗ nhà dân, vẫn giữ việc chăn ngựa như cũ. Phù-Sai quả-nhiên bệnh khỏi dần, đúng như cái kỳ Câu-Tiến nói ra. Phù-Sai trong lòng nghĩ đến Câu-Tiến là trung, khi đã ra coi châu, truyền mệnh đặt tiệc rượu ở trên đài Văn-đài, triệu Câu-Tiến đến dự yến. Câu-Tiến giả-cách làm không biết, vẫn như-nhiên mặc đồ tù-phục lại dự yến. Phù-Sai trông thấy, tức-khắc khiến cho đi tắm gội, thay đổi áo mũ. Câu-Tiến hai ha lần từ-tạ mới sẽ phụng-mệnh, thay đổi áo mũ vào yết-kiến, hai lạy khấu đầu. Phù-Sai vội-vàng nâng dậy, tức-khắc ngỏ

lệnh nói rằng: « Việt-vương là người nhân-nghĩa, há nên chịu nhục mãi, quả-nhân sắp-sửa giải-phóng tù-dịch, tha tội cho về nước, ngày nay vì Việt-vương đặt ra ghế bắc-diện, kẻ quần-thần dùng khách lễ đãi Việt-vương.» Mời làm lễ ấp-nhượng, khiến Việt-vương tới chỗ khách-vị, các đại-phu đều sắp hàng ngồi ở bên cạnh. Ngũ-Tử-Tư thấy Ngô-vương quên cừu đãi giặc, trong tâm dễ giận không chịu dự tọa, rũ áo đi ra. Bá-Bĩ tiến nói rằng: « Đại-vương đem cái lòng đấng nhân-giả, tha cái tội kẻ nhân-giả; cái tiệc ngày nay, kẻ nhân-giả nên ở, kẻ bất-nhân-giả nên đi.» Phù-Sai cười nói rằng: « Lời quan thái-tể nói, thật là đáng yậy.» Rượu dâng được ba tuần. Phạm Lãi cùng với Việt-vương đều đứng dậy dâng chén rượu chúc Ngô-vương thọ, miệng đọc ra lời chúc rằng: « Hoàng vương ân-trạch, rầy khắp dương xuân. Nhân vua ai vi, đức vua nhật-tân. Than ôi tốt thay! công-đức vô-ngân. Thiên vạn vạn tuế, lâu dài Ngô-quốc, bốn bề đều thân, chừa hầu đều phục. Chén rượu đã dâng, lâu dài thụ-phúc.» Ngô-vương cả bằng lòng, tiệc hôm ấy thật say mới bãi. Truyền mệnh Vương Tôn-Hùng đưa Câu-Tiến về ở nhà khách-quán, hạn trong ba ngày sẽ đưa về nước. Ngày hôm sau, Ngũ-Tử-Tư vào diện-kiến tâu Ngô-vương rằng: « Ngày hôm qua đại-vương đem khách-lễ đãi kẻ thù, quả là ý-kiến làm sao? Câu-Tiến trong mang cái tâm hùm, beo, ngoài sức cái mặt cung-kính, đại-vương chỉ ra lời nịnh mọt chốc, chẳng nghĩ cái lo về sau, bỏ lời trung-trực mà tin lời sàm-ngón, dấm-đuối điều nhân nghĩa nhỏ, mà nuôi kẻ cừu-dịch to; ví như đặt cái lông lên trên lò lửa, mà mừng rằng nó chửa cháy, ném cái trứng ở dưới nghìn tạ, mà mong rằng tất vẹn-tuyền, có thể được chăng! » Ngô-vương nói rằng: « Việt-vương bỏ nhà bỏ nước, nghìn dặm lại về với quả-nhân, cống-

hiển tài-hóa, thân làm nô-lệ, thế là trung, quả-nhân có bệnh, thân vì nếm đơ, không có chút gì oán-giận, thế là nhân. Quả-nhân nếu theo ý riêng tương-quốc, giết kẻ thiện - sĩ ấy, thì hoàng-thiên cũng không giúp quả-nhân. » Ngũ Tử-Tư nói rằng : « Đại-vương sao lại nói trái đi thế vậy. Ôi ! con hồ nó cúi đầu xuống, là nó sắp sửa đánh người đấy ; con ly nó rút mình lại, là nó sắp sửa bắt vật khác đấy. Việt-vương vào làm tôi tớ nước Ngô, oán-hận ở trong tâm, đại - vương sao biết được bụng nó, nó dưới thì nếm cút đại - vương, mà kỳ-thực trên thì định ăn tim đại - vương đấy, đại-vương nếu không xét, trúng cái mưu-gian nó thì nước Ngô tất bị nó phá, nhà vua tất bị nó bắt vậy. » Ngô-vương nói rằng : « Tương-quốc chớ nói nữa, ý quả-nhân đã quyết rồi. Ngũ-Tử-Tư biết rằng không thể can-ngăn được, trong tâm uất-uất mà lui ra. Đến ngày thứ ba, Ngô-vương lại truyền đặt tiệc rượu ở ngoài cửa Sà-môn, thân-hành tiễn Việt-vương ra cửa thành. Bách-quan người nào người ấy đều bụng chén rượu làm lễ tiễn hành, duy có Ngũ-Tử-Tư không đến. Phù-Sai đối với Câu-Tiền nói rằng : « Quả-nhân tha nhà người về nước, nhà người nên nhớ cái ơn nước Ngô, chớ ghì cái oán nước Ngô. Câu-Tiền khấn-dầu tàu rằng : « Đại-vương thương tôi là kẻ cô-cùng, khiến cho tôi được sống mà về nước cũ, nước Việt tôi nên đời đời hết sức báo ơn, kia trời xanh ở trên đầu, thực soi xét cho bụng tôi, nếu tôi phụ nước Ngô, thì trời xanh không chứng. » Phù-Sai nói rằng : « Quân-tử nhất ngôn là đủ, nhà người cứ về, cố đi cố đi. » Câu-Tiền hai lạy qui phục, nước mắt chảy ra chứa-chan, đầy cả mặt mũi, có cái thái-trạng quyến-luyến không nở đời bỏ Ngô-vương. Phù-Sai thân-hành ôm Câu-Tiền lên xe. Phạm Lãi thì làm kẻ ngự xe. Câu-Tiền phu-nhân cũng hai lạy tạ ơn nhất-tề lên xe mà đi.

Người sau có thơ vịnh về sự Phù-Sai phóng Câu-Tiền, thơ rằng :

*Việt-vương đành cá chậu rồi,  
Ngờ đâu sống sót ra ngoài Cối-kê.  
Phù-Sai ngu dại đáng chê,  
Phóng chài để cá kình nghê tung-hoành.*

Chữ biết Việt-vương sau này về nước quyết chí báo-cừu thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

## CHƯƠNG THỨ CHÍN

### Việt-vương quyết chí báo-thù

Việt-vương Câu-Tiền tự lúc lên xe về sau, một mạch thẳng đi về nước ; về đến bờ sông Chiết-giang, lại trông thấy trời đất non sông, một màu thanh-tú, bất-giác than rằng : « Quả-nhân đã tự chắc rằng từ-giã muôn dân, ném xương đất khách, không ngờ lại được về nước, phụng thờ tôn-miếu. » Nói xong, cùng với phu-nhân đối-diện phát khóc, kể tả người hữu cũng đều cảm-dộng tuôn nước mắt. Văn-Chương sớm đã dò thăm, biết rằng Việt-vương sắp sửa về đến nước, liền đem các quan ở lại giữ bấy lâu và bách-tính trong thành, ra bãi-nghênh ở bờ sông Chiết-thủy, tiếng reo mừng rập đất. Việt vương sai Phạm Lãi xem quẻ bói chọn ngày tốt đi đến quốc-dô. Phạm Lãi bắm ngón tay nói rằng : « Đại-vương muốn chọn ngày, thì ngày mai rất cát, nên đi mau để ứng lấy cát-kỳ ấy. » Việt-vương nghe nói vụt roi ngựa đi như bay, các quan và bách-tính chạy theo sau ủng hộ, tang-tảng sáng về đến quốc-dô, làm lễ cáo-miếu và lâm-triều, làm lễ xong, Việt-vương trong lòng nghĩ đến cái sỉ bị khốn ở Cối-kê ngày trước, muốn lập-tức đắp thành đất Cối-kê, thiên-dô ra ở, để tự mình cảnh-giới lấy mình. Sự đắp thành Cối-kê chuyên-ủy cho Phạm Lãi, Phạm Lãi phụng mệnh, trên xem thiên-văn, dưới xét địa-lý, sáng-tạo ra cái tân-thành, bao-vi

núi Cối-kê ở trong thành. Lại ở đằng tây-bắc trên núi Ngọa-long kiến-trúc ra cái Phi-dực-lâu để bắt-chước kiêu thiên-môn. Đàng đông nam đào ngầm một cái cống, gọi là Lậu-thạch-dậu, để bắt-chước kiêu địa-hộ. Thành-quách chu-vi ba mặt, để khuyết một mặt tây-bắc, thanh-ngón rằng thần-phục nước Ngô không dám ủng-tắc đường cống-hiến ; kỳ-thực là âm-mưu về sự tiến-thủ, ý là quân Việt sau này chỉ có tiến chứ không có thoái. Đắp thành gần xong, trong thành hốt-nhiên nổi lên một tòa núi, chu-vi độ vai dậm, hình như con quỳ, cây cỏ rậm tốt, hình-thể hùng-vĩ, có người nhận ra là trái Lang-gia đông vũ-sơn, không biết vì có sao một đêm bay đến đây. Phạm Lãi tâu rằng : « Tôi đi đắp thành, trên ứng với tượng trời, cho nên trời giáng cho cao-sơn để mở cơ-đồ vương-bá cho nước Việt.» Việt-vương cả mừng đặt tên núi ấy là Phi-lai-sơn. Về sau lấy cơ hình núi giống con rùa, cho nên thế-tục gọi là Qui-sơn. Lại ở trên đỉnh núi Phi-lai kiến-lập ra cái Linh-dài, đời cao ba tầng, để trông các vẻ linh-vật. Việc đắp thành chỉnh-lý tề-bị, Việt-vương mới từ đất Chư-ky thiên-di sang đất Cối-kê. Việt-vương đối với Phạm Lãi nói rằng : « Quả-nhân thực là kẻ bất-dức, đến nỗi thất-quốc vong-gia, thân làm kẻ nô-lệ ; nếu không có tướng-quốc với các quan đại-phu tán-trợ sao có ngày nay. » Phạm Lãi thưa rằng : « Ấy là cái phúc của đại-vương, không phải là cái công của chúng tôi, chỉ xin đại-vương lúc nào cũng không quên cái nhục ở nhà thạch-thất, thì nước Việt mới có thể dấy, thù Ngô mới có thể báo được.» Việt-vương nói rằng : « Quả - nhân xin kính vâng lời dạy của tướng-quốc.» Rồi lấy Văn-Chủng tổng-ly quốc-chính, Phạm Lãi đồng-ly quân-sự, tôn người hiền, lễ kẻ sĩ, kính người già, thương kẻ nghèo, bách-tính cả bằng lòng. Câu-Tiên tự lúc nếm dơ yề sau, thường

mắc chửi miệng hời. Phạm Lãi biết phía bắc thành Cối-kê có trái núi sản ra một giống rau, gọi là trấp-thái, ăn xong, có khí-vị thơm, mới sai người hái lấy về ăn ; rồi cả triều đua nhau ăn trấp-thái, để chia phần khổ với vua. Người sau nhân gọi tên trái núi ấy là Trấp-sơn. Câu-Tiên muốn kíp về sự báo-thù, chỉ sợ tự mình trẽ biếng, mới lao-tâm khổ-tứ, ngày nối sang đêm, đêm nối sang ngày, mắt mỏi muốn nhắm, thì lấy roi liểu đập vào mình, chân rét muốn co, thì lấy nước lạnh gội vào chân ; mùa đông thường cầm cục băng, mùa hạ lại ôm lò lửa ; chất đồng củi làm chỗ nằm, đồ nằm không dùng giường ghế chần dệm. Lại treo cái mật ở chỗ nằm chỗ ngồi, lúc khởi cư, tất đem nếm lấy cái vị đắng, để giúp phần ma-lê cho mình. Vì năm trước bại quân Cối-kê, cho nên hai chữ Cối-kê lúc nào cũng tụng-niệm, không rời cửa miệng. Vì gặp trong nước sau khi táng-bại, dân-số khuy-giảm. Mới hạ lệnh, kẻ tráng-dinh không được lấy vợ già, người lão-niên không được lấy vợ trẻ, con gái mười-bảy tuổi không lấy chồng, con trai hai mươi tuổi không lấy vợ, thì phạt bố mẹ. Dân-gian người đàn bà chưa sắp sửa đẻ, phải đi báo địa-phương quan, địa-phương quan sai quan thầy thuốc đến tận nơi ra ý khám hộ ; đẻ con trai thì thưởng cho hồ rượu, với một con chó, đẻ con gái thì thưởng cho hồ rượu, với một con lợn. Người nào đẻ được ba con, thì quan nuôi cho hai ; người nào đẻ được hai con, thì quan nuôi cho một. Dân có người nào chết, thì vua thân-hành đi viếng khóc. Hễ khi vua ra chơi, thường chở đồ cơm rau ở xe sau, gặp thấy đứa trẻ con, tức-thì lấy đem cho, rồi hỏi rõ họ tên và chỗ cư-xử. Gặp mùa làm ruộng cần kíp, thì vua thân-hành lội xuống bùn lấm cầm cái cày. Bà phu-nhân tự dẹt lấy mà mặc, cùng với dân đồng-lao cộng-khổ. Tha tô-thuế

cho dân, trong bảy năm không thu gì cả. Ăn chẳng ăn hai món thịt, mặc chẳng mặc nhiều thứ áo. Đặt ra một phiên sứ-giả, mỗi một tháng tất một lần sai sang nước Ngô đi vấn-hậu. Lại sai một đoàn phụ-nữ vào núi hái dây cát, đem về dệt thành ra tơ vàng vải nhỏ, toan đem hiến Ngô-vương, nhưng chưa kịp tiến. Ngô-vương nhân thấy Việt-vương đối với nước Ngô đã rất cung-thuận, sai người sang gia-phong bờ cõi cho nước Việt, dâng đồng đến đất Câu-dũng, dâng tây đến đất Huệ-ly, dâng nam đến đất Cô-miệt, dâng bắc đến đất Bình-nguyên, tung-hoành hơn tám trăm dặm, hoàn-toàn đều thuộc về nước Việt. Việt-vương tức-khắc đem tiến vải cát mười vạn tấm, mặt ong một trăm thùng, áo cừu da cáo năm đôi, gậy trúc Tấn-xuyên mười thuyền, để đáp cái lễ phong đất. Ngô-vương cả bằng lòng, đặc-thưởng cho Việt-vương đồ trang-sức bằng vũ-mao, sánh với lễ vương-giả. Tướng-quốc là Ngũ Tử-Tur nghe biết có sự ấy, liền cáo ốm không đi vào chầu. Ngô-vương thấy nước Việt đã thần-phục lắm rồi, mới thám-tín cái lời Bá-Bĩ. Một hôm hỏi Bá-Bĩ rằng: « Ngày nay bốn cõi vô-sự, quả-nhân muốn làm rộng cung-thất để vui chơi, đất nào là xứng-dáng? » Bá-Bĩ tâu rằng: « Dưới chỗ Ngô-đô, dài cao cảnh thẳng, không chỗ nào bằng đất Cô-tô. Những các vị tiên-vương kiến-trúc ra, hãy còn thấp hẹp, chưa có thể gọi là cự-quan. Đại-vương sao không đem cái đài ấy thay đổi sửa-sang lại, khiến cho chỗ cao có thể trông suốt được trăm dặm, chỗ rộng có thể dung được sáu nghìn người, tụ-tập can-nhi vũ-nữ ở trong ấy, thì có thể xứng-dáng là chỗ cực-lạc ở nhân-gian. » Phù-Sai rất cho lời Bá-Bĩ nói là phải, mới đặt số trọng-thưởng, cầu lấy gỗ lớn để dự-bị về việc cải-tạo đài Côi-tô. Bểng huyền-thường của Ngô-vương vừa mới treo ra, sớm đã có kẻ dò thám của

nước Việt, nghe rõ sự-tình, chạy mau về nước báo cho Việt-vương biết. Việt-vương nghe báo, lập-khắc triệu-tập các quan kế-ngự sự-tình. Chưa biết vua tôi nước Việt kế-ngự thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI

### Ngô-vương cải-tạo đài Côi-tô

Việt-vương Câu-Tiền triệu-tập quần-thần, đem sự Ngô-vương huyền-thường cầu gỗ lớn, cải-tạo đài Côi-tô, báo cho các quan biết. Bắt đầu đã có Văn-Chủng, đứng lên tâu rằng: « Con chim bay trên cao, chết về mồi ngon; con cá lặn dưới sâu, chết về mồi thơm; nay đại-vương chỉ muốn báo-thù Ngô, tất hăng đầu họ sở-hiếu trước đã, rồi sau sẽ chế được mệnh họ ». Câu-Tiền hỏi rằng: « Thế nào là đầu họ sở-hiếu, mà có thể chế được mệnh họ? » Văn-Chủng đáp rằng: « Cái Thuật phá Ngô của tôi có bảy thuật: Một là bỏ tài-hóa để đẹp lòng vua tôi họ. Hai là dùng giá đất mua thóc gạo, <sup>1</sup> hư-háo phần tích-tụ họ. Ba là đem <sup>2</sup> cho họ mĩ-nữ, để mê-hoặc tâm-chí họ. Bốn là đem cho họ thợ khéo gỗ tốt, khiến làm cung-thất, để khánh-kiệt tiền-tài họ. Năm là trừ-khử kẻ mưu - thần họ, để loạn mưu - kế họ. Sáu là ly-gián kẻ trung-thần họ, để yếu vây cánh họ. Bảy là tích của luyện binh, để thừa-cơ lúc họ hư nát. » Câu-Tiền nói rằng: « Đại-phu nói rất phải, ngày nay nên dùng thuật gì trước, xin đại-phu nói rõ để dạy quả-nhân. » Văn-Chủng nói rằng: « Nay Ngô-vương đương muốn cải-tạo đài Côi-tô, đại-vương nên tuyền lấy danh-sơn thần-mộc hiến Ngô-vương, để đầu Ngô-vương sở-hiếu. » Việt-vương lập-tức hạ lệnh sai một đoàn mộc-công ba nghìn người, vào núi đẵn gỗ. Ngờ đâu tìm đẵn hết năm ấy sang năm khác, gỗ tốt vẫn không thể tìm được. Đoàn công-nhân đi tìm đẵn ở ngoài đã lâu ngày, kinh-lịch bao nhiêu phong-sương

tân-khồ, người nào người ấy, nhờ sự về nhà, đều khởi ra lòng oán-giận. Hễ khi vào núi dẫn gỗ, kinh qua những nơi hiểm-trở khó đi, thì cất miệng hát xướng nghêu-ngao, để thư-giải phần lao-khổ. Lâu mãi làm thành ra một bài Mộc-khách-ngâm, ngày đêm ca-xướng, hơn ba nghìn kẻ công-nhân, kẻ nô xướng, người kia họa, thanh-diệu ai oán, thê-thiết khá nghe, ca rằng :

*Đẫn cây sớm sớm chiều chiều,  
Chiều chiều sớm sớm lên đèo xuống khe.  
Non cao hang thâm đi về,  
Địa-hề bất-sản thiên-hề bất-sinh.  
Vi cây lặn mọc rừng xanh,  
Cây ơi cây có thấu tình chẳng cây.*

Cứ đến canh khuya, đêm vắng trăng trong, ở chỗ đầu non sườn núi, tiếng hát véo-von, khôn xiết oán-khổ, người nghe, ai nấy trong lòng cũng phải thê-thảm. Chợt có một hôm, trời sinh ra hai cây thần-mộc, lớn hai-mươi ôm, dài năm mươi trượng, một cây ở phía nam núi, một cây ở phía bắc núi. Trong đám công-nhân, có người biết thức gỗ ấy, nói rằng cây ở phía nam, tên là cây tử, cây ở phía bắc tên là cây nam, tử nam đều là hạng thần-mộc thiên-niên, khó có khi gặp; không ngờ trong khoảng một đêm, lại sinh ra được hai cái vật báu, thật là sự kỳ. Bọn công-nhân nghe xong lời ấy, đều kinh-ngạc người nào người ấy miệng ngậm mắt giương, hoan-hỷ khác thường, nhất-tề tranh nhau chạy trước, đi về báo-cáo Việt-vương. Việt-vương nghe tin, bất-giác cả mừng, chấp tay giơ lên trán nói rằng : « Ấy là trời giúp cho quả-nhân này thành-công đấy ! » Các quan nhất-tề vái lạy chúc mừng mà nói rằng : « Đó là một tấm tinh-thành của đại-vương thấu đến trời, cho nên trời sinh ra thần-mộc, để giúp đại-vương báo-thù Ngô. Việt-vương liền thân-hành đi đến nơi, làm lễ tế điện, rồi mới chọn định ngày tốt, sai đoàn công-

nhân dẫn chở mang về. Lại tuyển thợ khéo hơn một trăm người, ra công bào-đẽo gọt mài, rồi dùng thứ thuốc đan-thanh, vẽ thành ra hình-trạng ngũ-thái long-sà. Hai cây gỗ chế-tạo đã thành-công, sai Văn-Chủng chở thuyền sang Ngô, đem hiến Ngô - vương mà nói rằng : « Kẻ tiện-thân ở Đông-hải là Câu-Tiền, nhờ đức đại-vương được đi về nước, có trộm làm một cái điện nhỏ, ngẫu-nhiên được hai cây gỗ lớn, không dám tự dùng, xin nhân kẻ hạ-lai dâng lên tạ hữu. » Phù-Sai thấy cây gỗ dị-thường, khôn xiết kinh-ngạc hân-hỷ. Tương-quốc là Ngũ Tử-Tư can rằng : « Ngày xưa vua Kiệt khởi ra vườn Uyển-hựu, vua Trụ khởi ra đài Lộc-dài, cùng kiệt sức dân, rồi đến diệt-vong; ý Câu-Tiền nó muốn làm hại nước Ngô, cho nên nó hiến cây gỗ này, xin đại-vương chớ dùng là phải. » Phù-Sai nói rằng : « Câu-Tiền được cây gỗ tốt ấy, không dám dùng riêng, đem tiến hiến quả-nhân, ấy là ý tốt; nếu mà cự-tuyệt, không khỏi là bất-cận nhân-tình; huống-chi quả-nhân muốn cải-tạo đài Cô-tô, đương lo khuyết-phạp gỗ tốt, nay Câu-Tiền đem hiến cây gỗ này, chính là được việc, sao lại chẳng dùng. » Rồi không nghe lời can, tức-khắc dùng hai cây gỗ ấy, đem cải-tạo đài Cô-tô. Ba năm tụ-tập tài-liệu, năm năm mới hoàn-công; cao ba trăm trượng, rộng tám mươi tư trượng, lên đài ngấm-nghĩa, có thể trông thấu ngoại hai trăm dặm. Ngày trước đã có chín đường khúc-kinh, ngoằn-ngoèo chữ chi đi lên đỉnh núi, đến ngày nay lại khuếch-sung thêm ra. Bách-tính làm công lao-khổ, ốm mà chết không biết số nào mà kể. Người sau có thơ vịnh về việc Phù-Sai kiến-trúc đài Cô-tô, thơ rằng :

*Đài cao chót-vót mặt hồ,  
Sớm chiều chuông trống Cô-tô vui vầy.  
Bá đồ lừng-lẫy ra tay,  
Giang-nam đệ-nhất chốn này đại-đô.*

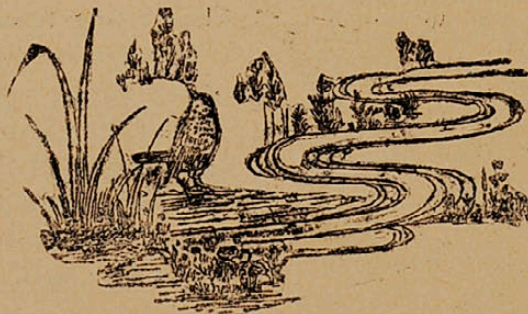
Việt-vương biết rằng Phù - Sai sinh-chi hại dân, đã đem Cô-tô dài, cải - tạo thành công, liền đối với Văn - Chủng nói rằng : « Đại - phu bảo rằng đem cho nước Ngô thợ khéo gỗ tốt, khiến làm cung-thất, để khánh-kiệt tiền - tài nước Ngô, cái thuật ấy đã thi-hành. Nay trên chỗ Sùng - dài tất - nhiên tuyển-trạch những người yêu-cơ mỹ-nữ múa khéo hát hay để sung vào ; sợ rằng phi những hạng thiên - hương quốc-sắc, khuynh-quốc khuynh-thành, không đủ di-dịch được tâm-chí họ, mong đại-phu vị quả-nhân bày kế cho. » Văn-Chủng đáp rằng : « Cái số hưng-vong, định ở trên trời, trời đã sinh ra thần-mộc, lo gì trời chẳng sinh ra mỹ-nữ. Đại-vương cứ tinh-tâm tuyển-trạch, tự-nhiên có người tuyệt-sắc, có thể dùng được, để cống-hiến Ngô-cung, mê-hoặc Ngô-vương. » Câu-Tiên liền toan hạ-lệnh trong nước, đi sưu-cầu từng nhà, tuyển lấy con gái tuyệt-sắc đem tiến nước Ngô. Văn-Chủng vội vàng ngăn lại nói rằng : « Không nên ! đại-vương nếu hạ-lệnh sưu-cầu từng nhà, sợ rằng dao-động nhân-tâm, khiến cho bách-tính hoàn-nghi, không được an-cư, thế là chữa tổn-hại gì nước

Ngô, mà tự mình trước đã kinh-nhiều. Huống-chi quốc-gia đương là sau lúc phá-vong, tuy vậy hưu-dưỡng sinh-tụ, mới có vài năm, nhưng mà nguyên-khi chữa toan khôi-phục, sao nên sưu-cầu mỹ-sắc, kinh-động dân-gian, khiến dân không thể yên tâm đó thay. » Câu-Tiên nghe nói, liền gạt đầu nói rằng : « Đại-phu nói phải. Nhưng hạ lệnh sưu-cầu, đã sợ kinh-động bách-tính, khiến cho không yên ; nếu chẳng đi sưu-cầu thì lại làm thế nào có con gái tuyệt-sắc, đem hiến được Ngô-vương, sự ấy chẳng phải là sự khó đấy dư. » Khi ấy vua tôi trông nhau, trù-trừ ít lâu, rút lại vô-kế khả - thi. Hốt-nhiên trong ban có một người đi ra nói rằng : « Đại-vương bất-tất tru-lự, tôi có một kế, đã có thể không kinh-nhiều dân-gian, lại có thể tìm được mỹ-nữ tiến-hiến Ngô-vương. »

Chưa biết người ấy là ai và có diệu-kế thế nào, để tán - trợ Việt-vương, sẽ xem chương dư **tôi** **nôn-giải**.

(Còn nữa)

TÙNG - VĂN dịch



# VĂN - UYÊN

## DỊCH THƠ CỔ

(Thê thất-ngôn tuyết-cú)

### I

登樓

Lên lầu

唐楊士諤

(CỦA ĐƯƠNG SĨ - NGẠC ĐỜI ĐƯỜNG)

槐花蕭疎繞郡城。

Hòa-hoa trang-diêm bức cô-thành,

夜添山雨作江聲。

Sông núi mưa đêm mấy khắc canh ;

秋風兩陌無車馬。

Bụi cuốn hơi thu xe ngựa vắng,

獨上高樓故國情。

Lầu cao cảnh cũ xiết bao tình !

Thơ này là thơ dâng-cao. Phạm thơ dâng-cao, phối nhiều có cảm-tưởng sâu-xa, như lên cái lầu cao hoặc cái đài cao, cái thành cao, hay sinh ra lòng cố-hương cố-quốc, vân-vân.

### II

楓橋夜泊

Chốn Phong-kiều đêm đậu thuyền

唐張繼

(CỦA TRƯƠNG KẾ ĐỜI ĐƯỜNG)

月落烏啼霜滿天。

Trăng lặn sương bay tiếng quạ buồn,

江楓漁火對愁眠。

Chập-chờn nước lửa những xui nên ;

姑蘇城外寒山寺。

Hàn-sơn khuya-khoắt chuông đầu tỉnh,

夜半鐘聲到客船。

Ngoài bến Cô-tô khách đậu thuyền.

Thơ này là thơ tức-cảnh kiêm tức-sự. Hàn-sơn là tên chùa. Sâu-miên cũng có nghĩa nữa là tên núi, nhưng nay không theo.

### III

送元二使安西

Tiền ông Nguyên Nhị đi sứ đất

An-tây

唐王維

(CỦA VƯƠNG DUY ĐỜI ĐƯỜNG)

渭城朝雨浥輕塵。

Thành Vị mưa bay sạch bụi trần,

客舍青青柳色新。

Cây dương nhà trọ mơn cảnh xuân ;

勸君更盡一杯酒。

Khuyên ngài cố cạn đôi ba chén,

西出陽關無故人。

Kẻo nữa Dương-quan hiem cố-nhân.

Thơ này là thơ tặng-biệt.

### IV

淮上別友人

Trên sông Hoài tiễn bạn

唐鄭谷

(CỦA TRỊNH CỐC ĐỜI ĐƯỜNG)

楊子江頭楊柳新。

Mơn-mơn bờ Dương bên liễu gần,

楊花愁殺渡江人。

Đò sang chết ruột khách trông xuân ;

數聲離笛颯亭晚。

Chiều hôm tiếng sáo ly-đình giục,

君向瀟湘我向秦。

Người dạo Tiêu-Trương kẻ dạo Tần.

Thơ này cũng là thơ tặng-biệt. Dương-tử giang tức là sông Trảng-giang. Tiên, Trương là tên hai con sông, nay thuộc tỉnh Hồ-nam.

## V

芙蓉樓送辛漸

Trên lầu Phù-dung tiễn ông Tân Tiệm

唐王昌齡

(Của VƯƠNG XƯƠNG-Linh đời Đường)

寒雨連江夜入吳。

Sông Ngô khuya-khoắt hạt mưa bay,

平明送客楚山孤。  
Đèo Sở đưa chân buổi sớm ngày ;  
洛陽親友如相問。  
Tôi tấm lòng băng in chén ngọc,  
一片冰心在玉壺。

Bác về đất Lạc nói cho hay.

Thơ này cũng là thơ tặng-biệt. Nhất phiến băng-tâm tại ngọc hồ, có hai nghĩa. Một nghĩa là thanh-khiết có chủ-nghĩa tri-thân. Một nghĩa là thanh-lãnh, có chủ-nghĩa yếm-thế. Nhưng nên theo về nghĩa thanh-khiết.

TÙNG-VÂN

## DỊCH CÔ-VĂN

## Phạm Lãi ba lần thiên-tử đều thành danh (1)

Phạm Lãi thờ vua Việt Câu-Tiền, đã từng khổ-thân kiệt-lực cùng với Câu-Tiền mưu-mô hơn hai-mươi năm mới phá diệt được nước Ngô, báo lại cái sỉ-nhục ở đất Cối-kê. Rồi phía bắc đem quân sang sông Hoài để đối-dịch với nước Tề nước Tấn, hiệu-lệnh cả trung-quốc để tôn nhà Châu, Câu-Tiền nên nghiệp bá, thì Phạm Lãi được xưng Thượng-tướng-quân, (thành-danh lần nhất). Rồi trở về nước, Phạm Lãi nghĩ rằng mình đã có đại-danh thì cũng khó mà ở lâu được. Vả lại Câu-Tiền là người có thể cùng lo lúc hoạn-nạn, chứ khó mà ở chung lúc yên-vui. Bèn làm tờ thư từ-giã Câu-Tiền mà rằng: « Tôi nghe : Chúa lo thì thần nhọc, chúa nhọc thì thần chết. Xưa kia nhà vua bị nhục ở Cối-kê, mà tôi sợ-dĩ không chết vội, là vì có một việc. Nay đã tuyết-sĩ được rồi, thì tôi xin chịu tội vì để vua phải bị nhục ở đất Cối-kê. » Câu-Tiền rằng : « Ta với người có thể đem nước mà san-xẻ cùng

nhau, lẽ nào lại tham mà giết người đi hay sao? » Phạm Lãi nói : « Vua cứ làm lệnh vua, tôi xin tùy ý tôi. » Bèn sắm-sửa lấy ít châu-ngọc khinh-bảo, cùng với đồ-dâng-siêng của mình, cưỡi thuyền vợ tôi đi, mà đi, không trở lại nữa. Câu-Tiền thấy thế phải tiêu-biểu núi Cối-kê để tạ cái áp-phụng-tự Phạm Lãi. Phạm Lãi từ khi vượt qua bể qua nước Tề, biến đổi họ tên tự gọi là Chi-di tử-bì 鴟夷子皮, cày ở bờ bể, khổ-thân kiệt-lực, cha con cùng trị sản-nghiệp, không bao lâu thành được gia-sản và nghìn vạn. Người Tề nghe tiếng là hiền, dùng cho làm tướng. (thành-danh lần thứ hai), Phạm Lãi ngùi-vậy than rằng : « Ở nhà thì giàu đến thiên-kim, làm quan thì đến ngôi khanh-tướng, thực là bố-y chi-cực. Nay lại chịu nhận lấy tôn-danh, thì bất-tướng. » Bèn trả lại tướng-ấn, tan hết của đi đem chia cho bè bạn làng xóm, chỉ bọc lấy ít đồ trọng-bảo, lên mà đi, ở đất Đào, vì lấy đất ấy là đất giữa trong thiên-hạ, tiện đường thông-thương đời-chác cái có cái không trị-

(1) Bài văn sử-ký của Tư-mã Thiên 司馬遷 đời Hán

sinh có thể tri-phủ được. Tự hiệu là Đào Chu-công 陶朱公, lại đóng-dã cha con cùng cấy ruộng cùng nuôi muông súc, chứa-chát dợt thời dề đem đi bán lấy lợi độ mười phần lấy một. Không bao lâu, lại làm giàu đến hàng mấy cự-vạn, thiên-hạ đều gọi là Đào Chu-công (thành-danh lần thứ ba). Chu-công ở đất Đào lại dề thêm người con út, người con út dể lớn lên thì người con thứ hai khi ấy bị tội giết người phải tù ở nước Sở. Chu-công nói rằng : « Giết người thì phải chết là đáng rồi, nhưng ta nghe : Con nhà giàu thiên-kim không đến nỗi chết ở giữa chợ. » Bèn bảo người con út đi đến thăm xem, mới sắm-sửa cho một nghìn dật (1) vàng dề vào trong làn áo trũi, chớ cái xe trâu đem đi. Khi sắp-sửa cho con út đi, thì người con trưởng cố xin đi. Chu-công không nghe. Người con trưởng thưa rằng : « Nhà có con trưởng thì tức là kẻ gia-đốc, nay em mắc tội phải nên đi thăm, ~~trông~~ trông sai đi, lại sai con út đi, ~~thế~~ thế thì ra tội bất-tiểu lắm. » Nói rồi, uốn tự sát. Người mẹ nói hộ cho rằng : « Nay sai dứa con út đi chửa chắc đã cứu sống cho thẳng con thứ hai được, mà lại trước mắt không mất thẳng con trưởng thì nài sao ! » Chu-công bất-đắc-dĩ phải sai người con trưởng đi và làm một phong thư đưa cho người quen là Trang-sinh và dặn rằng : « Hễ đến nơi thì dâng thiên-kim ấy cho Trang-sinh, cứ mặc cho ông ấy làm gì thì làm, chớ có hỏi đến việc ấy nữa. » Người con trưởng bèn đi, nhưng cũng đem riêng đi và trăm bạc đến nước Sở. Khi đến nơi thấy nhà Trang-sinh ở ngoài góc thành, bởi rau nhạt cỏ, cảnh-tượng rất nghèo. Nhưng anh trưởng-nam vẫn cứ theo như lời cha đưa thư ra và dâng thiên-kim cho Trang-sinh. Trang-sinh bảo rằng : « Anh cứ đi về mau đi, đừng lưu

ở đây nữa, nếu đến khi em được ra cũng đừng hỏi sở-dĩ tại có sao. » Anh trưởng-nam đi rồi không đến nhà Trang-sinh nữa, nhưng vẫn lưu ở một chỗ đem cái của riêng mình dút lột cho những kẻ qui-nhân làm việc ở nước Sở.

Trang-sinh tuy là người ở chốn cùng-lu, nhưng vẫn có tiếng là người liêm-trực, tự vua Sở trở xuống đều tôn như bậc thầy. Khi Chu-công đưa cho vàng vốn không có ý nhận lấy dậu, chỉ dợt đến khi thành sự rồi thì lại đem trả dề làm tin mà thôi. Vậy nên khi nhận lấy vàng có bảo vợ rằng : « Đây là vàng của Chu-công, lỡ ra khi ta ốm đau chết ngay không kịp dặng, thế nào cũng phải đem trả, chớ dộng dến. » Nhưng người con trưởng Chu-công không biết ý, nghĩ là Trang-sinh không làm trò gì được. Trang-sinh nhân lúc rảnh vào yết-kiến vua Sở nói chuyện có ngôi sao hiện ở phương nọ thì có hại đến nước Sở. Vua Sở vốn tin Trang-sinh liền hỏi rằng : « Nay làm thế nào được ? » Trang-sinh nói : « Chỉ thi-hành nhân-đức là trừ được thôi, » Sở-vương nói rằng : « Xin thầy nghĩ, quâ-nhân này cũng sắp-sửa thi-hành đây. » Vua bèn sai sử-giả đi niêm-phong giữ các kho tiền. Những kẻ qui-nhân nước Sở kinh-ngạc bảo người con trưởng Chu-công rằng : « Nhà vua sắp đại-xá dấy. » — « Sao lại biết thế ? » — « Khi nào vua sắp đại-xá thì thường sai đi niêm-phong các kho tiền trước, chiều hôm qua đã thấy nhà vua sai sử đi niêm-phong dấy, » Người con trưởng Chu-công nghĩ rằng sắp đại-xá thì em ta chắc được tha, xuýt-xoa tiếc của nghìn vàng hư-phí, mà Trang-sinh không hộ được việc gì cả, bèn lại vào yết-kiến Trang-sinh. Trang-sinh thất-kinh mà rằng : « Mày chửa đi về ư ! » — « Thưa chửa, tôi vẫn ở đây hóng việc em tôi, nay em

(1) Mỗi dật là 24 lượng.

tôi được nhờ có nghị đại-xá, vậy đến đây cáo từ với thầy đề xin về.» Trang-sinh biết ý anh ấy muốn lấy món vàng ấy ra, liền bảo rằng : « Mày vào trong nhà kia mà lấy vàng đem về.» Anh trưởng-nam liền vào trong nhà lấy vàng đem đi, một mình lấy làm hơn-hở lắm. Trang-sinh then bị phải đưa trẻ con nó ốm-ò, liền vào yết-kiến vua Sở mà rằng : « Tôi hôm trước nói việc ngôi sao mọc mà nhà vua nói muốn làm ân-đức để đại-xá cho khỏi tai-hại. Nay tôi ra ngoài đường thì người ta ai cũng nói có đứa con Chu-công là một nhà giàu ở đất Đào, bị tội giết người phải tù ở nước Sở, nhà nó có cho người đem vàng bạc đến đây để dứt lốt kẻ tá-hữu nhà vua, nay mà vua đại-xá không phải là thương gì nước Sở đâu, chỉ vì cái cậu Chu công-tử đấy mà thôi!» Sở-vương cả giận mà rằng : « Quả-nhân tuy là kém đức thật, nhưng có phải vì có Chu công-tử mà thì ơn-huệ đâu.» Bèn sai luận tội giết Chu công-tử, ngày mai mới hạ-lệnh đại-xá. Người con trưởng Chu-công đợi đó bèn đưa tang em về đến nơi, mẹ và người làng đều thương xót cả, duy Chu-công một mình cười mà rằng : « Ta vẫn chắc rằng nó tất giết em nó, nó không phải không yêu em nó đâu, chỉ vì có một cái nó không hay nở bỏ được, vì nó từ nhỏ cùng với ta đều khó-nhọc, biết cách trị-sinh là khó, cho nên nó trọng của. Còn như đứa em út nó để ra thấy nhà ta đã giàu rồi, tha-hồ cưỡi xe bừa, nhẩy ngựa tốt, đi săn đuổi đàn thỏ, có biết của-cải vì sao mà có đâu, cho nên nó khinh của, bỏ đi cũng không có tiếc gì. Bởi vậy hôm trước ta muốn sai thằng con út, là vì nó hay bỏ được của, chớ như thằng con trưởng thì không bỏ được, nên đến nỗi giết em nó là lẽ thường, còn thương gì nữa, ta ngày đêm cũng chỉ mong nó đem tang em nó về thôi.» Ấy ông Phạm Lãi ba lần thiên-tử mà đều thành-danh ở thiên-hạ, là vì khi

ông thiên đi không phải cầu-thả đâu, nên ông ở đâu là tất thành-danh đấy. Sau ông tuổi già chết ở đất Đào, đời gọi là Đào Chu-công.

### Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. —

Đào Chu-công ba lần thiên-tử mà đều thành-danh, bản-linh ông ấy chỉ cốt là tại lúc không thì hay làm cho lấy có, lúc có thì hay bỏ đi không tiếc, kỳ-thực người nào mà hay bỏ được của thì mới hay lấy được của, Anh trưởng-nam thì chỉ biết lấy của chứ không hay bỏ được của, anh qui-nam thì hay bỏ của chứ không biết giữ lấy của, hai người con đều có sở-đoán cả, Chu-công thì chỉ dụng lấy cái sở-trường của con, như là đi buôn bán trị lấy sản-nghiệp thì tất cùng với người con trưởng, mà sai đến nước Sở thắm con thứ hai và đưa thư cho Trang-sinh thì chỉ sai một mình con út, thực là biết con không ai bằng cha. Ôi ! muốn thành đại-sự không kè chi cái tiêu-phí, anh trưởng-nam kia hằng ngày chỉ chăm-chăm vụ-lợi, thế nào mà dám bỏ của được. Họ Cao-tổ mà dám bỏ ra bốn vạn cân ~~tôi này~~ cho hầu Khúc-nghịch đi làm phan-già nước Sở, mà không hỏi chi số tiền ~~đó~~ phát thế nào, nên mới thành được ~~chi~~ nghiệp nhà Hán. Nguyên là vì Cao-tổ khi xưa không có kinh-lý gì đến sản-nghiệp sót cả, mà hầu Khúc-nghịch khi nhỏ đã bị chị dâu mắng là anh bỏ liều sản-nghiệp, nên mới hay phung phí đồng tiền như thế. Nếu vua tôi khi ấy mà có một người đã từng trải buôn bán, suy lượng tính đồng, không khỏi có ý hèn-sèn như thế thì người cho còn ngăn-ngừ chưa dám buông hẳn ra, mà người nhận cũng còn nhùng-nhằng chưa đi làm hẳn, thì có khác gì cái cách anh con trưởng của Chu-công chỉ ngăn-ngại tiếc của mà thành đến nỗi em phải chết. Trong bài văn chỗ nào mà tả cái bộ anh trưởng-nam luân-quần ngăn-ngừ thì lại càng tỏ cái khéo của Chu-công ra.

Hoặc người bảo Trang-sinh đã quen với Chu-công nhờ cứu cho người con, thì cũng không nên lấy cái cơ thằng con trưởng mà làm hại thằng con thứ. Nhưng phải biết rằng Trang-sinh tuy là người liêm-lực, song cũng chàng qua là phường nghĩa-hiệp

mà thôi, chớ cũng không phải là thánh-  
hiền gì. Ý Trang-sinh nghĩ rằng đã là  
người trưởng-già làm việc gì thì không để  
cho ai phải ngờ. Nay lại bị phải thằng bé  
con là đứa thủ-tiền-nô nó thấy cảnh nhà  
nghèo mà nó coi khinh, nó lại nghĩ rằng  
may gặp được kỳ đại-xá mà Trang-sinh  
chỉ ăn bột, nên nó để vàng đó rồi nó lại  
đem vàng đi, thử hỏi lúc ấy còn ra mặt  
mũi gì nữa? Và lại đứa con thứ tội vốn  
đang chết, mà may được tha là thực nhờ  
về một lời nói của Trang-sinh, nên Trang-  
sinh lại vào yết-kiến Sở-vương, cũng như  
là khi trước chưa vào yết-kiến Sở-vương

vậy, chớ có phải tội đứa con ấy không đáng  
chết mà mình làm hại nó đâu. Nhưng nếu  
là bậc thánh-hiền mà xử vào cảnh ấy thì  
cũng bỏ qua đi mà thôi. Và đứa giết người  
thì phải chết, bậc thánh-hiền không khi  
nào chịu nhận lời kẻ cố-nhân mà đi nói lừa  
vua để cầu vua đại-xá cho vậy. Chu-công  
đương lúc người trưởng-nam sắp ra đi  
thì đã châu-chuân răn bảo, đã biết rằng  
không khéo thì lỡ việc, có phải là ủy-thác  
cần đâu.

ĐÔNG-CHÂU dịch

THƠ NGŨ-NGÔN MỚI

I - Cái đồ người ng rời cấ  
thờ. ta (1)

Anh Giáp vác một cái thời,  
Ra ngồi đặt xuống thì trời mưa to.  
Mưa to nước chảy ò-ò,  
Vó-số cá mú chạy xô vào thời.  
Giáp ta hí-hớ, mím cười,  
Lên bờ đứng ở nơi cánh đồng.  
Xa xa ở mé sông,  
Thấy anh Ất đã ló xong trở về.  
Giáp bèn lủi đến tức-thì,  
Nhắc đó xem đã có gì hay không.  
Thò tay sục tận vào trong,  
Vớ được con chuỗi bằng « dòng-dọc (2)  
Bỏ vào rỏ chạy lên mau, {khau} ».  
Vừa đi vừa hát rồi sau huýt còi.  
Lâu lâu mới lộn về ngồi.  
Thấy thời ai đã rốc rời còn chi.  
Dậm chân cầm rỏ vất đi,  
Rằng : « Tham con chồn (3) mất xề (4) cá  
Thì ra Ất cũng tò-mò, to »,  
Cũng phờng kiểm-chác máu bò tiết  
Cái khi mà hẩn trở về, bé (5),

Thấy thời nhiều cá ngửa xề rốc luôn.  
Thế-gian còn đại chữa khôn,  
Của mình chẳng giữ chỉ nhòm của ai.

II. — Tốt mã dê-cùi

Đàn chim một buổi hội bàn,  
Cầu tài để giúp cho đàn thịnh lên.  
Dê-cùi ứng-cử đầu tiên,  
Ngoài diện bộ cánh mùi huyền rất sang.  
Đuôi dài tha-thướt dịu-dàng,  
Đỏ chân đỏ mỏ nghênh-ngang đi vào.  
Cả đàn trông thấy khen lao,  
Mừng được công-tử tài cao khác thường.  
Dong-nghi đáng bậc vảo-chương,  
Ví đem so với phượng-hoàng kém đâu.  
Cả đàn ký kết thuận bàu,  
Tôn làm hội-trưởng đứng đầu hội-viên,  
Dê-cùi vốn tính đã quen,  
Vào vườn hoang để riêng tìm thức ăn.  
Đàn cho thám biết mắng rằng :  
« À thằng tốt mã ra thẳng tham-ô.  
Xưa kia những đấng học trò,  
Chỉ chăm tài đức ai phò áo quần. »

(1) - Thời là một cái đồ để đánh cá, to hơn cái đó. tròn mà thẳng, hai đầu có hom, thả giữa dòng nước chảy mạnh.

(2) - Dòng-dọc là một cái ống tre con vừa tay cầm để kéo dây khâu dai.

(3) - Chồn là con cá chuỗi bé.

(4) - Xề là cái rỏ to, cũng gọi là rỏ xề.

(5) - Tục-ngữ : « Máu bò cũng như tiết bê » = Máu cũng như tiết, bò cũng như bê, nghĩa là cũng cũng giống một tình-tình với nhau.

Mắng rồi tuyên-bố xa gần,  
Đuổi dẽ-cùi khỏi đồng-quần xấu lấy.

### III — Cậu Hai Thọ ăn giò

Cậu Hai Thọ đi ăn cỗ cưới,  
Hai mẹ con ngồi với hai cô ;  
Giữa thời có một đĩa giò,  
Sắt làm bốn miếng để cho bốn người.  
Cậu Hai Thọ đã xoi một miếng,  
Thấy giò ngon ngon miệng lại thêm;  
Vội-vàng cầm đĩa giơ lên,  
Toan gắp miếng nữa đã quen mùi rồi.  
Mẹ vội nói: — « Con ôi, không tiện,  
Con đã ăn một miếng rồi mà ! »  
Thọ rằng: — « Thừa có ba bà,  
Tự-do là tính người ta ở đời.  
Sự ăn uống mỗi người một thích,  
Có tự-do mới ích cho mình. »  
Mẹ rằng: — « Con học chữa tình,  
Tự-do là cứ phần mình mình ăn.  
Giò sắt tư thì phần mình một,  
Ăn phần mình lại ngớt phần kia.  
Thích mình nhưng cũng phải suy,  
Miếng ngon ai có nhin đi cho người. »  
Cậu Hai Thọ nghe lời biết hối,  
Xin lỗi mẹ xin lỗi hai cô.  
Xem đường chữ thập đĩa giò,

Đã chia giới-hạn tự-do rành-rành.  
Tự-do ai thì mình đừng phạm,  
Tự-do mình ai dám phạm đâu,  
Hòa-bình muốn giữ bền lâu,  
Những nơi giới-hạn của nhau thì kiêng.

### IV — Con mối với đàn kiến

Con mối trong nhà trông ra,  
Thấy một đàn kiến đang tha cái mối.  
Mối gọi bảo: — « Kiến ơi các chú,  
Tội-tình gì lao-khổ lắm thay ;  
Làm ăn tìm kiếm suốt ngày,  
Mà sao thân-thể vẫn gầy thế kia.  
Chúng ta đây chẳng hề khó - nhọc,  
Mà ồ-ê béo trực béo tròn ;  
Ở ăn ghế treo bàn tròn,  
Nhà cao cửa rộng tủ hòm thiếu đâu »  
Kiến rằng: — « Trên địa-cầu muôn  
Hễ có làm thì mới có ăn ; loại,  
Sinh-tồn là cuộc khó-khăn,  
Vì đàn vì tổ nên thân gầy-gò,  
Các anh chẳng vun-thu xư-sở  
Cứ đục vào chỗ ở ;  
Đục cho ruồi <sup>tới hạn</sup> mọi nơi,  
Nhà kia đổ xuống đi <sup>đ</sup> các anh ! »

Đ.-N.

## VĂN THƠ MỚI

### Đề tranh bà Triệu Âu

Cờ voi phát trận mở cơ-đồ,  
Nét bút khen ai khéo diêm-tô ;  
Tiếng dậy trời nam vua Lê-hải,  
Hồn kinh đất bắc tướng Đông-Ngô ;  
Phấn son như vẽ lòng trung-liệt,  
Cây cỏ còn cảm sự được thua ;  
Trong bọn thoa-quần hồ mấy kẻ,  
Nghìn vàng đáng giá cũng nên mua.

Thái-bình Tri-huyện tự-trào  
Quan mà không lính lại không nha,  
Phú-quí phong-lưu mới thật là ;  
Lương lĩnh chưa đầy trăm bạc nước,  
Tiền thuê đã hết chực nguyên nhà ;  
Trước sân nào thấy ai thua kiện,

Trên án không phiền sự hỏi tra ;  
Tri-huyện như nay hồ dẽ có,  
Ơn vua lộc nước đẳng hà-sa.

VŨ XUÂN - TÂM

### Ở Thanh-hoa cảm-hoài

Cái kiếp giang-hồ nghĩ cũng kinh,  
Già-thành chưa mấy đã Hoảng-thành ;  
Non sông lưỡng thẹn thân nam-tử,  
Khuya sớm còn vương nợ sử-kinh ;  
Giảng néo núi Lam ngọc-ngân dạ,  
Trông vờ sông Nhị chứa-chan tình ;  
Nào người tri-kỷ là ai đó ?  
Trời biển bao-la mình với mình.

**Cảm-hoài**

Bấm tay mười tám tuổi xuân xanh,  
 Nghĩ nổi gần xa lại giết mình;  
 Trời bề chữa đẹn ơn cứu-dục,  
 Non sông lưỡng thẹn kiếp thu-sinh;  
 Đường danh lối lợi thêm ghê bước,  
 Nay bắc mai nam-luống cảm tình;  
 Còn nước còn non còn có lúc,  
 Gặp thời sẽ thỏa chí côn-kinh.

NGUYỄN HOÀNG-CÁC

**Túy-ngâm**

Dưới bóng trăng thanh gặp lúc nhàn,  
 Nghiêng bầu say tí tít với giang-san;  
 Trần-ai ai biết ai là tỉnh,  
 Ừ, tiếng « mang bầu » thể cũng ngoan.

**Tiền bạn**

Lôi-thôi bờ liễu mấy cành dương,  
 Kê ở người đi luống đoạn-tường;  
 Vô ký giục dồn câu tống-biệt,  
 Bước đường ~~đi~~ nổi bi-thương;  
 Bèo mây chèo ~~đi~~ trôi tan hợp,  
 Non nước xin ~~đi~~ yên dạ sắt gang;  
 Bốn bề nam-nữ là chí cả,  
 Còn ta còn lắm hội trùng-hoan.

**Mừng bạn sinh con trai**

Phúc nhà lộc nước vẹn gồm hai,  
 Bác, gái có rồi, trai có trai;  
 Quế nở hòe đua đầy cửa Hựu,  
 Huyền trôi lan tốt rợp sân Lai;  
 Dân hai-mươi triệu tăng thêm số,  
 Nước bốn nghìn năm chịu kém ai;  
 Thì-buổi bạn mình âu đã lỡ,  
 Mong con sau chúng sẽ nên tài.

**Đề lăng vua Đinh**

Cuộc thế trăm năm một mộng trường,  
 Non sông Cồ-Việt mấy tang-thương;  
 Một vùng chính-thống riêng trời đất,  
 Ba thước u-phần dải tuyết sương;  
 Còi mục còn ngờ xưa giặc Bắc,  
 Gió lau như tưởng ruid xe hương;  
 Nhớ câu Vạn-thắng đương đàm-luận,  
 Bàng-lẳng đầu non bóng tịch-dương.

**Nhớ bạn chơi thuyền sông Vân**

Độ nào đó ta cùng ai nhỉ?  
 Buông thuyền lan đủng-dĩnh sông Vân.  
 Vui chơi rượu thánh thơ thần,  
 Trắng thanh gió mát mọi phần mọi ra.  
 Niềm tâm-sự sau xưa bày tỏ,  
 Lặng trời thu cây cỏ biết tình;  
 Gót đầu mọi nổi đình-ninh,  
 Non xanh, nước biếc, này mình với ta.  
 Đương xum-họp bỗng ra xa cách,  
 Nhớ cảnh xưa xui khách thần-thờ,  
 Nỗi lòng khó tả nên thơ,  
 Hàn-huyền hãy đợi bao giờ gặp nhau.

**Phú-đắc :**

« Nhớ ai nhớ mãi thế này,  
 Nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn »

Nhớ ai ai khó nổi màn-thình,  
 Tưởng nhớ ngày đêm chất một mình;  
 Trăn-trọc năm canh gầy gó ý,  
 Ngần-ngờ sáu khắc rối tơ tình;  
 Mắt cay mộng điệp khôn thành giấc,  
 Miệng đắng cao-lương nuốt chẳng đát h;  
 Ta tưởng nhớ ai ai có nhớ,  
 Này vùng trăng bạc lại trời xanh.

NGUYỄN XUÂN-ĐẠI

**Thối đời**

Chết mẹ thầy cha cái thối đời,  
 Thăng nào nhiều bạc ấy thăng tài;  
 Bạ-bùng lạnh-ngắt khi « bỏ » túi,  
 Đạo-đức mơ-màng lúc trắng tay;  
 Bụng dẫu ngọc ngà đồ « chó chết »,  
 Óc đầy kinh sử mở « heo toi »;  
 Phát diên những muốn lên mây hỏi,  
 Sinh tứ làm chi trời hỏi trời?

**Chán đời**

Mười-tám xem đời đã chán phê,  
 Vẫy-vùng mặc sức dứa khen chê;  
 Chẳng qua miệng tục hay thành dở,  
 Chẳng lẽ lòng ta tỉnh hóa mê;  
 Gặp nước non này thôi xếp gánh,  
 Bạ chông sách nợ ngắm theo nghề;  
 Cụ già cháu hỏi trăm tròn tuổi,  
 Mấy lữ trên tường chẳng phải hề!

### Đứng trên sông ngày rằm

Vầng trăng vắng- vắng nước trong veo,  
 Lớp-lớp làn ngân bóng dợn bèo;  
 Réo-rắt cành cây sương lác đác,  
 Dầm-dề ngọn cỏ để leo-teo;  
 Ngần-ngờ giữa cảnh « tung » câu hát,  
 Róc-rách ngang cầu « lên » mái chèo;  
 Ta hỏi thuyền ai ai đó tá?  
 Đào-nguyên chẳng phải lối này theo?

### Mẹ dạy con

Con hỏi con ơi con hỏi con,  
 Tóc đã gần bạc vẫn chưa khôn;  
 Bảy năm bảy lượt roi vào thịt,  
 Bảo chín mười lần nước đổ môn;  
 Cha những trông con cha chán ngắt,  
 Bác còn ngóng cháu bác bồn-chồn;  
 Mẹ nào có phải sinh con dại,  
 Con phải làm sao kẻo mẹ buồn!

### Đá bóng

Cheo-chúc làm chi giữa bụi hồng,  
 Nước non này có biết hay không?  
 Múa tay những chắt hai phần được,  
 Chượt cẳng e dẫu một đám chông;  
 Lớn nhỏ quanh sân cười rả-rả,  
 Thấp cao giữa cuộc chạy long chông;  
 Ô hay đã lắm dân ngu-dại,  
 Bụi đất đầy đầu vẫn chữa xong,

### Phu xe kéo con đi

Ngẫm chuyện đời nay cũng lạ kỳ,  
 Người lành đầy tớ đưa gian-phi;  
 Mặt mày dở cuộc lòng thêm chán,  
 Ẩn ở ra tuồng đá phải si;  
 Bạc sáng mắt mờ người vẫn vậy,  
 Cơm ngon bụng đói xấu là chi?  
 Thôi thời mặc quách nhà bay cả,  
 Biết mấy trên trần đám « mặt lỳ »!

### Lúc năm co

Mình hỏi mình ơi có biết cho,  
 Nỗi niềm tâm-sự lúc năm co;  
 Càng thương càng xót ngày ly-biệt,  
 Mà chán mà căm lữ « óc bò »;  
 Chà nợ-nần chẳng mang cái « khổ »,

Ờ gan-góc nhĩ rước con « lo »;  
 Quách đời mình hỏi ta ta cứ...  
 Ta cứ cùng nhau cứ chuyện-trò.

THÁI VĂN-HÒE

### Đánh chọi gà

Nô-nức đua nhau cuộc chọi gà,  
 Anh-hùng tài-tử khắp gần xa;  
 Đổ đen tranh cuộc nhờ nanh mỏ,  
 Thua được ngoài vòng cũng cánh da;  
 Có chí khôn-ngoan thì đá-dáp,  
 Đền ơn thóc nước phải xông-pha;  
 Da hồng nòi giống còn can-dảm,  
 Đông đúc đương-trường phải khiếp ta.

### Đánh vật

Trống giục chiêng hồi giải dã treo,  
 Anh-hùng ra sức đánh vại keo;  
 Chen vai thích cánh cùng ra sức,  
 Bá cổ giang tay ré cẳng treo;  
 Chí quyết chẳng nhường chi giải nhất,  
 Tài này chưa dễ đã <sup>tôi này</sup> ;  
 Anh em bốn bề có <sup>ai</sup> ;  
 Ta có cầu chi cái giải là <sup>Ac</sup> .

### Hội tây

Nô-nức di xem suốt cả ngày,  
 Trò-về xem cũng nức cười thay;  
 Có đàn con khỏi leo cây mỗ,  
 Vời lữ thẳng hề gỡ giọng bày;  
 Chật-ních cửa đông đàn trẻ Việt,  
 Lo-thơ tòa sứ bọn ông Tây;  
 Ngán cho người lại xem người nhĩ,  
 Vẫn thế sao mà họ đến hay.

### Hội chợ Nam-dịnh

Ngọn cờ thương-chiến phát-phơ bay,  
 Buổi chợ Á Âu vạn thức bày;  
 Những bức vẽ thêu khôn lá mặt,  
 Mọi đồ đúc nặn khéo hoa tay;  
 Bao hàng trong chợ ta cùng khách,  
 Và hiệu ngoài lều Nhật với Tây;  
 Bốn bề anh em cùng mỗi lợi,  
 Ai người buôn bán lãi hơn đây.

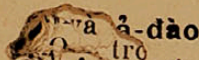
**Cải-lương**

Muốn cho nước mạnh với dân cường,  
 Thời phải thi-hành việc cải-lương ;  
 Khai-hóa dân-tinh nhờ chính-sách,  
 Đổi thay phong-tục mượn lương.  
 Thi-hành luật lệ vào qui-củ, [phương;  
 Dự-định thu chi có kỷ-cương ;  
 Bãi bỏ những phường hay đục khoét,  
 Thế là dân chóng được giàu sang.

**Người Thủ-qui (hương-hội)**

Cốt-cách nhà ông vẫn thịnh-cường,  
 Sẵn nền phú-qui nếp văn-chương ;  
 Công-danh gặp bước đương khai-hóa,  
 Số-phận làm giàu lúc cải-lương ;  
 Tài-thượng phân-minh là phận-sự,  
 Quĩ-trung thu-phát lại công-buờng ;  
 Giàu sang đã sẵn giàu sang mãi,  
 Sẵn của dân xoay đủ mọi đường.

TRẦN HOÀNG - SẮC



(Bài hỷ ký-niệm từ-đường)

**Đồi Mười**

Nhớ công đề-tạo tổ-tiên,  
 Đời đời cháu thảo con hiền vinh-hoa.  
 Đức công kẻ biết bao mà ?  
 Ngày xuân một lễ gọi là kính dâng.

Nói

I

Nhớ từ thừa Bắc-giang quê quán trước,  
 nòi rồng tiên con Lạc cháu Hồng ;  
 trải bao đời tổ-đức tôn-công,  
 ngành phúc-đức vun trồng về Ngoại-lãng.  
*Nam - Nguyễn biệt-thành cơ sở trảng,*  
*Bắc-giang viễn tổ bản nguyên trường,*  
 南阮別成基礎壯。  
 北江遠溯本源長。  
 Trải đời đời nào vũ, nào văn, nào khoa, nào hoạn,  
 nào hồ - thỉ, văn-chương, nền luân-lý cương-thường còn mãi mãi.  
 Nay gồm đủ tôn-thân nội-ngoại, dốc lòng thành vọng-bái Tiên-công ;  
 đức xưa kẻ biết bao cùng !

II

*Tự bắc tự nam lưu trạch viễn, nhi kim nhi hậu đốc khương trường,*  
 cơ đồ này Tiên Tổ mở-mang, nay con cháu ngày càng thêm hiền-hách.  
*Khoa hoạn phong-thanh tiên-thế trạch-Chung Thường nghi lễ đại-phu gia,*  
 科宦風聲先世澤。蒸嘗儀禮大夫家。  
 Nghĩ ân xưa kẻ biết bao mà, đốc thành-kinh họa may ra cảm-cách.  
 Con cháu vẫn một niềm thanh-bạch, dòng thư-hương nhất-mạch tương-thừa ;  
 biết bao dầm thấm móc mưa !

Lương-bồ NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

**Khuyến bạn má hồng**

(Điều kẻ truyện lối mới)

Này chị em ơi! nhân khi gặp tiết trời xuân,

Tài sơ trí thiên cũng chẳng ngại ngần đề khuyên nhủ một đôi câu.

Bọn quần-thoa chúng ta phải lấy tiết hạnh làm đầu.

Tam-lòng, tứ-đức chị em phải in sâu trong lòng.

Này chị em ơi! có sá chi những bọn tương đồng,

Ô-danh thiên-cổ, sự phiền lòng ta lại để lụy đến danh-gia.

Chị em ơi! chẳng ra chi cũng thế con nhà,

Trâm-anh thế-phiệt đã bao pheo ông cha hết sức vun trồng.

Chúng ta đây cùng trong một bọn má hồng.

Người khôn kẻ dại chúng ta phải hết lòng mà khuyên bảo lẫn nhau.

Tinh đốt ngón tay đã hai-mươi mấy tuổi đầu,

Ơn cha nhờ mẹ nỗi lo âu ta chưa phải bận lòng.

Này chị em ơi! những khi nhàn-hạ trong chốn khuê-phòng,

Đường kim mũi chỉ việc nữ-công ta phải học tập theo thừa.

Khi giao-du chúng ta chớ nên bắt-  
chước những hạng dong-dừa,

Lả lơi cười cợt cùng nô đùa dễ mất  
vẻ nữ-dung.

Này chị em ơi ! « Nữ-quốc-dân tu-  
tri » ta phải thuộc lòng,

Làm dâu làm mẹ đạo thờ chông cụ  
Phan đã hết sức dạy chị em ta.

Bọn thoa-quần chị em giữ sao cho  
ngọc khỏi bùn pha,

Lời ăn tiếng nói về con nhà ta phải  
nhớ lấy nữ-ngôn.

Đừng đi cử-chỉ sao cho có vẻ ôn-tồn,

Nết na hiếu-thảo hạnh-toàn ta làm  
gương cho lũ đàn em.

Này chị em ơi ! cùng nhau tỉnh dậy  
mà xem,

Nữ-công Học-Hội phải hết sức dua-  
chen để cũng ra đời.

Mong sao cho Nam Bắc đều thành-  
lập cả đôi nơi,

Chị Nam em Bắc cùng đứng ở đời  
mà chúng ta tô-diềm lấy giang-san.

Này chị em ơi ! cũng vì nghĩa quốc-  
dân nên tôi bệch-bạch tấm can-tràng.

Mấy lời khuyên nhủ, mong ước nhờ  
ngọn gió Nam hồ-hào.

Chị em ơi ! định nghĩ làm sao ?

An-thanh Ng. V. L. (Moncay)

## THỜI-ĐÀM

### Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại giao  
trong thế-giới. — Qua năm 1926 sang  
năm 1927 tình-hình chung trong thế-  
giới vẫn được yên-ôn cả. Ngày nguyên  
đán, ngoại-giao-đoàn ở Paris đến mừng  
tuổi quan Giám-quốc, chức đặc-sứ của  
Giáo-hoàng là giáo-chủ MAGLIONE, thay  
mặt cho cả công-sứ các nước diễn-  
thuyết nói về tình-thế trong thiên-hạ,  
cầu cho thế-giới được hòa-bình và ngoi-  
khen chính-phủ Pháp đã có công giúp  
cho sự hòa-bình. Lời diễn-thuyết ấy  
tuy là lời chúc năm mới, nhưng không  
phải là lời thù tạc thương, nên các  
báo Pháp nghị-luận nhiều. Có người  
bình-phẩm cho là Giáo-hoàng có ý  
muốn can-thiệp đến việc nội-chính  
nước Pháp, khen cái chính-sách ngoại-  
giao của tá-đảng là có ý chê hũu-dã-g.  
Song dù người Pháp lấy cái thiên-kiến  
đảng-phái mà khen-chê lời diễn-thuyết  
ấy thế nào mặc lòng, lời diễn-thuyết  
ấy tự đại-biểu Giáo-hoàng nói ra tưởng  
cũng là có giá-trị lắm, mà đủ tỏ được

cái lòng hiếu-hòa-hội-nhập các nước  
Âu-châu ngày nay. — Bài diễn-thuyết của  
giáo-chủ MAGLIONE thiêu-hạ cho làm  
cái diềm tốt cho năm 1927. Tuy-nhiên  
tháng giêng đầu năm cũng không phải  
là bình-yên vô-sự cả. Ở Á-châu thì có  
việc nước Tàu, ở Âu-châu thì có việc  
nước Đức, toàn là những việc hệ-trọng  
cả, các chính-phủ lấy làm chú-ý lắm và  
trong dư-luận cũng thường bàn-bạc  
đến luôn. Song những việc đó cũng  
chưa kết-quả ra thế nào nên chưa thể  
vội phán-đoán được, nếu cứ theo tin-  
tức hằng ngày thì không thể sao xét  
cho đúng được, các báo hằng ngày ở  
các nước thường hay vội phán-đoán  
về việc thiên-hạ, cho nên có khi gây ra  
lầm cái phong-trào dư-luận không lợi  
cho sự hòa-bình, đó cũng là một điều  
khuyết-diềm của báo-giới ngày nay.

Việc nước Đức, — Kỳ trước đã  
nói Nội-các Đức từ-chức. Tuy vậy mà  
trong suốt tháng giêng tây chưa lập

được Nội-các mới, Nội-các cũ vẫn giữ quyền làm việc; giá ở Pháp thì cho thế là trái với hiến-pháp và có nhiều điều bất-tiện cho việc hành-chính, nhưng ở Đức thì cho là một sự tự-nhiên, không ảnh-hưởng gì đến việc nội-chính ngoại giao trong nước. Giám - quốc HINDENBURG trước giao cho bác sĩ CURTIUS thương-thuyết đề tổ chức Nội-các mới, nhưng điều - đình trong mấy ngày không xong, vì đảng trung-ương phản đối. Lại phải giao cho bác-sĩ MARX, muốn đề-huê với các đảng tư-bản, nhưng cũng không xong, bèn xoay về đảng quốc-gia, tức là muốn hợp cả ba đảng trung-ương, bình - dân và quốc-gia để làm một Nội-các liên-hiệp. Ngày 30 tháng giêng, xem ra Nội-các đã tiêm-tiêm thành; ngày 31 thì được tin rằng Giám-quốc HINDENBURG đã ký sắc - lệnh tổ-chức Nội - các mới, duy không nhận cho nghị-viên GRAEF về đảng xã-hội vào làm tổng-trưởng bộ Nội-vụ. Song việc đó cũng không thay-đổi gì về cái tình-hình chung trong Nội-các, chỉ tỏ rằng trong đảng quốc-gia không được đồng ý-nhau về sự kén-chọn nghị-viên GRAEF, có nhiều người không ủng ông này, cho nên Giám - quốc cũng phải chám - chước mà không chịu-nhận. Sau thì nghị-viên HERGT cũng thuộc về đảng-quốc-gia lĩnh bộ tư - pháp, con DE KENDELL thì lĩnh-bộ Nội-vụ. Đó chẳng qua là chỉ thay đổi người mà thôi, chứ không quan-hệ gì đến cái chương-trình của Nội-các. Đặc sắc của Nội-các mới này là có đảng quốc-gia tham-dự vào, mà Thủ-tướng MARX là quyết hiệp-lực cộng-tác với đảng ấy. Nay trong hai bên, bên nào là phải chịu nhượng-bộ cho bên nào, bên nào phải chịu đành bỏ một phần trong chương-trình, trong chủ-nghĩa của mình, để mà đề-huê với bên kia? Có phải là bác-sĩ MARX hay là đảng quốc-gia? Nội-các mới thành-lập, chưa có hành-động gì, cũng

khó lòng mà đoán trước cho biết được. Nhưng xem như bộ ngoại-vụ vẫn giữ ông STRESEMANN thì biết rằng nước Đức không có ý dỗi cái chính-sách ngoại - giao, không muốn làm sai cái «tinh-thần Locarno», và dĩ nhiên có muốn bây giờ cũng không thể làm khác được. Vậy có thể đoán rằng đảng quốc-gia nay tham-dự vào Nội-các là đã phải hạn bớt những sự yêu-cầu quá-dáng của mình đi vậy. Cho nên ngờ rằng đảng này lên cầm quyền có nguy-hiêm đến cái chính-thể dân-chủ của nước Đức, là một sự tưởng-tượng không có bằng-cứ vậy. Tuy-nhiên trong Nội-các có người thuộc về đảng quốc-gia nhiều, mà đảng quốc-gia lại là đảng phản-đối với đảng xã-hội dân-chủ là đảng của thủ-tướng MARX, thủ-tướng phải nhượng-bộ cho bên kia bao nhiêu thì trái với chủ-nghĩa của đảng mình bấy nhiêu, đảng xã-hội dân-chủ chắc là không bằng lòng, hai bên không khỏi xung-đột nhau, ấy cũng là cái hiểm-tượng cho Nội-các mới. Xem ra chính-trị nước Đức ngày nay chú-ý về hai điều như sau này: Một là vấn-đề xin rút quân Đồng-minh ở hạt sông *Rhin*; hai là vấn-đề tài-giảm binh-bị, liền với vấn-đề tổ-chức đội quốc-quân *Reichswehr*. Thuộc về vấn-đề thứ nhất thì du-luận nước Đức có ý nóng-nảy muốn yêu-cầu cho được ngay, nhưng thiết-tướng tự ngoại-tướng STRESEMANN cũng hiểu rõ rằng không phải việc vội-vàng mà được. Ngoại-tướng Pháp BRIAND ở hội-đồng ngoại-vụ trong nghị-viện Pháp đã từng nói rõ rằng ở hội-nghị *Thoiry* không có hề đề-cập tới việc đó. Song nước Pháp cũng phải hiểu rằng việc đó không phải ngày nay xét đến thì ngày mai cũng phải xét đến, sớm trưa cũng có ngày phải rút quân Đồng-minh ở hạt sông *Rhin* về. Việc đó cũng phải dự-nghĩ từ bây giờ, chứ hiện nay ở nước Pháp có kẻ hề nghe nói đến việc rút quân ở Đức về thì như hoảng-hốt

sợ rằng có nguy-hiểm đến sự bảo-an của nước Pháp, như thế thì cũng là quá vậy. Nay việc là việc tất-nhiên, nhưng đảng quốc-gia Đức có thể làm cho gấp mau lên được không? Nếu có cái chi như thế thì tưởng cũng khó thành được vậy. Xét ra trong các báo nước Đức đối với cái chính-sách Pháp-Đức thân-thiện hiện nay hơi như có ý không được sốt-sắng như trước nữa, song đó chẳng qua là xét bề ngoài mà thôi. Chứ kỳ-thực chính-sách này vẫn thi-hành, duy không mong cho kết-quả cấp-tốc được. Người Pháp cũng vậy mà người Đức cũng vậy, trong việc giao-thiệp hai nước với nhau tuy nhìn về tương-lai nhưng cũng không quên việc ký-vãng. Vậy Nội-các mới thuộc về vấn-đề sông Rhin chắc cũng lượng biết tinh-thế mà không yêu-cầu sự gì quá-dáng. Thuộc về điều thứ nhì là vấn-đề tài-giảm binh-bị thì đã từng đem ra bàn ở Paris tại hội ủy-viên Đồng-minh ở Versailles, và tại hội-nghị các Đại-sứ. Ở các hội-đồng đó đại-biểu của nước Đức vẫn là tướng PAWELS. Nghe đâu ông này có bàn với hội-đồng mấy điều, nhưng hội-đồng chưa ưng-ý. Hai bên vẫn còn thảo-luận với nhau, nhưng quyết cho xong trước ngày 31 tháng giêng. Vì quá hạn ấy thì quyền kiểm-sát quân-đội của Đức là giao về cho Hội Vạn-quốc, mà nước Đức nay mới được vào Hội Vạn-quốc, nếu lại để cho phải đặt hội-đồng để tra xét về việc binh-bị ngay như thế, thì không khỏi có tổn-hại đến thế-lực ở Hội Vạn-quốc. Xem ra nước Đức cũng hiểu lẽ đó, và không có nguyên-dầu như thế. Trong khoảng tháng giêng cũng như về tháng chạp trước vẫn còn thảo-luận về vấn-đề các pháo-dài ở mặt đông nước Đức, thứ nhất là về vấn-đề xuất-cảng các đồ binh-khí, và đại-đề các máy-móc có thể dùng để chế binh-khí. Thực ra thì tuy cứ lấy cái đại-ý các điều trong hòa-ước thuộc

về sự tài-giảm binh-bị của Đức, hội-đồng có thể cấm nước Đức không được xuất-cảng những máy dùng để chế binh-khí được, nhưng đoạn thứ hai điều 180 trong hòa-ước không hề có nói rõ như thế, cho nên đại-biểu Đức còn cãi-cọ về điều đó chưa chịu. Cuộc thảo-luận này thế nào cũng phải có kết-quả, nhưng tuy hạn đến ngày 31 tháng giêng mà hôm ấy cũng chưa quyết-định xong. — Còn một điều sau này nữa cũng đủ hiểu rõ cái khuynh-hướng của đảng quốc-gia trong Nội-các mới thuộc về vấn-đề binh-bị: là bác-sĩ GESSLER là người tự năm 1920 đã hết sức chỉn-dồn quân-đội nước Đức, khiến cho tuy phải hòa-ước hạn-chế mà vẫn giữ được cái nhuệ-khí chiến-đấu, chính ông ấy lại vẫn giữ chức lục-quân-tổng-trưởng trong Nội-các mới. Nước Đức vẫn có cái tinh-thần thượng-võ, đó là đặc-tính của giống Nhật-nhĩ-man, cho nên chính-phủ Đức trước nước-dân Đức ngày nay gia sức <sup>tôi luyện</sup> ~~luyện~~ cho quân Reichswehr thành một quân-đội địch-dáng, điều đó tưởng cũng không lấy gì làm lạ vậy. Hoặc có người Pháp sợ rằng cái chi người Đức như thế, không khỏi có nguy-hiểm cho sự hòa-bình sau này. Song nếu quả như vậy, thì Pháp cứ việc mà phòng-bị, có ai ngăn-trở đâu, hà-lắt trong các báo cứ phải gieo những lời phê-bình bất lịch-sự đối với Đức, thật là vô-ích quá. Đức sau trận thất-bại với quân Nã-phá-luân năm 1807, chẳng bao lâu cũng khôi-phục được quân-đội; trước đã thế thì nay cũng thế. Sau trận thất-bại với quân Đồng-minh, tuy bị hòa-ước bó-buộc mà Đức cũng gia-công khôi-phục lấy quân-đội, giao hẳn cho một người chuyên-chủ về việc đó, dẫu Nội-các thay-đổi, mà người ấy vẫn vĩnh-viễn tại chức. Pháp đã biết thế, sao không bắt-chước, việc chi còn phải nghị-luận lồi-thôi, mà trong các báo cứ thấy bình-phẩm nước Đức

thế nọ thế kia mãi. Cái tinh-thế thiên-hạ ngày nay tuy có khác trước, nhưng cũng chưa đủ đòi được cách giao-tế các nước đối với nhau, cách giao-tế ấy vẫn là ở trong phạm-vi cái chính-sách « võ-trang hòa-bình », nghĩa là vẫn nói hòa-bình đấy mà vẫn phải có võ-bị. Nước nào võ-bị kém tức là khiến cho nước khác mạnh hơn có cái chí muốn xâm-lấn mình. Ngày nay đâu đâu cũng thấy ước-ao hòa-bình, ca-tụng hòa-bình, mà không đâu thấy thoát khỏi cái chính-sách võ-trang hòa-bình, nghĩ cũng ngán thay. — Nói tóm lại thì cuối tháng giêng tây tinh-hình nước Đức đại-khải như trên đó, chỉ có một điều đáng chú-ý, là việc đảng quốc-gia tham-dự vào Nội-các, việc này Pháp lấy làm bất-mãn lắm, vì đảng quốc-gia Đức là đảng thâm-thù với Pháp; tuy-nhiên chính-sách của Nội-các mới nước Đức đối với Pháp cũng không có <sup>trở</sup> thay đổi nhiều lắm.

**Việc Lô-mã-ni.** — Ngoài việc đòi Nội-các Đức, ở Âu-châu duy có việc tuyên-bố ước Đồng-minh nước Pháp với nước Lô-mã-ni là việc quan-trọng trong khoảng tháng giêng. Việc này thấy dự-dịch nói đã lâu, nhưng nay ước đã ký xong, đem tuyên-bố ra, mới biết rõ các điều. Pháp trước đã ký ước Đồng-minh với hai nước Ba-lan và Chiết-khắc, lại sắp ký ước với nước *Yougoslavie* nữa; nay ký với nước Lô-mã-ni, cũng là do một cái chính-sách như đối với các nước kia. Ước Đồng-minh với nước Lô-mã-ni không phải là có cái ý-nghĩa mưu sự công-phạt gì đối với nước nào cả. Ước này công-nhiên là để giữ cuộc hòa-bình theo như chủ-nghĩa Hội Vạn-quốc. Liệt-cường đối với ước này cũng cho là một việc tự-nhiên, không có lấy làm lạ gì. Duy có chính-phủ Sô-viết nước Nga thì thấy hai nước Pháp và Lô-mã-ni kết-liên với nhau như thế, công-nhiên tỏ ra ý bất-bình. Chính-phủ Nga có viết thư cho chính-phủ

Pháp trách về việc đó nói rằng Pháp kết đồng-minh với Lô-mã-ni tức là tỏ ra một cái thái-độ bất-thân-!hiện đối với Nga. Nguyên Nga vẫn có một cái hiềm to với Lô-mã-ni, là từ khi sáp-nhập đất *Bessarabie* về nước Lô, Nga vẫn phản-đối sự đó, cho là trái với lòng tình - nguyện người bản - dân, Song các miền Đông-Âu đó dân-chúng vẫn phiến-tap lắm, thực cũng là một cái nguồn rối-loạn luôn-luôn. Nay Lô-mã-ni kết-liên với Pháp, thì cái mưu nước Nga muốn lấy lại đất *Bessarabie* cũng khó lòng cho được, nên Nga căm Pháp lắm.

**Việc nước Tàu.** — Hiện nay trong cuộc phân-tranh nước Tàu ai cũng biết phân ra có hai đảng : Nam-phương và Bắc-phương. Nhưng không kỳ đảng nào cũng chỉ cùng một mục-dịch mong hợp-nhất nước Trung-hoa lại để cho có đủ thế-lực mà đối-phó với liệt-cường:

Bắc-phương thì thủ-lĩnh là Trương Tác-Lâm nguyên là phái Phụng-thiên là một phái quân-phiệt vẫn bàn-cứ ở Mãn-châu đã lâu, rất là có thế-lực Từ khi đảng Nam-phương khởi lên, Đoàn Kỳ-Thụy là tổng-chấp-chính bỏ đi, thì Trương mới tiến quân vào Bắc-kinh duy-trì lấy Nội-các Cố Duy-Quân làm hư-vị để đối-phó việc ngoại-giao và hiệu-triệu quân-đội để đối-dịch với Nam-phương.

Mới đây Bắc-quân có tin thắng-lợi ở Phố-khẩu, đóng thêm quân-đội ở Hà-nam, và đại-bản-doanh của Trương có tin đã hạ được Diên-thành, chừng cách Hán-khẩu độ hai trăm dặm. Nhưng Trương có lẽ không tiến quân lên nữa, còn để giữ-giữ tả-quân và hữu-quân.

Nam-quân thì theo cái chủ-nghĩa Tam-dân của Tôn-Văn, muốn thống-nhất cả toàn-quốc mà làm cho dân-quyền, dân-tri, dân-sinh phát-siễn ra. Những

tay yếu-nhân của Nam-phương thì có Tướng Giới-Thạch làm tổng-tư-lệnh coi về quân-sự, Trần Hữu-Nhân làm ngoại-giao tổng-trưởng đễ giao-thiệp với ngoại-quốc. Nam-quân đánh lấy được đầu thì lâm-thời đặt ngay ủy-viên-hội đễ tổ-chức lấy cơ-quan hành-chính. Mấy tháng vừa qua đây Nam-quân đã được thắng-lợi chiếm lấy hết một dải Trường-giang từ Hồ-nam Hồ-bắc trở lại, rồi chiếm lấy Hán-khâu. Nguyện Hán-khâu ở trên cửa sông Hán-thủy, là nơi thủy bộ giao-thông, có con đường Kinh-Hán-thiết-lộ thông lên đến Bắc-kinh, chính là nơi then chốt Nam Bắc giao-thông, nên các nhà dụng-binh phải tranh lấy Hán-khâu Võ-xương (Hồ-bắc) trước nhất. Nếu lấy được Hán-khâu thì mới có đường tiến lấy Nam-kinh và Thượng-hải.

Cứ như tin mới đây (vào độ tháng mars) thì Nam-quân đã chiếm được Nam-kinh và Thượng-hải rồi. Tướng miền Bắc là Trương Tôn-Xương và Tôn Truyền-Phương phải lui quân đóng ra phía ngoài, đối-ngạn với Nam-kinh. Ở Nam-kinh có con đường Tân-Phố thiết-lộ, phía bắc thông lên đến Thiên-tán. Lại có con đường Hồ-Ninh thiết-lộ, phía đông thông đến Thượng-hải. Nếu lấy được Nam-kinh Thượng-hải rồi, thì thời-cực nước Tàu về chiến-sự và ngoại-giao lại chuyển sang một cục-diện mới.

Về việc ngoại-giao thì Trần Hữu-Nhân đã đến Thượng-hải cùng với Tướng Giới-Thạch bàn việc giao-thiệp với ba nước : Anh, Mĩ, Nhật, đễ đòi lại tô-giới công-cộng theo cách hòa-bình. Nghe đầu ngoại-giao-bộ đã tuyên ngôn chủ-trương triệt-thoái trú-binh ngoại-quốc ở Thượng-hải và dùng cách hòa-bình đễ thu-hồi tô-giới.

Nhưng liệt-quốc vì sự ở Nam-kinh có xảy ra thiệt-hại, mà thiệt-hại nhất là người Anh, nên các quan lĩnh-sự Anh,

Mĩ, Pháp, Ý và Nhật có gửi tờ thông-diệp cho Trần Hữu-Nhân đễ yêu-cầu trừng-phạt kẻ thủ-xương ra việc ấy, và viên chưởng-binh của Nam-quân phải viết thư từ-tạ, phải đoan từ rày phải bảo-hộ cho sinh-mệnh và tài-sản cho người ngoại-quốc, phải bồi-thường những sự tổn-hại. Nhưng trong thư không có vẻ gì là tối-hậu-thư, chỉ bảo quốc-dân chính-phủ phải phúc-đáp lại cho vừa lòng, nếu đễ mập-mờ thì liệt-quốc phải tru-tính cái phương-pháp đễ đối-phó lại.

Liệt-quốc hiện nay có phải thêm quân-đội sang Tàu đễ phòng-thủ các tô-giới và bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản của kiều-dân. Nghe đầu kiều-dân các nước cũng đã tị-nạn đến ở các nơi tỉnh-thành lớn, và trở về nước cũng nhiều.

Trong đảng Nam-phương lại có hai phái : Phái quá-kh ~~h~~ và phái ôn-hòa. Phái quá-khích ~~tối~~ nóng-nảy quá, thường sinh ra những sự thợ-thuyền tông-bãi-công và phong-trào bài-ngoại, đễ làm quấy rối cho liệt-cường, yêu-cầu thủ-tiêu những điều-ước bất-bình-dẳng, mà đòi lại các tô-giới cho nước Tàu. Nhưng làm quá lắm mà sinh ra hấn-khích, liệt-cường họ lại hợp-lực với nhau dùng cách cương-quyết mà đối-phó lại chằng. Song người Tàu cũng đã hiểu biết tình-thế cả rồi, mà liệt-quốc cũng không muốn can-thiệp bằng võ-lực, chỉ muốn cầu hòa-bình đễ cho khỏi thiệt đến lợi-quyền riêng của nước mình mà thôi. Phái ôn-hòa thì có Tướng Giới-Thạch cũng hết sức điều-đinh đễ giữ cho khỏi sinh-hấn với liệt-cường, chỉ dùng thủ-đoạn hòa-bình mà thu-hồi lấy quyền-lợi đã bị mất về ngoại-quốc.

Đảng quốc-dân ở Vũ-Hán có yêu-cầu 13 điều. Nhưng cốt yếu có 4 điều là : 1<sup>o</sup> Lập ra nhân-dân thị-chính-phủ ; 2<sup>o</sup>

Ứng-hộ chính-phủ quốc-dân ở Vũ-Hán; 3<sup>o</sup> Giúp sức cho quân Bắc-phạt, 4<sup>o</sup> Thu-hồi tô-giới và triệt-thoái quân lính ngoại-quốc hiện đóng ở Trung-hoa.

Ở Giang-tây và Phúc-kiến có mở đại-hội đề tỏ ý ứng-hộ và phục-tòng Tướng Giới-Thạch. Có tuyên-ngôn sẽ trừ những kẻ phản-đối chức hãm-hại Tướng và phá-hoại chủ-nghĩa Tam dân. Gần đây lại có Ông Tinh-Vệ mới về cùng biểu đồng-tinh đề mưu toan về việc chính-trị.

Sau khi lấy được Thượng-hải rồi, Tướng đã hội-nghị các quân-quan ở Thượng-hải và Giang-ninh để bàn-dịnh cái kế-hoạch Bắc-phạt. Đã quyết-dịnh chia làm ba đường tiến quân: 1<sup>o</sup> Giang-bưu-lộ thì Đường Sinh-Trí làm tổng-chỉ-huy, Lý Tôn-Nhân làm phó tổng-chỉ-huy, theo đường Kinh-Hán kéo đến Vũ-thăng-quan để tiến đánh tỉnh Hà-nam; 2<sup>o</sup> Giang-tây-lộ thì Trình Tiềm làm tổng-chỉ-huy, Trương Định-Bình làm phó tổng-chỉ-huy, theo đường Giang-châu đến Thang-giang-phố và Mai-châu đánh lấy tỉnh Sơn-dông; 3<sup>o</sup> Trung-lộ thì Tướng Giới-Thạch làm tổng-chỉ-huy, Hà Ứng-Khâm làm phó tổng-chỉ-huy, theo đường Tân-Phố đến đánh Từ-châu, rồi kéo thẳng lên Sơn-dông và Trục-lộ. Dự-dịnh trong ba tháng sẽ hội-binh ở Bắc-kinh và Thiên-tân. Hạn trong năm tháng sẽ thống-nhất toàn-quốc.

Về mặt Thiểm-tây thì có Phùng Ngọc-Tường hiện nhận chức Tây-bắc-quân tổng-tu-linh của quân quốc-dân, đã bắt đầu hành-động đem ba sư-đoàn ở Thiểm-tây kéo vào Hà-nam để đánh quân Phụng-thiên. Ngô Bội-Phu nghe đâu cũng muốn liên-minh với Phùng Ngọc-Tường để theo về chính-phủ miền Nam.

Hiện nay thanh-thế Nam-quân đã nao-động đến cả Thiên-tân, Bắc-kinh,

Mãn-châu và miền Vân-nam. Nhưng xét ra thời-cục nước Tàu còn dang-dai lắm, nếu Nam Bắc hay điều-dinh được với nhau, mà tảo-trừ cánh quân-phiệt, khu-xử với liệt-cường cho êm-ái, thì công việc thống-nhất nước Trung-hoa mới có ngày chóng thành công được.

**Việc Hoa-kỳ, Mặc-tây-kha và Nicaragua.** — Sự xung-đột nước Hoa-kỳ với nước Mặc-tây-kha về việc *Nicaragua* vẫn chưa giải-quyết xong. Chuyện này chẳng qua là chuyện tranh nhau mỏ dầu hỏa, và thuộc về xứ *Nicaragua* thì là việc tranh dào một con sông vận-hà trùng với sông vận-hà *Panama* hiện nhỏ quá không đủ cho việc giao-thông. Xứ *Panama* vì con sông vận-hà cũ hiện đã bị thuộc quyền giám-đốc của Hoa-kỳ rồi. Nay định đào một con sông nữa ở *Nicaragua* thì xứ này cũng lại đến thuộc quyền Hoa-kỳ nốt. Nói tóm lại là Hoa-kỳ muốn thi-hành cái đế-quốc chủ-nghĩa đối với các nước nhỏ ở miền Trung-Mĩ; hiện nay thì bị nước Mặc-tây-kha có ý hơi ngăn-trở một chút, nên mới thành ra sự xung-đột như bây giờ. Cứ theo lời các báo thì nghe đâu thượng Nghị-viện Mĩ không ưng cái chính-sách của giám quốc COOLIDGE về việc Mặc-tây-kha và việc *Nicaragua*. Song cái đó cũng không lấy đâu làm chắc, vì dư luận nước Mĩ cũng khó dò cho biết đích được. Như thuộc về vấn-đề mỏ dầu hỏa, thì không có lẽ nghị-viện và chính-phủ Mĩ lại không đồng-ý nhau được. Nay trong cách Mặc-tây-kha đối lại với Hoa kỳ chắc là có ảnh-hưởng ngầm của Nga ở đấy, ảnh-hưởng này hiện đã lan ra nhiều nước ở Trung-Mĩ và Nam-Mĩ. Thành ra Mặc-tây-kha chống với Hoa-kỳ, tự-trung cũng là cái chính-sách của chính-phủ quá-khích Nga đối với một nước tư-bản mạnh-nhất trong thế-giới vậy. Bởi thế nên những việc xảy ra ở Tân-thế-giới tuy xa-xôi nhưng cũng đáng nên chú-ý vậy.

**Việc nước Pháp.** — Nước Pháp trong khoảng tháng giêng cũng vẫn chăm chỉnh-dốn tài-chính để cố vẫn-hồi lại cái tình-thể nguy tư tháng bảy năm 1926 Cứ thực-tế thì đồng phát-lãng đã định được giá rồi, không có bấp-bông như trước nữa, Thủ-tướng POINCARÉ chỉ còn đợi cơ-hội tốt để hạ - lệnh định giá hẳn về pháp-luật. Cứ xem tờ báo cáo đồng-niên của nhà Đại-Pháp-ngân-hàng thì biết cái tình-hình tài-chính của nước Pháp ngày nay đã khá hơn trước nhiều, còn Quỹ quản-ly các Quốc - phòng - trái - phiếu (*Caisse de gestion des Bons de la Défense nationale*) thì vẫn cứ tuần-tự trang-chải dần các khoản quốc-trái ngắn hạn. — Về đường chính-trị thì việc tuyền - cử Thượng-nghị - viện không có thay - đổi gì cái thể quân-bình của các chính - đảng hiện như bây giờ. Tuy-nhiên Thượng-nghị-viện ngày nay cũng thêm ra được một đảng xã-hội nhỏ. Ở Hạ-nghị-viện thì xem ra cũng không có đảng nào muốn khuynh-đảo Nội - các; ai cũng hiểu rằng chính-phủ ngày nay phải có đủ sức vững-vàng mới làm cho trọn được việc chỉnh-dốn tài - chính, việc này đâu có người bài - bác về lý-thuyết, những ai cũng phải chịu có kết-quả về thực-tế. — Duy về đường công-nghệ không có vẻ phát-đạt, số thợ không có việc làm cứ thấy dần dần tăng mãi lên; đó cũng là một điều chính-phủ Pháp lấy làm lo vậy. Ở Nghị-viện thì cứ thảo-luận hoài, mà chưa tìm cách nào giải-quyết được. — Việc ngoại-giao thì trên kia đã nói qua rồi. Có người nói rằng thuộc về chính-sách thân-thiện với Đức, Thủ-tướng POINCARÉ và ngoại-tướng BRIAND hai người không được đồng-ý nhau. Song điều đó có lẽ cũng là bởi kẻ hiểu-sự đặt - đề thêm ra, chứ kỳ-thực hai người đâu ý - kiến có khác nhau một đôi chút, nhưng tôn-chỉ chắc là cũng không sai nhau mấy

ti, và quyết là không có đầu đến xung-đột nhau vậy.

**Lược - khảo về nước Nga.** — Kỳ trước đã có bài lược-khảo về nước Đức, nay tiếp theo nói về nước Nga, cũng là một nước đã thay đổi đi nhiều lắm từ sau khi Át-chiến đến giờ.

Nước Nga ngày nay thường gọi tên bằng bốn chữ tắt U. R. S. S. (*Union des républiques socialistes soviétiques*), nghĩa là cuộc liên-hiệp các nước dân-chủ xã-hội thuộc về chính-thể Sô-viết. Tự ngày 15 tháng 3 năm 1917 là ngày Nga-hoàng NICOLAS thứ nhì thoái-vị, thì đế-quốc Nga phân-liệt ra làm nhiều các chính-phủ cùng đoàn-thể tự-trị. Các đất phiên-trấn của đế-quốc cũ, tự bắc chí nam, như *Finlande, Esthonie, Lettonie*, (nhất-danh là *Latvie*), *Lituanie, Pologne* (tức là *Ba-lan*) bấy nhiêu xứ đều tuyền-bố độc-lập và thành nước tự-chủ cả; vậy các nước ấy ngày nay <sup>đều</sup> quan-hệ gì với nước Nga nữa, trong bài này không nói gì đến các nước ấy cả.

Chính nước Nga ngày nay thì cho đến ngày 30 tháng 12 năm 1922 đã thành một cuộc liên-bang các nước dân-chủ, mỗi nước dân-chủ ấy cũng lại là một cuộc liên-hiệp nhiều các đoàn-thể dân-chủ khác nhỏ hơn, và nước nọ đối với nước kia là theo cái thể-chế liên-bang vậy. Cái dây quan-hệ với nhau không có nhất-định, khi thì mật - thiết, khi thì thuộc về hình-thức hay về danh-nghĩa mà thôi. Ngày 30 tháng 12 năm 1922 đó các nước thuộc về đoàn - thể liên-bang cùng nhau ký ở *Moscou* một cái ước hợp-nhất, lập thành một cuộc Liên-hiệp các nước dân-chủ xã - hội theo chính - thể Sô - viết, đặt ra một « *Trung-ương hành-chính ủy-viên-hội* » (*Comité Exécutif central*), hội này ngày mồng 6 tháng 7 năm 1923 họp lại quyết-nghị một bản hiến-pháp để làm phép chính cho cả các liên - bang phải theo.

Ước Liên-hiệp là gồm mấy nước dân-chủ như sau này thành một cuộc liên-bang nhất-thống :

Nước dân-chủ xã-hội liên-bang sô-viết Nga (*La République Socialiste Fédérative Soviétique Russe*) ;

Nước dân-chủ xã-hội sô-viết *Oukraine* (*La République Socialiste Soviétique d'Oukraine*) ;

Nước dân-chủ xã-hội sô-viết Bạch-Nga (*La République Socialiste Soviétique de Russie-Blanche*) ;

Nước dân-chủ xã-hội liên-bang sô-viết *Transcaucasie* (*La République Socialiste Fédérative Soviétique de Transcaucasie*), gồm ba xứ *Arménie*, *Azerbeïdjan* và *Géorgie*,

Theo hiệp-ước thống-nhất thì có đặt ra mấy cái cơ-quan chính-trị tối-cao, như « Liên-bang trung-ương hành-chính ủy-viên-hội » (*Comité Exécutif central Fédéral*), chữ Nga viết tắt là Z. J. K., « Cao <sup>đẳng</sup> tài-phán-viện », các hội-đồng <sup>địa phương</sup> trong liên-bang v.v.. Các cơ-quan đó có cái chức-trách phải thay mặt cho cuộc liên-bang trong việc ngoại-giao, ký điều-ước với nước ngoài, khai-chiến hay nghị-hòa, chủ-trương việc thương-mại ở trong nước và với nước ngoài, việc vận-tải, việc bưu-diện, tổ-chức và đốc-suất các quân-đội trong liên-bang, duyệt sổ dự-toán chung của liên-bang, định các chế-độ về tiền-tê, về ngân-hàng cho được thống-nhất, v.v..

Cơ-quan chính-trị cao nhất trong liên-bang là « Liên-bang trung-ương hành-chính ủy-viên-hội », nhất-danh là *Isik*, chia ra hai viện : một viện gọi là « Liên-bang Sô-viết », có 371 hội-viên, trong số đó thì 270 người là đại-biểu của dân-quốc xã-hội liên-bang Sô-viết Nga, 68 người của dân-quốc *Oukraine*, 7 người của dân-quốc Bạch-Nga, 26 người của dân-quốc *Transcaucasie* ; một viện gọi là « Dân-tộc Sô-viết », mỗi dân-quốc có chân trong cuộc Liên-bang được 5 người đại-biểu, và các địa-

phương trong Dân-quốc xã-hội liên-bang Sô-viết Nga cũng được cử đại-biểu. Dân-tộc Sô-viết thì mỗi năm họp mấy kỳ, ngoài những kỳ hội-đồng ấy bao nhiêu chức-quyền ủy cả cho tòa trị-sự của Liên-bang Sô-viết, và đặt một hội-nghị gọi là « Dân-chủ ủy-viên hội-nghị » (*Conseil des Commissaires du Peuple*), tiếng Nga là *Ssownarkom Ssojusa*, để làm cơ-quan thừa-hành.

Trưởng trung-ương hành-chính ủy-viên-hội, tức là chức Quốc-trưởng, chức Giám-quốc.

Hiến-pháp hiện đương thi-hành, là do kỳ đại-hội-nghị các Sô-viết lần thứ năm biên-tập ra, ngày mồng 10 tháng 7 năm 1918 đem tuyên-bố, và từ đấy có sửa đổi nhiều lần. Theo hiến-pháp ấy thì nước Nga ngày nay là một Dân-quốc xã-hội Liên-bang các Sô-viết của ba hạng dân Lao, Nông và Binh. Quyền trung-ương và quyền địa-phương là ở các Sô-viết.

Sô-viết các thị-tỉnh, các công-đoàn và các hương-thôn thì phải thi-hành mệnh-lệnh của quyền trên và cai-trị bản-hạt mình trong giới-hạn quyền tự-trị mà pháp-luật đã định hay quyền trên đã dành cho. Quyền trên đây là các Sô-viết bậc cao, cũng do những Sô-viết dưới bầu lên, nhưng khi đã bầu rồi, thì được quyền kiểm-đốc các bậc dưới. Sô-viết trong một tổng (tiếng Nga gọi là *Volost*), thì bầu một hội-nghị hàng tổng, để coi việc cai-trị trong tổng, và bầu đại-biểu ra hội-nghị hàng huyện, cứ theo số mỗi hai nghìn người dân là bầu một đại-biểu. Đại-biểu các hội-nghị hàng huyện và đại-biểu các Sô-viết thị-tỉnh mà dân-số quá một vạn người, thì họp lại làm hội-nghị hàng quận hay hàng tỉnh.

Hội-nghị hàng quận hay hàng tỉnh lại bầu đại-biểu lên một hội-nghị cao hơn nữa, gọi là « Đại-Nga hội-nghị » (*Congrès panrusse*), tức là nghị-viện nước Nga, cứ mười-hai vạn năm nghìn

người dân thì được bầu một người. Đại-hội-nghị ấy cũng như các hội-nghị dưới, mỗi năm phải bầu lại một lần, khi họp hội - đồng hàng năm thì mới bầu ra trung-trọng hành-chính ủy-viên hội, tức là cái cơ - quan chính - trị cao nhất ở nước Nga.

Nơi thủ-phủ của nước Nga ngày nay là thành *Moscou*.

Đấu hiệu của nước Nga ngày nay là vẽ một cái liềm và một cái búa đặt ngang ở trên một quả địa-cầu chiếu ánh sáng ra bốn bề, có đề một câu rằng : « Hồi kể lao-động các nước, nên cùng nhau mà hiệp-lực » ; ở trên cao nữa thì vẽ hình ngôi sao như cái hoa thị có năm cạnh. — Hiệu cờ thì là sắc đỏ tía mà có vẽ dấu hiệu như trên. Cờ của hải-quân thì có vạch trắng và vạch đỏ.

Hội Trung-ương hành-chính ủy-viên thì mỗi dân-quốc có một hội-trưởng, mà hội-trưởng Dân-quốc Đại-Nga thì đứng đầu, tức là chức Giám-quốc nước Nga.

Dân-chủ ủy - viên hội-nghị, tức là tòa Nội-các Nga, có một viên tổng-lý, tức là Thủ-tướng đứng đầu, bốn viên phó-tổng-lý, thì một người coi về việc lao-động và việc quốc - phòng, một người đứng đầu hội *Gosplan*, một người thay mặt xứ *Oukraine*, một người thay mặt cho xứ *Transcaucasie* ; và 11 ủy-viên đứng đầu các bộ như sau này : ngoại-vụ, lục-quân, hải-quân, tài-chính, bưu - chính, lao-nông, kinh-tế, thương-mại với ngoại-quốc, thương-mại ở trong nước, đồ ăn uống, lao-động, vận-tải và giao-thông.

Dân-số. — Cuộc liên-bang các dân-quốc xã-hội Sô-viết là gồm những xứ hoặc là trực thuộc về Đại-Nga dân-quốc, tức là các quận các hạt ở về bộ-phận Âu-châu nước Nga, về miền *Caucase*, đất *Sibérie*, và các dân-quốc tự-trị nhưng có ký ước liên-hiệp, như *Oukraine*, *Bach-Nga*, *Transcaucasie* v.v.. Sau này là kê dân-số và diện-tích theo cuộc điều-tra năm 1920 ; nhưng từ đó

đến nay có mấy dân-quốc và mấy hạt tự-trị mới thành-lập, như hạt dân Đức ở miền sông *Volga*, hạt *Moldavie*, v.v..

Cứ theo số của « Trung-ương thống-kế-viện » đã tuyên-bố ra, thì diện-tích nước Nga ngày nay và dân-số điều tra ngày 28 tháng 11 năm 1920, trừ 3 xứ *Oukraine*, *Bach-Nga*, và *Daghestan* chỉ có số ước-lượng từ năm 1916 mà thôi, kê ra như sau này :

Diện-tích là 22 242.044 cây-lô - mét vuông và dân-số là 133.984.413 người, mỗi cây-lô-mét tính qui trung-bình là 5 người ở.

Trước khi chiến-tranh năm 1914, nước Nga cũng khu-vực như ngày nay được 135.000.000 người. Vậy thì dân-số năm 1920 có sút kém trước hơn 2 triệu người, tự đó đến nay lại còn giảm đi nữa, vì năm 1921 nhân mất mùa, ước ra đến một triệu rưỡi người chết đói.

Nói về quân-dội. — Luật ngày 28 tháng 9 năm 1922 đặt lệ binh-dịch cưỡng-bách, phạm người Nga tự 16 đến 40 tuổi có cái trách-nhiệm phải đi lính. Lính thường-bị thì bộ-binh, pháo-binh ở các pháo-đài và mấy hạng binh đặc-biệt khác là hai năm, kỵ-binh, pháo-binh di trận và các quân chuyên - môn là hai năm rưỡi, quân tàu-bay ba năm rưỡi, và hải-quân bốn năm.

Phạm con trai tự 17 tuổi phải tập võ ở các làng và các tổng đã có người chuyên coi về việc ấy, mỗi tuần-lễ tập hai lần. Ngoại-giá lại có 250 trường võ vừa là trường dự-bị, trường sư-phạm và trường cao - đẳng, số học - trò ước 13 vạn người tập để làm quân-quan và quân-sĩ.

Cứ lý-thuyết thì số quân-lúc bình-thời ước là 750.000 người, trong số đó thì 600.000 quân chính-ngạch, và 150.000 quân đặc-biệt, là những quân coi việc biên - phòng, quân dùng để dẹp nội loạn, v.v..

Quân-dội chia ra 18 quân-đoàn, mỗi quân-đoàn có 3 sư-đoàn, mỗi sư-đoàn

có 3 lữ-đoàn, mỗi lữ-đoàn có 3 đại-đội, mỗi đại-đội là 3 trung-đội, mỗi trung-đội là 3 tiểu-đội, lại thêm một đại-đội kỵ-binh bốn trung-đội, ba toán pháo-binh, mỗi toán là ba bộ đại-bác, mỗi bộ là bốn chiếc, một toán ba bộ súng đạn lựu, một toán hai bộ trọng-pháo, một trung-đội công-binh và một trung-đội quân môi-giới để liên-tiếp các quân với nhau.

Kỵ-binh thì có 17 sư-đoàn, mỗi sư-đoàn là 3 lữ-đoàn với lại 3 lữ-đoàn độc-lập nữa.

Đội tàu-bay thì có 500 chiếc máy bay kiểu mới.

Hải-quân thì đóng trong bể *Ballique*, có ba chiếc thiết-hạm hiệu *Marat*, *Parijskaia kommouna* và *Gangut*, mỗi chiếc là 23.000 tấn chế tự năm 1911; bốn chiếc khinh-tuần-dương-hạm, chừng sáu bảy nghìn tấn, hiệu *Aurora*, *Svietlana*, *Boutakov* và *Spiridov*; 15 chiếc khu-trục-hạm và mười chiếc phóng-ngư-lôi ở Hắc-hải thì có một chiếc khinh-tuần-dương 6700 tấn, hiệu là *Tchervoniya Oukraina* và mấy chiếc chiến-hạm nhẹ nữa.

— Về giáo-dục thì từ cách-mệnh năm 1917 đến giờ đã thay đổi đi nhiều lắm, song chưa có sách nói tường-tận cho nên hãy tạm khuyết để khảo-cứu về sau này.

— Về tôn-giáo cũng vậy; chỉ biết từ năm 1917 đến giờ thì sự tín-giáo và sự lễ-bái được hoàn-toàn tự-do. Đại-khái thì đạo thịnh nhất vẫn là đạo *Orthodoxe*, nghĩa là đạo chính-truyền, tức là một môn đạo Cơ-dốc riêng của nước Nga và nước Hi-lạp. Có một tòa thánh gọi là *Saint-Synode*, do vua Đại-Bỉ-đắc lập ra từ năm 1721, để chủ-trương mọi việc trong giáo-hội; các chức thì cao nhất có ba chức giáo-chủ (*Métropolitains*) ở *Perograd*, *Moscou* và *Kieff*. Số dân 130.000.000 người thì ước 90 triệu theo đạo *Orthodoxe*, còn

thì theo đạo Hồi, đạo Cơ-dốc cựu-giáo, Cơ-dốc tân-giáo, v. v..

Nói về tiền-tệ về ngân-hàng. — Tiền bản-vị thì có tiền vàng *tchervonets*, và tiền bạc *rouble*; mỗi *rouble* là 100 *kopeks*, và đáng giá bằng hai ba kim-phật-lăng của Pháp; mỗi *tchervonets* là 10 *rouble* tức là 25, 30 kim-phật-lăng.

Vì chính-phủ giữ chuyên-quyền thông-thương với ngoại-quốc nên giá tiền *tchervonets* vẫn giữ được ngang bằng giá vàng. Phát-hành giấy *tchervonets* là thuộc quyền « Quốc-gia Ngân-hàng » lập từ tháng 11 năm 1921, vốn là 10 triệu *tchervonets*; các nhà ngân-hàng lớn cùng các cơ-quan kinh-tế khác trong nước đều thuộc về nhà nước cả.

Nói về tài-chính. — Về tài-chính thì năm bắt đầu từ 1 tháng 10 năm nay đến 30 tháng 9 sang năm là hết. Các khoản thu-nhập thường, thì có các thứ thuế trực-tiếp như thuế điền-thổ, tin-chỉ, các thuế gián-tiếp như thuế tiêu-dùng các hóa-vật, lại các khoản thâu-nhập của ruộng đất nhà nước, của các đường xe lửa, các sở bưu-điện và điện-thoại, thuế quan-ải, v. v..

— Các khoản thâu-nhập phi-thường, thì là các tiền quốc-trái, phần nhiều là quốc-trái cưỡng-bách, quốc-trái nông-dân, v. v.. Theo số dự-toán năm 1924-1925, thì tổng-cộng các khoản thu-nhập thường là 2.072 triệu *roubles*, phi-thường là 206 triệu *roubles*; tổng-cộng các số chi-tiêu thường là 1.999 triệu *roubles* và phi thường là 279 triệu.

Nói về các báo-quán, — Tự cách-mệnh tháng 10 năm 1917 thì các báo-quán ở nước Nga thuộc về nhà nước hết. Cứ theo số thống-kê của chính-phủ Xô-viết thì năm 1923 có 545 thứ báo, số xuất-bản tổng-cộng là 1.882.000 bản đối với dân số 132 triệu người. Trong số các báo đó thì có 128 tờ báo hằng ngày. Những báo xuất bản nhiều nhất là những tờ sau này :

Ở *Moscou* có báo *Isvestia* (nghĩa là tân-văn), là báo cơ-quan của Hội Trung-ương hành-chính ủy-viên ; báo *Pravda* (nghĩa là sự thực), là báo cơ-quan của Trung-ương ủy-viên-hội của đảng cộng-sản nước Nga và của hội ủy-viên đảng cộng-sản thành *Moscou* ; báo *Rabotchaia Gazeta* ; báo *Goudok* ;

Ở *Pétrograd* có báo *Pétrogradskaja Pravda*, báo *Krasnaia gazeta* ;

Ở *Karkov* có báo *Kommounist*, báo *Proletari*.

Các báo của đảng thợ thì thường thường phát-đạt, còn các báo của bọn nông thì có ý kém.

Ngoài các báo phổ-thông đó còn mấy thứ báo chuyên-môn, như báo « Kinh-tế », xuất-bản hằng ngày, là báo cơ-quan của Hội-đồng quốc-phòng và

lao-động, báo « Công-thương », là báo cơ-quan của Cao-đẳng kinh-tế hội-nghị.

— Trở lên là nói chung về cả cuộc Liên-bang các Xô-viết Nga. Trong cuộc Liên-bang ấy thì bộ-phận to nhất là Dân-quốc Đại-Nga, tức là nước Nga đích-danh, tức là dân-quốc xã-hội liên-bang Xô-viết Nga, do một hội-nghị các Xô-viết Đại-Nga (*Congrès des Soviets Panrusses*) ở *Moscou* cầm quyền thống-trị. Hội-đồng quản-trị, tức là chính-phủ của dân-quốc, là « Đại-Nga trung-ương hành-chính ủy-viên hội », tiếng Nga gọi tắt là *Wzik*, có 15 hội viên chính và 14 người dự-khuyết. Hội ủy-viên ấy lại cử một hội-đồng trị-sự, để coi các việc trong nước, tức là các bộ-trưởng : Kinh-tế, Nông-chính, Tài-chính, Lao-động, Nội-vụ, Tư-pháp, Học-chính, Vệ-sinh, v.v..

## Việc trong nước

**Tình-hình chính-trị.** — Kỳ trước đã nói qua về việc nghị-viên OUTREY chất-vấn Chính-phủ về việc Đông-Pháp. Mới đây các báo tây sang mới biết rõ đầu đuôi việc ấy. Nghị-viên Pháp thường ít khi bàn xét đến việc thuộc-địa, có xét đến thì cũng qua-loa một vài giờ mà thôi. Lần này (ngày 18 tháng 3) họp một buổi chiều không xong, lại họp một buổi đêm nữa, cả thầy đến mười người diễn-thuyết, thuộc về gần khắp các đảng trong Nghị-viện, cuộc thảo-luận tuy chưa phải là kịch-liệt, nhưng cũng là hăng-hái lắm. Song xét cho kỹ, gáy ra cuộc thảo-luận ấy chỉ vì một nỗi tư-hiền của một đảng thù ông Toàn-quyền VARENNE mà thôi. Đầu đảng thù ấy là nghị-viên Nam-kỳ OUTREY cùng với bạn là COMILLE AYMARD chủ báo *La Liberté*, đã mấy tháng nay cứ công-kích ông VARENNE hoài. Nay nhân có hai việc kể cũng không quan-hệ gì cho lắm, OUTREY bèn mượn đó làm cơ-đề chất-vấn chính-phủ ở Nghị-viện. Hai việc đó, kỳ trước

đã nói, là việc công-sứ SABATTIER được thưởng Bắc-đầu bội-tinh và việc một người tên là MAILHOT được lĩnh-trung một sở đồn-diền 8000 mẫu tây ở xứ mọi *Darlac*. Cứ theo như lời tố-cáo của đảng phản-đối ông VARENNE thời hai việc này có liên-can với nhau. Nguyên Công-sứ SABATTIER cai-trị xứ Mọi đã hơn mười năm nay, giữ cái chính-sách « đóng cửa » không cho người ngoài vào ở lẫn với người Mọi. Ai muốn xin vào khai-khẩn, đặt thành đồn-diền, đều cấm-tiết hết. Có bọn Tây bị khước đó đem lòng thù, xui người dân kiện là cai-trị tàn-ác. Kịp đến khi ông VARENNE sang làm Toàn-quyền được ít lâu thì có người đồng-quận với ông tên là MAILHOT do một bọn tư-bản sai sang đây để kiếm ruộng đất. Ông VARENNE muốn cho người này một sở đồn-diền ở xứ Mọi, bèn truyền cho Khâm-sứ Trung-kỳ bắt dân Mọi *Darlac* ký bán đợ cho y một sở 8000 mẫu đất, lại cam-đoan cấp phu để khai-khẩn. Khi ấy SABATTIER vì việc kiện đã

phải về Pháp. Đáng lẽ thì phải đem ra tòa án xử, vì có đơn kiện phân-minh, đơn này chính tay chủ-đạo COLONNA ở Sài-gòn nhận được. Nhưng ông VARENNE sợ SABATTIER ở Tây nói tiết-lộ việc ruộng đất kia ra, bèn trầm các đơn kiện đi, không cho đem ra tòa xét, cho SABATTIER về hưu, lại cho Bắc-đầu bội-tình để cho im đi không nói được nữa. Còn MAILHOT được 8000 mẫu đất rồi liền về Pháp bán lại cho một bọn tư-bản lấy hơn một trăm triệu, bọn này lập ra một công-ti khai-khẩn, rồi vận-dộng ở chợ giá-phiếu Paris để gọi cổ-phần trong nước, thiên-hạ biết tiếng Đông-Pháp là xứ giàu đua nhau đem tiền vào nhiều lắm, không mấy lâu giá cổ-phần một trăm quan lên đến trăm rưỡi. Cách doanh nghiệp như thế là cách huyền-diệu, chứ không có chắc-chắn gì, chỉ sợ người có của để vào đấy bị lừa mà thôi. — Ấy bọn phản-đối ông VARENNE tố-cáo ông như thế. Bữa nghị-việc OUTREY chất-vấn ở Nghị-viện, ông thượng-thư thuộc-địa PERRIER và chính ông VARENNE ra trả lời. Cứ lời biện-bạch của hai ông thì trong việc này không có gì là trái phép cả. Công-sứ SABATTIER cai-trị xứ Darlac đã lâu năm, có công khai-hóa cho người dân, các quan Toàn-quyền trước đã tư cho Bội-tình mấy lần rồi, chứ không phải mới có lần này mà được. Còn việc dân kiện là kẻ thù thù dật ra, chứ kỳ-thực không có gì. Đến việc cho đồn-diền thì là một việc ở trong phạm - sự, trong chức-quyền quan Toàn-quyền, xưa nay vẫn cho ruộng đất nghìn vạn mẫu là thường, không phải mới lần này là một. Duy lần này cho đất ở xứ Mọi theo lối ký hợp-dồng với người bản-dân hạn 99 năm, là theo như nghị-định của Khâm sứ Trung-kỳ về cách khai-khẩn đất Mọi, việc này là việc riêng xứ Trung-kỳ làm theo lệ thường đã định, chứ không phải tự phủ Toàn-quyền phá cách mà làm sai phép. Đến như dân

tự nhận cấp phu cho chủ đồn-diền, cũng là theo lệ riêng của bản-xứ, người Mọi không ưng cho phu An-Nam lên làm, nên cam - doan cấp lấy phu. Còn MAILHOT là người đồng-quận với ông VARENNE (cùng ở hạt Auvergne), đó là sự ngẫu-nhiên, chứ không có liên-can gì đến việc này. Ấy việc chỉ có thể mà thôi, gây thành chuyện to là chỉ vì bọn thù riêng ông VARENNE muốn nhân đó để ngăn-trở cho ông không sang bên này được nữa. — Sau cuộc thảo-luận ở Nghị-viện, Thủ-tướng POINCARÉ có hứa với Nghị-viện sẽ phái một hội-dồng để sang Đông-Pháp điều-tra về việc ruộng đất ở Darlac. Lại cùng với Bộ Thuộc-địa định hăng tạm đình mọi việc cho cấp ruộng đất khai-khẩn ở Đông-Pháp, cho đến ngày đặt thành thể-lệ nhất-định sẽ hay. — Nói tóm lại thì việc này chỉ là một cuộc vận-dộng của một bọn phản-đối ông VARENNE, mà nguyên-do sự phản-đối ấy có lẽ cũng là chỉ ở chuyện lợi riêng mà thôi. Nay đối với người An Nam ta, việc có quan-hệ gì không? Trực-tiếp quan-hệ thì không có, vì chuyện Bắc-đầu bội-tình thì xưa nay bao nhiêu người được bội-tình mà có người tưởng cũng chẳng xứng-đáng gì hơn công-sứ SABATTIER; còn chuyện đồn-diền thì xưa nay chính-phủ cho ruộng đất biết bao nhiêu mà kể, ngoài vạn mẫu cũng có, chứ chẳng phải 8 nghìn mẫu mà thôi, mà cách cho cũng không phải là bao giờ cũng đúng lệ cả. Vậy việc đó là việc thường ở xứ này, chẳng có lạ gì cho chúng ta. Duy có gián-tiếp quan-hệ cho ta, là nhân dịp này Nghị-viện Pháp mới chú-ý đến xứ Đông-Pháp này, biết sự-nghiệp của phái thực-dân ở đây chỉ có những chuyện lợi-quyền xung-dột nhau như thế mà thôi, và họa may bất-nhĩn nghe những chuyện đó có quyết-nghị-định lại cải-phương-châm chính-trị ở bên này chẳng. Những việc thảo-luận ở Nghị-viện Pháp như kỳ 18 tháng 3 mới rồi chỉ có quan-hệ với ta về một

phương-diện đó mà thôi.

Hội-dồng của chính-phủ Pháp cử sang đây để điều-tra về việc ruộng đất *Darlac* đã xuống tàu đầu tháng 4 tây. Ngày 22 tháng 4 thì ông VARENNE cũng xuống tàu sang đây. Lại có tin chừng hạ-tuần tháng 5, ông phó Toàn-quyền MONGUILLOT cũng xuống tàu.

Ở Bắc-kỳ thì ông Thống-sứ ROBIN đã về Pháp nghỉ. Ngày 14 tháng 4, ông GRAFFEUIL đã lĩnh chức quyền Thống-sứ, chính-sự nghe như cũng theo một chương-trình như ông ROBIN. — Trong tháng vừa rồi, không có việc gì lạ, chỉ có việc ông nghị-trưởng, Trung-kỳ Hoàng Thúc-Kháng ra chơi Bắc, phái thanh-niên đón tiếp tập-nạp.

Ở Trung-kỳ thì trong khoảng tháng 4, xảy ra một cái phong-trào học trò bãi-khóa to lắm. Các trường công ở Huế, vừa trường con trai vừa trường con gái, đều phải đóng cửa cả. — Hai người thanh-niên tên là Bửu Đình và Hồ Đắc-Hiến, vì vận - đông phản-đối Triều-dinh và Bảo-hộ, vừa phải Nam-triều xử án di đầy chín năm ở Lao-bảo.

Ở Nam-kỳ thời nhân vì sợ mật-thám chú-ý đến các môn đạo Cao-dài mới, nên đạo này gần đây không có bành-trướng dữ như mấy tháng trước; xem ra có ý nhụt. — Báo *Tân-thế-kỷ* của ông Cao Văn-Chánh, vì nghị-luận kịch-liệt, có ý xúc-phạm đến chính-phủ, mới có lệnh phải đình-bản.

Ngoài việc bản-xứ, có việc Vân-nam bên Tàu cũng ảnh-hưởng đến bên này. Nhân đảng phản-đối Đường Kế-Nghiêu gần đây hoạt-động, đường xe-lửa Vân-nam bị nghẽn mất mấy ngày không chạy được, hai người Pháp và một người cai An-Nam làm cho công-ti xe-lửa bị thổ-phỉ Tàu bắt cóc ở miền Mông-tự, hiện nay vẫn chưa được tha.

#### Gởi-thiệu sách mới

Tháng mới rồi, nhân chính-phủ có cấm bắt mấy cuốn sách xúc-phạm đến

chính-trị, các nhà làm sách và nhà xuất-bản ta xem ra có ý chùng tay, nên bản-quán không tiếp được quyền sách mới nào cả.

Duy có hai tờ báo mới xuất-bản là tờ *Dân-báo* và *Ngọ-báo*; *Dân-báo* chủ-nhiệm là ông Ngô VĂN-MẬU, *Ngọ-báo* chủ-nhiệm là ông Bùi XUÂN-HỌC. Bản-quán có lời mừng bạn đồng-nghệp và xin giới-thiệu cùng độc-giả.

#### Nam-Phong Tùng-thư

Bộ *Nam-Phong Tùng-thư* của bản-quán chủ-nhân xuất-bản, kỳ trước đã giới-thiệu, nay mới in xong quyền thứ nhất, đề là: *Văn-minh-luận*.

Sách có ba thiên, lược thuật như sau này:

10 *Giải nghĩa văn-minh*. — Loài người tiến-hóa do trình-độ thấp lên trình-độ cao, thế gọi là « văn-minh ». Gốc sự liến-hóa là ở trí-thức khai-thông. Người ta càng thông-hiểu các lẽ, các tích - lũy được nhiều tri-thức và càng ban-bố ra được rộng, thì xã-hội các được văn-minh.

20 *Tinh-cách văn-minh đời nay*. — Văn-minh đời nay có bốn cái tinh-cách đặc-biệt: 1) có tiến-bộ về đường khoa-học; 2) có tiến-bộ về nghĩa dân-chủ; 3) có tiến-bộ về đường kinh-tế; 4) có tiến-bộ về nghĩa quốc-tế.

30 *Văn-minh học-thuật nước Pháp*. — Đặc-tính của văn-minh học-thuật nước Pháp là cái lý-tưởng « Nhân-đạo », lấy người ta và cách người ta ăn ở trong xã-hội làm trọng. Xét về văn-chương, xét về triết-học, xét về tôn-giáo, xét về lịch-sử chính-trị, đều thấy có cái đặc-tính ấy cả.

Cuối sách phụ thêm 20 trang *Tự-vụng* thích-nghĩa các chữ mới, có đủ cả quốc-ngữ, chữ Hán và chữ Pháp; lại có *Dẫn-mục* chữ tây ra quốc-ngữ cho dễ tra tìm,

Sách dày 120 trang. Giá bán 4 hào, Bán ở Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội.